UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

Hapro

Mang hồn đất Việt

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

Hà Nội, tháng 10 năm 2017

MỤC LỤC

PHẦN I: THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA 8
I. Thông tin về doanh nghiệp trước cổ phần hóa 8
1. Giới thiệu về doanh nghiệp 8
2. Cơ sở pháp lý của việc thành lập 8
3. Quá trình hình thành và phát triển 8
4. Ngành nghề kinh doanh 9
5. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty trước cổ phần hóa 13
6. Giá trị đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác 22
7. Thực trạng về lao động 23
8. Vốn kinh doanh tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 24
9. Tình hình đất đai Tổng công ty đang quản lý và sử dụng 26
10. Tình hình tài sản cố định 37
11. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2012 - 2016 64
12. Những vấn đề cần xử lý sau cổ phần hóa 66
II. GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP VÀ GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP 66
PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA 70
I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ HÌNH THỨC CỔ PHẦN HÓA 70
1. Mục tiêu cổ phần hóa 70
2. Yêu cầu cổ phần hóa 70
3. Hình thức cổ phần hóa 70
II. DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA 70
1. Thông tin công ty cổ phần 70
2. Hình thức pháp lý 71
3. Quyền hạn và nghĩa vụ của công ty cổ phần 71
4. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa 71
5. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty sau cổ phần: 76
6. Vốn điều lệ 86
7. Cổ phần 86
8. Đối tượng mua cổ phần 86

9. Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông 87
10. Cổ phần ưu đãi bán cho cán bộ công nhân viên 88
11. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược 89
12. Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư thông thường 92
13. Kế hoạch đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán 93
14. Phương án xử lý số lượng cổ phần không bán hết 93
15. Trường hợp cuộc đấu giá cổ phần không thành công 94
III. PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG 94
1. Kế hoạch sắp xếp lao động 94
2. Kế hoạch xử lý lao động dôi dư 95
IV. CÁC RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY 95
1. Rủi ro về kinh tế 95
2. Rủi ro về pháp luật 99
3. Rủi ro đặc thù 100
V. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA 101
1. Chi phí cổ phần hóa 101
2. Số tiền thu được từ bán phần vốn Nhà nước 102
VI. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA 103
1. Phân tích môi trường ngành và dự báo tình hình tác động đến nền kinh tế Việt Nam và ngành thương mại trong những năm tới: 103
2. Phân tích SWOT 107
3. Chiến lược phát triển của Tổng công ty sau cổ phần hóa đến năm 2020: 109
4. Các nhóm giải pháp cơ bản nhằm thực hiệt tốt phương hướng, mục tiêu tổng quát và nhiệm vụ chủ yếu của Tổng công ty đến năm 2020: 113
5. Tổ chức thực hiện 118
PHẦN III: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT CỦA TỔNG CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA 118
PHẦN IV: DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN SXKD SAU CPH 152
PHẦN V: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN 152
PHẦN VII: TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT 152
PHẦN VIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 153
1. Kết luận: 153
2. Kiến nghị: 153

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Giá trị đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp…… 22
Bảng 2: Tình hình lao động của Tổng công ty Thương mại Hà Nội…….. 24
Bảng 3: Vốn kinh doanh phân theo cơ cấu vốn……... 24
Bảng 4: Vốn kinh doanh phân theo nguồn vốn…….. 25
Bảng 5: Bảng kiểm kê nhà, đất và tình hình sử dụng nhà, đất…… 26
Bảng 6: Chi tiết nhà cửa vật kiến trúc Công ty Mẹ - Tổng công ty…… 37
Bảng 7: Chi tiết phương tiện vận tải của Công ty Mẹ - Tổng công ty……..…..... 49
Bảng 8: Chi tiết máy móc thiết bị của Công ty Mẹ - Tổng công ty…….. 51
Bảng 9: Chi tiết thiết bị quản lý của Công ty Mẹ - Tổng công ty..... 56
Bảng 10: Chi tiết tài sản hữu hình khác của Công ty Mẹ - Tổng công ty..... 58
Bảng 11: Chi tiết tài sản cố định vô hình của Công ty Mẹ - Tổng công ty …….. 59
Bảng 12: Bảng kê tài sản không tính vào GTDN của Công ty mẹ-Tổng công ty….. 63
Bảng 13: Kết quả hoạt động hoạt động SXKD của Công ty Mẹ - Tổng công ty giai đoạn 2012 – 2016…… 64
Bảng 14: Tổng hợp kết quả xác định giá trị doanh nghiệp…… 67
Bảng 15: Quy mô vốn điều lệ giai đoạn 2017 – 2019…… 86
Bảng 16: Cơ cấu vốn điều lệ…….. 87
Bảng 17: Kế hoạch sắp xếp lao động của Tổng công ty…… 95
Bảng 18: Tổng dự toán chi phí cổ phần hóa…… 101
Bảng 19: Dự kiến số tiền thu được từ bán phần vốn Nhà nước…….. 102
Bảng 20: Dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ - Tổng công ty 03 năm sau Cổ phần hóa …….. 110
Bảng 21: Bảng kê địa điểm nhà, đất và kế hoạch sử dụng sau cổ phần hóa…….. 120

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức của Tổng công ty trước cổ phần hóa..... 13
Sơ đồ 2: Sơ đồ tổ chức của Tổng công ty sau cổ phần hóa..... 77

THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT

- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- CTCP : Công ty cổ phần
- Tổng công ty/Hapro : Tổng công ty Thương mại Hà Nội
- DTT : Doanh thu thuần
- MTV : Một thành viên
- NHNN : Ngân hàng Nhà nước
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- TSCĐ : Tài sản cố định
- UBND : Ủy ban nhân dân
- VĐL : Vốn điều lệ
- VCSH : Vốn chủ sở hữu
- XNK : Xuất nhập khẩu

CƠ SỞ PHÁP LÝ

Phương án cổ phần hóa Tổng công Thương mại Hà Nội được xây dựng căn cứ vào:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28/11/2014;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định 116/2015/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 11/11/2015 sửa đổi Nghị định 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần thay thế Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 20/12/2011 của Bộ Tài chính;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 817/QĐ-BLĐTBXH ngày 28/05/2013 về việc đính chính Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Công văn số 817/QĐ-BLĐTBXH ngày 28/05/2013 về việc đính chính thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH;
- Quyết định 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp Nhà nước và danh mục sắp xếp các doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016-2020;

- Công văn số 1679/UBND-KT ngày 11/4/2017 của UBND Thành phố Hà Nội báo cáo Chính phủ về việc xây dựng danh mục doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội thực hiện CPH theo từng năm (giai đoạn 2017-2020);
- Quyết định 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước;
- Căn cứ Công văn số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 - 2015;
- Căn cứ Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 18/3/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội;
- Thực hiện Công văn số 5318/UBND-KT ngày 13/9/2016 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hà Nội Vv Sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy Ban nhân dân thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020.
- Thực hiện Công văn số 1679/UBND-KT ngày 11/4/2017 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hà Nội Vv Xây dựng danh mục doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội thực hiện cổ phần hóa theo từng năm *(giai đoạn 2017-2020)*.
- Căn cứ Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của UBND Thành phố về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội; Quyết định số 3426/QĐ-STC-BCĐ ngày 14/6/2016 của Ban chỉ đạo CPH doanh nghiệp về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội;
- Căn cứ Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án sử dụng các cơ sở nhà, đất sau cổ phần hóa Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại hà Nội.
- Căn cứ Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại thời điểm 30/6/2016.
- Căn cứ các biên bản họp liên ngành ngày 30/11/2016 về việc thẩm định điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Thương mại Hà Nội sau cổ phần hóa; biên bản ngày 07/12/2016 về việc thẩm định phương án SXKD của Tổng công ty Thương mại Hà Nội sau cổ phần hóa; biên bản ngày 14/11/2016 về việc thẩm định phương án lao động Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội sau cổ phần hóa; biên bản
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị người lao động bất thường Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội ngày 13/5/2017 và ngày 15/06/2017 về việc thông qua phương án cổ phần hóa Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội.

Tổng công ty Thương mại Hà Nội xây dựng phương án cổ phần hóa Tổng công ty, cụ thể như sau:

PHẦN I: THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Giới thiệu về doanh nghiệp

- Tên gọi đầy đủ Tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI.**
- Tên giao dịch quốc tế: HANOI TRADE CORPORATION
- Tên viết tắt : Hapro
- Địa chỉ trụ sở chính Công ty: **Số 38-40 phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**
- Địa chỉ giao dịch: **11B phố Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội**
- Điện thoại : **(04) 38267984** Fax: **(04) 39288407**
- Email : **hapro@haprogroup.vn**
- Website : **www.haprogroup.vn**
- Logo:

Hapro
Mang hồn đất Việt

2. Cơ sở pháp lý của việc thành lập

Tổng công ty Thương mại Hà Nội là một doanh nghiệp Nhà nước hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con căn cứ Quyết định số 3466/QĐ-UBND ngày 13/7/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

3. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Thương mại Hà Nội là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 129/2004/QĐ-TTg ngày 14/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án thành lập Tổng công ty và Quyết định số 125/2004/QĐ-UB ngày 11/8/2004 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Tổng công ty Thương mại Hà Nội hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con trên cơ sở sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước của Thành phố hoạt động trong lĩnh vực thương mại, trong đó Công ty Sản xuất dịch vụ và Xuất nhập khẩu Nam Hà Nội trực thuộc Sở Thương mại Hà Nội *(nay là Sở Công thương Hà Nội)* được giao nhiệm vụ đảm nhận chức năng là Công ty Mẹ - Tổng công ty. Tổng công ty chính thức đi vào hoạt động từ tháng 11/2004.

Thực hiện Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/3/2010 của Chính phủ về việc chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, tháng 3/2010, Tổng công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một

thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 3466/QĐ-UBND ngày 13/7/2010 của UBND thành phố Hà Nội.

4. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/2/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 09 tháng 10 năm 2014, ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty Thương mại Hà Nội bao gồm:

Stt	Tên ngành nghề kinh doanh
1	Bán buôn thực phẩm;
2	Bán buôn đồ uống;
3	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
	Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dựng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);
4	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lào
5	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
6	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)
7	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
8	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
9	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
10	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
11	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
12	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
13	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;

14	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
15	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy và bìa
16	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
17	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
18	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
19	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh
20	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
21	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
22	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
	Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quí và đá bán quí, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ cụng mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh hàng miễn thuế - Bán lẻ hoa, cây cảnh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt (trừ dịch vụ kính thuốc) - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng
23	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
24	Sản xuất rượu vang;
25	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
26	Sản xuất các loại bánh từ bột;
27	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
28	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
29	Dịch vụ phục vụ đồ uống;
30	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên

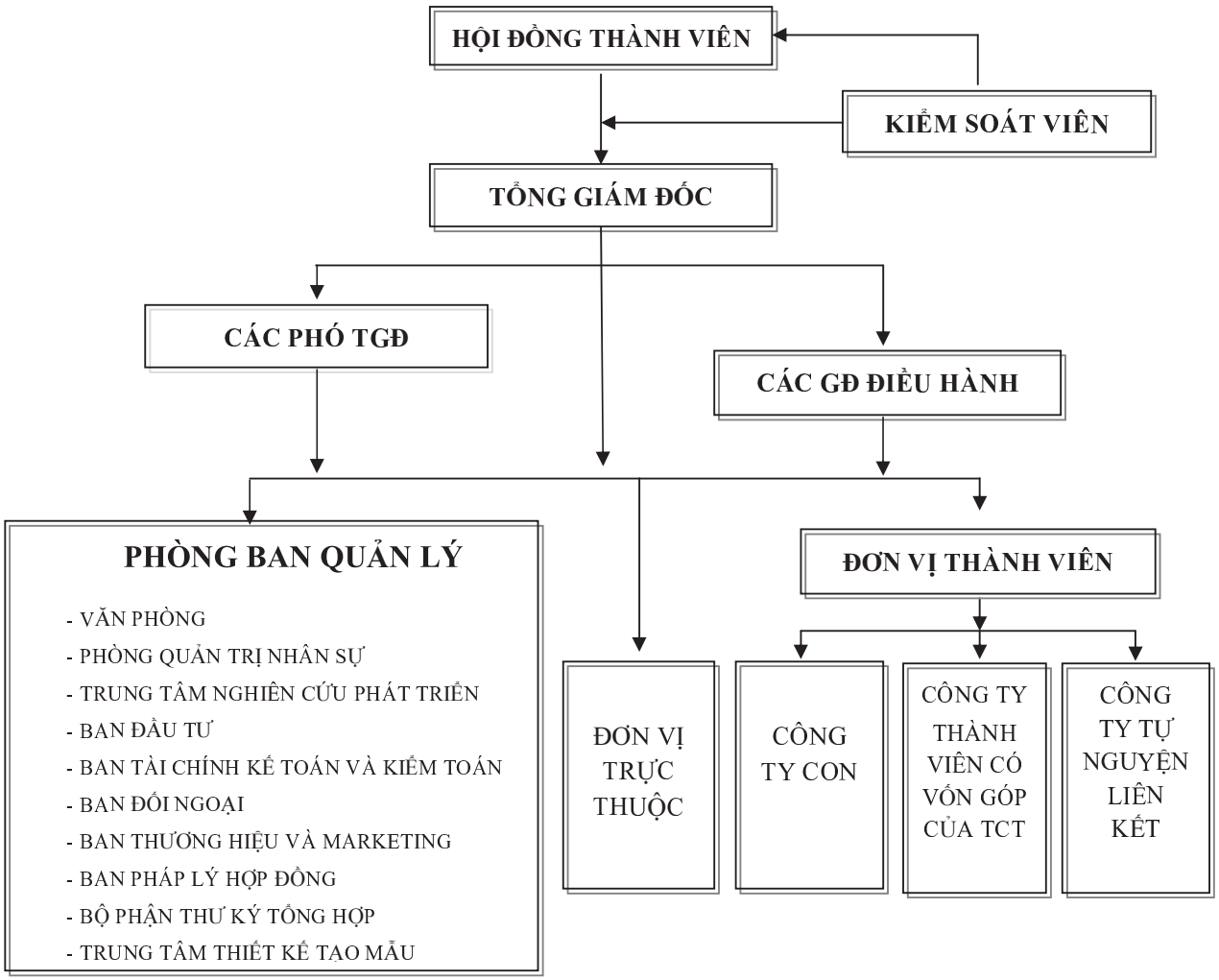
	doanh;
31	Chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
32	Chế biến và bảo quản rau quả
33	Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự;
34	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)
35	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa
36	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
37	Sản xuất bao bì bằng gỗ;
38	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản;
39	Sản xuất giày dép;
40	Sản xuất đường;
41	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
	Chi tiết: - Khách sạn; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
42	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa;
43	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
44	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Trừ dịch vụ thiết kế công trình);
45	Hoạt động công ty nắm giữ tài sản
46	Dịch vụ đóng gói;
47	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý
48	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo;
49	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
50	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
51	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)
52	Nghiên cứu thị trường và thăm do dư luận
53	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc

	đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản
54	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản
55	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa
56	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)
57	Bán buôn gạo
58	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón; - Bán buôn hóa chất khác (trừ các loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
59	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác tận thu khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
60	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến
61	Xay xát và sản xuất bột thô
62	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột
63	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh; Chi tiết: Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn
64	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội)
65	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh

	Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh
66	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng Bán lẻ hàng hóa khác đã qua sử dụng (không bao gồm di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia)
	(Đối với các nghành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)

5. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty trước cổ phần hóa

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức của Tổng công ty trước cổ phần hóa



Tổ chức bộ máy

Theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng công ty hiện nay bao gồm: Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Điều hành, các phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc.

❖ **Hội đồng thành viên**

Hội đồng thành viên của Tổng công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng thành viên và các thành viên Hội đồng thành viên do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hà Nội bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Hội đồng thành viên là cơ quan đại diện trực tiếp chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty và là đại diện chủ sở hữu đối với các công ty do Tổng công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ và phần vốn góp do Tổng công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Hội đồng thành viên nhân danh chủ sở hữu Tổng công ty tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu Tổng công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

❖ **Kiểm soát viên**

Kiểm soát viên tại Tổng công ty do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hà Nội bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Kiểm soát viên có nhiệm vụ: Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc tổ chức thực hiện các quyền của chủ sở hữu và trong việc quản lý điều hành công việc kinh doanh của Tổng công ty; Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo công tác khác trước khi trình chủ sở hữu hoặc cơ quan Nhà nước có liên quan; trình chủ sở hữu báo cáo thẩm định và một số nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

❖ **Ban Điều hành**

Ban Điều hành của Tổng công Thương mại Hà Nội bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và các Giám đốc Điều hành.

Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hà Nội bổ nhiệm, miễn nhiệm. Các Giám đốc Điều hành do Hội đồng thành viên Tổng công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm;

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Tổng công ty theo mục tiêu, kế hoạch phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên; Chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Điều hành giúp Tổng Giám đốc điều hành Tổng công ty theo phân công và uỷ quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công hoặc ủy quyền.

❖ **Các phòng chức năng**

- ***Trung tâm Nghiên cứu phát triển:***

Nghiên cứu, tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn (bao gồm chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh, phát triển hệ thống kinh doanh nội địa và phát triển doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty) các kế hoạch trung hạn và ngắn hạn để thực hiện chiến lược đó;

Xây dựng, triển khai, theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thống kê kế hoạch, đánh giá phân tích kết quả thực hiện được, báo cáo tổng hợp liên quan, đề xuất các giải pháp khả thi nhằm đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch;

Nghiên cứu, đề xuất áp dụng và theo dõi việc thực hiện các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO, HACCP,…) cho Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc; chịu trách nhiệm duy trì thường xuyên các hoạt động giám sát, đánh giá, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng trong Tổng công ty;

- ***Ban Tài chính kế toán và kiểm toán***:

+ Phòng Kế toán và kiểm toán nội bộ

- Xây dựng và trình lãnh đạo Tổng công ty ban hành các văn bản, Quy chế tài chính hướng dẫn, cụ thể hoá các chế độ hạch toán kế toán áp dụng tại Công ty Mẹ và toàn Tổng công ty.
- Thực hiện công tác hạch toán kế toán Khối văn phòng Công ty Mẹ - Tổng công ty đúng chính sách chế độ.
- Hướng dẫn, giám sát các đơn vị trực thuộc Công ty Mẹ - Tổng công ty, Công ty thành viên 100% vốn Nhà nước thuộc Tổng công ty trong việc thực hiện công tác quản lý tài chính và hạch toán theo chế độ.
- Thực hiện báo cáo hợp cộng của Công ty Mẹ - Tổng công ty và hợp nhất của Tổng công ty.
- Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ đối với đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Mẹ - Tổng công ty và các công ty thành viên 100% vốn Nhà nước thuộc Tổng công ty.
- Thẩm định quyết toán dự án hoàn thành.

+ Phòng Kinh doanh tài chính

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty những vấn đề liên quan đến tài chính và đầu tư tài chính; quản lý, sử dụng và phát triển vốn.
- Xây dựng chiến lược vốn và các kế hoạch huy động, đầu tư và sử dụng vốn nhằm đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu vốn cho sự phát triển của Tổng công ty.
- Quản lý, theo dõi việc sử dụng vốn trong các doanh nghiệp Tổng công ty đã đầu tư hoặc góp vốn.
- Thực hiện nhiệm vụ của công tác đổi mới và phát triển doanh nghiệp.

+ Phòng Thu hồi công nợ

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty các chính sách, giải pháp xử lý, thu hồi công nợ, các biện pháp hạn chế phát sinh công nợ, đặc biệt là nợ xấu.
- Trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thu hồi công nợ

- ***Phòng Quản trị nhân sự:***

Xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng công ty gồm các Phòng, Ban, bộ phận, đơn vị trực thuộc Tổng công ty. Xây dựng chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho các Phòng, Ban, bộ phận đơn vị trực thuộc Tổng công ty. Xây dựng đề án thành lập, sáp nhập, giải thể các Phòng, Ban, bộ phận, đơn vị trực thuộc Tổng công ty;

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho Công ty mẹ và các Công ty thành viên trong từng giai đoạn phát triển;

Xây dựng định biên lao động cho từng Phòng, Ban, bộ phận trực thuộc Tổng công ty. Xây dựng bản mô tả công việc cho từng vị trí nhân sự trong bộ máy các Phòng, Ban quản lý của Tổng công ty;

Xây dựng các quy trình tuyển dụng lao động, đánh giá nhân lực, kế hoạch đào tạo và đào tạo lại nhằm phát triển nguồn nhân lực một cách tốt nhất.

Xây dựng cơ chế tiền lương, các chính sách đãi ngộ, các chế độ khác làm cơ sở cho việc phát triển nguồn nhân lực của Công ty mẹ và toàn Tổng công ty;

- ***Ban Đối ngoại***

Nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển các mối quan hệ đối ngoại phục vụ yêu cầu phát triển của Tổng công ty và chiến lược quản trị các mối quan hệ đối ngoại đó;

Xây dựng, tổ chức và triển khai thực hiện các chương trình kế hoạch xúc tiến thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cho từng thời kỳ, từng khối, từng đơn vị;

Thiết lập, duy trì, phát triển và khai thác có hiệu quả các mối quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; xây dựng và đề xuất các chính sách mới đối với các mối quan hệ đối ngoại;

- ***Ban Thương hiệu - Marketing:***

Tham mưu cho Lãnh đạo Tổng công ty chiến lược phát triển thương hiệu, xây dựng kế hoạch trung và dài hạn cho công tác quảng bá hình ảnh của Tổng công ty ở thị trường trong nước và ngoài nước theo các chuẩn mực và trên cơ sở các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và những quốc gia khác mà thương hiệu của Tổng công ty đăng ký bảo hộ;

Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình truyền thông phục vụ mục tiêu phát triển thương hiệu, phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;

- ***Ban Pháp lý hợp đồng:***

Nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp luật của Việt Nam liên quan tới mọi lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty để tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong việc định hướng phát triển và quản lý điều hành các hoạt động của Tổng công ty;

Thường trực tiếp nhận và xử lý các tranh chấp, khiếu nại về hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự, các tranh chấp liên quan tới Tổng công ty tại tòa án; Phối hợp với các Phòng, Ban xây dựng các quy chế, quy định, các văn bản pháp lý của Tổng công ty trên cơ sở các văn bản pháp luật hiện hành và phù hợp với đặc điểm hoạt động của Tổng công ty;

- ***Bộ phận Thư ký tổng hợp:***

Là đầu mối tiếp nhận thông tin của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban lãnh đạo Tổng công ty;

Chuẩn bị kế hoạch, chương trình làm việc và sắp xếp lịch làm việc của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Tổng công ty;

Thực hiện nhiệm vụ thư ký của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty đối với các đồng chí lãnh đạo, các Phòng, Ban quản lý Tổng công ty, các Công ty thành viên và đơn vị trực thuộc Tổng công ty. Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty giải quyết một số công việc theo ủy quyền;

- ***Văn phòng:***

+ Phòng Đảng - Đoàn thể: Trên cơ sở tổ chức lại và đổi tên Phòng Đoàn thể

Triển khai các mặt công tác của Đảng ủy Tổng công ty (bao gồm các công tác của Văn phòng Đảng ủy, Ban Tổ chức Đảng ủy Tổng công ty và Ban Tuyên giáo Đảng ủy TCT);

Công tác Đoàn thể: Công đoàn Công ty mẹ, Đoàn thanh niên Tổng công ty.

+ Phòng Tổng hợp:

Công tác thi đua khen thưởng (triển khai định kỳ theo quy định của Nhà nước và Thành phố); công tác Bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ; Tổ chức các ngày Lễ, Tết, kỷ niệm cho CBNV của Tổng công ty; Họp mặt hưu trí hàng năm, ngày thương binh liệt sỹ, thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, chia tay cán bộ về hưu,…;

Chuẩn bị thủ tục, hồ sơ (Hộ chiếu, Visa…) cho các đoàn công tác của Tổng công ty đi công tác nước ngoài;

Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, tổng hợp.

+ Phòng Hành chính phục vụ:

Thực hiện các nhiệm vụ lễ tân, bảo vệ cơ quan, lái xe và quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật của trụ sở Tổng công ty;

Thực hiện công tác an ninh Quốc phòng, dân quan tự vệ, phòng cháy chữa cháy,… của Tổng công ty và khu vực văn phòng Tổng công ty.

- ***Ban Đầu tư:***

+ Phòng quản lý và phát triển mạng lưới:

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác phân tích tài chính, đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư; Đề xuất và triển khai phương án khai thác, kinh doanh các dự án của Công ty mẹ - Tổng công ty và một số công trình chủ chốt, các dự án khác do Tổng công ty giao;

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác quản lý, khai thác sử dụng mạng lưới, địa điểm của Tổng công ty nhằm nâng cao hiệu quả, đáp ứng định hướng, chiến lược phát triển thị trường của Tổng công ty;
- Tổ chức thực hiện công tác quản lý, khai thác và phát triển hệ thống mạng lưới địa điểm của Tổng công ty trên cơ sở tuân thủ các tiêu chí: đúng mục đích sử dụng, phù hợp quy hoạch, khai thác và sử dụng có hiệu quả nhất;
- Hoàn thiện thủ tục pháp lý và quản lý các hồ sơ pháp lý về nhà đất của Công ty mẹ - Tổng công ty, giải quyết các tồn tại về quản lý sử dụng mạng lưới: Tranh chấp, khiếu kiện, sử dụng sai mục đích,… và hỗ trợ các Công ty thành viên khi có yêu cầu;
- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác đầu tư, kinh doanh và quản lý bất động sản của Công ty mẹ - Tổng công ty được Tổng công ty giao; Nghiên cứu thị trường, đề xuất phương án khai thác và tìm kiếm cơ hội kinh doanh bất động sản;

+ Phòng Quản lý dự án:

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn thực hiện dự án của Công ty mẹ - Tổng công ty và của các Công ty thành viên Tổng công ty;
- Quản lý và triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty mẹ - Tổng công ty trong giai đoạn thực hiện dự án, đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản do các cơ quan quản lý Nhà nước ban hành;
- Tư vấn, hỗ trợ các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty, các Công ty thành viên Tổng công ty trong công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn thực hiện dự án

+ Phòng Chuẩn bị đầu tư

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác đề xuất ý tưởng hình thành các dự án; khảo sát, tìm kiếm địa điểm và triển khai công tác chuẩn bị đầu tư cho các dự án phát triển hạ tầng thương mại của Công ty mẹ - Tổng công ty và của các Công ty thành viên Tổng công ty ;
- Quản lý và triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty mẹ - Tổng công ty trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản do các cơ quan quản lý Nhà nước ban hành;
- Tư vấn, hỗ trợ các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty, các Công ty thành viên Tổng công ty trong công tác chuẩn bị đầu tư theo đúng trình tự thủ tục về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản do các cơ quan quản lý Nhà nước ban hành;

- ***Trung tâm Thiết kế tạo mẫu:***

Nghiên cứu, khảo sát thị trường và thị hiếu của khách hàng trong và ngoài nước đối với những yêu cầu về mã sản phẩm của các mặt hàng thủ công mỹ nghệ;

Trực tiếp tham gia vào các công việc cần đến nghề thiết kế của Tổng công ty theo khả năng.

Là đầu mối của Tổng công ty triển khai thực hiện các công việc liên quan đến thiết kế và sản xuất các ấn phẩm: Brochure, poster, banner, bandron, standee,… theo quy chuẩn chung và bộ nhận diện thương hiệu của Tổng công ty.

❖ **Đơn vị hạch toán trực thuộc**

❖ ***Chi nhánh Tổng công tyThương mại Hà Nội tại TP Hồ Chí Minh:***

Trực tiếp tổ chức các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và dịch vụ xuất nhập khẩu tổng hợp các mặt hàng nông, lâm, hải sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, khoáng sản, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, hàng hóa, máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ kiện đa ngành phục vụ sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu tại khu vực phí nam theo ủy quyền của Tổng công ty.

Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty;

❖ ***Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Trung tâm Xuất nhập khẩu phía Bắc:***

Trực tiếp tổ chức các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và dịch vụ xuất nhập khẩu tổng hợp các mặt hàng nông, lâm, hải sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, khoáng sản, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, hàng hóa, máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ kiện đa ngành phục vụ sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu tại khu vực phí Bắc theo ủy quyền của Tổng công ty.

Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty;

❖ ***Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Trung tâm chế biến hàng xuất khẩu:***

Khai thác cơ sở vật chất hiện có, liên kết với các tổ chức sản xuất các loại hàng hóa phục vụ cho hoạt động của Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Trung tâm xuất nhập khẩu phía Bắc;

Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, tài chính và lao động của Chi nhánh chế biến hàng xuất khẩu; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước, Tổng công ty;

❖ ***Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại tỉnh Đồng Tháp:***

Nghiên cứu và tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty về định hướng thu mua, sản xuất, chế biến và dự trữ hàng hóa để tạo nguồn hàng ổn định phục vụ công tác xuất khẩu và tiêu thụ nội địa của Tổng công ty;

Tổ chức khai thác, thu mua, sản xuất, chế biến và cung ứng hàng hóa đặc trưng của vùng, miền, địa phương phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa;

Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, tài chính và lao động của Kho hàng; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước, Tổng công ty;

❖ ***Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại tỉnh Hưng Yên:***

Nghiên cứu và tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong việc hoạch định chiến lược, chính sách liên quan tới phát triển kinh doanh kho hàng và dịch vụ giao nhận vận tải (Logistic);

Tổ chức kinh doanh dịch vụ kho hàng;

Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty;

❖ ***Trung tâm kinh doanh chợ Thượng Đình:***

Xây dựng phương án sử dụng điểm kinh doanh và bố trí sắp xếp các ngành nghề kinh doanh tại chợ; Các quy định việc sử dụng, thuê, thời hạn và các biện pháp quản lý điểm kinh doanh tại chợ; các phương án phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự trong phạm vi quản lý; kế hoạch duy trì, bảo dưỡng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật chợ;

Tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của chợ, tổ chức thực hiện nội quy chợ và xử lý các vi phạm nội quy chợ;

Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, tài chính và lao động của chợ; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và Tổng công ty;

❖ ***Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối Bắc Thăng Long:***

Nghiên cứu và tham mưu cho Lãnh đạo Tổng công ty phương thức kinh doanh có hiệu quả chợ đầu mối, các giải pháp tổ chức kinh doanh và quản lý chợ;

Xây dựng phương án sử dụng điểm kinh doanh và bố trí sắp xếp các ngành nghề kinh doanh tại Chợ; các quy định đối với người thuê địa điểm kinh doanh tại chợ; các biện pháp quản lý điểm kinh doanh; các phương án phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự trong phạm vi quản lý, kế hoạch duy trì bảo dưỡng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật Chợ;

Tổ chức quản lý, điều hành mọi hoạt động của Chợ, tổ chức thực hiện nội quy Chợ và xử lý các vị phạm nội quy chợ;

Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty;

❖ ***Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối phía Nam:***

Nghiên cứu và tham mưu cho Lãnh đạo Tổng công ty phương thức kinh doanh có hiệu quả chợ đầu mối, các giải pháp tổ chức kinh doanh và quản lý chợ;

Xây dựng phương án sử dụng điểm kinh doanh và bố trí sắp xếp các ngành nghề kinh doanh tại Chợ; các quy định đối với người thuê địa điểm kinh doanh tại chợ; các biện pháp quản lý điểm kinh doanh; các phương án phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an

toàn thực phẩm, an ninh trật tự trong phạm vi quản lý, kế hoạch duy trì bảo dưỡng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật Chợ;

Tổ chức quản lý, điều hành mọi hoạt động của Chợ, tổ chức thực hiện nội quy Chợ và xử lý các vị phạm nội quy chợ;

Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty;

❖ ***Công ty Siêu thị Hà Nội:***

Công ty Siêu thị Hà Nội là đơn vị sản xuất kinh doanh hạch toán phụ thuộc, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng;

Công ty được tổ chức các hoạt động kinh doanh Thương mại và dịch vụ Siêu thị, xây dựng hệ thống mạng lưới Siêu thị theo quy hoạch và chiến lược phát triển của Tổng công ty Thương mại Hà Nội nhằm thực hiện tốt chỉ tiêu kế hoạch được giao, đảm bảo hiệu quả;

Căn cứ định hướng và chiến lược phát triển của Tổng công ty Thương mại Hà Nội, Công ty xây dựng phương án về công tác tổ chức cán bộ, tài chính kế toán, phương án sản xuất kinh doanh trình Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội phê duyệt;

Công ty Siêu thị Hà Nội chịu sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội. Thực hiện đầy đủ các quy định của Pháp luật và cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan.

❖ ***Trung tâm Kinh doanh hàng Miễn Thuế:***

Chuyên kinh doanh nhập khẩu và mua hàng sản xuất trong nước để bán miễn thuế phục vụ các đối tượng được hưởng các ưu đãi về thuế: Khách xuất cảnh, khách nhập cảnh, chuyên gia ODA, chuyên gia Việt kiều làm việc tại Việt Nam theo lời mời của Nhà nước Việt Nam được quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế theo văn bản của Bộ Thương mại;

Chuyên kinh doanh hàng nhập khẩu và mua hàng sản xuất trong nước để bán miễn thuế phục vụ các đối tượng ngoại giao được quy định tại Nghị định 73/CP ngày 30/7/1994 của Chính phủ và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế;

Kinh doanh hàng mậu dịch phục vụ mọi đối tượng theo văn bản của Tổng cục Hải quan.

Xây dựng kế hoạch kinh doanh và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Tổng công ty giao. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước về hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

- ***Ban Quản lý Khu công nghiệp thực phẩm Hapro:***

Quản lý quy hoạch, quản lý đầu tư tại Cụm công nghiệp theo các tài liệu được Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội phê duyệt cho các doanh nghiệp;

Giải quyết các vấn đề phát sinh trong việc thực hiện các hợp đồng thuê đất có hạ tầng đối với các doanh nghiệp đầu tư, hoạt động tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro;

Quản lý hồ sơ tài liệu có liên quan đến Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro;

❖ **Các Công ty thành viên và Công ty có vốn góp của Công ty mẹ - Tổng công ty:**

Tại thời điểm cổ phần hóa, Tổng công ty có 10 công ty con (có vốn góp của Công ty

mẹ-Tổng công ty trên 50% vốn Điều lệ), 16 Công ty thành viên liên kết (có vốn góp của Công ty mẹ - Tổng công ty dưới 50% vốn điều lệ) và có đầu tư góp vốn tại 15 công ty khác.

6. Giá trị đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác

Bảng 1 - Giá trị đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn điều lệ	Giá trị đầu tư
I	**Đầu tư góp vốn tại công ty con**			
1	Công ty CP Thủy tạ	51.25	30,000,000,000	15,373,500,000
2	Công ty CP Đầu tư TM&DV Chợ Bưởi	62.00	32,000,000,000	19,840,000,000
3	Công ty CP Gốm Chu Đậu	51.00	20,000,000,000	10,200,000,000
4	Công ty CP Thực phẩm Hà Nội	51.57	145,000,000,000	74,772,000,000
5	Công ty CP TMDV Tràng Thi	53.33	135,000,000,000	72,002,000,000
6	Công ty cổ phần Rượu Hapro	54.58	32,978,600,000	18,000,000,000
7	Công ty CP XNK TCMN và DL Thương nhân Hapro	52.50	10,000,000,000	5,250,000,000
8	Công ty CP Phát triển siêu thị Hà Nội	83.42	61,591,000,000	51,381,000,000
9	Công ty CPĐTTM Hapro Đà Nẵng	78.6	20,000,000,000	15,715,000,000
10	Công ty CP Sự kiện và Ẩm thực Hapro	51.00	10,000,000,000	5,100,000,000
II	**Đầu tư vào Công ty thành viên**			
1	Công ty CP Vang Thăng Long	40.00	27,000,000,000	10,799,550,000
2	Công ty CP PTTM Hà Nội	31.19	24,800,000,000	7,736,000,000
3	Công ty CPPTTM và DL Hà Nội	40.00	6,000,000,000	2,400,000,000
4	Công ty CP SXKD Gia súc Gia Cầm	42.33	47,250,000,000	20,000,005,440
5	Công ty CP ĐTPT Hạ tầng TM Hà Nội	33.42	40,000,000,000	12,225,242,550
6	Công ty cổ phần Phân phối Hapro	25.50	10,000,000,000	2,550,000,000
7	Công ty cổ phần Thông tin Hapro	26.77	10,000,000,000	2,677,396,334
8	Công ty CP TM - Đầu tư Long Biên	30.94	10,900,000,000	3,373,000,000
9	Công ty CP SX chế biến XNK Điều Hapro Bình Phước	20.00	50,000,000,000	10,000,000,000
10	Công ty CP TMDV Thời Trang Hà Nội	49.028	100,000,000,000	49,028,000,000

11	Công ty CP DV-XNK Nông sản Hà Nội	42.375	40,000,000,000	16,950,000,000
12	Công ty CP LH XNK và Đầu tư Hà Nội	20.15	200,000,000,000	40,297,000,000
13	Công ty CP KDXNK An Phú Hưng	40.00	10,000,000,000	4,000,000,000
14	Công ty cổ phần Nội thất Sinh thái Hapro	20.00	2,000,000,000	400,000,000
15	Công ty cổ phần Ong Mật Hà Nội	20.00	5,000,000,000	1,000,000,000
16	Công ty CP siêu thị VHSC (Việt Nam)	35.00	18,365,228,300	7,085,949,500
III	**Đầu tư góp vốn tại 02 Công ty TNHH và 01 Liên doanh**			
1	Công ty TNHH cao ốc Á Châu	40.00	12,636,225,000	4,729,950,000
2	Công ty TNHH ĐTTM Tràng Tiền	10.00	15,000,000,000	1,500,000,000
3	Liên doanh TTTM Chợ Ngã Tư Sở			5,550,000,000
IV	**Đầu tư mua cổ phần góp vốn tại các Công ty khác**			
1	Công ty CPTM Miền núi Phú Thọ		5,664,620,000	3,974,926,000
2	Công ty CP Đầu tư và Thương mại VNN		57,266,980,000	5,250,000,000
3	Công ty cổ phần sữa Hà Nội (Hanoi milk)		200,000,000,000	2,570,000,000
4	Công ty cổ phần tập đoàn Vinacontrol		104,999,550,000	2,000,000,000
5	Công ty CP ĐT Bất động sản Toàn Cầu		300,000,000,000	12,533,920,000
6	Công ty cổ phần Thương mại Lãng Yên		40,000,000,000	5,025,000,000
7	Công ty CP XNK DV và Đầu tư VN (Vicosimex)		15,000,000,000	50,000,000
8	Công ty CP Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương	4.00	50,000,000,000	2,000,000,000
9	Công ty CP SXTMDV Tân Mỹ	6.00	20,000,000,000	1,200,000,000
10	Công ty cổ phần Khách sạn Tràng Thi	30	10,000,000,000	3,000,000,000
11	Công ty CP ĐT và PT hệ thống phân phối VN	0.17	600,000,000,000	1,000,000,000
12	Công ty CP ĐTXDTM COINTRA	10.00	10,000,000,000	1,000,000,000
	Tổng cộng			**529,539,439,824**

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ- Tổng công ty tại thời điểm 30/6/2016

7. Thực trạng về lao động

Tại thời điểm UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty Mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội vào ngày 28/4/2017, tổng số lao động của Tổng công ty Thương mại Hà Nội là 630 người, trong đó:

Bảng 2: Tình hình lao động của Tổng công ty Thương mại Hà Nội

STT	Chỉ tiêu	Số lao động	Tỷ lệ (%)
	Tổng số lao động	630	
I	**Phân loại theo giới tính:**		
1	*Nam*	267	42,4%
2	*Nữ*	363	57,6%
II	**Phân loại theo HĐLĐ**		
1	Lao động do Nhà nước bổ nhiệm	5	0,8%
2	Lao động không xác định thời hạn	559	80,7%
3	Lao động xác định thời hạn	63	10%
4	Lao động theo mùa vụ	3	0,5%
III	**Phân loại theo trình độ**		
1	Trên Đại học	22	3,5%
2	Trình độ Đại học	316	50,1%
3	Trình độ Cao đẳng, trung cấp	105	16,7%
4	Trình độ nghề, phổ thông	187	29,7%

Nguồn: Công ty mẹ- Tổng công ty Thương mại Hà Nội

8. Vốn kinh doanh tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Vốn kinh doanh theo báo cáo tài chính của Tổng công ty tại thời điểm 30/6/2016 như sau:

8.1. Phân theo cơ cấu vốn

Bảng 3: Vốn kinh doanh phân theo cơ cấu vốn

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Giá trị sổ sách kế toán tại thời điểm 30/6/2016
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	**2,076,324,756,700**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	289,754,095,869
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	396,800,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1,287,144,413,618

IV. Hàng tồn kho	61,108,549,616
V. Tài sản ngắn hạn khác	41,517,697,597
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**1,512,954,033,523**
I. Các khoản phải thu dài hạn	20,761,437,949
II. Tài sản cố định	373,520,751,338
III. Bất động sản đầu tư	62,612,034,182
IV. Tài sản dở dang dài hạn	479,857,219,837
V. Đầu tư tài chính dài hạn	529,539,439,824
VI. Tài sản dài hạn khác	46,663,150,393
Tổng cộng	**3,589,278,790,223**

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội thời điểm 30/6/2016

8.2. Phân theo nguồn vốn

Bảng 4: Vốn kinh doanh phân theo nguồn vốn

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Giá trị sổ sách kế toán tại thời điểm 30/6/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	**1,808,101,873,338**
I. Nợ ngắn hạn	1,512,481,031,422
II. Nợ dài hạn	295,620,841,916
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**1,781,176,916,885**
I. Vốn chủ sở hữu	**1,781,176,916,885**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	1,729,409,371,175
2. Quỹ đầu tư phát triển	28,170,153,593
3. Nguồn vốn đầu tư XDCB	23,597,392,117
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**3,589,278,790,223**

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội thời điểm 30/6/2016

9. Tình hình đất đai Tổng công ty đang quản lý và sử dụng

Bảng 5: Bảng kiểm kê nhà, đất và tình hình sử dụng nhà, đất

STT		Địa chỉ cơ sở nhà đất	DT đất (m2)	DT xây dựng (m2)	Phân loại tài sản	Hiện trạng sử dụng
I		Các địa điểm tại thành phố Hà Nội, TCT được giao quản lý sử dụng:				
1	1	15+17 Đội Cấn	108.00	108.00	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh thời trang
2	2	G3 Vĩnh Phúc	310.00	310.00	Nhà thuê	Kinh doanh Hapromart và dịch vụ
3	3	162 Quán Thánh	39.10	39.10	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh thời trang
4	4	686 Đê La Thành	195.36	148,95	Nhà thuê	Kinh doanh đồ gỗ nội thất
5	5	B3A Nam Trung Yên	125.00	125.00	Nhà thuê	Kinh doanh Hapromart và dịch vụ
6	6	B26 Huỳnh Thúc Kháng	105.60	105.60	Nhà thuê	Kinh doanh dịch vụ giải khát
7	7	353 Phố Huế	87.02	309.86	Nhà thuê	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
8	8	96 Phố huế	124.80	124.80	Nhà thuê	Kinh doanh xe máy
9	9	98 Phố Huế	185.60	185.60	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh thời trang
10	10	Tầng 1, nhà D1 Lô NO.03A Đơn nguyên 3 Kim Chung, Đông Anh	230.00	230.00	Nhà thuê	Kinh doanh Hapromart
11	11	Tầng 1, nhà A4 Lô NO.02B Đơn nguyên 1 Kim Chung, Đông Anh	236.00	236.00	Nhà thuê	Kinh doanh Hapromart
12	12	94 Hàng Đào	40.18	40.18	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh thời trang
13	13	82 Hàng Đào	88.00	88.00	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh thời trang
14	14	66 Hàng Chiếu	158.60	151.30	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh bao bì và văn phòng
15	15	28 Hàng Bồ (tầng 2)	87.30	89.70	Nhà thuê	Kho hàng
16	16	102 Hàng Buồm	95.00	95.00	Nhà thuê	Kinh doanh ăn uống
17	17	83 Hàng Gai	52.23	52.23	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh thời trang
18	18	65 Cầu Gỗ	57.90	57.90	Nhà thuê	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
19	19	41 Thợ Nhuộm	70.80	70.80	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh thời trang

20	20	46 Tràng Tiền	137.79	123.00	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh thời trang
21	21	111 Lê Duẩn	78.63	78.63	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh Gốm Chu Đậu
22	22	119 Lê Duẩn	56.00	56.00	Nhà thuê	Kinh doanh Hapromart
23	23	43 Hàng Gai	33.42	33.42	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh thời trang
24	24	19+21 Đinh Tiên Hoàng	280.88	977.6 (Dt xây dựng thêm 45m2)	Nhà thuê	Kinh doanh Hapromart, thời trang, tranh nghệ thuật, kết hợp kinh doanh dịch vụ
25	25	Số 1 Điện Biên Phủ + 2 Nguyễn Thái Học	495.13	563.93	Nhà thuê	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
26	26	13+15 Tràng Tiền (số 15 Tràng Tiền là nhà 2 tầng)	379.30	488,2 (diện tích xây dựng thêm: 72.7m2)	Nhà thuê	Kinh doanh tranh nghệ thuật (sử dụng tầng 1)
27	27	17 Tràng Tiền	76.06	76.06	Nhà thuê	Kinh doanh dịch vụ ăn uống (kinh doanh tầng 1 nhà 17 Tràng Tiền và tầng 2 của nhà 15 Tràng Tiền)
28	28	38+40 Lê Thái Tổ	571.51	2,237.11 (trong đó TCT tự xây dựng là 1,440.2m2)		Đang chờ quyết định của Thành phố về việc cho mua tài sản trên đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất Khối nhà 02 tầng kinh doanh ăn uống, văn phòng Khối nhà 06 tầng để trống
29	29	53C Hàng Bài	57.90	82.32	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh thời trang
30	30	5 Lê Duẩn	1,624.00		TSDN	Đang thực hiện dự án (Hợp tác với Công ty CP Tập đoàn vàng bạc đá quý Doji)
31	31	D2 Giảng Võ (khu 1: tầng 1 của Toà nhà)	654.00	654.00	TSDN	Kinh doanh cửa hàng thực phẩm, Dịch vụ ăn uống
		D2 Giảng Võ (khu 2: tầng 1 của Tòa nhà)	576.60	576.60	TSDN	
32	32	11-13 Thành Công (khu 1, nhà 2 tầng, đất sử dụng riêng)	555.70	982.00	TSDN	Kinh doanh Hapromart và dịch vụ thể dục thể thao
		11-13 Thành Công (khu 2, sử dụng DT tầng 2 - đất SD	169.90	169.90	TSDN	

		chung)				
33	33	Tầng 1 C4 Giảng Võ	549.80	549.80	TSDN	Cửa hàng miễn thuế và dịch vụ ăn uống
34	34	A12 Khương Thượng (mặt phố Tôn Thất Tùng)	198.70	198.70	TSDN	Kinh doanh kính mắt và điện thoại
35	35	376 Khâm Thiên	326.80	326.80	TSDN	Kinh doanh xe đạp
36	36	11B Cát Linh	2,933.00	17,720.00	TSDN	Tòa nhà Hapro 15 tầng +1 tầng mái + 2 tầng hầm. Trụ sở Tổng công ty thương mại Hà Nội và văn phòng cho thuê
37	37	135 Lương Đình Của (khu 1: đất sử dụng riêng)	1,062.00	1,715.00	TSDN	Kinh doanh Hapromart; Văn phòng và dịch vụ ăn uống
		135 Lương Đình Của (khu 2: chỉ sử dụng DT tầng 2, đất sử dụng chung)	128.00	128.00	TSDN	Kinh doanh nhà hàng
38	38	Trung tâm Kinh doanh Chợ Đầu mối Bắc Thăng Long	72,745.00	4,918.00	TSDN	Đang duy trì mô hình kinh doanh Chợ đầu mối và bãi đỗ xe theo hiện trạng từ khi tiếp nhận. Đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư dự án
39	39	Khu Công nghiệp thực phẩm Hapro Lệ Chi	326,645.00	181,501	TSDN	Đã thực hiện dự án cho các doanh nghiệp thuê đất có hạ tầng KCN
40	40	Khu nhà ở & khu phụ trợ Cụm CNTP Hapro Lệ Chi	352,405.00		TSDN	Đang thực hiện dự án
41	41	362 Phố Huế	618.40	3,376.00	TSDN	Cho thuê Văn phòng
42	42	Ngõ 349 Minh Khai	617.50	357.90	TSDN	Công ty Bách hóa Hà Nội trước đấy đã bố trí Người lao động vào ở hết diện tích đất.
43	43	E7 Bách Khoa (khu 1)	23.90	23.90	TSDN	Kinh doanh đại lý thuốc lá.
		E7 Bách Khoa (khu 2)	84.70	84.70	TSDN	Cho thuê văn phòng
		E7 Bách Khoa (khu 3)	71.00	71.00	TSDN	Kinh doanh Hapromart
44	44	198 Lò Đúc	130.60	130.60	TSDN	Cửa hàng kinh doanh xe đạp điện
45	45	Trung tâm Kinh	37,716.00	6,942.00	TSDN	Đang duy trì mô hình

		doanh Chợ Đầu mối Phía Nam				kinh doanh Chợ đầu mối và bãi đỗ xe theo hiện trạng từ khi tiếp nhận Đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư dự án
46	46	36 Hàng Ngang	233.30	221.50	TSDN	Cửa hàng kinh doanh thời trang
47	47	28 Hàng Bồ (tầng 1 và tầng 3)	82.20 (DT đất sử dụng riêng là 72.8m2, DT đất sử dụng chung là 9.4m2)	155.00	TSDN	Tầng 1 kinh doanh Hapromart, tầng 3 kho hàng Hapromart
48	48	7 Hàng Đường	66.20	66.20	TSDN	Cửa hàng kinh doanh thời trang
49	49	78 Hàng Gai	50.40	50.40	TSDN	Cửa hàng kinh doanh thời trang
50	50	21+23 Hàng Gai	104.90	104.90	TSDN	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
51	51	35 Hàng Bông	71.80	71.80	TSDN	Kinh doanh điện thoại
52	52	7-9 Đinh Tiên Hoàng	257.00	1,130.50	TSDN	Tòa nhà 5 tầng: TCT đang sử dụng tầng1, tầng 2; từ tầng3 đến tầng 5 hợp tác với TCT Máy và Phụ tùng Kinh doanh ăn uống, giải khát và dịch vụ du lịch
53	53	8 Bát Đàn	41.40	41.40	TSDN	Cửa hàng Kinh doanh phụ kiện ống nước
54	54	90 Lê Duẩn	59.30	59.30	TSDN	Đại lý bán vé máy bay
55	55	53D Hàng Bài	128.50	245.00	TSDN	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
56	56	106 Nguyễn An Ninh	459.70 (298.7m2 đất để xây dựng dự án và 161m2 đất nằm trong quy hoạch)		TSDN	Đang thực hiện dự án
57	57	160 Nguyễn Trãi	860.70	430.50	TSDN	Kinh doanh ống nước, và đồ điện kim khí

58	58	C12 Thanh Xuân Bắc	1,780.40	1,780.40	TSDN	Kinh doanh Hapromart; Xe máy, điện thoại, thời trang
59	59	Trung tâm Kinh doanh Chợ Thượng Đình	3,108.50		TSDN	Đang thực hiện dự án
60	60	Trung tâm Thương mại dịch vụ tổng hợp Sóc Sơn	6,169.00		TSDN	Chờ thực hiện dự án
61	61	E6 Quỳnh Mai (khu 1)	183.60	183.60	TSDN	Kinh doanh Hapromart
		E6 Quỳnh Mai (khu 2)	185.40	185.40	TSDN	Kinh doanh ăn uống
		E6 Quỳnh Mai (khu 3)	95.45	95.45	TSDN	Cho thuê văn phòng
62	62	C14 Thanh Xuân Bắc (khu 1)	272.20	272.20	TSDN	Kinh doanh kính mắt, túi xách và két sắt
		C14 Thanh Xuân Bắc (khu 2)	80.20	80.20		Cửa hàng chuyên doanh túi xách và két sắt
63	63	C15 Thanh Xuân Bắc	338.30	338.30	TSDN	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
64	64	151 Giảng Võ	32.34	32.34	TSDN	Đang bị chiếm dụng trái phép. Đã khởi kiện lên TAND quận Đống Đa đòi địa điểm
65	65	254 Tôn Đức Thắng	161.50	300.00	TSDN	Văn phòng làm việc của Cty CP PTST và cho thuê
66	66	Ki ốt chợ Châu Long	56.60	56.60	TSDN	Kinh doanh thực phẩm, tạp hóa
67	67	85 Hàng Đào	67.20	67.20	TSDN	Kinh doanh thời trang
68	68	145 Ngõ Thái Thịnh I (UBND quận Đống Đa mượn 320m2 đất để làm chợ ướt, đến khi nào TCT thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới thì trả lại)	527.30	207.30	TSDN	Kho hàng
69	69	149 Ngõ Thái Thịnh I	423.60	423.60	TSDN	
70	70	Số 373 Ngọc Hồi	157.50	314.74	TSDN	Kinh doanh Hapromart, dịch vụ vui chơi giải trí
71	71	Cửa hàng số 6 Cầu Bươu	4,117.00	605.35	TSDN	Kinh doanh Hapromart;

72	72	11B Tràng Thi	161.30	161.30	TSDN	Đang hoàn thiện thủ tục để pháp lý để chuyển giao cho Công ty cổ phần Khách sạn Tràng Thi theo Quyết định của Thành phố
73	73	Xuân Nộn Đông Anh	19,077.00	9,516.00	TSDN	Văn phòng làm việc và kho
74	74	Kios Bờ Hồ	15.00	15.00	TSDN	Kinh doanh dịch vụ đồ uống
75	75	Dự án Điểm đỗ xe Hải Bối, Đông Anh	14,037.00		TSDN	Chuẩn bị đầu tư dự án
76	76	Dự án Dương Xá, Gia Lâm	235,000.00		TSDN	Đang làm quy hoạch 1/500
77	77	N4C, Trung Hòa, Nhân Chính	176.00	176.00	Nhà thuê	Kinh doanh dịch vụ thể dục thể thao
78	78	44 Bà Triệu	32.69	32.69	Nhà thuê	Đang bị chiếm dụng. Đã có Bản án của TAND quận Hoàn Kiếm trả nhà cho TCT. TAND Thành phố đang phúc thẩm.
79	79	30 Lò Đúc	40.30	40.30	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh thời trang
80	80	A12 Khương Thượng (mặt phố Đông Tác)	165.50	165.50	TSDN	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
81	81	20 Hàm Long	44.30	44.30	TSDN	Đang cải tạo sửa chữa
82	82	8 Ngô Quyền	33.30	33.30	TSDN	Kinh doanh dịch vụ giải khát
83	83	H2 TT Kim Giang	60.48	60.48	TSDN	Đang bị chiếm dụng trái phép. TCT đã khởi kiện ra TAND quận Thanh Xuân
84	84	83 Nguyễn An Ninh	122.80	122.80	TSDN	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
85	85	2 Bạch Mai	35.70	35.70	TSDN	Kinh doanh thuốc
86	86	144 Thụy Khuê	27.40	27.40	TSDN	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
87	87	14 Nguyễn Khuyến	35.50	35.50	TSDN	Cửa hàng đồ uống nhập khẩu
88	88	22 Đông Các	42.00	84.00	TSDN	VP làm việc và giới thiệu SP
89	89	107 Nguyễn Lương Bằng	73.00	135.60	TSDN	Đang bị chiếm dụng trái phép. TCT đã khởi kiện ra TAND quận Đống Đa

90	90	268 Tôn Đức Thắng	56.31	168.00	TSDN	Kinh doanh đồng hồ.
91	91	312 Tôn Đức Thắng	62.90	62.90	TSDN	Cửa hàng kinh doanh đồ da
92	92	5 Hàm Tử Quan	149.00	153.90	TSDN	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
93	93	128 Đại La	51.80	51.80	TSDN	Kinh doanh tạp hóa, băng đĩa, quảng cáo
94	94	68 Tạ Quang Bửu	32.10	32.10	TSDN	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
95	95	15 Phố Nhà Chung	70.13	52.89	Nhà thuê	TCT nhận bàn giao từ Công ty Thời trang. Công ty Thời trang đã bàn giao địa điểm cho Hộ gia đình ông Ngô Hồng Phương cải tạo, sửa chữa lại địa điểm.
96	96	2 Lý Thái Tổ	35.00	35.00	Nhà thuê	Đang bị chiếm dụng trái phép. Đã có đơn khởi kiện gửi TAND quận Hoàn Kiếm
97	97	55 Nguyễn Trãi	56.20	56.20	Nhà thuê	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
98	98	Số 160-162 Ngõ Thái Thinh I	208.50	208.50	TSDN	Văn phòng làm việc và Kho phân phối hàng hóa
99	99	32 Hàng Cá	37.50	37.50	TSDN	Cửa hàng kinh doanh khóa
100	100	68 Hàng Bông	33.30	33.30	TSDN	Kinh doanh Haprofood
101	101	Cửa hàng Cổ Loa	207.80	189.70	TSDN	Kinh doanh Haprofood và dịch vụ ăn uống
102	102	Chợ Kim - Xuân Nộn	97.80	97.80	TSDN	Kinh doanh Hapromart
103	103	4 Ngõ Tràng Tiền	38.20	76.00	TSDN	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
104	104	52 Hàng Đậu	41.40	41.40	TSDN	Cửa hàng kinh doanh thời trang
105	105	57 Hàng Bông	45.20	45.20	TSDN	Kinh doanh hoa quả nhập khẩu
106	106	6 Thuốc Bắc	33.70	33.70	TSDN	Kinh doanh dịch vụ giải khát
107	107	56 Hàng Đậu	52.50	52.50	TSDN	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
108	108	9 Chợ gạo	34.08	34.08	Nhà thuê	Kinh doanh dịch vụ ăn uống

109	109	Ngõ chợ Khâm Thiên	46.80	46.80	TSDN	Kinh doanh Haprofood, tạp hóa, kho
110	110	A9 Văn Chương	54.87	54.87	TSDN	Kinh doanh Haprofood
111	111	Ki ốt phường Kim Giang	97.80	97.80	TSDN	Kinh doanh Haprofood
II		**Tạm giao sử dụng do nằm trong quy hoạch (06 địa điểm)**				
112	1	Ki ốt TT Nguyễn Công Trứ	20.00	20.00	Nhà thuê	Kinh doanh đồ điện gia dụng
113	2	284 Minh Khai	89.90	89.90	Nhà thuê	Công ty Bách hóa Hà Nội bố trí Người lao động vào ở 12,74m2; TCT chỉ quản lý sử dụng 77,2m2 Kinh doanh Haprofood
114	3	166A Nguyễn Thái Học	64.70	64.00	TSDN	Cửa hàng kinh doanh tranh đá quý
115	4	65 Trần Nhân Tông	15.10	15.10	TSDN	Cửa hàng kinh doanh thời trang
116	5	TT Ngã Tư Sở (bên phải)	235.40	422.30	TSDN	Kinh doanh quần áo, đồng hồ, hoa giả, kho
117	6	TT Ngã Tư Sở (bên trái)	210.00	462.50	TSDN	Kinh doanh chăn, ga, gối, dịch vụ ăn uống
III		**Các địa điểm mạng lưới tại các tỉnh ngoài thành phố Hà Nội (18 địa điểm)**				
118	1	Lô Villa 2D Khu biệt thự sân gôn Montgimerie Links Việt Nam, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	355.30	241.47	TSDN	
119	2	Lô Villa 4D Khu biệt thự sân gôn Montgimerie Links Việt Nam, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	355.10	241.47	TSDN	
120	3	Lô Villa 6D Khu biệt thự sân gôn Montgimerie Links Việt Nam, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	355.40	241.47	TSDN	

121	4	Lô Villa 10D Khu biệt thự sân gôn Montgimerie Links Việt Nam, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	355.00	241.47	TSDN	
122	5	Xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 21 (lô 1)	7,158.50	4,577.40	TSDN	
123	6	Xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (thửa đất số 86, tờ bản đồ số 21 (lô 2)	2,502.00		TSDN	
124	7	Khóm Tân Thuận, phường An Hòa, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 30)	85.00		TSDN	
125	8	Phường 1, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 49)	90.00	226.80	TSDN	
126	9	Dị Sử - tỉnh Hưng Yên	34,538.00	3,263.00	TSDN	
127	10	Xã An Phú, huyện Thuận An (lô 1) - tỉnh Bình Dương	292.10	200.00	TSDN	
128	11	Xã An Phú, huyện Thuận An (lô 2) - tỉnh Bình Dương	2,395.80	1,895.80	TSDN	
129	12	Xã An Phú, huyện Thuận An (lô 3) - tỉnh Bình Dương	3,988.21	1,968.00	TSDN	
130	13	Thôn Plei Dư, xã Ia Hrú, huyện Chư Pưh (thửa 266a, tờ bản đồ số 66) - tỉnh Gia Lai	496.00		TSDN	
131	14	Thôn Plei Dư, xã Ia Hrú, huyện Chư Pưh (thửa 270; 312a, tờ bản đồ số 66) - tỉnh Gia Lai	484.00		TSDN	

132	15	Làng Ring 2, xã HBông, huyện Chư Sê (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 32) - tỉnh Gia Lai	10,563.00		TSDN	
133	16	Làng Ring 2, xã HBông, huyện Chư Sê (thửa đất số 12+20, tờ bản đồ số 32) - tỉnh Gia Lai	3,980.00		TSDN	
134	17	Làng Ring 2, xã HBông, huyện Chư Sê (thửa đất số 5+11, tờ bản đồ số 32) - tỉnh Gia lai	1,591.00		TSDN	
135	18	Số 77-79 Phó Đức Chính, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	140.88	960.24	TSDN	
IV		**Các địa điểm TCT được quản lý sử dụng nhưng chưa nhận được bàn giao từ Công ty TNHH MTV Dịch vụ XNK Nông sản Hà Nội do vướng mắc chiếm dụng trái phép**				
136	1	Số 20 Hàng vải	38.89	38.89	Nhà thuê	
137	2	Số 70 Thợ Nhuộm	27.75	27.75	TSDN	
138	3	Số 111-112 C1 Trung Tự	134.20	134.20	Nhà thuê	
V		**Các địa điểm thuộc danh sách thu hồi xử lý theo Quyết định 09/2007/QĐ-TTg**				
V.1		**Các địa điểm đang quản lý, sử dụng**				
139	1	Số 92 Thụy Khuê	59.90	59.90	Nhà thuê	
140	2	Số 24 Hàng Bồ	28.00	28.00	Nhà thuê	
141	3	Số 104 Hàng Gai	28.20	28.20	Nhà thuê	
142	4	Số 7 Hàng Khay	81.80	81.80	TSDN	
143	5	Số 80 Hàng Đào	10.80	10.80	TSDN	
144	6	71 Hàng Bồ	25.74	25.74	Nhà thuê	
V.2		**Các địa điểm TCT tiếp nhận từ các Công ty thành viên, tạm quản lý chờ bàn giao về Thành phố**				
V.2.1		**Các địa điểm TCT đã tiếp nhận**				
145	1	Số 102 Nguyễn Hữu Huân	19.60	19.60	Nhà thuê	
146	2	Số 57 Nguyễn Trãi	58.40	58.40	Nhà thuê	
147	3	Số 84 Trần Nhật Duật	176.88	176.88	Nhà thuê	
148	4	Số 64 Đội Cấn	21.90	21.90	Nhà thuê	
149	5	Số 476 Bạch Mai	27.90	27.90	Nhà thuê	
150	6	Số 2 Ngõ 61 Lê Văn Hưu	29.90	29.90	Nhà thuê	
151	7	Số 23 Hàng Trống	32.30	32.30	Nhà thuê	

152	8	Số 20 Hàng Gai	48.23	48.23	Nhà thuê	
153	9	Số 1 Nguyễn Trường Tộ	22.60	22.60	Nhà thuê	
154	10	Số 217 Hàng Bông	39.40	39.40	TSDN	
155	11	Số 7 Thuốc Bắc	25.60	25.60	TSDN	
156	12	Cửa hàng Lĩnh Nam	108.44	108.44	TSDN	
157	13	Số 25 Hàng Thùng	27.20	27.20	TSDN	
158	14	Số 214 Hàng Bông	51.30	51.30	TSDN	
159	15	Số 199 Lò Đúc	22.00	22.00	TSDN	
160	16	Số 16 Hàm Tử Quan	52.00	52.00	TSDN	
161	17	Số 63 Hàng Giấy	28.70	28.70	TSDN	
162	18	Số 142 Hàng Bông	28.00	28.00	TSDN	
163	19	Số 4 Ngõ 173 Hoàng Hoa Thám	31.20	31.20	TSDN	
164	20	Số 76 Lò Đúc	26.30	26.30	TSDN	
165	21	Số 21 Hàng Trống	12.80	12.80	TSDN	
166	22	Số 33 Hàng Trống	47.90	47.90	TSDN	
167	23	Số 20 Hàng Đào	37.90	37.90	TSDN	
168	24	Số 2 Đội Cấn	9.30	9.30	TSDN	
169	25	Số 12 Phan Phù Tiên	29.50	29.50	TSDN	
170	26	Số 45 Mã Mây	19.80	19.80	TSDN	
V.2.2		**Các địa điểm chưa nhận được bàn giao từ các Công ty thành viên**				
		Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi				
171	1	Số 29 Hàng Đậu	22.17	22.17	Nhà thuê	
172	2	Số 38 Hàng Đậu	49.40	49.40	TSDN	
		Công ty cổ phần Dịch vụ XNK Nông sản Hà Nội				
173	1	Số 8B Hàng Thùng	34.76	34.76	Nhà thuê	
174	2	Số 107F Tôn Đức Thắng	19.50	19.50	Nhà thuê	
175	3	Số 85 Hàng Buồm	28.67	28.67	Nhà thuê	
176	4	Số 30 Phố Huế	25.00	25.00	Nhà thuê	
177	5	Số 18 Nguyễn Văn Tố	28.84	28.84	Nhà thuê	
178	6	Số 41 Hàng Bồ	55.54	55.54	Nhà thuê	
179	7	Số 132 Nguyễn Trãi	69.90	69.90	TSDN	
180	8	Số 25 Quán Thánh	60.00	240.00	TSDN	
181	9	Số 5B Nguyễn Thiện Thuật	20.00	60.00	TSDN	
182	10	Số 33 Ngõ Thổ Quan	27.75	27.75	TSDN	
183	11	Số 85 Trần Xuân Soạn	36.00	36.00	TSDN	

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội thời điểm 30/6/2016

10. Tình hình tài sản cố định

Bảng 6: Chi tiết nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty mẹ-Tổng công ty

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Tài sản/Địa điểm	Năm sử dụng	Diện tích xây dựng (m2)	GIÁ TRỊ SỔ SÁCH		
				Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	6	7	8
A	**Văn phòng Công ty mẹ**			**360,586,920,922**	**118,969,448,722**	**241,617,472,200**
I	**Nhà cửa vật kiến trúc**			**331,593,814,129**	**114,599,217,664**	**216,994,596,465**
1	Nhà số 38-40 Lê Thái Tổ 7 tầng (Bên trong)	1997	1,440.2	11,105,711,749	4,149,689,060	6,956,022,689
	Phần thuê nhà nước (không tính vào GTDN)		796.91			
2	Chợ Thượng Đình (Nhà chợ chính)	2003	2,540.00	3,811,790,000	-	3,811,790,000
	Sân bê tông cạnh và phía sau chợ		300.00			
	05 dãy nhà mái tôn (bán mái)		208.60			
	Bể cứu hỏa		45.00			
	Bể nước sạch		7.00			
	Trạm biến áp		19.00			
3	Nhà 11B Cát Linh	1/2013	17,720.00	309,471,877,029	107,065,596,732	202,406,280,297
4	Cửa hàng 254 Tôn Đức Thắng	1961	300.00	499,344,813	310,190,002	189,154,811
5	Cửa hàng 85 Hàng Đào	1959	67.20	17,125,563	17,125,563	-
6	Nhà 57 Hàng Bông	1974	45.20	6,848,932	6,848,932	-

7	Nhà của A12 Khương Thượng (Mặt phố Đông Tác)	1986	165.50	348,200,947	225,966,821	122,234,126
8	Nhà cửa số 2 Bạch Mai	1985	35.70	3,829,572	3,829,572	-
9	Nhà cửa 20 Hàm Long	1988	44.30	12,769,812	12,769,812	-
10	Nhà cửa Chợ Châu Long	1981	56.60	140,000,000	140,000,000	-
11	Nhà cửa 14 Nguyễn Khuyến	1982	35.50	7,116,929	7,116,929	-
12	Nhà cửa 22 Đông Các	Cải tạo lại năm 2012	84.00	355,461,287	103,259,909	252,201,378
13	Nhà cửa 268 Tôn Đức Thắng	1983	168.00	83,998,411	83,998,411	-
14	Nhà cửa Số 5 Hàm Tử Quan	1975	153.90	19,309,865	19,309,865	-
15	Nhà trưng bày Gốm Chu Đậu	2014	610.00	769,041,818	192,260,454	576,781,364
16	Nhà cửa 312 Tôn Đức Thắng		62.90	10,876,529	10,876,529	-
17	Tài sản 84 kios tại chợ Đức Hợp nhận bàn giao của Công ty CP đầu tư phát triển Hà Nội	3/2011	428.00	1,150,000,000	38,333,333	1,111,666,667
18	Nhà cửa vật kiến trúc tại D2 Giảng Võ của Công ty Siêu thị HN (theo BB bàn giao ngày 17/3/2016)	2008	1,230.60	3,754,528,943	2,186,063,810	1,568,465,133
19	Nhà cửa 90 Lê Duẩn	1995	59.30	13,353,680	13,353,680	-

20	160-162 ngõ I Thái Thịnh (nhận từ Công ty Nông sản và công ty Tràng Thi)	1986	208.50	12,628,250	12,628,250	-
II	**Ban quản lý Khu Công nghiệp Lệ Chi**			**440,577,060**	**427,568,863**	**13,008,197**
21	Nhà 11 gian	2007		104,065,660	91,057,463	13,008,197
22	Ao thả cá	2001	90,431.00	77,394,920	77,394,920	-
23	Trạm bơm (Gồm nhà bơm nước, tháp nước, bể nước)	2001		21,116,480	21,116,480	-
24	Nhà làm việc 2 tầng	1962	524.00	238,000,000	238,000,000	-
III	**Kho hàng Dị Sử Hưng Yên**			**28,552,529,733**	**3,942,662,195**	**24,609,867,538**
25	Nhà văn phòng 2 tầng	2005	375.00	2,686,500,000	188,055,000	2,498,445,000
26	Nhà bảo vệ 1 tầng	2005	24.50	52,986,150	3,709,031	49,277,119
27	Nhà kho 1 tầng khung thép	2005	3,024.00	12,356,064,000	2,162,311,200	10,193,752,800
28	Sân bê tông	2005	12,400.00	3,972,960,000	695,268,000	3,277,692,000
29	Bồn hoa	2005	125 bồn hoa bó vỉa xây gạch	27,000,000	9,450,000	17,550,000
30	Đường bê tông	2005	255.45	81,846,180	14,323,081	67,523,099
31	Thoát nước hạ tầng	2005	439.00	259,580,700	30,284,415	229,296,285
32	Bể cứu hỏa	2005	20.00m3	36,000,000	6,300,000	29,700,000
33	Bể nước sạch	2005	5.00m3	9,000,000	1,575,000	7,425,000
34	Hàng rào	2005	23.40	16,851,138	5,897,899	10,953,239

35	Nhà vệ sinh	2005	15.00	29,611,500	4,145,610	25,465,890
36	Hạng mục cấp nước chữa cháy	2005		44,130,065	15,445,524	28,684,541
37	Chi phí san lấp, đền bù kho Dị Sử			8,980,000,000	805,897,435	8,174,102,565
38	Nhà bếp xây dựng thêm		53.76			
B	**Các đơn vị trực thuộc**			**90,454,709,933**	**24,046,896,114**	**66,407,813,819**
39	**Chi nhánh TCT Thương mại Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh**			**6,671,550,571**	**6,131,256,126**	**540,294,445**
39.1	Nhà nhận bàn giao 77-79 Phó Đức Chính, quận 1, TP HCM	1993	136.08	2,492,478,450	2,180,918,646	311,559,804
39.2	Văn phòng làm việc 77-79 Phó Đức Chính, quận 1, TP HCM		824.16	1,508,219,723	1,279,485,082	228,734,641
39.3	Nhà kho xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương	2000	1,968.00	2,670,852,398	2,670,852,398	-
39.4	Nhà văn phòng Bình Dương		333.00			
II	**Chi nhánh TCT Thương mại Hà Nội tại tỉnh Đồng Tháp**			**12,750,757,871**	**111,733,779**	**12,639,024,092**
40	Nhà xưởng xay xát	2013	3,453.70	12,070,590,909	111,733,779	11,958,857,130
41	Sửa chữa văn phòng làm việc			209,090,909	-	209,090,909
	Nhà làm việc *(Theo GCNQSDĐ)*	2010	131.24			
	Nhà tiếp khách *(Theo GCNQSDĐ)*	2010	28.26			

42	Nhà xe, nhà ăn, nhà nghỉ công nhân *(Theo GCNQSDĐ)*	2010	93.70			
43	Xây dựng tường rào nhà kho (tường 20 x cao 2.1 mét)	2015	108.00	471,076,053	-	471,076,053
III	**Chi nhánh TCT Thương mại Hà Nội - Trung tâm chế biến hàng xuất khẩu**			**16,175,498,777**	**2,192,069,876**	**13,983,428,901**
44	Nhà văn phòng số 1	2009	250.00	195,091,925	195,091,925	-
45	Đường bê tông nội bộ	2009	1,007.00	80,213,172	80,213,172	-
46	Tường rào cũ	2009	323.00	42,000,000	42,000,000	-
47	Nhà kho 500m2	2010	500.00	390,000,000	206,483,346	183,516,654
48	Hệ thống thoát nước	2011	139.00	194,211,260	141,805,040	52,406,220
49	Nhà vệ sinh số 2	2011	15.00	48,332,450	48,332,450	-
50	Nhà kho 9 gian	2002	1,170.00	1,006,893,736	205,886,973	801,006,763
51	Nhà xưởng 490m2	2007	490.00	157,272,727	28,548,217	128,724,510
52	Nhà xưởng 278m2	2007	278.00	97,272,727	17,656,993	79,615,734
53	Tường rào cuối xưởng	2014	85.00	98,498,800	32,143,572	66,355,228
54	Nhà xưởng DaiChu	2007	1,200.00	100,000,000	100,000,000	-
55	Nhà xưởng số 2 + số 3	2014	5,500.00	13,640,786,980	1,052,266,524	12,588,520,456
56	Nhà kho 200m2	2014	200.00	124,925,000	41,641,664	83,283,336
57	Cổng ra vào cơ quan	2009				
58	Nhà thường trực (nhà bảo vệ)	2009	16.00			
59	Nhà để xe		60.00			

60	Nhà mái che		50.00			
61	Nhà kho 200m2	2005	200.00			
IV	**Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối phía Nam**			**24,754,183,378**	**11,160,304,870**	**13,593,878,508**
62	**Nhà cửa vật kiến trúc**	**2005**		**11,337,050,846**	**2,138,007,504**	**9,199,043,342**
62.1	Nhà A		2,336.22			
62.2	Nhà B		2,227.32			
62.3	Nhà C		1,986.46			
62.4	Nhà lán chợ Xanh (Khu D)		560.00			
62.5	Nhà vệ sinh công cộng		80.00			
62.6	Nhà văn phòng làm việc (tầng 1: 4 phòng làm việc + WC, tầng 2: 3 phòng + WC)		277.20	453,304,392	129,105,575	324,198,817
	Cải tạo nhà VP (tầng 2)	10/2009		453,304,392	129,105,575	324,198,817
62.7	Nhà bảo vệ		30.00			
63	Dãy tường rào	2004		111,941,000	101,004,158	10,936,842
64	Vỉa hè, tường rào	2006		550,726,904	355,554,851	195,172,053
65	Hệ thống chiếu sáng	2002		100,422,000	93,125,578	7,296,422
66	Hệ thống thoát nước	2004		252,435,630	225,997,437	26,438,193
67	Nhà quản lý	2001	132.00	445,406,000	293,715,707	151,690,293
68	Nhà phục vụ	2001	133.00	427,387,000	281,782,887	145,604,113
69	Nhà vệ sinh	2001	27.00	131,748,000	123,546,663	8,201,337
70	Bãi đỗ xe	2001	5,767.00	2,303,709,000	1,632,172,352	671,536,648
71	Đường giao thông	2001	4,887.00	1,657,474,000	704,426,477	953,047,523
72	Kho hàng 1	2001	250.00	315,430,809	224,312,671	91,118,138

73	Kho hàng 2	2001	420.00	476,805,980	334,488,605	142,317,375
74	Kho hàng 3	2007	200.00	115,200,000	50,649,318	64,550,682
75	Tường rào	2001		598,388,000	525,340,834	73,047,166
76	Cấp nước	2001		110,119,000	99,133,251	10,985,749
77	Điện chiếu sáng	2001		632,637,573	437,311,552	195,326,021
78	Thoát nước	2001		516,356,000	331,930,268	184,425,732
79	Bể cứu hoả	2001	100.00m3	176,394,000	176,394,000	-
80	Cải tạo vỉa hè	2008		50,295,331	27,502,767	22,792,564
81	Cải tạo, mở rộng nhà VSCC số 1	8/2009	32.00	98,394,545	98,394,545	-
82	Mái che khu chợ cá	2009	250.00	121,239,091	121,239,091	-
83	**Cải tạo, nâng cấp tổng thể**			**3,034,792,251**	**2,323,732,089**	**711,060,162**
-	Sơn sửa hàng rào, bãi xe, cửa sắt nhà ABC	8/2009		263,055,737	263,055,737	-
-	Sửa chữa khu CX	8/2009		562,212,969	388,863,964	173,349,005
-	Cải tạo sân chợ	9/2009		1,016,473,195	694,590,020	321,883,175
-	Cải tạo sân bến	9/2009		681,562,152	465,734,170	215,827,982
-	Quét vôi tổng thể chợ (nhà ABC, nhà kho 1+2 bến, nhà BV, trạm bơm, P.KD2, hàng rào, cột cổng chính)	9/2009		74,963,636	74,963,636	-
-	Làm đường nối	9/2009		93,902,120	93,902,120	-
-	Bốt điện	2009	63.50	72,980,006	72,980,006	-
-	Nhà lán để xe số 1+2	2009	630.00	183,246,297	183,246,297	-

-	Nhà VSCC số 2 (bến)	2009	38.00	50,323,322	50,323,322	-
-	Dãy nhà tắm 6 phòng (bến)	2009	27.60	36,072,817	36,072,817	-
84	Xây 20 ki ốt (gồm: phí lập BCKTKT, thẩm tra BC)	10/2009	340.00	736,526,026	331,436,690	405,089,336
V	**Trung tâm kinh doanh chợ Bắc Thăng long**			**16,195,008,894**	**2,280,228,726**	**13,914,780,168**
85	Bãi đỗ xe	2008	20,000.00	2,717,045,530	695,797,145	2,021,248,385
86	Bể rác	2008		5,581,083	1,023,198	4,557,885
87	Dải đất trồng cây xanh	2008	14,260.00	333,944,000	41,546,421	292,397,579
88	Trạm cân đối xứng	2008		12,484,000	4,161,444	8,322,556
89	Nhà điều hành	2008	420.00	1,075,797,703	430,292,170	645,505,533
90	Nhà để xe	2008		39,002,163	8,178,396	30,823,767
91	Nhà giết mổ gia cầm	2008	580.80	352,471,017	44,437,578	308,033,439
92	Nhà giết mổ gia cầm 2010 (Chi phí sửa chữa)	2010		267,198,079	-	267,198,079
93	Nhà bảo vệ	2008	18.00	23,237,264	13,446,725	9,790,539
94	Sân bê tông 2010	2010	1,091.00	161,878,272	-	161,878,272
95	Sân bê tông	2008		93,704,475	14,297,556	79,406,919
96	Nhà, Công trình xây dựng TS khác	2005		10,810,242,836	859,652,760	9,950,590,076
96.1	*Nhà ban quản lý*	*2005*	*108.00*			
96.2	*Nhà chợ chính 01 tầng*	*2005*	*2,846.00*			
96.3	*Nhà bán hàng thực phẩm tươi sống, thịt gia súc*	*2005*	*683.00*			
96.4	*Nhà bán hàng ăn uống*	*2005*	*230.00*			

96.5	*Nhà giết mổ gia cầm*	*2005*	*760.00*			
96.6	*Nhà để xe còn lại (Nay đã chuyển thành kho)*	*2005*	*216.00*			
96.7	*Kho gửi hàng*	*2005*	*123.00*			
96.8	*Khu sân bãi ngoài trời tập kết gia cầm*	*2005*	*1,000.00*			
97	Vườn hoa	2008		45,254,545	9,050,904	36,203,641
98	Cây cau vua	2008		77,476,190	73,898,329	3,577,861
99	Đoạn đường Phía Tây Trung tâm (chi phí cải tạo sửa chữa)	2011		142,176,537	69,712,339	72,464,198
100	Vách ngăn nhôm kính	2012	46,894.00	37,515,200	14,733,761	22,781,439
VI	**Trung tâm kinh doanh hàng miễn thuế**			**652,266,990**	**652,266,990**	**-**
101	Cửa hàng Ngoại giao đoàn	1979	549.80	326,133,495	326,133,495	-
	Cửa hàng cho thuê			326,133,495	326,133,495	-
VII	**Nhà máy mỳ Hapro**			**13,255,443,452**	**1,519,035,747**	**11,736,407,705**
102	Nhà xưởng	2008	5,400.00	11,347,796,696	1,294,637,557	10,053,159,139
103	Hệ thống xử lý nước thải	2008	20.00	342,325,557	51,153,967	291,171,590
104	Cổng vào nhà máy	2009		21,440,000	21,440,000	-
105	Nhà xưởng sản xuất cháo	2010	250.00	116,610,000	21,204,907	95,405,093
106	Nhà bếp	2010	20.00	13,099,000	8,050,429	5,048,571
107	Hệ thống bảng biển nhà máy	2008		40,974,368	40,974,368	-
108	Nhà để xe	2010	30.00	13,428,900	13,428,900	-
109	Nhà để xe số 3	2011	40.00	35,007,273	24,796,818	10,210,455
110	Phòng sấy mỳ	2010	15.00	21,620,000	8,915,619	12,704,381

111	Nhà xưởng sản xuất dây chuyền bánh bao	2012	370.00	974,802,598	15,316,067	959,486,531
112	Hệ thống bể xử lý bụi	2012		40,675,360	2,871,408	37,803,952
113	Nhà để lò hơi	2013	120.00	287,663,700	16,245,707	271,417,993
C	**Công ty siêu thị Hà Nội**			**11,201,392,853**	**6,317,661,952**	**4,883,730,901**
	Nhà cửa VP			**508,778,237**	**375,568,938**	**133,209,299**
114	28 Hàng Bồ	1960	155.00	43,297,642	43,297,642	-
115	8 Bát Đàn	1960	41.40	8,331,295	8,331,295	-
116	7-9 Đinh Tiên Hoàng	1954	1,130.50	205,774,714	205,774,714	-
117	E7 Bách Khoa		179.60	187,546,622	54,337,323	133,209,299
118	82 Nguyễn Trãi (điểm 160 Nguyễn Trãi)	1991	430.50	9,462,148	9,462,148	-
119	A12 Khương Thượng (mặt phố Tôn Thất Tùng)	1985	198.70	48,276,216	48,276,216	-
120	32 Hàng Cá		37.5	6,089,600	6,089,600	-
121	36 Hàng Ngang	1954	221.50	33,909,832	33,909,832	-
122	21 Hàng Gai	1954	104.90	9,003,644	9,003,644	-
123	23 Hàng Gai	1954		8,516,434	8,516,434	-
124	376 Khâm Thiên			286,051,150	286,051,150	-
	376 Khâm Thiên cải tạo	1981		39,165,965	39,165,965	-
	376 Khâm Thiên	2007	326.80	246,885,185	246,885,185	-
125	Nhà cửa Kios Kim Giang	1986	97.80	409,356,364	-	409,356,364
126	78 Hàng Gai	1960	50.40	7,888,000	7,888,000	-
127	7 Hàng Đường	1960	66.20	4,416,250	4,416,250	-
128	35 Hàng Bông		71.8	23,814,836	23,814,836	-

129	Nhà cửa Thuốc Bắc	1959	33.70	9,870,080	9,870,080	-
130	8 Ngô Quyền			266,542,217	90,223,270	176,318,947
	Nhà cửa VKT theo BBBG		33.30	45,781,580	40,139,272	5,642,308
	Chi phí cải tạo sửa chữa			202,727,273	46,176,779	156,550,494
	Chi phí cải tạo sửa chữa			18,033,364	3,907,219	14,126,145
131	68 Hàng Bông		33.3	6,269,690	6,269,690	-
132	56 Hàng Đậu		52.50	23,751,605	23,751,605	-
133	52 Hàng Đậu		41.40	26,517,921	26,517,921	-
134	Nhà cửa Cổ Loa		189.70	452,622,906	138,762,241	313,860,665
135	Nhà cửa C11, C13 Thành Công-GV		1,151.90	2,338,001,723	938,370,573	1,399,631,150
136	Nhà cửa Yên Lãng-GV		630.90	613,209,472	259,234,933	353,974,539
137	Nhà cửa 144 Thụy Khuê		27,4	163,009,284	17,692,356	145,316,928
138	Nhà cửa chợ Kim		91,22	475,795,950	28,550,919	447,245,031
139	Nhà cửa C12 và C15 -Thanh Xuân			3,000,193,001	2,050,180,057	950,012,944
139.1	CH Thanh Xuân	1986	1,780.40	356,169,035	356,169,035	-
	Sửa chữa + cải tạo Thanh Xuân	2002		23,474,000	23,474,000	-
	Sửa chữa + cải tạo Thanh Xuân	2002		975,224,000	928,932,130	46,291,870
	Sửa chữa + cải tạo Thanh Xuân	2007		677,272,727	250,693,487	426,579,240
	Sửa chữa + cải tạo Thanh Xuân	2007		88,454,545	45,211,345	43,243,200
	Sửa chữa + cải tạoThanh Xuân (ST cũ)	4/2010		148,253,151	60,536,679	87,716,472
	Cải tạo sửa chữa Siêu thị Thanh Xuân	6/2010		335,100,000	134,039,971	201,060,029
	Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	6/2010		8,969,473	3,662,776	5,306,697
	Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư xây	6/2010		2,067,029	844,051	1,222,978

	dựng hoàn thành					
	Cải tạo điện chiếu sáng và cải tạo kho ST	7/2010		99,629,090	78,043,500	21,585,590
	Cải tạo sửa chữa C12 Thanh Xuân	12/2011		92,443,636	22,468,943	69,974,693
139.2	Nhà cửa C14 Thanh Xuân	2006	352.40	142,651,769	126,677,804	15,973,965
139.3	Nhà C15 Thanh Xuân	7/2014	338.30	50,484,546	19,426,336	31,058,210
140	Nhà cửa 135 Lương Đình Của	1986	1,843.00	2,239,311,033	1,769,791,945	469,519,088
	Nhà 135 Lương Định Của	7/2012	1,843.00	1,486,567,148	1,486,567,148	-
	Nhà cửa (Công ty Thực Phẩm chuyển sang)	7/2012		140,890,557	138,429,257	2,461,300
	Chi phí cải tạo sửa chữa	7/2012		87,955,677	16,613,861	71,341,816
	Chi phí cải tạo sửa chữa	7/2012		101,426,364	39,443,622	61,982,742
	Chi phí cải tạo sửa chữa	8/2012		129,269,091	18,672,225	110,596,866
	Chi phí cải tạo sửa chữa	6/2016		223,136,364	-	223,136,364
	Nhà cửa sau 135 Lương Định Của	2014	169.00	35,032,916	35,032,916	-
	Nhà cửa sau 135 Lương Định Của	2015		35,032,916	35,032,916	-
	Nhà tạm sau 135 Lương Định Của	2015				-
141	Nhà cửa tại 83 Nguyễn An Ninh	2012	122.80	11,740,600	11,740,600	-
142	Nhà cửa 198 Lò Đúc-KL		130.6	63,236,273	63,236,273	-
143	Nhà cửa E6 Quỳnh Mai -KL		464.45	135,484,463	91,548,621	43,935,842
	Nhà cửa E6 Quỳnh Mai			84,101,888	42,751,784	41,350,104
144	Số 6 Cầu Bươu		605.35			
145	53D Hàng Bài					

			245.00			
146	Số 4 ngõ Tràng Tiền		76.00			
147	Số 15 Tràng Tiền (Diện tích xây dựng thêm TCT tự đầu tư)		72.70			
148	Số 19-21 Đinh Tiên Hoàng (Diện tích xây dựng thêm TCT tự đầu tư)		45.00			
	Tổng cộng			**462,243,023,708**	**149,334,006,788**	**312,909,016,920**

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội thời điểm 30/6/2016

Bảng 7: Chi tiết phương tiện vận tải của Công ty Mẹ - Tổng công ty

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Danh mục	Thời gian đưa vào sử dụng	SL	Theo sổ sách		
				Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	6	7	8
A	**VĂN PHÒNG CÔNG TY MẸ TCT**			**5,996,254,652**	**3,594,032,811**	**2,402,221,841**
1	Xe ô tô 5 chỗ - CAMRY 24G BKS 30A-90148 (BKS cũ 29S-3178)	2005	1	434,356,270	434,356,270	-
2	Xe ô tô 5 chỗ - BKS 29Y-7859	2006	1	476,890,000	468,457,000	8,433,000
3	Xe ô tô 5 chỗ Camry 2.4G - BS 30H 5948	2007	1	780,337,286	715,307,963	65,029,323
4	Xe Altis 5 chỗ BKS 29A-188.83	2011	1	758,264,091	398,088,647	360,175,444
5	Xe Fortuner 7 chỗ BKS 29A-221.09	2011	1	1,059,994,546	547,663,851	512,330,695

6	Xe ô tô BKS 30K- 9597 (04 chỗ)	2013	1	528,143,831	391,361,818	136,782,013
7	Xe ô tô 16 chỗ BKS 29B-09541	2013	1	825,961,818	206,490,452	619,471,366
8	Xe Fortuner 7 chỗ BKS 30A-903-38 (BKS cũ 30X-2099)	2015	1	800,000,000	100,000,000	700,000,000
9	Xe ô tô Toyota Zace BKS 30E-63404 (BKS cũ 29M-8689)	2001	1	332,306,810	332,306,810	-
B	**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**			**2,061,415,127**	**1,327,324,287**	**734,090,840**
1	Xe ô tô 5 chỗ - Camry 2.4G, BKS 52X-7976 số km đã đi: 30.9380 km	2004	1	703,984,909	703,984,909	-
2	Xe ô tô 7 chỗ - Innova, BKS 52P-3069 Số km đã đi: 282.769 km	2008	1	476,521,127	476,521,127	-
3	Xe ô tô 7 chỗ Fortuner, BKS 51F-220.94 Số km đã đi: 60.355 km	2015	1	880,909,091	146,818,251	734,090,840
C	**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI TẠI TỈNH ĐỒNG THÁP**			**637,218,182**	**4,576,246**	**632,641,936**
1	Xe ô tô 7 chỗ Ford Everest, BKS 30A-91012	2014	1	363,636,364	3,316,121	360,320,243
2	Xe ô tô tải Thaco Towner 750kg, BKS 66C-020.85	2014	1	138,181,818	1,260,125	136,921,693
3	Xe nâng hạ	28/09/2015	1	135,400,000		135,400,000
D	**CHI NHÁNH TCT TMHN -TRUNG TÂM XUẤT NHẬP KHẨU PHÍA BẮC**			**417,895,195**	**408,283,068**	**9,612,127**
1	Xe ô tô 7 chỗ Inova, BKS 30H-5633	2014	1	417,895,195	408,283,068	9,612,127
E	**TRUNG TÂM KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ**			**446,546,922**	**364,678,710**	**81,868,212**
1	Xe ô tô 7 chỗ Inova, BKS 29Z-0269	2007	1	446,546,922	364,678,710	81,868,212

F	**CÔNG TY SIÊU THỊ HÀ NỘI**			**1,786,770,044**	**713,668,300**	**1,073,101,744**
1	Ô tô đông lạnh 1,25T 30F-6216	2007	1	291,819,048	182,186,700	109,632,348
2	Ô tô đông lạnh 1,25T 30F-6090	2007	1	230,801,905	139,548,877	91,253,028
3	Xe ô tô 7 chỗ - Fortuner, BKS 29A - 197.70	2011	1	1,043,935,455	305,541,967	738,393,488
4	Xe ô tô Suzuki Carry, BKS 29C-046.39	2011	1	220,213,636	86,390,756	133,822,880
	TỔNG CỘNG			**11,346,100,122**	**6,412,563,422**	**4,933,536,700**

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội thời điểm 30/6/2016

Bảng 8: Chi tiết máy móc thiết bị của Công ty mẹ- Tổng công ty

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Danh mục	Năm sử dụng	Số lượng	Theo sổ sách		
				Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	7	8	9
1	Tủ trưng bày sản phẩm CKE3SCGM	01/2011	1	44,400,000	44,400,000	-
2	Tủ trưng bày sản phẩm CKE3SCGM	01/2011	1	44,400,000	44,400,000	-
3	Tủ trưng bày thực phẩm CKE4SCGM	01/2011	1	51,600,000	51,600,000	-
4	Tủ trưng bày thực phẩm CKE4SCGM	01/2011	1			
5	Tủ trưng bày thực phẩm CKE4SCGM	01/2011	1			

4	Tủ trưng bày thực phẩm CKE4SCGM	01/2011	1	51,600,000	51,600,000	-
5	Tủ trưng bày thực phẩm CKE4SCGM	01/2011	1	51,600,000	51,600,000	-
6	Tủ trưng bày thực phẩm CKE4SCGM	01/2011	1	51,600,000	51,600,000	-
7	Tủ trưng bày thực phẩm CKE4SCGM	01/2011	1	51,600,000	51,600,000	-
8	Tủ trưng bày thực phẩm CKE4SCGM	01/2011	1	51,600,000	51,600,000	-
9	Tủ trưng bày thực phẩm CKE4SCGM	01/2011	1	51,600,000	51,600,000	-
10	Tủ trưng bày thực phẩm CKE4SCGM	01/2011	1	51,600,000	51,600,000	-
11	Tủ trưng bày thực phẩm CKE5SCGM	01/2011	1	55,200,000	55,200,000	-
12	Tủ trưng bày thực phẩm CKE5SCGM	01/2011	1	55,200,000	55,200,000	-
13	Tủ trưng bày thực phẩm CKE5SCGM	01/2011	1	55,200,000	55,200,000	-
14	Tủ trưng bày thực phẩm CKE5SCGM	01/2011	1	55,200,000	55,200,000	-
15	Tủ trưng bày thực phẩm CKE5SCGM	01/2011	1	55,200,000	55,200,000	-
16	Tủ trưng bày thực phẩm CKE6SCGM	01/2011	1	67,200,000	67,200,000	-
17	Tủ trưng bày thực phẩm tươi sống Tide L250	01/2011	1	157,500,000	157,500,000	-
18	Tủ lạnh openshow	01/2011	1	115,000,000	115,000,000	-
19	Điều hòa Carrier	2007	6	635,700,861	142,006,088	493,694,773
20	Điều hòa Carrier Model 38 VTA 060	2010	4	224,176,363	43,923,299	180,253,064
21	Vật tư lắp đặt hệ thống điều hòa không khí	2010		701,349,000	86,512,242	614,836,758
22	Thang máy cửa hàng 19-21 Đinh Tiên Hoàng	12/2009		570,782,503	313,930,376	256,852,127
23	Máy phát điện	08/2015	1	72,726,364	22,221,947	50,504,417

24	Động cơ điện	05/2013	1	70,800,000	645,648	70,154,352
25	Cân nhập liệu	06/2013	1	77,750,000	709,028	77,040,972
26	Hệ thống bồ đài sàng đảo gạo	07/2013	1	200,050,000	1,824,322	198,225,678
27	Hệ thống băng tải gạo	10/2014	1	36,000,000	328,296	35,671,704
28	Tháp sấy	07/2013	1	180,000,000	1,641,480	178,358,520
29	Dây chuyền xay xát lúa	10/2013	1	9,202,318,182	86,074,467	9,116,243,715
30	Dây chuyền lau bóng gạo	10/2015	1	4,218,000,000	38,465,340	4,179,534,660
31	Máy đánh bóng gạo PR80 (Pass 1)	08/2015	1	451,800,000		451,800,000
32	Máy đánh bóng gạo PR80 (Pass 2)	08/2015	1	389,610,000		389,610,000
33	Máy nén khí	03/2016	1	21,000,000		21,000,000
34	Hệ thống tách màu	03/2016	1	1,756,587,000		1,756,587,000
35	Trạm biến áp	2001	1	634,431,606	634,431,606	-
36	Trạm biến áp	2008		778,973,174	631,425,854	147,547,320
37	Điều hòa không khí Mitsubishi 24K BTU	05/2011	1	34,875,000	20,343,750	14,531,250
38	Bộ điều hòa không khí hiệu Carrier Model 38 VTA060/42XQA060	10/2012	2	112,088,182	41,445,532	70,642,650
39	Tủ mát hiệu carrier 3 cánh kính 3DCC180	11/2012	1	48,940,000	11,616,419	37,323,581
40	Tủ mát hiệu Carrier 3 cánh kính	07/2012	1	43,621,500	8,735,992	34,885,508
41	Tủ quầy đông 2 cánh trưng bày BQTP 2DC -F120-	7/2012	1	62,770,000	14,093,173	48,676,827

42	Dàn mát Carier TQ 4x1,8m(0-5)	3/2008	1	89,584,400	89,584,400	-
43	Tủ bảo quản thực phẩm hiệu carrier	12/2011	1	391,040,000	30,675,513	360,364,487
44	Đều hòa (NS+TC)	4/2003	4	124,734,400	124,734,400	-
45	Điều hòa LG	10/1999	1	31,183,600	31,183,600	-
46	Điều hòa LG	10/2002	2	63,587,900	63,587,900	-
47	Điều hòa LG phòng kế toán	10/2002	1	31,793,950	31,793,950	-
48	Lò làm bánh LN 306	9/2011	1	54,210,000	13,446,000	40,764,000
49	Máy trộn bột LN115	9/2011	1	70,472,727	17,618,374	52,854,353
50	Máy chia bột LN 36DE	9/2011	1	56,238,546	14,058,026	42,180,520
51	Máy vê bột UN 80TS	9/2011	1	66,340,909	16,585,226	49,755,683
52	Máy trộn bột PM-50-R	9/2011	1	30,322,634	7,578,026	22,744,608
53	Lò làm bánh HS28A	7/2012	1	99,590,000	17,151,618	82,438,382
54	Máy sấy dạng tủ HS 380	7/2012	1	142,936,000	28,102,733	114,833,267
55	Tủ mát 2 cánh hiệu Carrier (2DCC120)	7/2012	1	35,760,000	10,131,974	25,628,026
56	Điều hòa	2006	1	38,824,000	38,824,000	-
57	Tủ đông lạnh Carier (AIW25180)-tủ âm-	2009	1	212,450,000	146,960,000	65,490,000
58	Tủ dương carrier LD20205- tủ dương	2009	1	105,375,200	73,000,226	32,374,974
59	Điều hòa carrier	12/2007	2	81,700,000	36,250,919	45,449,081
60	Tủ mát (Tủ dương 2 cánh kính Berjiaya)	2008	1	32,567,400	20,559,978	12,007,422
61	Tủ dương (Từ CB về) Sanyo 3 cánh kính(rộng 1.8m)	11/2007	1	67,034,200	53,068,653	13,965,547
62	Tủ dương hiệu Carier 3 cánh kín	07/2014	1	270,568,365	145,995,383	124,572,982

63	Điều hoà (hệ thống điều hoà âm)	01/2007	8	537,600,000	398,719,972	138,880,028
64	Tủ bảo quản thực phẩm (âm) Bonnet L375 Cosmos	01/2007	1	747,201,595	519,020,880	228,180,715
65	Tủ bảo quản thực phẩm (dương) Bonnet Proxima L375	01/2007	1	135,284,183	131,620,854	3,663,329
66	Bộ máy móc thiết bị lò bánh mỳ	01/2012	1	629,442,000	56,649,780	572,792,220
67	Nâng cấp công tơ 3 fa	2007	15	98,632,023	74,796,950	23,835,073
68	Tủ đông lạnh dạng hở 2,5m (Sanaky)	11/2007	2	56,145,200	45,618,014	10,527,186
69	Tủ lạnh 3 cánh Sanyo	2007	1	45,814,600	37,853,641	7,960,959
70	Tủ mát 3 cánh kính hiệu Carrier 3DCC180	11/2010	1	44,740,000	17,100,028	27,639,972
71	Hệ thống điều hòa không khí 1 chiều lạnh âm trần	06/2011	1	163,430,000	43,129,972	120,300,028
72	Tủ mát 3 cánh kính 1800*710*2050 Carrier Linde TLan	05/2011	1	54,880,000	17,834,672	37,045,328
73	Lò làm bánh 4 kahy YS4R12P OVEN	06/2011	1	33,825,142	8,926,200	24,898,942
74	Máy trộn bột LA-SM 30Power Mixing Machine LA-SM30	06/2011	1	79,673,885	21,013,972	58,659,913
75	Máy vê bột LA-R80 Power Calendaring Machine LA-R80(220V-1,75Kw)	06/2011	1	60,115,102	15,865,028	44,250,074
76	Máy chia bột LA-T38 Power division Machine LA-T38	06/2011	1	71,008,870	18,733,972	52,274,898
77	Máy cắt bánh LA-208 Cuting Machine LA-208(220v-1,19Kw)	06/2011	1	31,791,305	8,379,000	23,412,305

78	Máy trộn bột 20 liter LA-M30 Power mixing Machine LA-M30	06/2011	1	41,595,696	10,981,972	30,613,724
79	Máy điều hòa không khí hiệu Daikin Model FHC42NUV1/R42 NUY1	11/2011	1	230,270,000	67,162,088	163,107,912
80	Tủ trưng bày kính cong hiệu Berjaya model CKE5SCSB (ĐP)	11/2011	1	53,000,000	10,733,396	42,266,604
81	Tủ dương hở Carierr 3m75	11/2011	1	207,697,368	146,906,547	60,790,821
82	Tủ bảo quản am thực phẩm carrier âm	11/2011	1	328,000,000	131,499,990	196,500,010
83	Máy cán bột HS-730	11/2011	1	138,732,000	25,434,190	113,297,810
84	Máy trộn bột LA-60K	11/2011	1	30,326,000	5,559,746	24,766,254
85	Máy trộn bột HS-12K	11/2011	1	65,162,000	11,946,335	53,215,665
86	Máy chia bột HS-840M	11/2011	1	58,856,000	10,790,302	48,065,698
87	Lò làm bánh HS-102	11/2011	1	46,244,000	10,578,063	35,665,937
88	Máy cắt bánh HS-305S	11/2011	1	31,530,000	5,780,510	25,749,490
89	Tủ quầy lạnh 2 cánh trưng bày bảo quản thực phẩm Carrier 2DC-C120	10/2012	1	35,760,000	13,112,000	22,648,000
90	Tủ quầy đông2 cánh trưng bày bảo quản thực phẩm 2DC -F120	10/2012	1	62,770,000	21,969,490	40,800,510
	Tổng cộng			**27,857,490,935**	**6,116,283,322**	**21,741,207,613**

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội thời điểm 30/6/2016

Bảng 9: Chi tiết thiết bị quản lý của Công ty mẹ- Tổng công ty

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Danh mục	Năm sử dụng	Số lượng	Theo sổ sách

				Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
A	**VĂN PHÒNG CÔNG TY MẸ TCT**			**458,518,943**	**219,474,499**	**239,044,444**
1	Tổng đài điện thoại	06/2003	1	44,818,607	44,818,607	-
2	Bộ micro tầng 16	11/2010	13	120,450,336	120,450,336	-
3	Máy điều hòa tủ đứng Trane 48.000 BTU lắp tại tầng 16 - tòa nhà 11B Cát Linh	07/2015	3	127,500,000	25,500,000	102,000,000
4	Máy điều hòa tủ đứng Trane 36.000 BTU lắp tại tầng 16 - tòa nhà 11B Cát Linh	07/2015	1	35,000,000	7,000,000	28,000,000
5	Máy điều hòa tủ đứng Trane 36.000 BTU lắp tại tầng 16 - tòa nhà 11B Cát Linh	07/2015	2	80,750,000	16,150,000	64,600,000
6	Hệ thống truyền hình tại TTTM Bắc Giang (Camera Minrray UV950)	03/2016	1	50,000,000	5,555,556	44,444,444
B	**CHI NHÁNH TCT TMHN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**			**423,722,173**	**343,912,232**	**79,809,941**
1	Máy photo	01/07/2014	1	72,725,455	48,483,644	24,241,811
2	Máy chủ IBM System x 3250 M4 Quad-Core E3-1230v2 3.3 Ghz-2583 C2A	2011	1	31,810,000	19,439,442	12,370,558
3	Kệ hàng mẫu		1	34,900,000	34,900,000	0
4	Trạm điện 3 pha	08/01/2001	1	89,680,718	89,680,718	-
5	Bộ ghế Sopha	01/07/2008	1	46,500,000	46,500,000	-
6	Thiết bị PCCC và báo cháy (Bình Dương)	01/01/2014	1	148,106,000	104,908,428	43,197,572
C	**CHI NHÁNH TCT TMHN TẠI TỈNH ĐỒNG THÁP**			**503,008,000**	**301,987**	**502,706,013**
1	Hệ thống Camera	07/12/2013	1	33,115,000	301,987	32,813,013

2	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	01/08/2015	1	469,893,000	-	469,893,000
D	**CHI NHÁNH TCT TMHN -TRUNG TÂM XUẤT NHẬP KHẨU PHÍA BẮC**			**50,500,000**	**25,250,010**	**25,249,990**
1	Máy photocopy	2014	1	50,500,000	25,250,010	25,249,990
E	**TRUNG TÂM KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ**			**124,578,225**	**124,578,225**	-
1	Máy tính chủ HP ML 350	08/2007	1	83,658,225	83,658,225	-
2	Máy tính chủ IBM X3200M3 ML 351	04/2013	1	40,920,000	40,920,000	-
F	**CÔNG TY SIÊU THỊ HÀ NỘI**			**173,687,950**	**155,502,944**	**18,185,006**
1	Máy chủ phòng CNTT	2009	1	52,707,800	52,707,800	-
2	Máy chủ phòng Kế toán	T9/2010	1	42,380,950	42,380,950	-
3	Máy photo Toshiba	2007	1	39,841,200	39,841,200	-
4	Cân điện tử	2011	1	38,758,000	20,572,994	18,185,006
	Tổng cộng			**1,734,015,291**	**869,019,897**	**864,995,394**

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội thời điểm 30/6/2016

Bảng 10: Chi tiết Tài sản cố định hữu hình khác của Công ty mẹ - Tổng công ty

Stt	Tài sản	Thời gian đưa tài sản vào sử dụng	Số lượng	Theo sổ sách		
				Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
A	**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – TRUNG TÂM CHẾ BIẾN HÀNG XK**			**198,700,909**	**74,512,840**	**124,188,069**
1	Hệ thống PCCC (bổ sung)	01/04/2015	1	89,789,091	33,670,909	56,118,182

2	Vật tư điện chiếu sáng nhà xưởng số 2 + số 3	01/04/2015	1	108,911,818	40,841,931	68,069,887
B	**TRUNG TÂM KINH DOANH CHỢ ĐẦU MỐI PHÍA NAM**			**287,667,000**	**239,759,263**	**47,907,737**
1	Cây xanh	2001		287,667,000	239,759,263	47,907,737
C	**TRUNG TÂM KINH DOANH CHỢ ĐẦU MỐI BẮC THĂNG LONG**			**2,029,711,218**	**733,008,779**	**1,296,702,439**
1	Cấp nước	2008	1	385,073,408	154,586,392	230,487,016
2	Cây xanh	2008	1	123,019,156	22,553,520	100,465,636
3	Dải đất trồng cây xanh tạm giao	2008	14000	191,358,244	35,082,344	156,275,900
4	Hệ thống điện chiếu sáng	2008	1	339,978,266	124,658,688	215,319,578
5	Tường rào	2008	396	723,189,765	298,193,955	424,995,810
6	Thoát nước	2008	1	267,092,379	97,933,880	169,158,499
D	**NHÀ MÁY MỲ HAPRO**			**19,230,000**	**9,815,317**	**9,414,683**
1	Cây xanh quanh nhà máy	2011		19,230,000	9,815,317	9,414,683
	TỔNG CỘNG			**2,535,309,127**	**1,057,096,199**	**1,478,212,928**

Bảng 11: Chi tiết Tài sản cố định vô hình của Công ty mẹ - Tổng công ty

TT	Danh mục	Thời gian đưa tài sản vào sử dụng	Diện tích (m2)	Địa điểm	Theo sổ sách		
					Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
	CHI NHÁNH TCT TMHN TẠI TP HỒ CHÍ MINH				**3,280,235,000**	**158,419,440**	**3,121,815,560**

1	**Đất Gia lai**				**2,207,195,000**	**129,834,996**	**2,077,360,004**
		01/07/2015	1,375	Làng Ring 2, xã HBông, huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai			
			216	Làng Ring 2, xã HBông, huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai			
			696	Làng Ring 2, xã HBông, huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai			
			3,284	Làng Ring 2, xã HBông, huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai			
			10,563	Làng Ring 2, xã HBông, huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai			
2	**Đất Gia Lai**				**1,029,040,000**	**28,584,444**	**1,000,455,556**
		01/07/2015	496	Thôn Plei Dư, xã Ia Hrú, huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai			
			484	Thôn Plei Dư, xã Ia Hrú, huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai			
3	Phần mềm máy tính	01/06/2016			44,000,000	-	44,000,000
4	77-79 Phó Đức Chính, quận 1, TP HCM		140.88				
C	**CHI NHÁNH TCT TMHN TẠI TỈNH ĐỒNG THÁP**				**965,454,544**	**3,500,000**	**961,954,544**
5	Quyền sử dụng đất (số: BE38 + AM92 đổi	31/10/2013	7158.5	Tổ 10, ấp Tân Thuận b, xã Tân Dương, huyện Lai	420,000,000	3,500,000	416,500,000

	thành BS 372321) Tổ 10, ấp Tân Thuận b, xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp		850	Vung, tỉnh Đồng Tháp			
			6308.5				
6	Quyền sử dụng đất (số: CA 140669) Tổ 10, ấp Tân Thuận b, xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	1/1/2015	2,502	Tổ 10, ấp Tân Thuận b, xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	345,454,544		345,454,544
7	Quyền sử dụng đất (số: BS37226) Khóm Tân Thuận, phường An Hòa, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	31/03/2015	85	Khóm Tân Thuận, phường An Hòa, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	200,000,000		200,000,000
D	**TRUNG TÂM KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ**				**224,000,000**	**224,000,000**	**0**
8	Phần mềm máy tính	12/2007		C4 G Võ	182,500,000	182,500,000	-
9	Phần mềm mã vạch	01/2011		C4 G Võ	41,500,000	41,500,000	-
E	**CÔNG TY SIÊU THỊ HÀ NỘI**				**1,699,382,430**	**1,090,852,112**	**608,530,318**
1	**Tài sản vô hình**				**0**	**-**	**-**
2	**Siêu thị Kim Liên**				**193,392,000**	**193,392,000**	**0**
10	Phần mềm bán hàng Haprro mart	2008		VP	193,392,000	193,392,000	-

3	**Siêu thị Giảng Võ**				**119,347,100**	**97,620,472**	**21,726,628**
11	Phần mềm bán hàng HHT -	2009		VP	55,220,300	48,473,656	6,746,644
12	Phần mềm BH GV-Đan Phượng - chuyển HHT	2009		VP	64,126,800	49,146,816	14,979,984
4	**Chuỗi Đống Đa**				**71,680,180**	**25,924,338**	**45,755,842**
13	Phần mềm bán hàng-135 Lương Định Của	7/2012		135LĐC	71,680,180	25,924,338	45,755,842
5	**Chuỗi Hai Bà Trưng**				**53,904,000**	**27,326,358**	**26,577,642**
14	Phần mềm Quản lý bán hàng-E6 Quỳnh Mai	4/2010		E6QM	53,904,000	27,326,358	26,577,642
7	**Kho Tựu Liệt**				**66,650,000**	**15,739,074**	**50,910,926**
15	Phần mềm bán hàng – Kho Tựu Liệt	7/2012		VP	66,650,000	15,739,074	50,910,926
6	**VF ST**			**VP**	**490,424,300**	**352,517,708**	**137,906,592**
16	Phần mềm Quản lý bán hàng -D2 Giảng Võ	01/2007			313,365,000	290,517,000	22,848,000
17	Phần mềm Quản lý bán hàng-Hưng Yên	01/2008			60,735,400	14,551,180	46,184,220
18	Phần mềm bán hàng-Công nghệ thông tin	06/2008			60,735,400	47,449,528	13,285,872
19	Phần mềm Quản lý bán hàng - Momota	4/2010			55,588,500	-	55,588,500
7	**P.KTNH**			**KD5**	**63,932,000**	**52,610,683**	**11,321,317**
20	Phần mềm NX hàng-Kho Tựu Liệt	01/2008			63,932,000	52,610,683	11,321,317

8	**Siêu thị Thanh Xuân**				**247,520,450**	**146,328,225**	**101,192,225**
21	NTY	03/2008		NTY	76,071,250	59,430,648	16,640,602
22	C12TX	2002		C12TX	59,410,000	48,386,577	11,023,423
23	Kim chung 1	04/2012		KC1	56,019,600	19,255,500	36,764,100
24	Kim chung 2	04/2012		KC2	56,019,600	19,255,500	36,764,100
9	**Nhận từ Bắc Kan**				**102,914,500**	**68,794,732**	**34,119,768**
25	Phần mềm bán hàng	06/08			40,082,500	34,237,132	5,845,368
26	Phần mềm Daisy 4.0	11/2010			62,832,000	34,557,600	28,274,400
10	**ST Việt Hưng**			**VH**	**58,800,000**	**30,629,298**	**28,170,702**
27	Phần mềm QLBH	04/2010			58,800,000	30,629,298	28,170,702
11	**Nhận từ Thái Nguyên**			**VP**	**101,282,500**	**39,478,984**	**61,803,516**
28	Phần mềm bán hàng	06/08			40,082,500	23,798,986	16,283,514
29	Phần mềm Daisy 4.0	11/2010			61,200,000	15,679,998	45,520,002
12	**Nhận từ Ninh Bình**			**VP**	**129,535,400**	**40,490,240**	**89,045,160**
30	Phần mềm bán hàng	2008			60,735,400	40,490,240	20,245,160
31	Nâng cấp phần mềm bán hàng	07/2012			68,800,000	-	68,800,000
32	**Quyền sử dụng đất tại 166A Nguyễn Thái Học**						
	Tổng cộng				**6,169,071,974**	**1,476,771,552**	**4,692,300,422**

Bảng 12: Bảng kê tài sản không tính vào GTDN của Công ty mẹ-Tổng công ty

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5
I	**Tài sản không cần dùng**	**42.802.031.586**	**11.639.003.508**	**31.163.028.078**
1	Tài sản cố định	36.909.735.863	10.672.585.900	26.237.149.963
1.1	Tài sản cố định hữu hình	36.418.326.613	10.391.448.254	26.026.878.359
1.2	Tài sản cố định vô hình	491.409.250	281.137.646	210.271.604
2	Xây dựng cơ bản dở dang	3.423.956.100		3.423.956.100
3	Công cụ dụng cụ	2.468.339.623	966.417.608	1.501.922.015
II	**Tài sản chờ thanh lý**	**3.388.560.825**	**2.294.133.728**	**1.094.427.097**
1	Tài sản cố định hữu hình	2.364.657.587	1.700.326.189	664.331.398
2	Tài sản cố định vô hình	0		0
3	Công cụ dụng cụ	1.023.903.238	593.807.539	430.095.699
	Tổng cộng (I+II)	**46.190.592.411**	**13.933.137.236**	**32.257.455.175**

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội thời điểm 30/6/2016

11. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2012 - 2016

Bảng 13: Kết quả hoạt động hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Mẹ - Tổng công ty giai đoạn 2012 – 2016

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	2014	2015	2016
I	***Tổng doanh thu***	Tr.đ	2.399.162	2.934.799	3.583.323	3.353.617	3.412.236
	Chỉ tiêu tăng trưởng năm sau/năm trước	*%*	-	*122*	*122*	*94*	*102*
1	Doanh thu bán hàng hóa	Tr.đ	2.175.543	2.663.466	2.959.237	2.963.776	3.034.117
	Tỷ trọng/Tổng DT	*%*	*91*	*91*	*83*	*88*	*89*
2	Doanh thu dịch vụ	Tr.đ	130.065	176.739	453.601	250.614	99.677
	Tỷ trọng/Tổng DT	*%*	*5.4*	*6.0*	*12.7*	*7.5*	*2.9*
3	Doanh thu KD BĐS	Tr.đ	2.783	1.756	1.916	1.759	6.461

4	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đ	90.771	92.838	168.569	137.468	271.981
II	***Lợi nhuận trước thuế***	Tr.đ	6.828	7.403	38.347	11.515	52.160
	Trong đó LN thương mại	*Tr.đ*	*6.220*	*6.434*	*37.335*	*10.682*	*49.936*
	LN BĐS	Tr.đ	608	969	1.012	833	2.224
III	***Lợi nhuận sau thuế***	Tr.đ	6.676	7.161	38.125	9.530	40.991
IV	***Nộp ngân sách (không bao gồm thuế nhà + đất)***	Tr.đ	50.434	38.137	33.322	48.507	43.256
V	***Lao động bq***	Người	1480	1169	844	833	761
VI	***Thu nhập bq***	Trđ/ng /tháng	6,1	6,25	6,47	7,0	7,2
VII	***Nợ phải thu***	Tr.đ	582.670	716.940	961.775	1.174.811	965.867
IX	***Nợ phải trả***	Tr.đ	1.764.108	2.232.193	1.881.454	1.434.249	1.383.236

Kết quả sản xuất kinh doanh trên chưa bao gồm các chỉ tiêu kinh tế của các Công ty con, Công ty thành viên liên kết và Công ty thành viên liên kết tự nguyện. Nếu tổng hợp lợi thế quy mô tại các Công ty thành viên thì một số chỉ tiêu kinh tế chính của toàn Tổng công ty cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	2014	2015	2016
I	***Số lượng Công ty thành viên***		41	37	34	31	26
II	***Tổng doanh thu***	Tr.đ	8.847.386	8.055.749	5.408.568	5.840.723	5.923.326
III	***Kim ngạch XNK***	Triệu USD	282,191	271,328	152,437	161,407	164,594
	- Xuất khẩu		213,681	224,256	141,477	152,881	158,978
	- Nhập khẩu		68,510	47,072	10,960	8,526	5,616
IV	***Lợi nhuận trước thuế***	Tr.đ	56.124	62.986	47.298	50.069	75.982

V	***Nộp ngân sách (không bao gồm thuế nhà + đất)***	Tr.đ	149.293	122.256	104.579	77.740	84.584

12. Những vấn đề cần xử lý sau cổ phần hóa

Tổng công ty tiếp tục đối chiếu, xác nhận các khoản phải thu, các khoản phải trả theo quy định và điều chỉnh các khoản chênh lệch (nếu có) cho phù hợp trước khi chính thức chuyển đổi sang công ty cổ phần.

Tổng công ty bàn giao cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam các khoản nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, các khoản nợ khó đòi đã được xử lý bằng nguồn dự phòng trong vòng 5 năm liền kề trước khi cổ phần hóa tại Tổng công ty và 3 công ty con thực hiện cổ phần hóa: Công ty TNHH một thành viên Thực phẩm Hà Nội, Công ty TNHH một thành viên XNK và đầu tư Hà Nội, Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội;

Tổng công ty bàn giao cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam các tài sản, công cụ dụng cụ loại ra không tính vào giá trị doanh nghiệp tại Công ty mẹ-Tổng công ty và Công ty TNHH Một thành viên XNK và đầu tư Hà Nội.

II. GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP VÀ GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP

Căn cứ:

- Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Tổng công ty Thương mại Hà Nội do Công ty Cổ phần thẩm định giá IVC Việt nam thực hiện.
- Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hà Nội Vv Phê duyệt phương án sử dụng các cơ sở nhà, đất sau cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội.
- Quyết định số 2479 ngày 28/4/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội.

Tại thời điểm 0h ngày 01/7/2016, giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp sau khi xác định như sau:

- **Giá trị thực tế doanh nghiệp: 4.043.213.461.455 đồng** *(Bốn nghìn không trăm bốn mươi ba tỷ, hai trăm mười ba triệu, bốn trăm sáu mươi mốt nghìn, bốn trăm năm mươi lăm đồng).*
- **Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: 2.155.699.724.707 đồng** *(Hai nghìn một trăm năm mươi lăm tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi tư nghìn, bảy trăm linh bảy đồng).*

(32,257,455,175)

Bảng 14: Tổng hợp kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Số liệu trên sổ sách kế toán thời điểm 30/6/2016	Chênh lệch xử lý tài chính	Số liệu trên sổ sách kế toán (sau khi xử lý tài chính)	Số liệu xác định lại	Chênh lệch xác định lại giá trị	Chênh lệch so với sổ sách kế toán 30/6/2016
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
A	**TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)**	**3,589,278,790,223**	**(32,257,455,175)**	**3,557,021,335,048**	**4,043,213,461,455**	**486,192,126,407**	**453,934,671,232**
I	**TÀI SẢN DÀI HẠN (Không bao gồm quyền sử dụng đất)**	**1,234,802,039,061**	**(32,252,261,425)**	**1,202,549,777,636**	**1,594,467,073,544**	**391,917,295,908**	**359,665,034,483**
1	**Các khoản phải thu dài hạn**	**20,761,437,949**	**-**	***20,761,437,949***	***20,761,437,949***	**-**	**-**
2	**Tài sản cố định**	**369,480,981,234**	**(26,901,481,361)**	**342,579,499,873**	**554,631,871,727**	**212,052,371,854**	**185,150,890,493**
2.1	*Tài sản cố định hữu hình*	*368,618,179,312*	(26,691,209,757)	*341,926,969,555*	*553,847,245,801*	*211,920,276,246*	185,229,066,489
2.2	*Tài sản cố định vô hình*	*862,801,922*	(210,271,604)	*652,530,318*	*784,625,926*	*132,095,608*	(78,175,996)
3	**Bất động sản đầu tư**	**62,612,034,182**	**-**	**62,612,034,182**	**122,279,315,003**	**59,667,280,821**	**59,667,280,821**
4	**Tài sản dở dang dài hạn**	**205,744,995,479**	**(3,423,956,100)**	**202,321,039,379**	**303,221,681,269**	**100,900,641,890**	**97,476,685,790**
4.1	*Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn*	*145,931,651,136*	-	*145,931,651,136*	*146,102,059,780*	*170,408,644*	*170,408,644*
4.2	*Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang dài hạn*	*59,813,344,343*	*(3,423,956,100)*	*56,389,388,243*	*157,119,621,489*	*100,730,233,246*	*97,306,277,146*
5	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**529,539,439,824**	**-**	**529,539,439,824**	**543,838,490,450**	**14,299,050,626**	**14,299,050,626**
6	**Tài sản dài hạn khác**	**46,663,150,393**	**(1,926,823,964)**	**44,736,326,429**	**49,734,277,146**	**4,997,950,717**	**3,071,126,753**
II	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**2,076,324,756,700**	**(5,193,750)**	**2,076,319,562,950**	**2,091,749,612,828**	**15,430,049,878**	**15,424,856,128**
1	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**289,754,095,869**	**-**	**289,754,095,869**	**289,754,095,869**	**-**	**-**
1.1	Tiền mặt tại quỹ	8,172,571,601	-	8,172,571,601	8,172,571,601	-	-
1.2	Tiền gửi ngân hàng	123,493,480,158	-	123,493,480,158	123,493,480,158	-	-
1.3	Tiền đang chuyển					-	

		3,088,489,666		3,088,489,666	3,088,489,666		-
1.4	Các khoản tương đương tiền	154,999,554,444	-	154,999,554,444	154,999,554,444	-	-
2	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**396,800,000,000**	**-**	**396,800,000,000**	**396,800,000,000**	**-**	**-**
3	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**1,287,144,413,618**	**-**	**1,287,144,413,618**	**1,302,156,544,145**	**15,012,130,527**	**15,012,130,527**
3.1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	530,475,364,017	-	530,475,364,017	534,668,608,071	4,193,244,054	4,193,244,054
3.2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	520,711,209,927	-	520,711,209,927	525,375,902,026	4,664,692,099	4,664,692,099
3.3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	140,166,309,159	-	140,166,309,159	140,166,309,159	-	-
3.4	Phải thu ngắn hạn khác	95,791,530,515	-	95,791,530,515	101,945,724,889	6,154,194,374	6,154,194,374
4	**Hàng tồn kho**	***61,108,549,616***	**-**	***61,108,549,616***	***61,404,727,749***	***296,178,133***	**296,178,133**
5	**Tài sản ngắn hạn khác**	**41,517,697,597**	**(5,193,750)**	**41,512,503,847**	**41,634,245,065**	***121,741,218***	**116,547,468**
III	**Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp**	**-**	**-**	**-**	**31,103,743,004**	**31,103,743,004**	**31,103,743,004**
IV	**Giá trị quyền sử dụng đất**	**278,151,994,462**	**-**	**278,151,994,462**	**325,893,032,079**	***47,741,037,617***	**47,741,037,617**
1	Quyền sử dụng đất ghi nhận ở Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn (Biệt thự Lệ Chi)	272,982,042,540	-	272,982,042,540	278,729,358,134	***5,747,315,594***	5,747,315,594
2	Quyền sử dụng đất ghi nhận ở Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang dài hạn (đất Sađec Đồng Tháp)	1,130,181,818	-	1,130,181,818	1,677,760,364	***547,578,546***	547,578,546
3	Quyền sử dụng đất thuộc tài sản cố định vô hình	4,039,770,104	-	4,039,770,104	45,485,913,581	***41,446,143,477***	41,446,143,478
B	**TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG**		**31,163,028,078**	**31,163,028,078**	**31,163,028,078**	**-**	**31,163,028,078**
I	**Tài sản cố định và đầu tư dài hạn**		**29,661,106,063**	**29,661,106,063**	**29,661,106,063**	**-**	**29,661,106,063**
1	TSCĐ		26,237,149,963	26,237,149,963	26,237,149,963	-	26,237,149,963
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-				
3	Chi phí XDCB dở dang					-	

			3,423,956,100	3,423,956,100	3,423,956,100		3,423,956,100
4	Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn						
II	**Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn**		**1,501,922,015**	**1,501,922,015**	**1,501,922,015**	**-**	**1,501,922,015**
1	Công cụ dụng cụ		1,501,922,015	1,501,922,015	1,501,922,015	-	1,501,922,015
2	Công nợ không có khả năng thu hồi						
3	Vật tư hàng hoá tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất						
C	**TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ**		**1,094,427,097**	**1,094,427,097**	**1,094,427,097**	**-**	**1,094,427,097**
I	**Tài sản cố định và đầu tư dài hạn**		664,331,398	664,331,398	664,331,398	-	664,331,398
II	**Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn**		430,095,699	430,095,699	430,095,699	-	430,095,699
Đ	**Tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (A+B+C+D)**	**3,589,278,790,223**	**(0)**	**3,589,278,790,223**	**4,075,470,916,630**	**486,192,126,407**	**486,192,126,407**
	Tổng giá trị tài sản đang dùng của doanh nghiệp (Mục A)	**3,589,278,790,223**	**(32,257,455,175)**	**3,557,021,335,048**	**4,043,213,461,455**	**486,192,126,407**	**453,934,671,232**
E1	**Nợ thực tế phải trả**	***1,808,101,873,338***	**-**	***1,808,101,873,338***	***1,887,513,736,748***	***79,411,863,410***	***79,411,863,410***
E2	**Nguồn kinh phí sự nghiệp**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**
	Tổng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại DN (A-(E1+E2))	**1,781,176,916,885**	**(32,257,455,175)**	**1,748,919,461,710**	**2,155,699,724,707**	**406,780,262,997**	**374,522,807,822**

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty mẹ-Tổng công ty tại 30/6/2016

PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ HÌNH THỨC CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu cổ phần hóa

- Cổ phần hóa Tổng công ty Thương mại Hà Nội nhằm đổi mới hình thức sở hữu để hình thành công ty đa sở hữu, tạo điều kiện đổi mới trong quản lý doanh nghiệp, làm cho doanh nghiệp tự chủ hơn, năng động hơn và trách nhiệm hơn, phù hợp với cơ chế thị trường và tiến trình hội nhập thương mại quốc tế.
- Nhằm huy động và thu hút vốn đầu tư của các cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội. Qua đó, tạo nguồn lực để phát triển Tổng công ty, đổi mới công nghệ và phương thức quản lý, nâng cao sức cạnh tranh cho doanh nghiệp.
- Tạo điều kiện cho người lao động và các cổ đông góp vốn tham gia giám sát, quản lý Tổng công ty, gắn bó và góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước tại Tổng công ty, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.
- Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường, gắn hoạt động sản xuất kinh doanh và sự phát triển của Tổng công ty với thị trường vốn và chứng khoán.

2. Yêu cầu cổ phần hóa

- Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường và quy định của pháp luật.
- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và người lao động.
- Đảm bảo sự phát triển ổn định của Tổng công ty.

3. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ tình hình thực tế về giá trị doanh nghiệp và giá trị vốn nhà nước tại doanh nghiệp, để tạo ra sự thay đổi triệt để về cơ chế quản lý và điều hành, tạo sự bứt phá cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Thương mại trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, Tổng công ty Thương mại Hà Nội đề xuất lựa chọn hình thức cổ phần hóa theo quy định tại Khoản 3, Điều 4 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần là: "Bán toàn bộ vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp và kết hợp phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ".

II. DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin công ty cổ phần

- Tên gọi đầy đủ của Tổng Công ty:

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CTCP

- Tên giao dịch quốc tế: **HANOI TRADE JOINT STOCK CORPORATION**

- Tên viết tắt : **HAPRO**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 38 - 40 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

- Trụ sở giao dịch: Số 11B phố Cát Linh, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa,

Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại : **(04) 38267984** Fax: **(04) 39288407**
- Email : **hapro@haprogroup.vn**
- Website : **www.haprogroup.vn**
- Logo:

Hapro
Mang hồn đất Việt

2. Hình thức pháp lý

Sau khi cổ phần hóa, Tổng công ty Thương mại Hà Nội - CTCP sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và chịu sự điều chỉnh Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Quyền hạn và nghĩa vụ của công ty cổ phần

3.1. Quyền hạn

- Được tiếp tục kế thừa các quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty Thương mại Hà Nội chuyển sang.
- Tổng công ty - CTCP có quyền tự chủ về quản lý sản xuất kinh doanh.
- Tổng công ty- CTCP có các quyền về quản lý tài chính.

3.2. Nghĩa vụ

- Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP sẽ kế thừa các nghĩa vụ của Tổng công ty Thương mại Hà Nội chuyển sang.
- Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP có nghĩa vụ quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần và các quy định của pháp luật.

4. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty bao gồm:

Stt	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Bán buôn thực phẩm;	4632
2	Bán buôn đồ uống;	4633
3	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)	4649
4	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;	4711

	Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	
5	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;	4719
6	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;	4641
7	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;	4721
8	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;	4722
9	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;	4723
10	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;	4759
11	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;	4761
12	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;	4751
13	Bán buôn gạo	4631
14	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);	5621
15	Dịch vụ phục vụ đồ uống;	5630
16	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;	4771
17	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
18	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa	5210
19	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;	8230
20	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
21	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
	Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dựng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy	

	vi tính và thiết bị ngoại vi);	
22	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
	Chi tiết: - Khách sạn; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;	
23	Nghiên cứu thị trường và thăm do dư luận	7320
24	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
25	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
26	Chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
27	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
28	Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự;	1074
29	Sản xuất bao bì bằng gỗ;	1623
30	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản;	1080
31	Sản xuất giày dép;	1520
32	Sản xuất đường;	1072
33	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa;	5022
34	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;	5222
35	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Trừ dịch vụ thiết kế công trình);	7410
36	Hoạt động công ty nắm giữ tài sản	6420
37	Dịch vụ đóng gói;	8292
38	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
39	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo;	1073
40	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;	4933
41	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;	5221
42	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310

43	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
44	Sản xuất rượu vang;	1102
45	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;	1104
46	Sản xuất các loại bánh từ bột;	1071
47	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;	1075
48	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773
	Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quí và đá bán quí, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ cụng mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh hàng miễn thuế - Bán lẻ hoa, cây cảnh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt (trừ dịch vụ kính thuốc) - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng	
49	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
	Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dựng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);	
50	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lào	4634
51	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;	4652
52	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;	4651
53	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;	4741

54	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;	4752
55	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;	4763
56	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy và bìa	1702
57	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
58	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
59	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón; - Bán buôn hóa chất khác (trừ các loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
60	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác tận thu khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);	0899
61	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4663
62	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
63	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
64	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón; - Bán buôn hóa chất khác (trừ các loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt;	4669

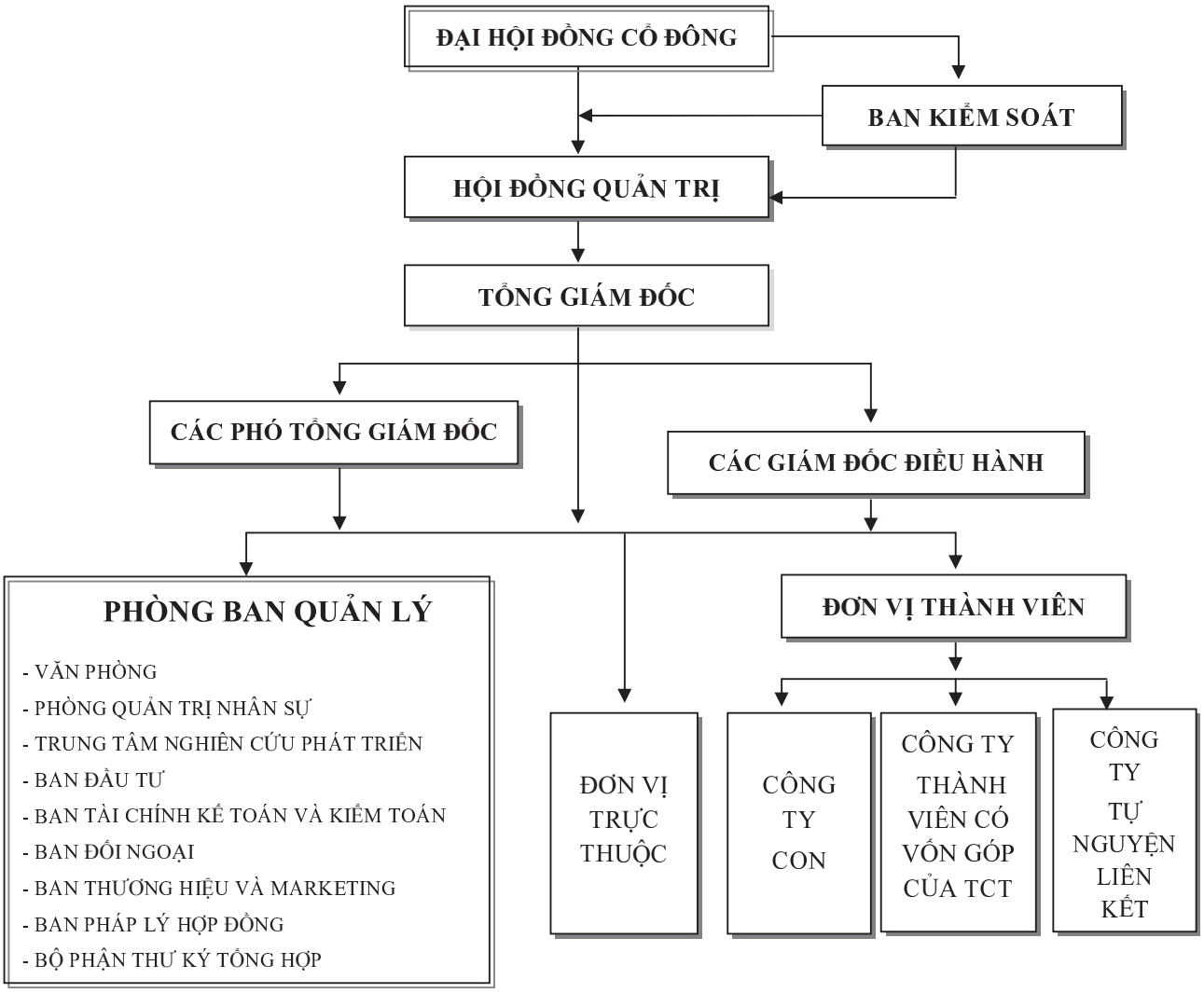
	- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	
65	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh; Chi tiết: Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn	4753
66	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội)	4764

Ngoài ra Tổng công ty cổ phần có thể tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và phù hợp với đăng ký kinh doanh của Tổng công ty.

5. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty sau cổ phần:

Sau khi thực hiện cổ phần hóa, Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP sẽ có cơ cấu tổ chức hoạt động theo mô hình Tổng công ty cổ phần gồm có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành, các phòng chức năng, các đơn vị phụ thuộc và các doanh nghiệp thành viên (bao gồm các công ty con, công ty liên kết). Sơ đồ tổ chức Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP như sau:

Sơ đồ 2: Sơ đồ tổ chức của Tổng công ty sau cổ phần hóa



❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty.

❖ **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị của Tổng công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

❖ **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty từ 3 - 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

❖ **Ban Điều hành**

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp Tổng Giám đốc điều hành Tổng công ty có các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc điều hành.

Số lượng thành viên Ban Điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

❖ **Các phòng chức năng**

- ***Trung tâm Nghiên cứu phát triển:***

+ Nghiên cứu, tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn (bao gồm chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh, phát triển hệ thống kinh doanh nội địa và phát triển doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty) các kế hoạch trung hạn và ngắn hạn để thực hiện chiến lược đó;

+ Xây dựng, triển khai, theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thống kê kế hoạch, đánh giá phân tích kết quả thực hiện được, báo cáo tổng hợp liên quan, đề xuất các giải pháp khả thi nhằm đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch;

+ Nghiên cứu, đề xuất áp dụng và theo dõi việc thực hiện các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO, HACCP,…) cho Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc; chịu trách nhiệm duy trì thường xuyên các hoạt động giám sát, đánh giá, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng trong Tổng công ty;

- ***Ban Tài chính kế toán và kiểm toán***:

+ Phòng Kế toán và kiểm toán nội bộ

- Xây dựng và trình lãnh đạo Tổng công ty ban hành các văn bản, Quy chế tài chính hướng dẫn, cụ thể hoá các chế độ hạch toán kế toán áp dụng tại Công ty Mẹ và toàn Tổng công ty.
- Thực hiện công tác hạch toán kế toán Khối văn phòng Công ty Mẹ - Tổng công ty đúng chính sách chế độ.
- Hướng dẫn, giám sát các đơn vị trực thuộc Công ty Mẹ - Tổng công ty, Công ty thành viên trong việc thực hiện công tác quản lý tài chính và hạch toán theo chế độ.
- Thực hiện báo cáo hợp cộng của Công ty Mẹ - Tổng công ty và hợp nhất của Tổng công ty.
- Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ đối với đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Mẹ - Tổng công ty.
- Thẩm định quyết toán dự án hoàn thành.

+ Phòng Kinh doanh tài chính

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty những vấn đề liên quan đến tài chính và đầu tư tài chính; quản lý, sử dụng và phát triển vốn.
- Xây dựng chiến lược vốn và các kế hoạch huy động, đầu tư và sử dụng vốn nhằm đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu vốn cho sự phát triển của Tổng công ty.
- Quản lý, theo dõi việc sử dụng vốn trong các doanh nghiệp Tổng công ty đã đầu tư hoặc góp vốn.
- Thực hiện nhiệm vụ của công tác đổi mới và phát triển doanh nghiệp.

- ***Phòng Quản trị nhân sự:***

+ Xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng công ty gồm các Phòng, Ban, bộ phận, đơn vị trực thuộc Tổng công ty. Xây dựng chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho các Phòng, Ban, bộ phận đơn vị trực thuộc Tổng công ty. Xây dựng đề án thành lập, sáp nhập, giải thể các Phòng, Ban, bộ phận, đơn vị trực thuộc Tổng công ty;

+ Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho Công ty mẹ và các Công ty thành viên trong từng giai đoạn phát triển;

+ Xây dựng định biên lao động cho từng Phòng, Ban, bộ phận trực thuộc Tổng công ty. Xây dựng bản mô tả công việc cho từng vị trí nhân sự trong bộ máy các Phòng, Ban quản lý của Tổng công ty;

+ Xây dựng các quy trình tuyển dụng lao động, đánh giá nhân lực, kế hoạch đào tạo và đào tạo lại nhằm phát triển nguồn nhân lực một cách tốt nhất.

+ Xây dựng cơ chế tiền lương, các chính sách đãi ngộ, các chế độ khác làm cơ sở cho việc phát triển nguồn nhân lực của Công ty mẹ và toàn Tổng công ty;

- ***Ban Đối ngoại***

Nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển các mối quan hệ đối ngoại phục vụyêu cầu phát triển của Tổng công ty và chiến lược quản trị các mối quan hệ đối ngoại đó;

+ Xây dựng, tổ chức và triển khai thực hiện các chương trình kế hoạch xúc tiến thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cho từng thời kỳ, từng khối, từng đơn vị;

+ Thiết lập, duy trì, phát triển và khai thác có hiệu quả các mối quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; xây dựng và đề xuất các chính sách mới đối với các mối quan hệ đối ngoại;

- ***Ban Thương hiệu - Marketing:***

+ Tham mưu cho Lãnh đạo Tổng công ty chiến lược phát triển thương hiệu, xây dựng kế hoạch trung và dài hạn cho công tác quảng bá hình ảnh của Tổng công ty ở thị trường trong nước và ngoài nước theo các chuẩn mực và trên cơ sở các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và những quốc gia khác mà thương hiệu của Tổng công ty đăng ký bảo hộ;

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình truyền thông phục vụ mục tiêu phát triển thương hiệu, phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;

- ***Ban Pháp lý hợp đồng:***

+ Nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp luật của Việt Nam liên quan tới mọi lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty để tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong việc định hướng phát triển và quản lý điều hành các hoạt động của Tổng công ty;

+ Thường trực tiếp nhận và xử lý các tranh chấp, khiếu nại về hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự, các tranh chấp liên quan tới Tổng công ty tại tòa án; Phối hợp với các Phòng, Ban xây dựng các quy chế, quy định, các văn bản pháp lý của Tổng công ty trên cơ sở các văn bản pháp luật hiện hành và phù hợp với đặc điểm hoạt động của Tổng công ty;

- ***Bộ phận Thư ký tổng hợp:***

+ Là đầu mối tiếp nhận thông tin của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban lãnh đạo Tổng công ty;

+ Chuẩn bị kế hoạch, chương trình làm việc và sắp xếp lịch làm việc của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Tổng công ty;

+ Thực hiện nhiệm vụ thư ký của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

+ Theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty đối với các đồng chí lãnh đạo, các Phòng, Ban quản lý Tổng công ty, các Công ty thành viên và đơn vị trực thuộc Tổng công ty. Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty giải quyết một số công việc theo ủy quyền;

- ***Văn phòng:***

  + *Phòng Đảng - Đoàn thể:* Trên cơ sở tổ chức lại và đổi tên Phòng Đoàn thể

  - Triển khai các mặt công tác của Đảng ủy Tổng công ty (bao gồm các công tác của Văn phòng Đảng ủy, Ban Tổ chức Đảng ủy Tổng công ty và Ban Tuyên giáo Đảng ủy TCT);
  - Công tác Đoàn thể: Công đoàn Công ty mẹ, Đoàn thanh niên Tổng công ty.

  + *Phòng Tổng hợp:*

  - Công tác thi đua khen thưởng (triển khai định kỳ theo quy định của Nhà nước và Thành phố); công tác Bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ; Tổ chức các ngày Lễ, Tết, kỷ niệm cho CBNV của Tổng công ty; Họp mặt hưu trí hàng năm, ngày thương binh liệt sỹ, thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, chia tay cán bộ về hưu,…;
  - Chuẩn bị thủ tục, hồ sơ (Hộ chiếu, Visa…) cho các đoàn công tác của Tổng công ty đi công tác nước ngoài;
  - Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, tổng hợp.

  + *Phòng Hành chính phục vụ:*

  - Thực hiện các nhiệm vụ lễ tân, bảo vệ cơ quan, lái xe và quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật của trụ sở Tổng công ty;
  - Thực hiện công tác an ninh Quốc phòng, dân quan tự vệ, phòng cháy chữa cháy,… của Tổng công ty và khu vực văn phòng Tổng công ty.

- ***Ban Đầu tư:***

  + *Phòng quản lý và phát triển mạng lưới:*

  - Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác phân tích tài chính, đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư; Đề xuất và triển khai phương án khai thác, kinh doanh các dự án của Công ty mẹ - Tổng công ty và một số công trình chủ chốt, các dự án khác do Tổng công ty giao;
  - Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác quản lý, khai thác sử dụng mạng lưới, địa điểm của Tổng công ty nhằm nâng cao hiệu quả, đáp ứng định hướng, chiến lược phát triển thị trường của Tổng công ty;
  - Tổ chức thực hiện công tác quản lý, khai thác và phát triển hệ thống mạng lưới địa điểm của Tổng công ty trên cơ sở tuân thủ các tiêu chí: đúng mục đích sử dụng, phù hợp quy hoạch, khai thác và sử dụng có hiệu quả nhất;

- Hoàn thiện thủ tục pháp lý và quản lý các hồ sơ pháp lý về nhà đất của Công ty mẹ - Tổng công ty, giải quyết các tồn tại về quản lý sử dụng mạng lưới: Tranh chấp, khiếu kiện, sử dụng sai mục đích,… và hỗ trợ các Công ty thành viên khi có yêu cầu;
- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác đầu tư, kinh doanh và quản lý bất động sản của Công ty mẹ - Tổng công ty được Tổng công ty giao; Nghiên cứu thị trường, đề xuất phương án khai thác và tìm kiếm cơ hội kinh doanh bất động sản;

+ Phòng Quản lý dự án:

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn thực hiện dự án của Công ty mẹ - Tổng công ty và của các Công ty thành viên Tổng công ty;
- Quản lý và triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty mẹ - Tổng công ty trong giai đoạn thực hiện dự án, đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản do các cơ quan quản lý Nhà nước ban hành;
- Tư vấn, hỗ trợ các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty, các Công ty thành viên Tổng công ty trong công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn thực hiện dự án

+ Phòng Chuẩn bị đầu tư

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác đề xuất ý tưởng hình thành các dự án; khảo sát, tìm kiếm địa điểm và triển khai công tác chuẩn bị đầu tư cho các dự án phát triển hạ tầng thương mại của Công ty mẹ - Tổng công ty và của các Công ty thành viên Tổng công ty ;
- Quản lý và triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty mẹ - Tổng công ty trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản do các cơ quan quản lý Nhà nước ban hành;
- Tư vấn, hỗ trợ các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty, các Công ty thành viên Tổng công ty trong công tác chuẩn bị đầu tư theo đúng trình tự thủ tục về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản do các cơ quan quản lý Nhà nước ban hành;

❖ **Đơn vị hạch toán trực thuộc**

- ***Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại TP Hồ Chí Minh:***

+ Trực tiếp tổ chức các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và dịch vụ xuất nhập khẩu tổng hợp các mặt hàng nông, lâm, hải sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, khoáng sản, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, hàng hóa, máy móc,

thiết bị, linh kiện, phụ kiện đa ngành phục vụ sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu tại khu vực phí nam theo ủy quyền của Tổng công ty.

+ Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty;

- ***Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Trung tâm xuất nhập khẩu phía Bắc:***

+ Trực tiếp tổ chức các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và dịch vụ xuất nhập khẩu tổng hợp các mặt hàng nông, lâm, hải sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, khoáng sản, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, hàng hóa, máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ kiện đa ngành phục vụ sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu tại khu vực phí Bắc theo ủy quyền của Tổng công ty.

+ Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty;

- ***Chi nhánh Tổng công tyThương mại Hà Nội – Trung tâm chế biến hàng xuất khẩu:***

+ Khai thác cơ sở vật chất hiện có, liên kết với các tổ chức sản xuất các loại hàng hóa phục vụ cho hoạt động của Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Trung tâm xuất nhập khẩu phía Bắc;

+ Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, tài chính và lao động của Chi nhánh chế biến hàng xuất khẩu; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước, Tổng công ty;

- ***Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại tỉnh Đồng Tháp:***

+ Nghiên cứu và tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty về định hướng thu mua, sản xuất, chế biến và dự trữ hàng hóa để tạo nguồn hàng ổn định phục vụ công tác xuất khẩu và tiêu thụ nội địa của Tổng công ty;

+ Tổ chức khai thác, thu mua, sản xuất, chế biến và cung ứng hàng hóa đặc trưng của vùng, miền, địa phương phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa;

+ Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, tài chính và lao động của Kho hàng; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước, Tổng công ty;

- ***Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại tỉnh Hưng Yên:***

+ Nghiên cứu và tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong việc hoạch định chiến lược, chính sách liên quan tới phát triển kinh doanh kho hàng và dịch vụ giao nhận vận tải (Logistic);

+ Tổ chức kinh doanh dịch vụ kho hàng;

+ Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty;

- ***Trung tâm kinh doanh chợ Thượng Đình:***

+ Xây dựng phương án sử dụng điểm kinh doanh và bố trí sắp xếp các ngành nghề kinh doanh tại chợ; Các quy định việc sử dụng, thuê, thời hạn và các biện pháp quản lý điểm kinh doanh tại chợ; các phương án phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự trong phạm vi quản lý; kế hoạch duy trì, bảo dưỡng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật chợ;

+ Tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của chợ, tổ chức thực hiện nội quy chợ và xử lý các vi phạm nội quy chợ;

+ Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, tài chính và lao động của chợ; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và Tổng công ty;

- ***Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối Bắc Thăng Long:***

+ Nghiên cứu và tham mưu cho Lãnh đạo Tổng công ty phương thức kinh doanh có hiệu quả chợ đầu mối, các giải pháp tổ chức kinh doanh và quản lý chợ;

+ Xây dựng phương án sử dụng điểm kinh doanh và bố trí sắp xếp các ngành nghề kinh doanh tại Chợ; các quy định đối với người thuê địa điểm kinh doanh tại chợ; các biện pháp quản lý điểm kinh doanh; các phương án phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự trong phạm vi quản lý, kế hoạch duy trì bảo dưỡng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật Chợ;

+ Tổ chức quản lý, điều hành mọi hoạt động của Chợ, tổ chức thực hiện nội quy Chợ và xử lý các vị phạm nội quy chợ;

+ Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty;

- ***Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối phía Nam:***

+ Nghiên cứu và tham mưu cho Lãnh đạo Tổng công ty phương thức kinh doanh có hiệu quả chợ đầu mối, các giải pháp tổ chức kinh doanh và quản lý chợ;

+ Xây dựng phương án sử dụng điểm kinh doanh và bố trí sắp xếp các ngành nghề kinh doanh tại Chợ; các quy định đối với người thuê địa điểm kinh doanh tại chợ; các biện pháp quản lý điểm kinh doanh; các phương án phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự trong phạm vi quản lý, kế hoạch duy trì bảo dưỡng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật Chợ;

+ Tổ chức quản lý, điều hành mọi hoạt động của Chợ, tổ chức thực hiện nội quy Chợ và xử lý các vị phạm nội quy chợ;

+ Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty;

- ***Công ty Siêu thị Hà Nội:***

+ Công ty Siêu thị Hà Nội là đơn vị sản xuất kinh doanh hạch toán phụ thuộc, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng;

+ Công ty được tổ chức các hoạt động kinh doanh Thương mại và dịch vụ Siêu thị, xây dựng hệ thống mạng lưới Siêu thị theo quy hoạch và chiến lược phát triển của Tổng công ty Thương mại Hà Nội nhằm thực hiện tốt chỉ tiêu kế hoạch được giao, đảm bảo hiệu quả;

+ Căn cứ định hướng và chiến lược phát triển của Tổng công ty Thương mại Hà Nội, Công ty xây dựng phương án về công tác tổ chức cán bộ, tài chính kế toán, phương án sản xuất kinh doanh trình Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội phê duyệt;

+ Công ty Siêu thị Hà Nội chịu sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội. Thực hiện đầy đủ các quy định của Pháp luật và cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan.

- ***Trung tâm Kinh doanh hàng Miễn Thuế:***

+ Chuyên kinh doanh nhập khẩu và mua hàng sản xuất trong nước để bán miễn thuế phục vụ các đối tượng được hưởng các ưu đãi về thuế: Khách xuất cảnh, khách nhập cảnh, chuyên gia ODA, chuyên gia Việt kiều làm việc tại Việt Nam theo lời mời của Nhà nước Việt Nam được quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế theo văn bản của Bộ Thương mại;

+ Chuyên kinh doanh hàng nhập khẩu và mua hàng sản xuất trong nước để bán miễn thuế phục vụ các đối tượng ngoại giao được quy định tại Nghị định 73/CP ngày 30/7/1994 của Chính phủ và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế;

+ Kinh doanh hàng mậu dịch phục vụ mọi đối tượng theo văn bản của Tổng cục Hải quan.

+ Xây dựng kế hoạch kinh doanh và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Tổng công ty giao. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước về hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

- ***Ban Quản lý Khu công nghiệp thực phẩm Hapro:***

+ Quản lý quy hoạch, quản lý đầu tư tại Cụm công nghiệp theo các tài liệu được Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội phê duyệt cho các doanh nghiệp;

+ Giải quyết các vấn đề phát sinh trong việc thực hiện các hợp đồng thuê đất có hạ tầng đối với các doanh nghiệp đầu tư, hoạt động tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro;

+ Quản lý hồ sơ tài liệu có liên quan đến Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro

❖ **Các doanh nghiệp thành viên:** Sau cổ phần hóa, Tổng công ty tiếp tục giữ nguyên vốn góp tại 10 công ty con (có vốn góp của Công ty mẹ-Tổng công ty trên 50% vốn Điều lệ), 16 Công ty thành viên liên kết (có vốn góp của Công ty mẹ - Tổng công ty dưới 50% vốn điều lệ) và có đầu tư góp vốn tại 15 công ty khác.

6. Vốn điều lệ

6.1. Căn cứ xác định vốn điều lệ

Căn cứ Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2016, giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty như sau:

- **Giá trị thực tế doanh nghiệp: 4.043.213.461.455 đồng** *(Bốn nghìn không trăm bốn mươi ba tỷ, hai trăm mười ba triệu, bốn trăm sáu mươi mốt nghìn, bốn trăm năm mươi năm đồng).*
- **Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: 2.155.699.724.707 đồng** *(Hai nghìn một trăm năm mươi lăm tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi tư nghìn, bảy trăm linh bảy đồng).*

6.2. Vốn điều lệ

Căn cứ nhu cầu vốn của của Tổng công ty bao gồm nhu cầu vốn lưu động và nhu cầu vốn đầu tư sau cổ phần hóa nhằm triển khai chiến lược phát triển của Tổng công ty đến năm 2020.

- Vốn điều lệ: 2.200.000.000.000 đồng *(Hai nghìn hai trăm tỷ đồng).*
- Số lượng cổ phần: 220.000.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Trên cơ sở các căn cứ nêu trên, quy mô vốn điều lệ của Tổng công ty cho giai đoạn 3 năm sau cổ phần hóa (2017 – 2019) như sau:p

Bảng 15: Quy mô vốn điều lệ giai đoạn 2017 – 2019

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Vốn điều lệ (VNĐ)	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000

7. Cổ phần

Tất cả cổ phần của Tổng công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của điều lệ công ty cổ phần và quy định của pháp luật có liên quan.

8. Đối tượng mua cổ phần

Theo Điều 6 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 và chủ trương của Chính phủ, đối tượng mua cổ phần lần đầu bao gồm:

- Các nhà đầu tư chiến lược thỏa mãn điều kiện quy định tại Mục 10.1 Tiêu chí lựa chọn đối tác chiến lược (thuộc Nội dung II Doanh nghiệp sau cổ phần hóa, Phần II Phương án cổ phần hóa).
- Cán bộ công nhân viên mua cổ phần ưu đãi theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước và mua theo cam kết làm việc lâu dài tại Tổng công ty.
- Các nhà đầu tư tham gia đấu giá mua cổ phần.

9. Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông

Cơ cấu vốn điều lệ:

Căn cứ Quyết định 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ Về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và Danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 – 2020, Tổng công ty Thương mại Hà Nội thuộc danh mục Doanh nghiệp cổ phần Nhà nước giữ vốn dưới 50% vốn Điều lệ.

Căn cứ báo cáo số 143/BC-BCS ngày 3/6/2016 của ban Cán sự Đảng UBND Thành phố Hà Nội và Thông báo số 267-TB/TU ngày 28/6/2016 của Thành ủy Hà Nội thông báo kết luận của Thường trực Thành ủy về sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016-2020, ngày 13/9/2016, UBND Thành phố có Công văn số 5318/UBND-KT về sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016-2020, có nêu: :"*UBND Thành phố chỉ tham gia nắm giữ CP tại các DN theo quy định nhà nước nắm giữ CP chi phối (trên 50% vốn điều lệ) theo tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước do Chính phủ ban hành, đối với các doanh nghiệp mà nhà nước không cần nắm giữ cổ phần chi phối thì bán hết*".

Căn cứ Công văn số 1679/UBND-KT ngày 11/4/2017 của UBND Thành phố Hà Nội báo cáo Chính phủ về việc xây dựng danh mục doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội thực hiện CPH theo từng năm (giai đoạn 2017-2020), UBND đã đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện CPH năm 2017, theo đó Tổng công ty Thương mại Hà Nội thuộc danh sách Doanh nghiệp nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ, đồng thời tại mục 2.1 điểm 2 có nêu :"*UBND Thành phố chỉ tham gia nắm giữ CP tại các DN theo quy định nhà nước nắm giữ CP chi phối (trên 50% vốn điều lệ) theo tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước do Chính phủ ban hành, đối với các doanh nghiệp mà nhà nước không cần nắm giữ cổ phần chi phối thì bán hết*".

Với các căn cứ nêu trên, Tổng công ty Thương mại Hà Nội đề xuất nhà nước không nắm giữ vốn khi thực hiện cổ phần hóa Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội, Cơ cấu vốn điều lệ của công ty cổ phần dự kiến như sau:

Bảng 16: Cơ cấu vốn điều lệ

STT	Cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (VNĐ)
1	**Cổ đông là CBCNV**	**0,49**	**1.074.000**	**10.740.000.000**
1.1	Cổ phần bán giá ưu đãi bằng 60% giá bán thành đấu giá thành công thấp nhất		791.200	7.912.000.000
1.2	Cổ phần đăng ký mua thêm *theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP (200 CP/1năm)*		282.800	2.828.000.000
2	**Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược**	**65**	**143.000.000**	**1.430.000.000.000**
3	**Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư khác**	**34,51**	**75.926.000**	**759.260.000.000**
	Tổng cộng	**100**	**220.000.000**	**2.200.000.000.000**

10. Cổ phần ưu đãi bán cho cán bộ công nhân viên

10.1. Mục tiêu chào bán

Mục tiêu của việc chào bán cổ phần cho người lao động được thực hiện theo chính sách của Nhà nước nhằm gắn kết người lao động với Tổng công ty, ghi nhận những đóng góp của họ và tạo động lực để họ tiếp tục gắn bó lâu dài với Tổng công ty.

10.2. Quy mô chào bán

Số lượng cổ phần Tổng công ty bán ưu đãi cho người lao động là: 1.074.000 cổ phần, tương ứng với 0.49% vốn điều lệ của Tổng công ty sau cổ phần hóa. Bao gồm:

a. Cổ phần chào bán cho CBCNV theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước:

Cổ phần được ưu đãi giảm giá bằng 60% giá bán thành công thấp nhất theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ được thực hiện tại Tổng công ty.

- Tổng số người lao động trong danh sách lao động của Tổng công ty tại ngày UBND Thành phố Ban hành Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội là **630** người.
- Tổng số người được mua cổ phần giá ưu đãi: 586 người;
- Tổng số người đăng ký mua cổ phần giá ưu đãi: 586 người.
- Tổng số năm làm việc trong khu vực Nhà nước tương ứng của số người đăng ký tham gia mua cổ phần giá ưu đãi theo chế độ quy định: **7.912 năm.**
- Số cổ phần giá ưu đãi của 586 người đã đăng ký mua theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước: **791.200 cổ phần.**
- Thời gian bán cổ phần cho CBCNV: Sau khi bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, Tổng công ty sẽ tiến hành bán cổ phần cho người lao động.
- Giá bán: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này bằng 60% giá bán thành công thấp nhất.

b. Cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ được thực hiện tại Tổng công ty theo danh sách đã được Hội nghị người lao động bất thường thông qua.

- Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.
- Tổng số lao động của Công ty có trong danh sách tại thời điểm ngày 28/4/2017 thuộc đối tượng chuyển sang làm việc tiếp tại công ty cổ phần là 550 người, trong đó có **174** người đủ điều kiện mua thêm cổ phần theo số năm cam kết làm việc lâu dài cho Tổng công ty.
- Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 200 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp là: **174** người; Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này: **282.800** cổ phần.
- Giá bán: Theo quy định tại Khoản 2b Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công

ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là giá bán thành công thấp nhất.

- Thời gian bán cổ phần cho CBCNV: Sau khi bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, Tổng công ty sẽ tiến hành bán cổ phần cho người lao động.
- Số cổ phần bán cho CBCNV trong trường hợp này sẽ hết hạn chế chuyển nhượng sau khi kết thúc thời gian cam kết.

11. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

11.1. Mục đích lựa chọn nhà đầu tư chiến lược

- Đảm bảo hoàn thành công tác cổ phần hóa Tổng công ty, thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu thành công;
- Lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược có năng lực tài chính, có kinh nghiệm và gắn bó lâu dài với Tổng công ty, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người lao động của Tổng công ty;
- Chọn được nhà đầu tư chiến lược phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng công ty: phát triển ngành thương mại, nâng cao hình ảnh thương hiệu, uy tín của Tổng công ty khi chuyển sang Tổng công ty cổ phần.

11.2. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược (đã được UBND Thành phố phê duyệt theo Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 07/3/2017)

1.Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài, có năng lực tài chính và có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với Tổng công ty, hỗ trợ Tổng công ty sau cổ phần hóa về đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp và chuyển giao công nghệ.

2. Có ngành nghề kinh doanh phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty; có hệ thống mạng lưới kinh doanh liên kết đa ngành trong nước và nước ngoài; có năng lực khai thác, cung ứng nguồn hàng và phát triển thị trường; có kinh nghiệm thực tiễn và khả năng hỗ trợ phát triển đối với các hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty, có lợi ích phù hợp với lợi ích phát triển của Tổng công ty.

3. Nhà đầu tư có cam kết bằng văn bản về không chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời gian tối thiểu 05 năm kể từ ngày Tổng công ty thực hiện xong công tác cổ phần hóa và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

4. Nhà đầu tư chiến lược có cam kết bằng văn bản sử dụng lao động theo phương án cổ phần hóa đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và cam kết hỗ trợ đào tạo lại người lao động (nếu có) nhằm đáp ứng yêu cầu công việc.

5. Riêng đối với nhà đầu tư nước ngoài, ngoài việc đảm bảo đáp ứng đầy đủ các tiêu chí trên thì cần đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ % cổ phần được mua theo các quy định của pháp luật hiện hành; đồng thời phải đáp ứng các tiêu chí: Có tài khoản tại một trong các tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam: mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần đều phải thông qua tài khoản này. Có văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật nếu ủy quyền cho tổ chức đại diện tại Việt Nam thực hiện mua cổ phần.

6. Nhà đầu tư chiến lược phải có năng lực tài chính đáp ứng việc mua cổ phần như: Có vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính (được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập) thời điểm gần nhất trên 2.000 tỷ đồng, không có nợ xấu, có chỉ số nợ phải

trả trên vốn chủ sở hữu không quá 3 lần theo báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2015, có lợi nhuận ròng sau thuế dương trong 2 năm (2014-2015) và trên báo cáo tài chính gần nhất năm 2016; doanh nghiệp kinh doanh không vi phạm pháp luật, chứng minh được nguồn tài chính có giá trị tối thiểu bằng giá trị cổ phần đăng ký mua, cụ thể: Phải cam kết đặt cọc 30% và có thư bảo lãnh của ngân hàng đối với 70% nguồn tài chính đăng ký mua cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (theo giá khởi điểm chào bán cổ phần lần đầu); thực hiện mua cổ phần đã đăng ký sau khi đấu giá cổ phần công khai theo quy định của pháp luật. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc.

7. Có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, đặc biệt ưu tiên đối với lĩnh vực kinh doanh về xuất nhập khẩu, phát triển thị trường nội địa, có hệ thống thương mại bán lẻ hoặc đang sở hữu doanh nghiệp khác kinh doanh xuất nhập khẩu, phát triển thị trường nội địa, có hệ thống thương mại bán lẻ phù hợp ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty.

8. Nhà đầu tư chiến lược có cam kết cùng công ty cổ phần kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ, các tồn tại của Tổng công ty và cam kết xử lý tất cả các tồn tại của Tổng công ty chưa được xử lý tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, kế thừa mọi trách nhiệm đối với người lao động từ doanh nghiệp nhà nước chuyển sang công ty cổ phần theo quy định của pháp luậtDanh sách nhà đầu tư chiến lược

Tổng công ty Thương mại Hà Nội căn cứ tiêu chí nhà đầu tư chiến lược thông báo công khai trên phương tiên thông tin đại chúng (Website của Tổng công ty; báo, đài trung ương và địa phương, ..) cho các nhà đầu tư đủ điều kiện tham gia, tổng hợp báo cáo Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội xem xét, lựa chọn nhà đầu tư chiến lược.

Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội trình UBND Thành phố các nội dung liên quan đến nhà đầu tư chiến lược theo quy định trong phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội, làm căn cứ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

11.3. Phương pháp và quy mô chào bán

Thời điểm chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược:

Tổng công ty Thương mại Hà Nội đề xuất lựa chọn thời điểm bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược sau khi có kết quả thực hiện bán đấu giá công khai cổ phần lần đầu Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội.

Tỷ lệ bán cổ phần cho nhà Đầu tư chiến lược:

Căn cứ theo tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước do Chính phủ ban hành tại Quyết định 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Tổng công ty Thương mại Hà Nội thuộc danh mục Doanh nghiệp nhà nước giữ vốn dưới 50% vốn Điều lệ.

Căn cứ Đề xuất của UBND Thành phố Hà Nội trình Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại văn bản số 1679/UBND-KT ngày 11/4/2017, nêu : "*...đối với các doanh nghiệp mà nhà nước không cần nắm giữ cổ phần chi phối thì bán hết.*"

Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 36 tại Nghị định 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 sửa đổi, bổ xung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 về chuyển Doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần :" *Riêng đối với các doanh nghiệp quy mô lớn có vốn nhà nước trên 500 tỷ đồng hoạt động kinh doanh trong những lĩnh vực, nghành nghề đặc thù (như:Bảo hiểm, Ngân hàng, Bưu chính viễn thông, Hàng không, Khai thác than, Đầu khí, Khai thác mỏ mỏ quý hiếm khác) và các Công ty mẹ thuộc tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước thì tỷ lệ cổ phần đấu giá bán cho các nhà đầu tư do Thủ tướng Chính phủ hoặc cơ quan được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền xem xét, quyết định cụ thể".*

Theo phương án sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Thương mại Hà Nội sau cổ phần hóa, doanh nghiệp đã xác định hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, thương mại nội địa và phát triển hệ thống hạ tầng thương mại là những nền tảng chính cho sự phát triển thương hiệu lâu dài và bền vững.

Mặt khác, do đặc thù của hoạt động kinh doanh thương mại của Tổng công ty Thương mại Hà Nội cần một số lượng vốn lớn làm vốn lưu động, vốn đối ứng cho hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, phát triển thương mại nội địa cũng như đầu tư hệ thống hạ tầng thương mại hiện đại *(các trung tâm thương mại, siêu thị, hệ thống logistic..)*, hiện này giá trị doanh nghiệp của Tổng công ty được xác định phần lớn nằm tại hệ thống hạ tầng và tài sản trên đất, dòng vốn kinh doanh chủ yếu là vay vốn tín chấp từ ngân hàng. Sau khi tiến hành cổ phần hóa, Tổng công ty cổ phần sẽ không có khả năng tiếp tục vay vốn tín chấp như doanh nghiệp nhà nước, do đó rất cần có nhà đầu tư chiến lược có đủ tiềm lực tài chính để hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Tổng công ty cổ phần.

Bên cạnh đó, nếu tìm kiếm được nhà đầu tư có tiềm lực và kinh nghiệm thực tiễn trong cùng lĩnh vực thương mại dịch vụ, có hệ thống mạng lưới kinh doanh liên kết đa nghành trong nước và nước ngoài…, có cam kết gắn bó lâu dài với lợi ích của Tổng công ty Thương mại Hà Nội theo đúng những tiêu chí đã đề ra sẽ góp phần hỗ trợ toàn diện cho Tổng công ty cổ phần trong công tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực tài chính, nâng cao khả năng quản trị doanh nghiệp và chuyển giao công nghệ, đồng thời hỗ trợ Tổng công ty cổ phần kết nối tiêu thụ sản phẩm đầu ra cũng như cung cấp nguyên vật liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, góp phần mở rộng mạng lưới kinh doanh, tạo lợi thế quy mô về nguồn hàng, hệ thống khách hàng, đối tác, bạn hàng…cả trong lĩnh vực thương mại nội địa và kinh doanh xuất nhập khẩu.

Nếu không có nhà đầu tư chiến lược đủ mạnh và chi phối để định hướng, dẫn dắt các nhà đầu tư còn lại sẽ khó đảm bảo được sự nhất quán, kiên định trong định hướng phát triển lâu dài của Tổng công ty Thương mại Hà Nội sau cổ phần hóa đặc biệt là trong việc tiếp tục duy trì mở rộng thị trường xuất khẩu cũng như xây dựng và phát triển hệ thống phân phối, bán lẻ trong nước do các nhà đầu tư nhỏ, lẻ khi tham gia mua cổ phần chủ yếu chỉ quan tâm đến hiệu quả từ hoạt động đầu tư tài chính mà không quan tâm đến sự phát triển lâu dài của doanh nghiệp, theo đó sẽ chỉ đạt được mục đích chuyển đổi Tổng công ty từ doanh nghiệp nhà nước sang mô hình cổ phần nhưng không đảm bảo sự ổn định và phát triển lâu dài của Tổng công ty cổ phần theo định hướng đề ra.

Vì những căn cứ và lý do nêu trên, Tổng công ty đề xuất phương án tổng số lượng cổ phần chào bán cho các nhà đầu tư chiến lược là 143.000.000 cổ phần, tương đương 65% vốn điều lệ của Tổng công ty.

Số lượng nhà đầu tư chiến lược

Căn cứ mục c Khoản 3 Điều 5 tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ quy định: *"Số lượng nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần tại mỗi doanh nghiệp cổ phần hóa được xác định tối đa là 3 nhà đầu tư".*

Trên cơ sở đánh gía, phân tích sự cần thiết phải có nhà đầu tư chiến lược tiêu chí nhà đầu tư chiến lược khi cổ phần hóa Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội đã nêu tại mục 11.2 và mục 11.3, với mục đích lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược tại mục 11.1 đã nêu, Tổng công ty đề xuất lựa chọn 01 nhà đầu tư chiến lược khi thực hiện cổ phần hóa Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội.

Phương thức bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược:

- Nhà đầu tư chiến lược được lựa chọn phải đăng ký mua đủ số lượng 65% vốn điều lệ; thực hiện đạt cọc 30% và có thư bảo lãnh của Ngân hàng đối với 70% nguồn tài chính đăng ký mua cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược (theo giá khởi điểm chào nán cổ phần lần đầu) cùng tại thời điểm đặt cọc của các nhà đầu tư tham gia mua đấu giá công khai cổ phần.

- Thời điểm bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược: sau khi có kết quả thực hiện bán đấu giá công khai cổ phần lần đầu Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội. Trường hợp từ bỏ quyền mua một phần hay toàn bộ số cổ phần đã đăng ký thì nhà đầu tư chiến lược không được nhận lại toàn bộ tiền đặt cọc.

- Phương thức bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược:

+ Trường hợp có 01 nhà đầu tư đáp ứng đủ tiêu chí nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua hết số cổ phần theo phương án được duyệt thì Ban Chỉ đạo cổ phần hóa tổ chức bán thỏa thuận với nhà đầu tư về giá nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

+ Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên đáp ứng đủ tiêu chí nhà đầu tư chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần thì Ban Chỉ đạo cổ phần hóa phải xây dựng quy chế tổ chức đấu giá và tổ chức đấu giá giữa các nhà đầu tư.

+ Trường hợp không lựa chọn được Nhà đầu tư chiến lược thì số cổ phần dự kiến bán cho nhà đầu tư chiến lược được xử lý theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ.

Danh sách nhà đầu tư chiến lược:

Trên cơ sở hồ sơ đăng ký trở thành nhà đầu tư chiến lược đáp ứng được các tiêu chí đã được phê duyệt, Tổng công ty sẽ tổng hợp, báo cáo Ban chỉ đạo Cổ phần hóa và UBND phê duyệt danh sách nhà đầu tư chiến lược tham gia mua cổ phần của Công ty mẹ-Tổng công ty theo các Quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 và Nghị định 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 về chuyển Doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần

12. Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư thông thường

Số cổ phần bán đấu giá sẽ được bán cho các nhà đầu tư theo hình thức bán đấu giá ra công chúng thông qua Sở giao dịch chứng khoán. Cụ thể như sau:

Số cổ phần tổ chức bán đấu giá cho các nhà đầu tư: **75.926.000** cổ phần, tương đương 34,51% vốn điều lệ của Tổng công ty.

- Đối tượng tham gia đấu giá: Tất cả các nhà đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước.

Giá khởi điểm

Căn cứ kết quả xác định giá trị doanh nghiệp đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 và chứng thư thẩm định số 3170517/TV-IVC ngày 05/5/2017 của đơn vị tư vấn IVC, Tổng công ty thống nhất đề xuất mức giá khởi điểm là **12.800 đồng/cổ phần.**

Thời gian bán cổ phần

Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa, Tổng công ty triển khai kế hoạch bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài. Căn cứ Biên bản xác định kết quả bán đấu giá cổ phần, Tổng công ty và cổ đông chiến lược thực hiện ký hợp đồng mua/bán cổ phần, đồng thời thực hiện bán cổ phần ưu đãi cho người lao động .

Đơn vị tư vấn bán đấu giá cổ phần: Công ty cổ phần chứng khoán đầu tư Việt nam (IVS).

+ Thông tin về Công ty IVS:

- Địa chỉ Công ty: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội
- Điện thoại : 04 573 0073
- Website : www.ivs.com.vn
- Giấy phép thành lập: số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/8/2007 của UBCK Nhà nước cấp.
- Tổng giám đốc: Ông Đoàn Ngọc Hoàn – Thạc sỹ kinh tế

+ Các dịch vụ IVS cung cấp:

- Môi giới chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán và quản lý số cổ đông
- Phân tích và tư vấn đầu tư
- Nhận ủy thác đấu giá chứng khoán
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, bao gồm: tư vấn xác định GTDN, lập phương án CPH, tư vấn phát hành chứng khoán, tư vấn bán đấu giá cổ phần, tư vấn đăng ký công ty đại chúng,...

Cơ quan bán đấu giá cổ phần

Theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính thì toàn bộ cổ phần bán đấu giá công khai được tổ chức bán tại sở giao dịch chứng khoán.

13. Kế hoạch đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán

Sau khi chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Tổng công ty sẽ hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và hoàn tất thủ tục niêm yết tại các sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Quyết định số 51/2014/QĐ-Ttg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

14. Phương án xử lý số lượng cổ phần không bán hết

14.1.Số lượng cổ phần không bán hết bao gồm:

a) Số lượng cổ phần nhà đầu tư trúng thầu trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua.

b) Số lượng cổ phần không được nhà đầu tư đăng ký mua theo phương án bán đấu giá công khai đã được duyệt.

c) Số lượng cổ phần người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp từ chối mua theo phương án đã được duyệt.

14.2. Ban chỉ đạo cổ phần hóa chỉ đạo doanh nghiệp lập danh sách và thông báo đến các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá để chào bán công khai tiếp số cổ phần không bán

hết trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần.

14.3. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa được quyền chào bán công khai tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá theo phương thức thỏa thuận trực tiếp. Các nhà đầu tư từ chối mua cổ phần sẽ không được nhận lại tiền đặt cọc khi tham dự đấu giá.

14.4. Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì Ban Chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu.

Ngoài ra, đối với trường hợp Nhà đầu tư chiến lược trúng giá nhưng không mua hoặc đăng ký mua không đủ số lượng cổ phần theo phương án được duyệt, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu.

Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần sau khi công ty cổ phần đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh

15. Trường hợp cuộc đấu giá cổ phần không thành công

Trường hợp cuộc đấu giá cổ phần không thành công, Tổng công ty sẽ thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính:

Trường hợp cuộc đấu giá bán cổ phần không thành công:

a) Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần, Tổ chức thực hiện bán đấu giá có trách nhiệm thông báo cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa, doanh nghiệp cổ phần hóa về cuộc đấu giá không thành công. Ban chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa xem xét, quyết định điều chỉnh lại mức giá khởi điểm nhưng không thấp hơn mệnh giá để chào bán công khai tiếp theo phương thức thỏa thuận trực tiếp đối với số cổ phần chưa bán được của cuộc đấu giá công khai và số cổ phần người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp từ chối mua theo phương án đã được duyệt (nếu có) trong thời hạn tối đa 20 ngày kể từ ngày hết hạn đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

b) Ban chỉ đạo cổ phần hóa quyết định công bố thông tin về việc chào bán công khai tiếp cổ phần theo phương thức thỏa thuận trực tiếp (bao gồm cả thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa theo phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này) tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày các nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần.

c) Căn cứ kết quả thoả thuận bán cổ phần với các nhà đầu tư, Ban chỉ đạo cổ phần hoá chỉ đạo doanh nghiệp và nhà đầu tư ký hợp đồng mua/bán cổ phần. Thời gian hoàn tất việc ký hợp đồng mua/bán cổ phần là 10 ngày kể từ ngày nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần.

III. PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG

1. Kế hoạch sắp xếp lao động

Toàn bộ số lao động của Tổng công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 562 người sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần. Phương án lao động cụ thể của Tổng công ty như sau:

Bảng 17: Kế hoạch sắp xếp lao động của Tổng công ty

TT	Nội dung	Tổng số
I	**Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa**	**630**
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	05
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	625
	a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	*559*
	b) Làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	*63*
	c) Làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng	*03*
II	**Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa**	**80**
1	Số lao động dôi dư sắp xếp theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 22/5/2015	79
2	Số viên chức tinh giảm biên chế theo Nghị định 108/2004/NĐ-CP ngày 20/01/2014	1
III	**Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần**	**550**
1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn	532
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội	10
3	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động	08
IV	**Số lao động có mặt tại thời điểm công bố GTDN thuộc đối tượng được mua cổ phần ưu đãi**	**586**
V	**Số lao động không thuộc đối tượng mua cổ phần ưu đãi và không đủ mua cổ phần ưu đãi**	**44**

Nguồn: Phương án Lao động sau CPH Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội

2. Kế hoạch xử lý lao động dôi dư

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, Tổng công ty có 80 lao động nghỉ việc (bao gồm **79** lao động dôi dư và 01 đối tượng viên chức tinh giảm biên chế, không hưởng chế độ lao động dôi dư). Tổng số tiền trợ cấp cho 79 đối tượng lao động dôi dư là **3.370.213.894** đồng. Số tiền này sẽ được lấy từ nguồn thu bán cổ phần để chi trả người lao động theo quy định.

IV. CÁC RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Rủi ro về kinh tế

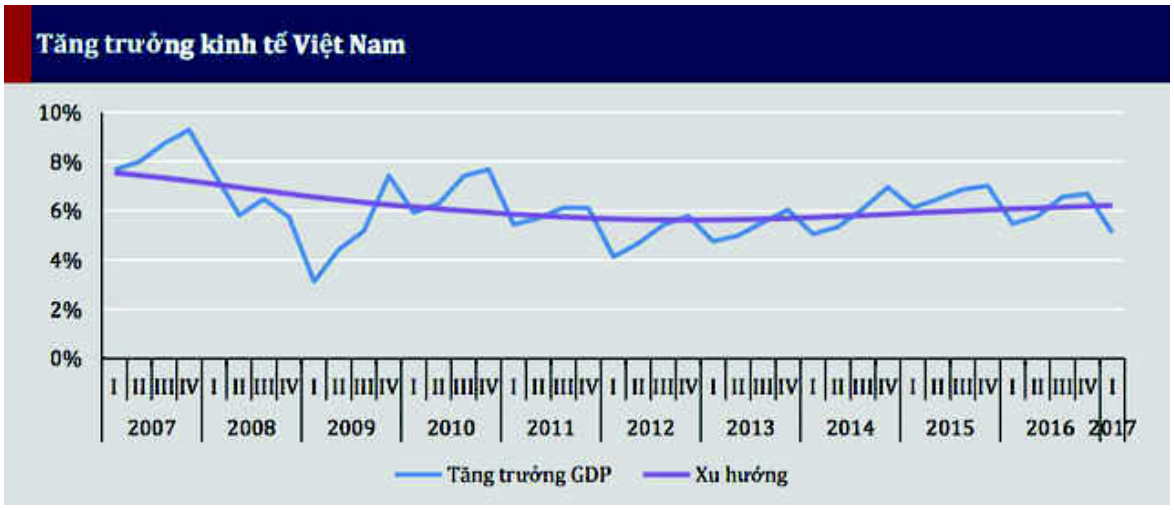
Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế. sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái...Các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này

có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Tổng công ty Thương mại Hà Nội nói riêng.

1. 1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới. Gia nhập WTO đồng nghĩa với việc hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam sẽ không bị bó hẹp trong các hiệp định song phương và khu vực mà sẽ có thị trường toàn cầu. Về nhập khẩu, với tư cách là thành viên của WTO, Việt Nam sẽ có cơ hội nhập khẩu hàng hóa có chất lượng và giá cả cạnh tranh, do đó người Việt Nam sẽ có lợi trong việc tiêu dùng. Việc nhập khẩu hàng hóa diễn ra dễ dàng sẽ làm cho hoạt động sản xuất-kinh doanh thuận lợi đối với các doanh nghiệp phải nhập khẩu công nghệ và nguyên liệu đầu vào cũng như các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, thương mại.



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Sau khi chính thức trở thành thành viên của WTO, tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2009 tuy vẫn thấp hơn tốc độ tăng 5,7% của năm 2008, nhưng đã vượt mục tiêu tăng 5,0% của kế hoạch. Tính chung cả giai đoạn 2009-2011, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình đạt 6,0%. Trong bối cảnh kinh tế thế giới suy thoái, nhiều nền kinh tế tăng trưởng âm mà kinh tế nước ta đạt được tốc độ tăng trưởng dương tương đối cao như trên là một thành công. Tuy nhiên, tình hình kinh tế đến nay vẫn còn không ít khó khăn, thách thức,

bao gồm những hạn chế về cân đối vĩ mô chứa đựng nhiều rủi ro tiềm ẩn; chỉ số giá tiêu dùng tăng ở mức cao; nhập siêu lớn cùng với sự suy giảm của dòng vốn đầu tư nước ngoài và những ảnh hưởng đến cán cân thanh toán, dự trữ ngoại hối…

Đến năm 2012, trong khi nền kinh tế thế giới đang có nguy cơ suy thoái, đặc biệt là cuộc khủng hoảng nợ công ở Châu Âu đã làm ảnh hưởng đến nền kinh tế của các nước, trong đó có Việt Nam. Tuy vậy, tốc độ tăng trưởng GDP cả nước năm 2012 vẫn đạt con số 5,2%.

Kết thúc năm 2013, các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã ổn định đáng kể so với thời kỳ bất ổn đầu năm 2012, môi trường kinh tế vĩ mô ổn định nhờ lạm phát đang trên đà suy giảm, thâm hụt thương mại và ngân sách được kiềm chế và các chính sách quản lý tiền tệ tốt hơn. Tốc độ tăng của tổng sản phẩm trong nước GDP năm 2013 đạt 5,4%, tuy thấp hơn mục tiêu đề ra là 5,5% nhưng cao hơn mức tăng 5,2% của năm 2012 và được đánh giá là khả quan hơn. Không ngoài những dự báo, năm 2014 tốc độ tăng trường kinh tế đạt 5,9%, đưa Việt Nam trở thành nước có tốc độ tăng trường GDP cao thứ 2 thế giới (sau Trung Quốc). Bước sang năm 2015, Việt Nam đã đặt mục tiêu GDP năm 2015 đạt cao hơn năm 2014, ở mức 6,2%. Tính đến 6 tháng đầu năm 2015, tổng sản phẩm trong nước ước tính tăng 6,28% so với cùng kỳ năm 2014, cùng với đó rất nhiều các tổ chức tài chính uy tên quốc tế đã nâng mức triển vọng kinh tế của Việt Nam. Cũng trong những đầu quý IV/2015, Việt Nam đã chính thức gia nhập hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) giữa 12 quốc gia với mục đích hội nhập nền kinh khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Ngay lập tức, TPP đã tạo lực đẩy cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam và mở ra cơ hội chiếm lĩnh vị thế xuất khẩu cho các lĩnh vực ngành nghề Việt Nam có thế mạnh. Năm 2015 và 2016 tốc độ tăng trưởng GDP đã có sự tiến triển và đạt mức 6,68% và 6,21%. Dự báo năm 2017, tốc độ tăng trưởng đạt mức 6,3%, Với sự tăng trưởng ổn định của GDP, các doanh nghiệp nói chung và Tổng công ty nói riêng sẽ có tiềm năng tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận. Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, thương mại nói riêng.Vì vậy, đợt chào bán cổ phần của Tổng công ty sẽ thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư.

1.2 Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Chính sách thắt chặt tiền tệ được thực hiện xuyên suốt trong năm 2011 nhằm đối phó với lạm phát. Thực tế trong thời gian đó, mức lãi suất trên thị trường ở mức cao và biến động mạnh. Với mức lãi suất vay từ 20 – 25%/năm đã gây khó khăn lớn cho các doanh nghiệp trong việc huy động vốn đáp ứng nhu cầu kinh doanh. Trên thị trường dân cư và tổ chức kinh tế, hiện tượng cạnh tranh huy động vốn giữa các ngân hàng và vượt trần lãi suất diễn ra phổ biến trong 8 tháng đầu năm. Tuy nhiên, ngay sau khi Ngân hàng nhà nước yêu cầu các Ngân hàng thực hiện nghiêm trần lãi suất và xử phạt các tổ chức vi phạm, lãi suất huy động đã giảm về gần mức mức 14%.

Kể từ ngày 18/03/2014, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành thông báo điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành của NHNN và lãi suất tiền gửi tối đa đối với các tiền gửi bằng VND của tổ chức, cá nhân tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi VND không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 1,2%/năm xuống 1,0%/năm; lãi suất tối đa áp dụng với tiền gửi VND từ 1 tháng đến

dưới 6 tháng giảm từ 7,0%/năm xuống còn 6,0%/năm; lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng tại Quỹ tín dụng nhân dân, Tổ chức tài chính vi mô giảm từ 7,5%/năm xuống 6,5%/năm. Bên cạnh đó, NHNN cũng điều chỉnh giảm lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND đối với một số lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghệ cao) từ 9,0%/năm xuống còn 8,0%/năm. Lãi suất huy động kỳ hạn 1 năm trong năm 2017 hiện đang ở mức thấp từ 7 – 8%/năm đã tạo điều kiện để các ngân hàng đưa lãi suất cho vay về mức bình quân 10%/năm. Lãi suất cho vay thấp đã hỗ trợ đáng kể cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp sử dụng tỷ lệ vốn vay lớn. Bên cạnh đó, yếu tố lãi suất ảnh hưởng đến chi phí vốn của các nhà đầu tư. Với lãi suất thấp trong giai đoạn hiện nay, chi phí vốn cho hoạt động đầu tư đã giảm xuống đáng kể.

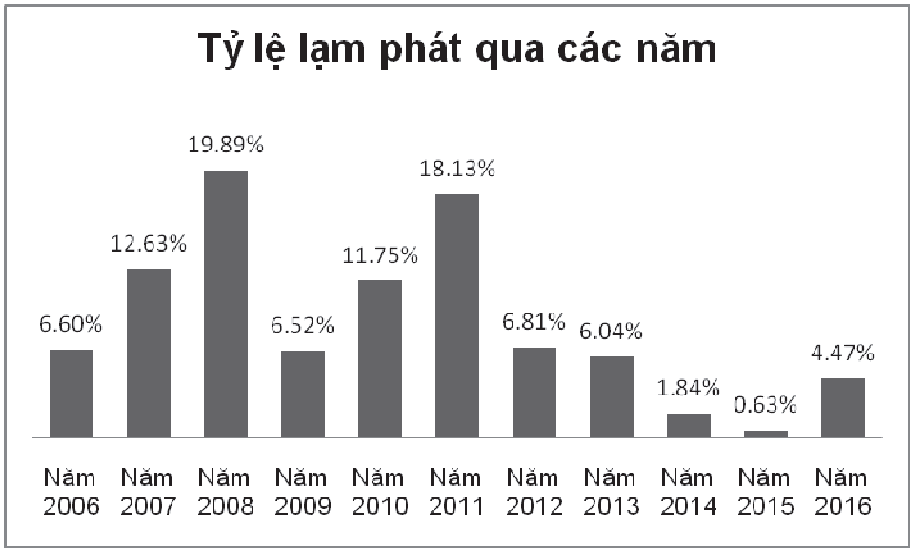
Tính đến thời điểm 31/12/2016, nợ phải trả của Công ty là 1.383 tỷ đồng tương đương với 77% vốn chủ sở hữu. Do đặc thù là doanh nghiệp Nhà nước kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, xuất nhập khẩu, nên Công ty sử dụng đòn bẩy tài chính khá cao. Vì vậy, sự biến động của lãi suất có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.3 Lạm phát

Tỷ lệ lạm phát có ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và hoạt động chi tiêu người tiêu dùng. Với các doanh nghiệp, lạm phát cao sẽ làm tăng chi phí đầu vào, giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Với người tiêu dùng, lạm phát cao sẽ làm giảm khả năng chi tiêu và buộc người tiêu dùng phải cắt giảm các khoản chi không thiết yếu. Chi tiêu giảm dẫn đến doanh thu của các doanh nghiệp cũng sụt giảm theo.

Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam đã có những biến động mạnh trong giai đoạn 2007 – 2011. Đặc biệt, tỷ lệ lạm phát năm 2008 và 2011 đã lên mức rất cao lần lượt là 19,89% và 18,13%. Nhờ các giải pháp đồng bộ của Chính Phủ và Ngân hàng Nhà nước, lạm phát trong giai đoạn 2012 – 2014 đã về mức ổn định, năm 2015 tỷ lệ lạm phát giảm xuống ở mức 0,63%, thấp nhất trong 15 năm gần đây và năm 2016, tỷ lệ lạm phát duy trì ở mức 4,47%, thấp hơn mức chính phủ đề ra. Lạm phát ổn định tạo niềm tin để người tiêu dùng tăng chi tiêu cho hàng hóa dịch vụ nói chung và dược phẩm nói riêng.

Tình hình lạm phát ổn định là yếu tố thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và sẽ giúp cổ phần của Tổng công ty hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư.



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

1.4 Tỷ giá hối đoái

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Nhờ định hướng biên độ điều hành tỷ giá ổn định và quản lý chặt chẽ hoạt động mua bán ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước, tỷ giá VND/USD tương đối ổn định, không có nhiều biến động lớn trong nhiều năm qua. Trong năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo sẽ không điều chỉnh tỷ giá VND nhiều hơn 2%, tuy nhiên, phản ứng trước sự kiện Trung Quốc phá giá đồng nhân dân tệ, ngày 12/8 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh nâng biên độ tỷ giá USD/VND lên gấp đôi từ 1% lên 2%.

Sự biến động tỷ giá này tác động trực tiếp đến doanh thu, chu phí các các doanh nghiệp xuất nhập khẩu như Tổng công ty Thương mại . Tuy các mặt hàng xuất khẩu sẽ có ưu thế trên thị trường thế giới nhưng các chi phí đầu vào cho các mặt hàng nhập khẩu sẽ gia tăng. Mặc dù, Ngân hàng Nhà nước tuyên bố giữ nguyên tỷ giá đến đầu năm 2016 nhằm trấn an các nhà nhập khâu trong nước những Công ty sẽ vẫn chủ động đối phó với những biến động về tỷ giá hối đoái có thể xảy ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Rủi ro về pháp luật

Là doanh nghiệp TNHH Một thành viên 100% vốn Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Tổng công ty Thương mại Hà Nội sẽ không chịu ảnh hưởng của Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính Phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ mà bị điều chỉnh bởi Luật doanh nghiệp 2014 và các văn bản có liên quan. Ngoài ra, sẽ còn chịu điều chỉnh bởi các các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán khi trở thành công ty đại chúng và niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang

trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty Thương mại Hà Nội cũng chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật chuyên ngành liên quan đến hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu của Bộ Công thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hiện nay, hệ thống luật pháp đang trong quá trình hoàn thiện, sửa đổi. Để tạo ra một hành lang pháp lý thuận lợi, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ Quốc tế trong quá trình hội nhập, Quốc hội đã ban hành nhiều bộ luật mới. Tuy nhiên, nếu Công ty không nắm bắt kịp sự thay đổi của hệ thống pháp luật thì có thể gây nhiều ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty luôn luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro trong lĩnh vực Xuất nhập khẩu thương mại:

- *Rủi ro chính sách*: kết quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào chính sách xuất nhập khẩu nông sản của Chính phủ Việt Nam cũng như chính sách nhập khẩu của các thị trường khách hàng. Khi nền kinh tế của quốc gia đối tác suy thoái, thay đổi trong chính sách hoặc các nguyên nhân khác có thể gây ảnh hưởng không tốt đến tài chính và kết quả hoạt động của Công ty
- *Rủi ro cạnh tranh*: lĩnh vực xuất nhập khẩu nông sản ở Việt Nam cạnh tranh ở mức độ khá cao. Trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty không những phải cạnh tranh với các nhà xuất nhập khẩu lớn trong nước như Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm Hà Nội, Tổng Công ty rau quả, nông sản… mà còn phải cạnh tranh với các đơn vị xuất khẩu nông sản từ các quốc gia nông nghiệp khác tại một số thị trường tiềm năng.
- *Rủi ro thị trường*: các mặt hàng xuất khẩu chủ chốt của Công ty như cà phê, chè, cao su, gỗ và các sản phẩm gỗ … đều phụ thuộc khá nhiều và tình hình thị trường thế giới, đặc biệt là giá bán. Áp lực giá bán giảm trên thị trường thế giới sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến kim ngạch xuất khẩu và doanh thu của Công ty.

3.2 Rủi ro trong lĩnh vực thương mại nội địa:

Trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, ngày càng nhiều các nhà bán lẻ trong và ngoài nước đẩy mạnh kế hoạch mở rộng kinh doanh để từng bước chiếm lĩnh thị trường trong nước. Năm 2005, theo thống kê của Bộ Công thương, cả nước mới có khoảng 200 siêu thị, 30 trung tâm thương mại và gần 1.000 cửa hàng tiện ích hoạt động tại 30/64 tỉnh thành thì đến nay, sau gần 8 năm mở cửa theo cam kết gia nhập WTO (1/1/2009), thị trường bán lẻ Việt Nam đã có nhiều chuyển biến mạnh mẽ với hơn 700 siêu thị, 130 trung tâm thương mại và hàng nghìn cửa hàng tiện ích. Theo quy hoạch cả

nước đến năm 2020 sẽ có khoảng 1.200 - 1.500 siêu thị, 180 trung tâm thương mại, 157 trung tâm mua sắm. Dự báo, giai đoạn 2016-2020, tốc độ tăng trưởng thương mại bán lẻ sẽ đạt 11,9%, quy mô thị trưởng khoảng 179 tỷ USD vào năm 2020, trong đó bán lẻ hiện đại sẽ chiếm trên 45%. Mức độ cạnh tranh cao trong lĩnh vực thương mại làm ảnh hưởng bất lợi đến tính hấp dẫn của cổ phần chào bán của Tổng công ty.

3.3 Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phần của Tổng công ty có những yếu tố thuận lợi như GDP tăng trưởng ổn định, lạm phát thấp, lãi suất thấp, tuy nhiên cũng có những yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến đợt chào bán như biến động tỷ giá, hệ thống luật pháp chưa hoàn chỉnh, cạnh tranh gay gắt về thị trường bán lẻ và biến động giá đối với các mặt hàng xuất khẩu. Vì vậy, có rủi ro các nhà đầu tư không đặt mua hết số lượng cổ phần mà Tổng công ty dự kiến chào bán.

3.4 Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro mang tính đặc thù trong hoạt động kinh doanh, một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm ngòe, tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người, từ đó tác động lớn đến tình hình kinh doanh của Công ty.

V. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA

1. Chi phí cổ phần hóa

Căn cứ văn bản số 5501/STC-BCĐ ngày 6/9/2016 của Sở Tài chính Hà Nội về việc triển khai các bước theo quy định cổ phần hóa Công ty mẹ-Tổng công ty, theo đó dự toán chi phí cổ phần hóa của Tổng công ty là: **2.992.500.000 đồng**

Bảng 18: Tổng dự toán chi phí cổ phần hóa

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ
I	**Các khoản chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp**	**430.000.000**	**14,37%**
1	Chi tập huấn nghiệp vụ về CPH doanh nghiệp	30.000.000	1,00%
2	Chi phí thẩm định, xử lý kết quả kiểm kê, phân loại tài sản, đối chiếu công nợ	220.000.000	7,35%
3	Chi phí tổ chức hội nghị người lao động để triển khai cổ phần hóa	50.000.000	1,67%
4	Chi phí hoạt động tuyên truyền công bố thông tin doanh nghiệp	20.000.000	0,67%
5	Chi phí tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu	20.000.000	0,67%
6	Chi phí lập, thẩm định phương án CPH	30.000.000	1,00%

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ
	Chi phí tổ chức bán cổ phần	10.000.000	0,33%
7	Chi phí dự phòng khác	50.000.000	1,67%
II	**Chi phí tư vấn**	**2.121.500.000**	**70,89%**
1	Tư vấn xác định giá trị DN, giá khởi điểm chào bán cổ phần lần đầu	1.700.000.000	56,81%
2	Tư vấn bán cổ phần lần đầu	71.500.000	2,39%
3	Phí bán đấu giá cổ phần	300.000.000	10,03%
4	Chi phí tư vấn đại hội cổ đông lần đầu	50.000.000	1,67%
III	**Thù lao cho Ban chỉ đạo CPH và Tổ giúp việc**	**441.000.000**	**14,74%**
	Tổng cộng	**2.992.500.000**	

2. Số tiền thu được từ bán phần vốn Nhà nước

Do chưa tổ chức bán đấu giá, chưa xác định được giá đấu thành công và giá đấu thành công thấp nhất nên Tổng công ty tạm tính số tiền thu được từ cổ phần hóa theo phương án giả định tất cả số lượng cổ phần bán ra được mua với giá khởi điểm là 12.800 đồng/cổ phần, sau khi có giá chính thức sẽ điều chỉnh theo, cụ thể như sau:

Bảng 19: Dự kiến số tiền thu được từ bán phần vốn Nhà nước

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	**Vốn điều lệ dự kiến**	**2.200.000.000.000**
2	**Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp**	**2.155.699.724.707**
3	**Các khoản tiền thu từ cổ phần hóa**	***2.811.949.056.000***
3.1	Thu từ bán cổ phần cho người lao động	**9.696.256.000**
3.1.1	*Bán giá ưu đãi theo thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước (60% giá bán đấu giá thành công thấp nhất)*	*6.076.416.000*
3.1.2	*Bán theo cam kết làm việc lâu dài (bằng giá bán cho NĐT chiến lược)*	*3.619.840.000*
3.2	Thu từ bán đấu giá cổ phần và nhà đầu tư chiến lược	2.802.252.800.000
4	**Tổng các khoản chi**	***62.925.236.038***
4.1	Chi phí cổ phần hóa dự kiến	*2,992,500,000*
4.2	Chi phí giải quyết cho lao động dôi dư	*3.370.213.894*

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
4.3	Chi phí phát hành thêm	*44.300.275.293*
4.4	Giá trị thặng dư	*12.262.246.851*
5	**Số tiền thu từ bán phần vốn Nhà nước còn lại sau khi trừ đi các khoản chi theo quy định (3-4)**	***2.749.023.819.962***

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại Mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

VI. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Phân tích môi trường ngành và dự báo tình hình tác động đến nền kinh tế Việt Nam và ngành thương mại trong những năm tới:

1.1. Tình hình ngành thương mại Việt Nam trong giai đoạn vừa qua

Trải qua 30 năm thực hiện công cuộc Đổi mới, định hướng phát triển thương mại Việt Nam đã từng bước được điều chỉnh cùng với tiến trình cải cách kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế và mở cửa thị trường. Những bước điều chỉnh đó đã mang lại những thành tựu quan trọng trong phát triển thương mại Việt Nam:

***Về thương mại trong nước**:* Thương mại trong nước chuyển biến mạnh mẽ theo cơ chế thị trường. Hoạt động thương mại trong nước, khách sạn, nhà hàng, du lịch và dịch vụ kể từ khi đổi mới đến nay đã đạt được những tiến bộ đáng kể. Sản xuất phát triển, đời sống của dân cư được cải thiện đã làm cho sức mua của các tầng lớp dân cư tăng lên. Thương mại ngày càng phù hợp với cơ chế thị trường nên thị trường trong nước những năm vừa qua duy trì được mức tăng trưởng ổn định, lưu thông thông suốt, đáp ứng được tốt hơn nhu cầu tiêu dùng đa dạng và không ngừng tăng lên của sản xuất và đời sống.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá thực tế đã tăng mạnh từ giai đoạn 2001-2005, trong đó một phần quan trọng là nhờ những chính sách mở cửa thực hiện các cam kết của Việt Nam. Theo Tổng cục Thống kê, cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã có sự chuyển dịch đáng kể, tỷ trọng ngành bán lẻ có xu hướng giảm trong khi tỉ trọng ngành dịch vụ có xu hướng tăng. Riêng năm 2016, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 3.527,4 nghìn tỷ đồng, tăng 10,2% so với năm trước.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

	1986-1990	1991-1995	1996-2000	2001-2005	2006-2010	2011-2015
Tổng số (tỷ đồng)	40.931	366.514	914.706	1.738.826	5.405.787	13.166.661
Tăng trưởng bình	-	45,8	12,8	16,9	27,5	13,8

	1986-1990	1991-1995	1996-2000	2001-2005	2006-2010	2011-2015
quân (%)/năm						
Tỷ trọng (%)	100	100	100	100	100	100
Theo ngành nghề kinh doanh						
Bán lẻ	35.147	361.340	753.952	1372911	4.190.591	9.843.504
Tỷ trọng (%)	85,9	82,2	82,4	79,1	77,0	74,7
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	5.784	48.118	106.240	209.785	646.310	1.608.632
Tỷ trọng (%)	14,1	13,1	11,6	11,9	11,9	12,2
Dịch vụ và du lịch	-	17.083	54.515	156.131	595.883	1.714.528
Tỷ trọng (%)	-	4,7	6,0	9,0	11,1	13,1

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Từ năm 2001-2016, hình thức bán hàng và phương thức kinh doanh thương mại và dịch vụ trên thị trường trong nước đã phát triển mạnh, đa dạng và phong phú hơn. Bên cạnh hệ thống chợ truyền thống, số lượng các siêu thị đã tăng lên nhanh chóng, trong đó có sự tham gia của những tập đoàn siêu thị lớn, như: Metro, BigC, Parson, Zen Plaza, DiamondPlaza, Lotte Mart, Citi Mart, Intimex…

Nhiều cửa hàng không phải siêu thị, nhưng cũng đã áp dụng phương thức bán hàng tự chọn, thuận lợi cho người mua hàng. Bán hàng qua điện thoại, qua mạng internet bước đầu được áp dụng ở một số đô thị lớn. Việc tổ chức các hội chợ thương mại quốc tế, hội chợ hàng Việt nam chất lượng cao, tháng khuyến mãi, tuần khuyến mãi, ngày khuyến mại và giờ vàng khuyến mại được tiến hành thường xuyên hơn. Đáng chú ý là, các doanh nghiệp đã chú trọng hơn đến thị trường tiêu dùng trong nước nói chung và thị trường nông thôn nói riêng.

Về thương mại quốc tế: Những bước điều chỉnh về chính sách thương mại đã đưa nền kinh tế Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Hiện nay, Việt Nam đã có quan hệ thương mại với 224/255 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Về tham gia các hiệp định, tổ chức kinh tế song phương và đa phương: Từ sau năm 1986, đặc biệt là từ đầu thập kỷ 1990 đến nay, Việt Nam đã thực hiện đường lối tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Kết quả của thực hiện đường lối đó thể hiện rõ nét qua việc đàm phán và ký kết nhiều hiệp định hợp tác song phương, đa phương về kinh tế, thương mại, đầu tư và tham gia nhiều tổ chức kinh tế - thương mại khu vực và toàn cầu.

Riêng trong năm 2015, Việt Nam đã ký hiệp định thương mại tự do (FTA) với Hàn Quốc (VKFTA) và với Liên minh Kinh tế Á - Âu, kết thúc đàm phán Hiệp định

TPP và FTA với EU (EVFTA), tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN (chính thức có hiệu lực từ ngày 31/12/2015). Tổng cộng đến nay, Việt Nam đã ký kết 10 FTA song phương và đa phương, kết thúc đàm phán 2 FTA khác. Các FTA đó bao trùm 55 nền kinh tế (trong đó có 15 nền kinh tế thuộc nhóm 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới, như: Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, EU…). Ngoài ra, Việt Nam còn ký kết 80 hiệp định thương mại song phương khác, 46 hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, 40 hiệp định tránh đánh thuế 2 lần. Các FTA mà Việt Nam tham gia hoặc sẽ ký kết đã và đang mở ra các cơ hội cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam được tiếp cận các thị trường rộng lớn của thế giới, giúp đẩy mạnh xuất khẩu của nước ta.

Theo Tổng cục Thống kê, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tăng từ 789 triệu USD năm 1986 lên 162 tỷ USD năm 2015. Tốc độ tăng trưởng của từng thời kỳ rất cao, thời kỳ từ 1991-1995 tăng gấp 2 lần so với thời kỳ 1986-1990 và đạt 39,9 tỷ USD với tốc độ tăng trưởng 21,4%/năm; thời kỳ 1996-2000 tăng 2,8 lần so với thời kỳ trước và đạt trên 100 tỷ USD (tốc độ tăng bình quân là 17,2%/năm); thời kỳ 2001-2005 tăng 2,1 lần so với thời kỳ trước, đạt 241 tỷ USD (tốc độ tăng bình quân 18,2%/năm); thời kỳ 2006-2010 tăng 2,6 lần thời kỳ trước, đạt 624 tỷ USD với tốc độ tăng trưởng bình quân là 13,2%/năm; thời kỳ 2011-2015 cũng tăng 2,1 lần thời kỳ trước, đạt 1.321 tỷ USD với tốc độ tăng trưởng bình quân 16,1%/năm.

Riêng năm 2016, tổng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu ước tính đạt 349,2 tỷ USD, tăng 6,5% so với năm trước.

Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân giai đoạn 1986-2005 là 21,2%/năm, giai đoạn 2006-2010 là 17,3%/năm và giai đoạn 2011-2015 là 17,9%/năm. Nếu xuất khẩu bình quân 1 năm ở giai đoạn đầu Đổi mới là 1,4 tỷ USD/năm thì giai đoạn 2001-2005 đã tăng lên 22,2 tỷ USD/năm (gấp 16 lần), giai đoạn 2006-2010 là 56 tỷ USD/năm, giai đoạn 2011-2015 là 131,1 tỷ USD/năm, cao gấp đôi so với giai đoạn trước. Thành tích này là nhờ khởi động nhiều chính sách kinh tế vĩ mô của chính phủ đã trực tiếp và gián tiếp khuyến khích xuất khẩu hàng hóa. Năm 2016, kim ngạch xuất khẩu đạt 175,9 tỷ USD, tăng 8,6% so với năm trước, một mức tăng khá ấn tượng so với mức tăng 7,9% của năm 2015.

Cùng với tăng trưởng kinh tế và xuất khẩu, nhập khẩu với ý nghĩa là một trong những nhân tố quan trọng thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng cũng tăng khá cao.

Nhập khẩu bình quân tăng lên 26 tỷ USD/năm giai đoạn 2001-2005, cao gấp hơn 10 lần giai đoạn 1986-1990, đạt khoảng 68 tỷ USD/năm giai đoạn 2006-2010 và đạt 133,2 tỷ USD/năm giai đoạn 2011-2015. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2016 đạt 173,3 tỷ USD, tăng 4,6% so với năm trước. Cán cân thương mại hàng hóa tính chung cả năm 2016 đã chuuyển sang trạng thái dương với mức xuất siêu 2,6 tỷ USD.

Tổng mức lưu chuyển hàng hóa xuất - nhập khẩu và cán cân thương mại hàng hóa

	1986-1990	1991-1995	1996-2000	2001-2005	2006-2010	2011-2015

Tổng kim ngạch xuất – nhập khẩu (triệu USD)	19.717	39.940	113.440	240.981	623.562	1.321.683
Tốc độ tăng bình quân (%)	15,1	21,4	17,2	18,2	13,2	16,1
Trong đó:						
Xuất khẩu (triệu USD)	7.032	17.156	51.825	110.830	280.405	655.701
Tốc độ tăng bình quân (%)	28,0	17,8	21,6	17,5	17,3	17,9
Nhập khẩu (triệu USD)	12.685	22.784	61.615	130.151	343.157	665.982
Tốc độ tăng bình quân (%)	8,2	24,3	13,9	18,8	18,2	14,5
Cán cân thương mại (triệu USD)	-5.653	-5.628	-9.789	-19.321	-62.751	-10.281

Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.2 Dự báo những tác động tới nền Kinh tế Việt Nam và ngành thương mại trong những năm tới

Giai đoạn 2017-2020, dự báo tình hình chính trị kinh tế Thế giới và trong nước tiếp tục diễn biến còn phức tạp, bên cạnh những thuận lợi cơ bản về xu thế hòa bình, hợp tác, hội nhập, phát triển, cũng tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức:

- Về tình hình thương mại toàn cầu giai đoạn 2017-2020 được dự báo sẽ cải thiện so với những năm trước, giá cả năng lượng và hàng hóa sẽ tăng trở lại và ổn định hơn. Do đó sẽ có tác động tích cực đối với công nghiệp và thương mại Việt Nam. Các nền kinh tế lớn được dự báo vẫn tiếp tục duy trì chính sách tài chính linh hoạt thông qua giảm thuế và tăng chi cho an sinh xã hội để kích thích tiêu dùng nội địa, do đó có khả năng sẽ tác động gia tăng nhu cầu nhập khẩu. Sự bất ổn của các yếu tố về chính trị, chính sách kinh tế của các nền kinh tế lớn như Hoa Kỳ, EU; xung đột về địa kinh tế, địa chính trị giữa các quốc gia lớn như Nga, EU, Hoa Kỳ, Trung Quốc... tiếp tục góp phần gây ra sự trì trệ trong hoạt động của các tập đoàn kinh tế và các quốc gia bé hơn và do đó, gián tiếp ảnh hưởng đến đầu tư FDI, thương mại và tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong đó có Việt nam.

- Về tình hình trong nước: Kinh tế Việt Nam giai đoạn 2017-2020 được dự báo có nhiều yếu tố thuận lợi, đầu tư nước ngoài và kim ngạch xuất nhập khẩu dự báo sẽ tiếp tục tăng từ kết quả của một số FTA đã ký và đi vào thực thi, cơ hội tiếp nhận dòng đầu tư FDI dịch chuyển ra khỏi một số quốc gia trong khu vực, trong đó có Trung Quốc. Tuy nhiên, giá dầu và lương thực có xu hướng tăng gây sức ép lạm phát tăng trở lại. Việc ổn định tỷ giá và lãi suất cũng sẽ gặp khó khăn do áp lực điều chỉnh theo sự tăng giá của đồng ngoại tệ sẽ ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu. Việc tham gia cộng đồng ASEAN và việc ký kết, triển khai các Hiệp định thương mại tự do FTA mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng tạo ra những thách thức rất lớn, nhất là việc phát triển thị trường, tăng khả năng cạnh tranh cả ở thị trường quốc tế và trong nước.

2. Phân tích SWOT

Điểm mạnh	Điểm yếu
- Vị thế và thương hiệu Tổng công ty tiếp tục được khẳng định trên địa bàn Thủ đô, trong cả nước và tại thị trường trên 70 nước, khu vực trên thế giới. Mô hình hoạt động của Tổng công ty đã được khẳng định và tiếp tục được hoàn thiện hơn nữa trong xu thế hội nhập quốc tế. Tổng công ty đang trực tiếp quản lý đội ngũ cán bộ trẻ, đầy sức sáng tạo, tâm huyết với sự nghiệp phát triển của Tổng công ty. - Công tác Đổi mới phát triển doanh nghiệp, cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại bộ máy tổ chức của Công ty Mẹ - Tổng công ty và các Công ty thành viên Tổng công ty đã được triển khai tích cực, bộ máy quản lý dần được tinh gọn, hoạt động bài bản. Đội ngũ cán bộ trong những năm qua trưởng thành rõ rệt, năng lực, tư duy của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý từ Tổng công ty đến các Công ty thành viên đã có chuyển biến rõ nét đặc biệt là tư duy về thị trường, hợp tác, mô hình liên kết,…. - Thị trường xuất khẩu tiếp tục được duy trì và phát triển tại hơn 70 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới; một số mặt hàng xuất khẩu của Tổng công ty đã có vị trí trong danh sách các mặt hàng có kim ngạch lớn của cả nước. - Các chương trình phát triển chuỗi Siêu thị, Cửa hàng tiện ích mang thương hiệu Hapromart, Haprofood; Chương trình xây dựng thương hiệu mạnh của Tổng công ty, chương trình liên kết nội bộ,…đi vào nề nếp, bài bản và hoạt hoạt	- Bên cạnh những thuận lợi cơ bản nêu trên, Tổng công ty đang đối mặt với một số khó khăn, thách thức: Thiếu hụt đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cao; cơ sở vật chất còn hạn hẹp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hiệu quả cao; thu nhập tăng thêm của cán bộ, CNV còn chưa cao; sự cạnh tranh cao giữa các doanh nghiệp trong nước và quốc tế. - Đội ngũ lãnh đạo, cán bộ nhìn chung đã được trải qua kinh nghiệm, tiếp tục được đào tạo song vẫn còn một số bộ phận chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình phát triển mới; việc cải cách cơ chế lương và các chính sách ưu đãi chưa đủ hấp dẫn để thu hút, giữ lao động có trình độ cao. - Điều kiện cơ sở vật chất, nguồn vốn chưa đủ mạnh; thiếu hạ tầng thương mại tập trung theo quy mô. - Khả năng cạnh tranh Quốc tế về thương mại mặc dù đã có tiến bộ nhưng vẫn còn yếu, hoạt động của một số Công ty thành viên của Tổng công ty còn nhỏ lẻ, manh mún.

có hiệu quả sẽ tạo điều kiện thúc đẩy SXKD của Tổng công ty. - Một số các thương hiệu nhánh, thương hiệu của các Công ty thành viên của Tổng công ty như: Hapromart, Haprofood; Thủy Tạ, Unimart Seika, Hafasco, Chu Đậu... đã dần được người tiêu dùng thủ đô và cả nước biết đến, tin cậy sử dụng;	
Cơ hội - Trên bình diện quốc tế, dưới tác động của khoa học công nghệ, quan hệ kinh tế thế giới đang biến đổi sâu sắc. Toàn cầu hóa với hệ quả gắn liền là sự liên kết, đan xen và phân công lao động trên phạm vi toàn cầu đang diễn ra nhanh chóng. Nhiều cơ hội kinh doanh lớn về XNK, đầu tư hoặc tham gia vào các chuỗi liên kết sản xuất, kinh doanh trong phạm vi quốc gia, khu vực và thế giới đang mở ra nhiều cơ hội cho Tổng công ty; - Tại Việt Nam, qua hơn 30 năm đổi mới, nền kinh tế đất nước ngày càng khởi sắc.Với tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế cùng quy mô dân số trên 90 triệu người, mức thu nhập bình quân đầu người ngày càng tăng (đạt mốc 1.890 USD năm 2015), dân số đang trong độ cơ cấu dân số vàng (trong đó có tới 60% là tiêu dùng trẻ), tốc độ đô thị hóa nhanh, bên cạnh đó, tiến trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng hiện nay đang biến Việt Nam thành một thị trường hấp dẫn có nhiều cơ hội kinh doanh; - Hà Nội là trung tâm văn hóa, chính trị và là một trong những thị trường đứng đầu của cả nước với thu nhập bình quân	**Thách thức** - Tình hình chính trị, an ninh Thế giới và trong khu vực ngày càng phức tạp sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động Xuất nhập khẩu của Tổng công ty. - Biến đổi khí hậu toàn cầu gây nên những thay đổi thời tiết bất thường, ảnh hưởng trực tiếp tới sản lượng của ngành hàng xuất khẩu chính của Tổng công ty là nông sản; đồng thời ảnh hưởng tới nguồn cung sản phẩm phục vụ thương mại nội địa. - Sự tham gia hoạt động của các Tập đoàn bán lẻ nước ngoài tại thị trường Việt Nam ngày càng tạo ra sức ép, cạnh tranh cao đối với các doanh nghiệp trong nước, trong đó có Tổng công ty Thương mại Hà Nội.

đầu người, nhu cầu tiêu dùng, mua sắm không ngừng tăng cao. Bên cạnh đó, Hà Nội là đấu mối giao thương, là trung tâm liên kết kinh tế của cả vùng nên việc mở rộng chiếm lĩnh thị phần tại Hà Nội sẽ tạo tiền đề quan trọng để mở rộng và chi phối thị trường các tỉnh, thành phố phía Bắc, hướng tới thị trường cả nước.	

3. Chiến lược phát triển của Tổng công ty sau cổ phần hóa đến năm 2020:

3.1. Mục tiêu tổng quát của Tổng công ty đến năm 2020:

Xây dựng Tổng công ty Thương mại Hà Nội là một Tổng công ty Xuất nhập khẩu và thương mại nội địa có năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững. Cụ thể:

- Tập trung phát triển đẩy mạnh và nâng cao kim ngạch xuất khẩu trong toàn Tổng công ty; phấn đấu đến năm 2020, tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu chiếm 80% tổng doanh thu của Tổng công ty. Đưa thương hiệu xuất khẩu Hapro trở thành thương hiệu quốc tế hàng đầu tại khu vực, bao trùm mọi hoạt động của Tổng công ty.

- Xây dựng thành công 05 mặt hàng xuất khẩu nằm trong 05 doanh nghiệp xuất khẩu hàng đầu của cả nước gồm: Gạo; Hạt tiêu; Hạt điều; Cà phê; Thủ công mỹ nghệ.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả của hệ thống thương mại nội địa theo phương châm: Nâng cao năng lực cạnh tranh bằng chất lượng dịch vụ và sự khác biệt, ưu tiên tối đa cho hàng hóa dịch vụ mang thương hiệu Hapro và Việt Nam vào hệ thống kinh doanh.

- Đẩy mạnh phát triển các cơ sở vệ tinh, tăng cường khả năng phát triển nguồn hàng trong và ngoài nước, tạo kênh hàng hóa đa chiều gắn với thương hiệu Hapro phục vụ tối đa cho nhu cầu xuất khẩu và thị trường trong nước, đặc biệt là: Hoa quả tươi, gạo, nông lâm sản, thủ công mỹ nghệ, công nghệ phẩm, thủy hải sản chế biến, công nghiệp tiêu dùng,…

- Đạt tới mô hình Tổng công ty có tính gọn nhẹ tối đa, linh hoạt, hiện đại và chuyên môn hóa cao; cả về công nghệ quản lý, điều kiện phương tiện làm việc và chính sách phát triển nguồn nhân lực.

3.2. Một số chỉ tiêu chủ yếu của Tổng công ty đến năm 2020:

3.2.1 Chỉ tiêu về quy mô tổ chức:

Phấn đấu đến năm 2020, Tổng công ty có quy mô 50 Công ty thành viên; tự nguyện liên kết, nhằm hỗ trợ nhau về công nghệ quản lý, thị trường, hàng hóa,…, cùng nhau phát triển, đảm bảo hiệu quả.

3.2.2 Chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh:

Bảng 20: Dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Mẹ - TCT 03 năm sau cổ phần hóa

Đvt: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	TH năm 2016	KH Năm 2017	So sánh 2017 /2016 (%)	KH Năm 2018	So sánh 2018 /2017 (%)	KH Năm 2019	So sánh 2019 /2018 (%)
1	Kim ngạch XK (tr.USD)	122,18	125,57	102,78	133,18	106,06	152,23	114,30
2	Tổng doanh thu (=a+b+c)	3.412.236	3.560.000	104,33	4.000.000	112,36	4.800.000	120,00
a	DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.116.685	3.250.143	104,28	3.657.943	112,55	4.406.635	120,47
	DT xuất khẩu	2.687.935	2.762.621	102,78	2.930.013	106,06	3.349.042	114,30
	DT nội địa	428.750	487.521	113.71	727.931	149,31	1.057.592	145,29
b	Doanh thu hoạt động tài chính	271.981	285.580	105,00	314.138	110,00	361.259	115,00
c	Doanh thu khác	23.570	24.277	103,00	27.919	115,00	32.106	115,00
3	Giá vốn hàng bán	2.937.233	3.060.000	104,18	3.320.000	108,50	3.948.000	118,92
4	Lợi nhuận gộp	179.452	190.143	105,96	337.943	177,73	458.635	135,71
	Lợi nhuận gộp từ KD xuất khẩu	101.531	106.480	104,87	185.869	174,56	247.663	133,25
	Lợi nhuận gộp từ KD nội địa	77.921	83.663	107,37	152.074	181,77	210.972	138,73
5	Tổng chi phí	422.842	440.000	104,06	612.000	139,09	772.000	126,14
6	Lợi nhuận trước thuế	52.161	60.000	115,03	68.000	113,33	80.000	117,65
	Lợi nhuận từ KD xuất khẩu	17.250	19.800	114,78	22.100	111,62	25.600	115,84
	Lợi nhuận từ KD nội địa	34.911	40.200	115,15	45.900	114,18	54.400	118,52
7	Thuế TNDN	11.168	12.000		4.800		2.800	
8	Lợi nhuận sau	40.991	48.000	117,10	63.200	131,67	77.200	122,15

	thuế							
9	Các khoản nộp ngân sách	78.247	84.800	108,37	95.000	112,03	112.000	117,89
10	Tỷ suất LN sau thuế / vốn điều lệ	1,78	2,09	117,10	2,87	137,65	3,51	122,15
11	Tổng số LĐ bình quân	761	562	73,85	608	108,19	649	106,74
12	Thu nhập BQ tháng của người lao động	7,2	8,5	118,06	9,5	111,76	11,0	115,79
13	Tỷ lệ cổ tức				2%		3%	

Trong đó:

- Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu từ hoạt động đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác và thu từ lãi tiền gửi ngân hàng

- Doanh thu khác: là các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh như thu từ các khoản tiền thưởng mua hàng, bán hàng của các đối tác, thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ, CCDC...

Dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty 03 năm sau cổ phần hóa *(bao gồm cả các Công ty con, Công ty thành viên liên kết, Công ty liên kết tự nguyện):*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	*2017/2016*	Năm 2018	*2018/2017*	Năm 2019	*2019/2018*
1	**Kết quả SX-KD**	*Tỷ đồng*							
	Tổng Doanh thu	-	6.556	6.949	*106%*	7.992	*115%*	9.430	*118%*
	Lợi nhuận TT	-	75	83	*110%*	118	*143%*	170	*144%*
2	**Kim ngạch XNK**	*Triệu USD*	160	184		213		235	
	Xuất khẩu	-	155	178	*115%*	205	*115%*	225	*110%*
	Nhập khẩu	-	5	6	*110%*	8	*145%*	10	*125%*
3	**Nộp Ngân sách NN**	*Tỷ đồng*	150	166	*110%*	182	*110%*	200	*110%*

3.3. Nhiệm vụ chủ yếu:

3.3.1 Tiếp tục tập trung đẩy mạnh kinh doanh xuất nhập khẩu:

- Tiếp tục nghiên cứu, phát triển mở rộng thêm các thị trường lớn, có tiềm năng, thâm nhập sâu vào thị trường Châu Phi; phấn đấu đến năm 2020, Tổng công ty tiếp tục có thêm nhiều thị trường mới về xuất khẩu, mở rộng tới 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên Thế giới. Đưa Tổng công ty trở thành một trong những doanh nghiệp dẫn đầu cả nước về kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng như: nông sản, thủ công mỹ nghệ,...

- Nghiên cứu phát triển thêm các mặt hàng xuất khẩu mới; Mở rộng kinh doanh nhập khẩu hàng hóa nhằm tạo nguồn hàng phong phú, đa dạng, chất lượng nhằm phục vụ hoạt động bán buôn, bán lẻ của Tổng công ty.

- Tiếp tục đào tạo lại và đào tạo mới đội ngũ cán bộ Xuất nhập khẩu có chuyên môn nghiệp vụ cao, tinh thông, giỏi nghề, năng động, sáng tạo, đủ kiến thức, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xuất nhập khẩu trong môi trường cạnh tranh, hội nhập quốc tế.

- Thiết lập Văn phòng đại diện hoặc Văn phòng liên kết tại một số khu vực thị trường chính trên Thế giới, đặc biệt là thị trường Nga, các nước SNG và Châu Phi.

3.3.2 Duy trì và nâng cao hiệu quả kinh doanh tại thị trường nội địa:

- Duy trì và kinh doanh có hiệu quả các Trung tâm Thương mại, hệ thống Siêu thị, Cửa hàng tiện ích Hapromart; hệ thống kinh doanh Cửa hàng rau, thực phẩm an toàn Haprofood; hệ thống các nhà hàng, cửa hàng dịch vụ ăn uống tại các quận, huyện, thị xã của Thành phố Hà Nội và một số tỉnh thành phía Bắc.

- Đẩy mạnh công tác nhượng quyền thương mại các thương hiệu mạnh chuyên doanh của Tổng công ty tại các tỉnh thành trên toàn quốc.

- Kết nối với các nhà cung cấp và trở thành đại lý phân phối cho nhiều nhà sản xuất có uy tín trên Thế giới; Đẩy mạnh phát triển các cơ sở vệ tinh, tăng cường khả năng phát triển nguồn hàng trong và ngoài nước, tạo kênh hàng hóa đa chiều phục vụ tối đa cho nhu cầu xuất khẩu và thị trường trong nước, đặc biệt là: Hoa quả tươi, gạo, nông lâm sản, công nghệ phẩm, thủy hải sản chế biến, hàng công nghiệp tiêu dùng.

- Thực hiện chuyên môn hoá hoạt động kinh doanh của các Công ty thành viên; Củng cố, phát triển các cơ sở sản xuất của các đơn vị thành viên nhằm tạo nguồn hàng ổn định, có chất lượng để phục vụ xuất khẩu, đồng thời cung cấp cho hệ thống phân phối nội địa của Tổng công ty; Hình thành mạng lưới vệ tinh sản xuất, gia công hàng hoá mang thương hiệu Hapro, tập trung vào các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Tổng công ty.

3.3.3 Nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống hạ tầng thương mại:

- Tiếp tục quy hoạch lại toàn bộ mạng lưới kinh doanh phù hợp với công năng sử dụng và chiến lược phát triển của Tổng công ty; Tăng cường rà soát, sắp xếp lại mạng lưới, đẩy mạnh khai thác nâng cao hiệu quả sử dụng mạng lưới theo quy hoạch.

- Nghiên cứu, quy hoạch, tìm kiếm địa điểm và đề xuất Thành phố cũng như các tỉnh, thành phía Bắc tạo điều kiện về quỹ đất cho Tổng công ty để tổ chức và phát triển hệ thống phát triển thương mại, cơ sở sản xuất vệ tinh.

3.3.4 Phát triển thương hiệu, xây dựng văn hóa doanh nghiệp:

- Xây dựng văn hóa Tổng công ty có bản sắc riêng biệt, tạo được sức hút đối với khách hàng và đối tác.

- Phát huy giá trị thương hiệu Hapro là thương hiệu bao trùm trong quy hoạch tổng thể các thương hiệu nhánh của Tổng công ty; Đưa thương hiệu xuất khẩu Hapro trở thành thương hiệu quốc tế hàng đầu tại khu vực.

- Nâng cao tính chuyên nghiệp trong chuẩn hóa và nhận diện thương hiệu của Tổng công ty và của các Công ty thành viên, đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

3.3.5 Đổi mới và phát triển doanh nghiệp:

Tiếp tục đổi mới, hoàn thành công tác cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các đơn vị; cơ cấu lại bộ máy tổ chức quản lý của Công ty Mẹ và các Công ty thành viên Tổng công ty nhằm xây dựng mô hình Tổng công ty có tính gọn nhẹ, linh hoạt, hiện đại; đa ngành và chuyên môn hóa cao; cả về công nghệ quản lý, điều kiện phương tiện làm việc và chính sách phát triển nguồn nhân lực.

4. Các nhóm giải pháp cơ bản nhằm thực hiệt tốt phương hướng, mục tiêu tổng quát và nhiệm vụ chủ yếu của Tổng công ty đến năm 2020:

4.1. Nhóm giải pháp về tổ chức điều hành và quản lý nguồn lực:

4.1.1 Nhóm giải pháp tổ chức điều hành và xây dựng hệ thống:

- *Cơ cấu lại bộ máy các Phòng Ban quản lý, đơn vị kinh doanh:* nhằm áp dụng tốt định hướng phân cấp, phân quyền, mỗi người chỉ có một thủ trưởng trực tiếp, đề cao tính trách nhiệm người đứng đầu; xây dựng môi trường pháp lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Tinh giảm đội ngũ cán bộ gián tiếp, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảm bảo trình độ đáp ứng yêu cầu phát triển, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;

+ Tiếp tục tái cơ cấu tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty thành viên, các Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty đảm bảo phù hợp với yêu cầu mới nhằm thúc đẩy tăng doanh thu nội địa và kim ngạch xuất khẩu của Tổng công ty;

- *Nâng cao tính chuẩn mực trong hoạt động SXKD:* Chuẩn mực về pháp lý trong kinh doanh; Chuẩn mực về văn hoá doanh nghiệp; Chuẩn mực về chất lượng hàng hoá dịch vụ,....

- *Thực hiện chuyên môn hoá hoạt động của các Công ty thành viên:* nhằm phát huy lợi thế cạnh tranh trong từng ngành hàng và địa bàn kinh doanh, tận dụng nguồn lực và sự hỗ trợ, bổ sung lẫn nhau giữa các Công ty.

4.1.2 Nhóm giải pháp quản lý và phát triển nguồn lực:

- *Định kỳ đào tạo, đào tạo lại:* Chú trọng công tác đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực hành, xử lý công việc cho cán bộ công nhân viên, đặc biệt tập trung vào một số lĩnh vực quan trọng như nghệ thuật bán hàng, quản trị hệ thống bán lẻ hiện đại, quản trị tài chính, quản trị thương hiệu; Tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ Lãnh đạo các Công ty về công tác Quản trị doanh nghiệp trong tình hình mới.

- *Đặc biệt coi trọng phát triển nguồn lực con người*, có chính sách đãi ngộ cán bộ có năng lực, trí tuệ và đạo đức đồng thời có chính sách thu hút nhân tài bên ngoài.

- *Đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:* Triệt để thực hành tiết kiệm trong từng khâu của quá trình SXKD, tiết giảm các chi phí thường xuyên, chi tiêu công hợp lý nhằm giảm chi phí sản xuất, chi phí phát sinh, từ đó hạ giá thành dịch vụ, sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh.

- *Xây dựng hệ thống quản lý rủi ro:* Thực hiện quản lý chặt chẽ các nguồn vốn, các khoản nợ phải thu và chủ động tìm kiếm các nguồn cung ứng nguyên vật liệu, hàng hoá dự phòng để kịp thời ứng phó với các biến động của nền kinh tế.

- *Áp dụng công nghệ tin học trong quản lý điều hành:* thực hiện khai thác triệt để tiện ích công nghệ tin học trong công tác chỉ đạo, trao đổi, báo cáo giữa Ban lãnh đạo Tổng công ty tới các Phòng ban quản lý, các Công ty thành viên, các đơn vị trực thuộc.

- *Liên kết mạnh mẽ*, lấy liên kết là một yếu tố quan trọng để tập trung sức mạnh, tập trung nguồn lực, tăng năng lực cạnh tranh, hình thành và mở rộng mạng lưới thị trường nội bộ.

- Tiếp tục nâng cao các hoạt động và sự gắn kết giữa các Công ty thành viên, đơn vị trực thuộc trong Tổng công ty, phát huy tinh thần trách nhiệm của CBCNV toàn Tổng công ty trong việc tiêu thụ các sản phẩm, hàng hoá, sử dụng các dịch vụ từ thị trường nội bộ Tổng công ty, góp phần nâng cao hiệu quả, nâng cao kim ngạch xuất khẩu và doanh thu nội địa của Tổng công ty.

4.2. Nhóm giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu:

- *Đa dạng hóa mặt hàng, phương thức kinh doanh xuất khẩu và thị trường xuất khẩu;*

- *Tập trung phát triển thị trường ngách, có tiềm năng bên cạnh các thị trường truyền thống đã có để mở rộng thêm cơ hội phát triển kim ngạch XNK.*

- *Đẩy mạnh xúc tiến thương mại:* tận dụng tối đa các cơ chế hỗ trợ về xúc tiến thương mại của Chính Phủ, của Thành phố; Đẩy mạnh sử dụng các công cụ mới như thương mại điện tử để nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại.

- *Đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại, CNTT*

để thúc đẩy công tác giao dịch, đối ngoại.

- Thành lập Văn phòng đại diện tại các khu vực cửa ngõ như Trung Đông; Angola, khu vực Đông Âu cũ…để xâm nhập vào các thị trường lớn trên thế giới: Hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng phục vụ, đầu tư có trọng tâm vào việc xây dựng chân hàng nhằm đảm bảo nguồn hàng ổn định, có chất lượng, phục vụ xuất khẩu, đặc biệt là với các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn như hàng nông sản, gạo, điều, tiêu, thủ công mỹ nghệ,…

- Liên kết giữa các Công ty, đơn vị trong toàn Tổng công ty trong việc thực hiện những hợp đồng lớn, tạo sức mạnh đàm phán về giá trong thu mua, đồng thời hỗ trợ, chia sẻ thông tin về thị trường, mặt hàng, kinh nghiệm xuất khẩu.

- Tăng cường nghiên cứu thông tin, thị trường, đẩy mạnh công tác xúc tiến bán nhằm tăng kim ngạch xuất khẩu của Tổng công ty. Tận dụng một cách có hiệu quả các chính sách hỗ trợ về tài chính của Chính Phủ, của Thành phố trong các tình huống cấp bách.

- Tăng cường đổi mới cơ cấu tổ chức và phương thức kinh doanh trong hoạt động xuất khẩu. Chú trọng đẩy mạnh công tác thiết kế, phát triển sản phẩm mới, sản phẩm độc quyền nhằm gia tăng giá trị sản phẩm, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh xuất khẩu của Tổng công ty.

- Đẩy mạnh việc hình thành và phát triển các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu trong Tổng công ty. Tiếp tục tăng cường xây dựng, củng cố các đối tác chiến lược để có các chân hàng vệ tinh uy tín, chất lượng, giá cả cạnh tranh, đảm bảo nguồn cung hàng xuất khẩu, phát triển thị trường bền vững, kết hợp hài hoà lợi ích trước mắt và lâu dài.

4.3. Nhóm giải pháp phát triển thị trường nội địa:

4.3.1 Giải pháp về sản phẩm và nguồn hàng: Đa dạng hóa chủng loại, mẫu mã hàng hóa, đảm bảo chất lượng và vệ sinh ATTP, đảm bảo phục vụ và đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của các nhóm người tiêu dùng khác nhau, các khu vực thị trường khác nhau.

4.3.2 Giải pháp về giá cả:

- Đẩy mạnh liên kết chặt chẽ giữa các Công ty, đơn vị trong nội bộ Tổng công ty với các doanh nghiệp thương mại khác để thu mua hàng hóa với số lượng lớn, từ đó tạo ra ưu thế về quy mô trong đàm phán với nhà sản xuất, nhà cung cấp, giảm chi phí và giá thành cho sản phẩm trong toàn hệ thống.

- Đầu tư, xây dựng hệ thống logistic, tổng kho dự trữ hàng hóa để đảm bảo dự trữ hàng hóa với số lượng lớn nhằm chủ động trong kinh doanh và đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thị trường;

- Sử dụng hiệu quả sự hỗ trợ về tài chính của các tổ chức trong và ngoài nước,các cơ quan Chính Phủ và của Thành phố Hà Nội.

4.3.3 Giải pháp về nâng cao hiệu quả sử dụng mạng lưới:

- Rà soát, quy hoạch lại mạng lưới kinh doanh, thực hiện nâng cao hiệu quả sử dụng địa điểm, mạng lưới của Tổng công ty tại tất cả các Công ty thành viên, Đơn vị trực thuộc Công ty Mẹ - Tổng công ty theo nguyên tắc bám sát giá thị trường, đảm bảo các điều kiện về: lợi nhuận, hiệu quả kinh tế; đảm bảo sử dụng mạng lưới đúng công năng, mục đích của đơn vị và của Tổng công ty; đảm bảo các vấn đề xã hội có liên quan (việc làm, chế độ chính sách của người lao động tại địa điểm…); đảm bảo tuân thủ các vấn đề pháp luật và tôn trọng thương hiệu, hình ảnh phát triển của Tổng công ty.

- Tập trung đẩy mạnh triển khai rà soát, đánh giá và nâng cao hiệu quả sử dụng mạng lưới tại các địa điểm là Văn phòng làm việc, kho hàng, các địa điểm đang chờ lập dự án đầu tư, đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư, các địa điểm chưa khai thác hoặc khai thác chưa triệt để… để tận thu, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng mạng lưới.

4.3.4 Giải pháp về đổi mới phương thức sản xuất kinh doanh: Xây dựng Phương án đổi mới phương thức sản xuất kinh doanh tại các bộ phận, cửa hàng, địa điểm kinh doanh… của Tổng công ty theo hướng tăng tính độc lập, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của từng đơn vị kinh doanh khuyến khích các mô hình bán hàng theo chuỗi với các tiêu chí cụ thể, đảm bảo tăng doanh thu, hiệu quả cho đơn vị và thu nhập cho người lao động để khai thác tối đa hiệu quả của các bộ phận kinh doanh, các đơn vị và địa điểm kinh doanh

4.3.5 Nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng sản phẩm: Thường xuyên nghiên cứu, đề ra các biện pháp cải tổ nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng sản phẩm.

4.3.6 Giải pháp về bán hàng và xúc tiến thương mại:

- Đầu tư, cải tạo nâng cấp địa điểm kinh doanh, đảm bảo hàng hóa trưng bày đẹp, văn minh, phong cách phục vụ tận tình, chu đáo, chuyên nghiệp.

- Tổ chức và tham gia các chương trình xúc tiến thương mại như Hội chợ, triển lãm, Lễ hội, đặc biệt tại các địa bàn mới hợp nhất về Hà Nội.

- Thường xuyên tổ chức và liên kết với các nhà sản xuất, phân phối để tổ chức các chương trình khuyến mại, giới thiệu, quảng bá sản phẩm, đặc biệt các chương trình khuyến mãi, giảm giá lớn vào các dịp Lễ, Tết trên toàn hệ thống của Tổng công ty.

- Đa dạng hóa các phương thức bán hàng như bán hàng tại chỗ; bán hàng lưu động; bán hàng thông qua phiếu mua hàng; bán hàng qua điện thoại, qua mạng.

- Giới thiệu, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Website và các hình thức thông tin khác. Tuyên truyền làm thay đổi thói quen mua sắm của người dân, chuyển xu hướng tiêu dùng hàng ngoại để thực hiện tốt cuộc vân động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam".

- Liên kết với các ngân hàng, tổ chức tín dụng để thực hiện bán hàng thông qua các hình thức tín dụng phù hợp cho tiêu dùng cá nhân như bán hàng trả góp, cho vay tiêu dùng, thanh toán bằng thẻ tín dụng.

4.3.7. Giải pháp về áp dụng công nghệ bán hàng và quản lý bán lẻ, bán buôn thông qua ứng dụng của phần mềm Công nghệ thông tin; Đầu tư mạnh dạn và có trọng

tâm nghiên cứu việc ứng dụng hệ thống phần mềm quản lý kho tàng, quản lý bán buôn, bán lẻ.

4.3.8. Đẩy mạnh hợp tác kinh doanh với các doanh nghiệp khác, các thành phần kinh tế khác theo các mô hình, tổ chức mà pháp luật cho phép.

- Tận dụng triệt để các mối quan hệ với các đối tác, khách hàng tiềm năng, các mối quan hệ Đối ngoại của Tổng công ty để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của Tổng công ty. Tập trung thúc đẩy mối quan hệ hai chiều trong quan hệ hợp tác chiến lược.

- Tập trung đẩy mạnh các hoạt động liên kết nội bộ trong Tổng công ty, ưu tiên sử dụng hàng hóa, dịch vụ nội bộ giữa các Công ty thành viên, đơn vị trực thuộc Công ty Mẹ - Tổng công ty để nâng cao hiệu quả hoạt động, thúc đẩy doanh thu bán hàng tại thị trường nội địa.

4.4. Nhóm giải pháp đẩy mạnh phát triển hệ thống hạ tầng thương mại:

4.4.1. Củng cố và nâng cấp hệ thống hiện tại:

- Tiếp tục củng cố, cải tạo sửa chữa, chỉnh trang lại hệ thống hạ tầng thương mại sẵn có của Tổng công ty. Đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư các dự án của Tổng công ty để sớm đưa vào khai thác, sử dụng.

- Xây dựng và quảng bá thương hiệu, nâng cao tính chuyên nghiệp trong chuẩn hóa và nhận diện thương hiệu trong toàn hệ thống mạng lưới, địa điểm, trở thành hệ thống kinh doanh mang tính cộng đồng cao, kết hợp hài hoà giữa lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích cộng đồng.

4.4.2. Phát triển xây dựng mới, mở rộng hệ thống:

- Khảo sát và đề xuất Thành phố cũng như các tỉnh, thành phía Bắc tạo điều kiện về quỹ đất cho Tổng công ty thực hiện đầu tư phát triển hạ tầng theo quy hoạch dành cho phát triển thương mại.

- Tập trung mở rộng, khai thác mạng lưới tại các Khu chung cư, khu tái định cư, khu đô thị mới, các trường học,…..trong nội ngoại thành Hà Nội (chú trọng phát triển mạnh hệ thống bán lẻ tại các huyện ngoại thành) và một số tỉnh thành phố phía Bắc.

4.5. Nhóm giải pháp xây dựng thương hiệu, xây dựng văn hoá Hapro:

- Tận dụng tốt các nguồn kinh phí hỗ trợ việc xây dựng Thương hiệu, truyền thông, hình ảnh của Tổng công ty như: Chương trình của Bộ Công Thương, của Thành phố, của Sở Công thương Hà Nội về "Phát triển thương hiệu".

- Tận dụng quảng bá Catalogue, tờ rơi của Tổng công ty cũng như các ấn phẩm giới thiệu khác trong các cuộc họp, hội thảo của Bộ, ban, ngành…

- Bên cạnh việc tiếp tục duy trì in ấn các ấn phẩm quảng bá và sự dụng 1 số kênh marketing truyền thống như email, tin nhắn. Thời gian tới Tổng công ty sẽ bắt đầu đẩy mạnh việc quảng bá thương hiệu qua các kênh trực tuyến, kỹ thuật số (Marketing

Online) như quảng bá trên Facebook, thành lập Fanpage cho từng sản phẩm, dịch vụ đặc trưng, quảng cáo trên google và các ứng dụng quảng cáo trên điện thoại di động.

- Tích cực tham gia và xuất hiện thương hiệu trong các sự kiện, giải thưởng lớn thường niên như: Sao vàng đất việt, Thương hiệu quốc gia,...

4.6. Nhóm giải pháp quan hệ đối ngoại để tận dụng, tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành phố Hà Nội, các Bộ, Ngành… hợp tác, giúp đỡ của các Tỉnh, thành phố:

Tiếp tục xây dựng, duy trì và mở rộng các mối quan hệ của Tổng công ty tại Thành phố Hà Nội; các Bộ, Ngành; Địa phương, các tổ chức, hiệp hội trong và ngoài nước… để tranh thủ tận dụng, tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành phố, của các Sở, Ban, Ngành, sự hợp tác giúp đỡ của các Tỉnh, thành phố trong việc phát triển mở rộng nguồn hàng cũng như cơ sở hạ tầng thương mại của Tổng công ty.

5. Tổ chức thực hiện

a. Hội đồng quản trị

- Chỉ đạo chung trong việc thực hiện chiến lược phát triển của Tổng công ty.
- Hàng năm giám sát, đánh giá chung kết quả thực hiện chiến lược.

b. Tổng Giám đốc

- Căn cứ vào bản chiến lược tổ chức lập kế hoạch trung và dài hạn, tổ chức phân công các bộ phận triển khai thực hiện.
- Giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo từng năm, báo cáo Hội đồng quản trị.

c. Các Phó Tổng Giám đốc:

- Tổ chức triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được phân công.

d. Các Phòng, Ban, Trung tâm, Chi nhánh

- Có trách nhiệm tổ chức xây dựng và thực hiện các nội dung được phân công phù hợp với chức năng nhiệm vụ của mình.
- Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ hàng năm báo cáo Phó Tổng Giám đốc phụ trách, Tổng Giám đốc.

6. Điều chỉnh chiến lược

Trong quá trình thực hiện, nếu thấy cần thiết, Hội đồng quản trị xem xét, bổ sung, chỉnh sửa nội dung của Chiến lược phát triển cho phù hợp với tình hình thực tế.

PHẦN III: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT CỦA TỔNG CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA

Căn cứ Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án sử dụng các cơ sở nhà, đất sau cổ phần

hóa Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội, toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất của Tổng công ty được chuyển giao cho Công ty cổ phần quản lý, sử dụng và hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đất theo các quy định hiện hành. Bao gồm:

Bảng 21: Bảng kê địa điểm nhà, đất và kế hoạch sử dụng sau cổ phần hóa

STT		Địa chỉ cơ sở nhà đất	DT đất (m2)	DT xây dựng (m2)	Phân loại tài sản	Thời hạn Thuê nhà/đất	Hình thức thuê nhà/đất	Trước CPH	Sau CPH
I		**Các địa điểm kinh doanh theo ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty**							
I.1		**Nhóm địa điểm kinh doanh HaproMart, HaproFood và Unimart/Seika (25 địa điểm)**							
1	1	Số 119 Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm	56.00	56.00	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 152/XNHK/HĐTNCD ngày 19/2/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 5 tầng (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh Hapromart	Kinh doanh HaproMart
2	2	Số 65 Cầu Gỗ, quận Hoàn Kiếm	57.90	57.90	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 154/XNHK/HĐTNCD ngày 21/2/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 4 tầng (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Kinh doanh HaproMart
3	3	Số 135 Lương Đình Của, quận Đống Đa	Đất sử dụng riêng 1.062m2; đất sử dụng chung (chỉ sử dụng tầng 2) là 128m2	1,843.00	TSDN	- Hợp đồng thuê đất số 283-245-98/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 18/9/1999; thời hạn 2006; - Hợp đồng thuê đất số 459-245.98/ĐC-HĐTĐ ngày 12/12/1998 thời hạn 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; HĐ 137-245.99/ĐC-HĐTĐ ngày 29/3/1999, thời hạn 2006 - Quyết định số 6199/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2015; - Bản vẽ chỉ giới đường đỏ năm 2016; thông tin quy hoạch có 1 phần diện tích phía Đông Bắc nằm trong phạm vi mở đường quy hoạch, phần diện tích đất còn lại được xác định chức năng là đất dân dụng hiện trạng.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 2 tầng. - Kinh doanh Hapromart, café văn phòng và dịch vụ ăn uống	Kinh doanh Hapromart; Dịch vụ ăn uống

4	4	G3 Vĩnh Phúc, quận Ba Đình	310.00	310.00	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà số 17/HĐTN/XD ngày 24/7/2014; thời hạn từ 01/10/2013 đến 30/9/2018	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng tầng 1 của nhà tập thể 5 tầng (nhà tái định cư). - Kinh doanh HaproMart và dịch vụ.	Kinh doanh HaproMart
5	5	Số 11-13 Thành Công, quận Ba Đình	555.70	982.00	TSDN	- Hợp đồng số 279-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 18/9/1999 hết hạn năm 2006; - Hợp đồng số 126-245/ĐC-HĐTĐ ngày 29/3/1999, hết hạn năm 2006 - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Bản vẽ chỉ giới đường đỏ năm 2016; - Thông tin quy hoạch là chức năng đất công cộng	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Khu 1, nhà 2 tầng, đất sử dụng riêng.- Kinh doanh Hapromart	Kinh doanh HaproMart
			169.90	169.90	TSDN	Quyết định số 6199/QĐ-UBND ngày 17/12/2010	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Khu 2, kinh doanh dịch vụ thể dục thể thao, đất sử dụng chung.	
6	6	E7 Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng (khu 1)	23.90	23.90	TSDN	- Hợp đồng số 278-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 18/9/1999 hết hạn 2006. - Bản đồ hiện trạng năm 2016 toàn bộ cả 3 khu đất E7 Bách Khoa.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- DT tầng 1 của tập thể 5 tầng. - Kinh doanh đại lý thuốc lá	Cửa hàng chuyên doanh khác
		E7 Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng (khu 2)	84.70	84.70	TSDN	- Hợp đồng số 97-2006/STNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 25/7/2006 hết hạn 15/10/2023; - Quyết định số 6199/QĐ-UBND ngày 17/12/2010	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Cho thuê văn phòng	
		E7 Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng (khu 3)	71.0	71.0	TSDN	- Hợp đồng số 212-245/NĐ-ĐC-HĐTĐ ngày 19/8/1999 hết hạn 2006; - Quyết định số 6200/QĐ-UBND ngày 17/12/2010	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Kinh doanh Hapromart	Kinh doanh HaproMart

7	7	E6 Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng	183.60	183.60	TSDN	- Hợp đồng số 76-245.99/ĐC-HĐTĐ ngày 24/2/1999 hết hạn 2006; - Quyết định số 6199/QĐ-UBND ngày 17/12/2010 - Bản đồ hiện trạng năm 2016	Trả tiền thuê đất hàng năm	Kinh doanh Hapromart	Kinh doanh HaproMart
		E6 Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng	185.40	185.40	TSDN	- Quyết định số 6200/QĐ-UBND ngày 17/12/2010	Trả tiền thuê đất hàng năm	Kinh doanh ăn uống	Dịch vụ ăn uống
		E6 Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng	95.45	95.45	TSDN	- Hợp đồng số 193-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 21/9/2000 hết hạn 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Cho thuê văn phòng	Cửa hàng chuyên doanh khác
8	8	Nhà N4C Khu đô thị Trung hòa - Nhân chính, quận Thanh Xuân	176.00	176.00	Nhà thuê	- Hợp đồng số 88/2013/HĐTN ngày 20/8/2013; thời hạn thuê từ 16/10/2012 đến 15/10/2015. - PLHĐ số 12/PLHĐ-QLPTN ngày 18/9/2014; **Đang làm thủ tục ký Hợp đồng mới.**	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của Chung cư 15 tầng. - Dịch vụ thể dục thể thao	Kinh doanh HaproMart
9	9	C12 Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân	1,780.40	1,780.40	TSDN	- Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Hợp đồng thuê đất số 213-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 29/9/2000, thời hạn đến 2006	Trả tiền thuê đất hàng năm	- DT tầng 1 của C11, C12, C13 Thanh Xuân. - Kinh doanh HaproMart, Xe máy , điện thoại và thời trang	Kinh doanh HaproMart
10	10	B3A Nam Trung Yên, quận Cầu Giấy	125.00	125.00	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 147/HĐTN/SXD ngày 31/12/2014; thời hạn 10/09/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của Chung cư 13 tầng. - Kinh doanh: HaproMart và dịch vụ	Kinh doanh HaproMart
11	11	Tầng 1 Nhà A4, Lô NO.02B, Đơn nguyên 1, Kim Chung, huyện Đông Anh	236.00	236.00	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 65/HĐTN-QL&PTNHN ngày 15/7/2015; thời hạn 14/7/2018	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của Chung cư nhà ở cho công nhân của KCN. - Kinh doanh: HaproMart	Kinh doanh HaproMart

12	12	Tầng 1 Nhà D1, Lô NO.03A, Đơn nguyên 3, Kim Chung, huyện Đông Anh	230.00	230.00	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 43/HĐTN-QL&PTNHN tháng 6/2014; thời hạn 18/6/2017	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của Chung cư nhà ở cho công nhân của KCN. - Kinh doanh: HaproMart	Kinh doanh HaproMart
13	13	Kios Chợ Châu Long, quận Ba Đình	56.60	56.60	TSDN	- Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Từ kios số 1 đến số 6 mặt phố Châu Long (tình trạng xuống cấp). - Kinh doanh tạp hóa	Kinh doanh HaproFood
14	14	Ki ốt Chợ Kim Giang, quận Thanh Xuân	97.8	97.8	TSDN	- Quyết định số 6199/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn. - Kinh doanh Haprofood	Kinh doanh HaproFood
15	15	Số 15 Nhà Chung , quận Hoàn Kiếm	70.13	52.89	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà đất số 127/XN3/HĐTN26/ XD ngày 19/5/2009, thời hạn: 1/1/2014; - Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 31/3/2011.	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	Đang cải tạo sửa chữa	Kinh doanh HaproFood
16	16	Số 68 Hàng Bông , quận Hoàn Kiếm	33.30	33.30	TSDN	- Quyết định số 5023/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND TP vv cho TCT Thương mại HN thuê 33.3m2 đất tại số 68 Hàng Bông, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng (sử dụng tầng1) làm cơ sở kinh doanh, thời hạn thuê đất 50 năm kể từng ày 15/10/1993. - Hợp đồng thuê đất sô 147/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 22/3/2016, thời hạn 50 năm kể từ ngày 15/10/1993; - Thông tin quy hoạch chủ yếu là đất ở, dịch vụ thương mại.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 3 tầng 1 tum (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh Haprofood	Kinh doanh HaproFood

17	17	Cổ Loa, huyện Đông Anh	207.80	189.70	TSDN	- Tờ khai hiện trạng sử dụng nhà, đất năm 2006; - Quyết định số 6200/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; Bản đạc năm 2016; - Bản đồ hiện trạng năm 2016.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn. kinh doanh Haprofood kết hợp dịch vụ ăn uống	Kinh doanh HaproFood
18	18	Chợ Kim, Xuân Nộn, huyện Đông Anh	141.90	91.22	TSDN	- Tờ khai hiện trạng sử dụng đất năm 2006; - Quyết định số 6200/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; Bản đạc năm 2016; - Bản đồ hiện trạng năm 2016.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn - Kinh doanh Hapromart	Kinh doanh HaproMart
19	19	Số 20 Hàm Long, quận Hoàn Kiếm	44.30	44.30	TSDN	- Tờ khai hiện trạng sử dụng nhà, đất năm 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Thông tin quy hoạch là nhóm đất ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng, tầng 2 cơi nới bằng nhà khung thép mái tôn. -Đang cải tạo sửa chữa	Kinh doanh HaproFood
20	20	Số 83 Nguyễn An Ninh, quận Hoàng Mai	122.80	122.80	TSDN	- Hợp đồng số 190-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 21/9/2000 hết hạn 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Bản vẽ chỉ giới đường đỏ năm 2016; - Thông tin quy hoạch là đất nhóm nhà ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái bằng - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Kinh doanh HaproMart

21	21	Số 6 Cầu Bươu, huyện Thanh Trì	4,117.00	605.35	TSDN	- Quyết định số 6701/QĐ-UBND ngày 06/12/2016; - Hợp đồng thuê đất số 168/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 19/3/2017. - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Bản vẽ chỉ giới đường đỏ năm 2016; - Thông tin quy hoạch là đất công đô thị (bao gồm các trung tâm văn hóa, thương mại, tài chính, dịch vụ, y tế, các công trình công cộng đặc biệt của Thành phố và Quốc gia…) và một phần dự kiến mở đường Phan Trọng Tuệ (phía Đông Bắc), đường Tả Thanh Oai (phía Tây Bắc).	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Dãy nhà 1 tầng mái tôn mặt phố. - Kinh doanh Hapromart	Kinh doanh HaproMart
22	22	Số 19-21 Đinh Tiên Hoàng, quận Hoàn Kiếm	280.88	- DT nhà thuê: 977.60 - DT tự tạo: 45	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà đất số 370/XNHK/HĐTNCD ngày 29/01/2015; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Tòa nhà 3 tầng + tầng lửng; DT tầng 4 tự cơi nới. - Kinh doanh Hapromart, thời trang, tranh nghệ thuật, và kinh doanh dịch vụ- TCT đã có CV xin mua TS trên đất và chuyển nhượng QSD đất với UBND Thành phố.	Kinh doanh HaproMart
23	23	Số 28 Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm	87.30	89.70	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà đất số 144/XNHK/HĐTNCD ngày 19/2/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT toàn bộ tầng 2 (tầng 1 và tầng 3 là TSDN). - Kho hàng	Kinh doanh Hapromart
24	24	Số 28 Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm	DT đất sử dụng riêng là 72.8m2 và DT đất sử dụng chung là 9.4m2	155.00	TSDN	- Hợp đồng số 219-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 29/9/2000 hết hạn 2006; - Bản đồ hiện trạng năm 2015; - Thông tin quy hoạch dự kiến là nhóm đất nhà ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là phần DT tầng 1 và tầng 3 của nhà 3 tầng. - Kinh doanh phụ kiện may mặc và làm kho	
25	25	D2 Giảng Võ, quận Ba Đình	1,230.60	1,230.60	TSDN	- Nhận theo QĐ 09/2007/QĐ-TTg từ các ĐVTV sau đó HTĐT xây dựng và nhận lại DT sàn theo thỏa thuận; Đang hoàn thiện tài liệu để hợp thức	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là 1 phần diện tích tầng 1 của Tòa nhà 25 tầng. - Kinh doanh cửa hàng thực phẩm và	Siêu thị thực phẩm Unimart Seika

						hồ sơ pháp lý nhà đất; - Bản đồ hiện trạng năm 2016.		dịch vụ ăn uống	
I.2		**Nhóm Cửa hàng chuyên doanh (32 địa điểm)**							
I.2.1		**Nhóm Cửa hàng chuyên doanh thời trang (19 địa điểm)**							
26	1	Số 46 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm	137.79	123.00	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà đất số 151/XNHK/HĐTNCD ngày 20/2/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng trên của hộ sử dụng khác). - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
27	2	Số 41 Thợ Nhuộm, quận Hoàn Kiếm	70.80	70.80	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà đất số 150/XNHK/HĐTNCD ngày 21/2/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 4 tầng (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
28	3	Số 82 Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm	88.00	88.00	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà đất số 147/XNHK/HĐTNCD ngày 20/2/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng 2 của hộ dân bỏ trống). - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
29	4	Số 94 Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm	40.18	40.18	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà đất số 153/XNHK/HĐTNCD ngày 20/2/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 4 tầng 1 tum, có công trình phụ (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác. -Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
30	5	Số 43 Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm	33.42	33.42	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà đất số 358/XNHK/HĐTNCD ngày 25/12/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mặt phố, mái tôn. - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
31	6	Số 66 Hàng Chiếu, quận Hoàn Kiếm	158.60	151.30	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà đất số 426/XNHK/HĐTNCD ngày 19/5/2016; thời hạn 28/4/2019.	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 3 tầng 1 tum (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh bao bì + văn phòng	Cửa hàng chuyên doanh Thời trang

32	7	Số 36 Hàng Ngang, quận Hoàn Kiếm	233.30	221.50	TSDN	- Hợp đồng số 220-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 29/9/2000 hết hạn 2006; - Bản đạc 2015; thông tin quy hoạch dự kiến là nhóm đất nhà ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng 2 của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh Thời trang
33	8	Số 7 Hàng Đường, quận Hoàn Kiếm	66.20	66.20	TSDN	- Quyết định số 6104/QĐ-UBND ngày 04/11/2016; - Hợp đồng thuê đất số 167/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 29/3/2017. - Bản đồ hiện trạng năm 2015; - Thông tin quy hoạch dự kiến là nhóm đất nhà ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 3 tầng. - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
34	9	Số 78 Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm	50.40	50.40	TSDN	- Quyết định số 5610/QĐ-UBND ngày 07/10/2016; - Hợp đồng thuê đất số 171/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 29/3/2017. - Bản đồ hiện trạng năm 2015; - Thông tin quy hoạch dự kiến là nhóm đất nhà ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 3 tầng. - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
35	10	Số 35 Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm	71.80	71.80	TSDN	- Hợp đồng số 204-245-98/ĐC-HĐTĐ ngày 7/8/1998 hết hạn 2006; - Bản đồ hiện trạng 2015; - Bản vẽ chỉ giới đường đỏ 2016; - Thông tin quy hoạch dự kiến là nhóm đất nhà ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 2 tầng (mới cải tạo lại). - Kinh doanh điện thoại	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
36	11	A12 Khương Thượng (mặt phố Tôn Thất Tùng), quận Đống Đa	198.70	198.70	TSDN	- Hợp đồng thuê đất số 280-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 18/9/1999, thời hạn 2006; - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Bản vẽ chỉ giới đường đỏ 2016; - Thông tin quy hoạch có một phần diện tích (phía Tây Bắc) nằm trong phạm vi mở rộng đường Tôn Thất Tùng.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà tập thể 5 tầng. - 166,7m2: Kinh doanh kính mắt; 32m2: Kinh doanh điện thoại	Cửa hàng chuyên doanh Thời trang

37	12	Số 15-17 Đội Cấn, quận Ba Đình	108.00	108.00	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 246/XNBĐ/HĐTNCD ngày 12/08/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Nhà 2 tầng, TCT sử dụng diện tích tầng 1: 86.8m2; 1 phần diện tích tầng 2: 21.2m2; Diện tích còn lại của tầng 2 của chủ sử dụng khác. - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
38	13	Số 162 Quán Thánh, quận Ba Đình	39.10	39.10	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 248/XNBĐ/HĐTNCD ngày 12/8/2014; thời hạn 31/12/2016.	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 2 tầng 1 tum (từ tầng 2 trở của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
39	14	Số 98 Phố Huế, quận Hai Bà Trưng	185.60	185.60	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 189/XNHBT/ HĐTNCD ngày 24/7/2014; thời hạn 31/12/2016.	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 3 tầng (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
40	15	C14 Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân	352.40	352.40	TSDN	- Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- DT tầng 1 của nhà tập thể 5 tầng C14 (khu 1: 272.2m2) và 1 phần DT tầng 1 của C10 (khu 2: 80.2m2). - DT tầng 1 C14 kinh doanh kính mắt; DT tầng 1 C10 kinh doanh két sắt và túi sách	Cửa hàng chuyên doanh Thời trang
41	16	Số 85 Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm	67.20	67.20	TSDN	- Hợp đồng số 370-245-98/ĐC-HĐTĐ ngày 9/11/1998, thời hạn 2006; - Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 31/3/2011; - Bản đồ hiện trạng năm 2015; - Thông tin quy hoạch là nhóm đất ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là 1 phần DT tầng 1 mặt phố của nhà 3 tầng (phần DT phía trong tầng 1 và từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang

42	17	Số 52 Hàng Đậu, quận Hoàn Kiếm	41.40	41.40	TSDN	- Quyết định số 5025/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 vv cho TCT Thương mại HN thuê 41,4m2 đất tại số 52, phố Hàng Đậu, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng (sử dụng tầng 1) làm cơ sở kinh doanh; - Hợp đồng thuê đất sô 146/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 22/3/2016, thời hạn 50 năm kể từ ngày 15/10/1993; - Thông tin quy hoạch có chức năng đất ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng 2 của chủ sử dụng khác. - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doang Thời trang
43	18	Số 30 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng	40.30	40.30	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà đất số 54/XN4/HDDTN26/XD ngày 12/5/2009, thời hạn 31/12/2013; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 3 tầng 1 tum (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh Thời trang
44	19	Số 312 Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa	62.90	62.90	TSDN	- Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010. - Bản đồ hiện trạng năm 2016.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn. - Kinh doanh đồ da	Cửa hàng chuyên doang Thời trang
I.2.1		**Nhóm Cửa hàng chuyên doanh khác (13 địa điểm)**							
45	1	Số 111 Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm	78.63	78.63	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 148/XNHK/HĐTNCD ngày 19/2/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng 2 của chủ sử dụng khác); DT đất sử dụng riêng: 27,17m2, đất sử dụng chung: 51,46m2); DT phía trong cải tạo thêm xép tầng 2 làm kho. - Kinh doanh Gốm Chu Đậu	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm

46	2	Số 13 - 15 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm	379.3 (DT đất sd riêng: 290.1m2; DT đất sd chung 89.2m2)	- DT nhà thuê: 488.20m2- DT tự tạo: 72.70m2	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 369/XNHK/HĐTNCD ngày 29/01/2015; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Số nhà 13 Tràng Tiền chỉ có DT tầng 1; số nhà 15 Tràng Tiền là nhà 2 tầng;. - Kinh doanh Tranh nghệ thuật; Đối tác sử dụng toàn bộ DT tầng 1 của nhà 13-15 Tràng Tiền và phần cải tạo thêm phía trong nhà 15 Tràng Tiền.	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm
47	3	Số 83 Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm	52.23	52.23	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 359/XNHK/HĐTNCD ngày 25/12/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mặt phố, mái bằng. - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm
48	4	Số 53C Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm	57.90	82.32	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 425/XNHK/HĐTNCD ngày 05/04/2016; thời hạn 01/01/2017	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT nhà tầng 1 + xép của nhà 2 tầng (tầng 2 của chủ sử dụng khác) - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm
49	5	Số 7-9 Đinh Tiên Hoàng, quận Hoàn Kiếm	257.00	1,130.50	TSDN	- Hợp đồng số 203-245-98/ĐC-HĐTĐ ngày 7/8/1998 hết hạn 2006; - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Thông tin quy hoạch là đất công cộng.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Xây dựng 5 tầng: TCT sử dụng tầng 1 và tầng 2; từ tầng 3 đến tầng 5 hợp tác và cho TCT Máy và Phụ tùng thuê sử dụng đến tháng 9/2017 hết hạn HĐ, TCT sẽ nhận lại tầng 3 đến tầng 5 để sử dụng. - Kinh doanh dịch vụ du lịch, dịch vụ ăn uống và giải khát	Kinh doanh hàng lưu niệm và giới thiệu sản phẩm do TCT sản xuất
50	6	Số 90 Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm	59.30	59.30	TSDN	- Quyết định số 6614/QĐ-UBND ngày 30/11/2016; - Hợp đồng thuê đất số 172/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 29/3/2017. - Bản đồ hiện trạng năm 2015; - Thông tin quy hoạch là đất nhóm nhà ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng 2 của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh đại lý vé máy bay	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm

51	7	Số 686 Đê La Thành, quận Ba Đình	195.36	148.95	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 247/XNBĐ/HĐTNCD ngày 12/8/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn. - Kinh doanh đồ gỗ	Cửa hàng chuyên doanh khác
52	8	Số 198 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng	130.60	130.60	TSDN	- Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 02/6/2011. - Bản đồ hiện trạng năm 2015	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn - Kinh doanh xe đạp điện	Cửa hàng chuyên doanh khác
53	9	Số 57 Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm	45.20	45.20	TSDN	- Quyết định số 5028/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND TP vv cho TCT Thương mại HN thuê 45.2m2 đất tại số 57 phố Hàng Bông, phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng (sử dụng tầng 1) làm cơ sở kinh doanh; - Hợp đồng thuê đất sô 148/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 22/3/2016, thời hạn 50 năm kể từ ngày 15/10/1993; - Thông tin quy hoạch có chức năng đất ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng. - Kinh doanh hoa quả nhập khẩu	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm
54	10	Số 32 Hàng Cá, quận Hoàn Kiếm	37.50	37.50	TSDN	- Hợp đồng số 479-245/98/ĐC-HĐTĐ ngày 21/12/1998 hết hạn 2006; - Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 17/01/2017	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là 1 phần DT tầng 1 của nhà 2 tầng 1 tum (phần DT phía trong tầng 1 và từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh khóa	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm
55	11	Số 2 Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng	35.70	35.70	TSDN	- Hợp đồng số 197-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 21/9/2000 hết hạn 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Thông tin quy hoạch là đất hỗn hợp (dịch vụ, thương mại, văn phòng, ở).	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn. - Kinh doanh thuốc	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm

56	12	Số 268 Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa	56.31	168.00	TSDN	Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010	Trả tiền thuê đất hàng năm	- - Kinh doanh đồng hồ; 1/2 diện tích tranh chấp đã thu hồi	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm;
57	13	Số 96 Phố Huế, quận Hai Bà Trưng	124.80	124.80	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 188/XNHBT/HĐTNCD ngày 24/7/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 4 tầng (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh xe máy	Cửa hàng chuyên doanh khác
I.3		**Nhóm kinh doanh Dịch vụ ăn uống (17 địa điểm)**							
58	1	Số 17 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm	76.06	76.06	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 145/XNHK/HĐTNCD ngày 20/2/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng 2 của hộ sử dụng khác); - Kinh doanh dịch vụ ăn uống - Đối tác sử dụng tầng 1 nhà 17Tràng Tiền + tầng 2 nhà 15 Tràng Tiền + Đối tác tự cơi nới thêm tầng 3 làm bếp 62.2m2 (mới đầu tư)	Dịch vụ ăn uống
59	2	Số 102 Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm	95.00	95.00	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 149/XNHK/HĐTNCD ngày 21/2/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng 2 của chủ sử dụng khác. - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
60	3	Số 1 Điện Biên Phủ + 2 Nguyễn Thái Học, quận Hoàn Kiếm	495.13	563.93	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà số 831/87 HĐNC ngày 13/7/1987, thời hạn đến 1990 (địa điểm số 2 Nguyễn Thái Học; - Hợp đồng thuê nhà số 877/88 HĐNC ngày 14/12/1988, thời hạn thuê đến 1991 (địa điểm số 1 Điện Biên Phủ).	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Đã trừ phần DT tầng 2 có hộ dân sử dụng là 33.55m2; tầng 3 là 75.6m2. - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
61	4	Số 21-23 Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm	104.90	104.90	TSDN	- Hợp đồng số 205-245-98/ĐC-HĐTĐ ngày 7/8/1998 hết hạn 2006; - Bản đồ hiện trạng năm 2015; - Bản vẽ chỉ giới đường đỏ 2016; - Thông tin quy hoạch dự kiến là nhóm đất nhà ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 3 tầng. - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống

62	5	Số 53D Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm	128.50	245.00	TSDN	- Hợp đồng số 217-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 29/9/2000 hết hạn 2006; - Bản đồ hiện trạng năm 2015; - Thông tin quy hoạch là đất nhóm nhà ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 2 tầng mặt phố. - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
63	6	Số B26 Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa	105.60	105.60	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 107/XNĐĐ/HĐTNCD ngày 13/6/2014; thời hạn 01/01/2017	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của khu tập thể cũ 5 tầng. - Kinh doanh dịch vụ giải khát	Dịch vụ ăn uống
64	7	Số 353 Phố Huế, quận Hai Bà Trưng	87.02	309.86	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà đất số 76/XN4/HĐTN26/XD ngày 12/05/2009, thời hạn 01/01/2014	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Nhà 3 tầng mặt phố. - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
65	8	C15 Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân	338.30	338.30	TSDN	- Tờ khai hiện trạng sử dụng nhà, đất năm 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Hợp đồng thuê đất số 129-245-99/ĐC-HĐTĐ ngày 29/3/1999, thời hạn 2006; - Quyết định số 6199/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016	Trả tiền thuê đất hàng năm	Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
66	9	Số 4 Ngõ Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm	38.20	76.00	TSDN	- Quyết định số 5022/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND TP vv cho TCT Thương mại HN thuê 38.2m2 đất tại số 4 ngõ Tràng Tiền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm cơ sở kinh doanh, thời hạn thuê đất 50 năm kể từ ngày 15/10/1993. - Hợp đồng thuê đất số 207/HĐTĐ ngày 14/5/2015; thời hạn thuê từ 15/10/1993 đến 14/10/2043; - Thông tin quy hoạch là đất công	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 2 tầng 1 tum cơi nới. - Kinh doanh DV ăn uống	Dịch vụ ăn uống

						trình công cộng.			
67	10	Số 6 Thuốc Bắc, quận Hoàn Kiếm	33.70	33.70	TSDN	- Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 16/02/2016; - Hợp đồng thuê đất số 735/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 14/9/2016; - Bản đồ hiện trạng năm 2011; - Thông tin quy hoạch chủ yếu là đất ở, dịch vụ thương mại.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 3 tầng (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh dịch vụ giải khát	Dịch vụ ăn uống
68	11	Số 56 Hàng Đậu, quận Hoàn Kiếm	52.50	52.50	TSDN	- Hợp đồng thuê đất số 475-245.98/ĐC-HĐTĐ ngày 21/12/1998, thời hạn 2006; - Quyết định số 6200/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Thông tin quy hoạch có chức năng đất ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 3 tầng 1 tum (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
69	12	A12 Khương Thượng (mặt phố Đông Tác), quận Đống Đa	165.50	165.50	TSDN	- Hợp đồng số 243-24598/ĐC-HĐTĐ ngày 26/8/1998 hết hạn 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Bản vẽ chỉ giới đường đỏ 2016; - Thông tin quy hoạch là đất nhóm ở cải tạo, xây dựng mới (theo dự án)	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà tập thể 5 tầng. - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
70	13	Số 8 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm	33.30	33.30	TSDN	- Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Thông tin quy hoạch là có chức năng đất ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái bằng; - Kinh doanh dịch vụ giải khát	Dịch vụ ăn uống

71	14	Số 144 Thụy Khuê , quận Tây Hồ	27.40	27.40	TSDN	- Hợp đồng số 466-245.98/ĐC-HĐTĐ ngày 12/12/1998 hết hạn 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016.		- Nhà 1 tầng mái tôn. - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
72	15	Số 5 Hàm Tử Quan, quận Hoàn Kiếm	149.00	153.90	TSDN	- Quyết định số 6109/QĐ-UBND ngày 04/11/2016; - Hợp đồng thuê đất số 170/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 29/3/2017. - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Thông tin quy hoạch là đất cay xanh dải cách ly.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng, tầng 2 cơi nới bằng nhà khung thép mái tôn. - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
73	16	Số 8 Bát Đàn, quận Hoàn Kiếm	41.40	41.40	TSDN	- Quyết định số 6105/QĐ-UBND ngày 04/11/2016; - Hợp đồng thuê đất số 169/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 29/3/2017. - Bản đồ hiện trạng năm 2015; - Bản vẽ chỉ giới đường đỏ 2016; - Thông tin quy hoạch dự kiến là nhóm đất nhà ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 2 tầng 1 tum (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh phụ kiện ống nước	Dịch vụ ăn uống
74	17	Số 14 Nguyễn Khuyến, quận Đống Đa	35.50	35.50	TSDN	- Hợp đồng số 456-245-98/ĐC-HĐTĐ ngày 12/12/1998 hết hạn 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Bản vẽ chỉ giới đường đỏ năm 2016 (một phần diện tích nằm trong quy hoạch hành lang đường sắt đô thị)	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn. - Kinh doanh đồ uống nhập khẩu	Dịch vụ ăn uống
I.4		**Văn phòng làm việc và khai thác cho thuê diện tích (06 địa điểm)**							

75	1	Số 11B Cát Linh, quận Đống Đa	2,933.00	17,720.00	TSDN	- Quyết định số 4503/QĐ-UBND ngày 31/8/2009 - GCNQSD nhà và đất số BS 888742 ngày 10/6/2014, thời hạn 50 năm kể từ ngày 03/02/2009; Mục đích sử dụng: TTTM dịch vụ, Trụ sở TCT Thương mại HN; - Hợp đồng thuê đất số 262/HĐTĐ ngày 07/10/2009; thời hạn thuê từ 03/2/2009 đến 02/2/2059; - Phụ lục số 528/PLHĐTĐ ngày 06/11/2013 (5 năm từ 03/2/2009 đến 2/3/2014) - Phụ lục số 462/PLHĐTĐ ngày 08/8/2014 (ổn định 5 năm 03/2/2014 đến 02/2/2019)	Trả tiền thuê đất hàng năm	Trụ sở Tổng công ty Thương mại Hà Nội và VP cho thuê. Tòa nhà 15 tầng + 1 mái + 2 tầng hầm.	Văn phòng làm việc và CT
76	2	Tầng 1, C4 Giảng Võ, quận Ba Đình	549.80	549.80	TSDN	- Quyết định 321/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 vv thu hồi 549,8 đất tại nhà C4, Giảng Võ, quận Ba Đình do Cty TM&DV tổng hợp HN (nay là Cty CP ĐTTM và DV tổng hợp HN) quản lý, sử dụng; cho TCT TM Hà Nội để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng (DT tầng 1 của nhà 5 tầng) làm cơ sở kinh doanh; - Bản đồ hiện trạng năm 2015; - Bản vẽ chỉ giới đường đỏ 2015; - Thông tin quy hoạch có chức năng là đất ở. - Hợp đồng thuê đất số 739/HĐTĐ/TNMT-PC ngày 14/9/2016; thuê đất hàng năm.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là 1 phần DT tầng 1 của Tòa nhà 5 tầng. - Kinh doanh hàng miễn thuế, dịch vụ ăn uống	Văn phòng làm việc của Trung tâm Kinh doanh Hàng miễn thuế và Dịch vụ ăn uống

77	3	Số 254 Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa	161.50	300.00	TSDN	- Hợp đồng thuê đất số 305-245/ĐC-HĐTĐ ngày 22/9/1999, thời hạn 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 2 tầng. - Tầng 2 là Văn phòng làm việc của Cty CP PTST và cho thuê văn phòng	Văn phòng làm việc
78	4	Số 22 Đông Các, quận Đống Đa	42.00	84.00	TSDN	- Tờ khai hiện trạng sử dụng nhà đất năm 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010. - Bản đồ hiện trạng năm 2016	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 2 tầng, cơi nới thêm tầng 3 bằng tôn. - VP làm việc và giới thiệu SP.	Văn phòng làm việc
79	5	Số 376 Khâm Thiên, quận Đống Đa	326.80	326.80	TSDN	- Hợp đồng thuê đất số 282-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 18/9/1999, thời hạn 2006; - Bản đồ hiện trạng năm 2016	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái bằng có xép lửng. - Kinh doanh xe đạp *Vướng mắc đơn đòi nhà của bà Đỗ Thị Nghễ. Tuy nhiên TCT khẳng định quyền sở hữu tài sản trên đất và quyền sử dụng đất tại địa điểm 376 Khâm Thiên.	Văn phòng làm việc, Showroom giới thiệu sản phẩm
80	6	Số 362 Phố Huế, quận Hai Bà Trưng	618.40	3,376.00	TSDN	- Giấy chứng nhận QSD đất số AB 082504 ngày 06/5/2005, thời hạn sử dụng đất 30 năm đến ngày 01/01/2034; Mục đích sử dụng đất: để xây dựng TTTM và Dịch vụ; - Hợp đồng thuê đất số 60-2004/TNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 02/7/2004, thời hạn 01/01/2034.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là Tòa nhà 7 tầng nổi và 01 tầng hầm; TCT ký Hợp đồng cho thuê tòa nhà số 5207/THP/HĐ ngày 05/02/2007 cho Ngân hàng TMCP các DN ngoài Quốc doanh VN (nay là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng thuê với thời hạn 27 năm; TCT đang quản lý, sử dụng 96m2 tại tầng 2 của Tòa nhà. Công ty Siêu thị HN kinh doanh cửa hàng tiện ích và dịch vụ ăn uống tại diện tích này.	Văn phòng làm việc và CT
I.5		**Kho hàng (04 địa điểm)**							

81	1	Số 160-162 Ngõ Thái Thịnh I, quận Đống Đa	208.50	208.50	TSDN	- Quyết định số 6200/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Hợp đồng số 459-245.98/ĐC-HĐTD ngày 12/12/1998 hết hạn 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đạc năm 2016; Bản vẽ chỉ giới đường đỏ năm 2016; - Thông tin quy hoạch là đất công đô thị (bao gồm các trung tâm văn hóa, thương mại, tài chính, dịch vụ, y tế, các công trình công cộng đặc biệt của Thành phố và Quốc gia.	Trả tiền thuê đất hàng năm	Văn phòng làm việc, kho phân phối hàng hóa	Kho hàng
82	2	Số 149 Ngõ Thái Thịnh I, quận Đống Đa	423.60	423.60	TSDN	- Hợp đồng thuê đất số 281/245-98/ĐC-HĐTĐ, thời hạn 2006. - Bản đồ hiện trạng năm 2016.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn. - Kho hàng	Kinh doanh HaproMart và kho hàng
83	3	Số 145 Ngõ Thái Thịnh, quận Đống Đa	527.30	207.30	TSDN	- Quyết định số 6199/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Hợp đồng thuê đất số 135/245-98/ĐC-HĐTĐ, thời hạn 2006; - Bản vẽ mặt bằng bàn giao có chữ ký của UBND phường Thịnh Quang về diện tích chợ tạm. - Bản đồ hiện trạng năm 2016.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn. - 320m2 bàn giao cho UBND phường Thịnh Quang làm chợ tạm; - 207.3m2 làm kho hàng	
84	4	Xuân Nộn, huyện Đông Anh	19,077.00	9,516.00	TSDN	- Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 02/01/2014 của UBND TP vv cho TCT Thương mại HN thuê 19.077m2 đất tại xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh để thực hiện DA đầu tư Khu liên hiệp xí nghiệp Chế biến rau củ quả an toàn Haprothời hạn50 năm kể từ ngày 28/12/2012; - Hợp đồng thuê đất số 446/HĐTĐ ngày 06/8/2014 (thời hạn từ 28/12/2012 - 27/12/2062)	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà xưởng, kho hàng do Trung tâm chế biến Hàng Xuất khẩu trực tiếp quản lý và khai thác kho hàng: bao gồm 8 dãy nhà kho (9,194m2); 01 dãy nhà văn phòng làm việc (312m2) và 01 nhà bảo vệ (10m2)	Kho hàng

II		**Các địa điểm tiếp tục thực hiện Dự án đầu tư xây dựng (11 địa điểm)**							
85	1	Số 5 Lê Duẩn, quận Ba Đình	1,624.00		TSDN	- Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 30/3/2010 vv thu hồi 1.624m2 đất tại số 5 phố Lê Duẩn, phường Điện Biên, quận Ba Đình; cho TCT Thương mại HN thuê để thực hiện DA đầu tư xây dựng Trung tâm TM và DV tổng hợp, thời gian thuê đất 50 năm, kể từ ngày 01/4/2008 (ngày UBND TP cấp GCN đầu tư) - GCNQSDĐ số BD 985419 ngày 08/6/2011; - Hợp đồng thuê đất số 124/HĐTĐ ngày 17/5/2010; thời hạn từ 01/4/2008 đến 31/3/2058- - Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000146 cấp lần đầu ngày 1/4/2008, cấp lại lần thứ 2 ngày 19/6/2014	Trả tiền thuê đất hàng năm	Đang thực hiện dự án (Hợp tác với Công ty CP Tập đoàn Vàng bạc Đá quý Doji)	Tiếp tục thực hiện DA
86	2	Trung tâm kinh doanh chợ Thượng Đình, quận Thanh Xuân	3,108.50		TSDN	Quyết định số 2898/QĐ-UBND ngày 12/6/2009 Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước của Tổng công ty Thương mại Hà Nội theo Quyết định 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ	Trả tiền thuê đất hàng năm	Đang triển khai dự án đầu tư. Hợp tác với Công ty CP Tập đoàn đầu tư xây dựng nhà đất. Tuy nhiên Chủ tịch Công ty CP Tập đoàn đầu tư xây dựng nhà đất hiện đang bị bắt vì những sai phạm trong ĐTXD Dự án tại Hà Nội nên dự án đang tạm dừng chờ kết quả điều tra của cơ quan điều tra.	Tiếp tục thực hiện DA
87	3	Số 106 Nguyễn An Ninh, quận Hoàng Mai	459.70		TSDN	- Quyết định số 946/QĐ-UB ngày 22/2/2005 - Hợp đồng thuê đất số 43 - 2005/TNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 22/4/2005; thời hạn từ 15/10/1993 đến 15/10/2025	Trả tiền thuê đất hàng năm	Đang triển khai dự án đầu tư. Trong 459.70m2 có 298.7m2 đất để xây dựng dự án và 161m2 đất nằm trong quy hoạch mở đường không được xây dựng.	Tiếp tục thực hiện DA

88	4	Trung tâm kinh doanh Chợ đầu mối phía Nam, quận Hoàng Mai	37,716.00	6,942.00	TSDN	- Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 11/10/2007 của UBND TP vv chuyển giao Chợ đầu mối phía Nam thuộc Ban Quản lý chợ quận Hoàng Mai về TCT Thương mại Hà Nội quản lý. - Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 08/01/2008 của UBND Thành phố vv chuyểngia o điểm đỗ xe công cộng Hải Bối (huyện Đôgn Anh) và Đề Lừ (quận Hoàng Mai) về Tổng công ty Thương mại Hà Nội quản lý. - Giấy CNĐT số 01121000370 ngày 21/12/2009 - Bản đồ hiện trạng có xác nhận của STN&MT ngày 29/7/2014 (Khu Bãi đỗ xe Kim Ngưu I: 16.778m2; khu Chợ: 20.938m2)	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Do Trung tâm chợ đầu mối Phía Nam quản lý và khai thác. - Đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư dự án.	Tiếp tục thực hiện DA
89	5	Trung tâm kinh doanh Chợ đầu mối Bắc Thăng Long - Thôn Cổ Điển - Xã Hải Bối – huyện Đông Anh	72,745.00	4,918.00	TSDN	- Quyết định số 4626/QĐ-UBND ngày 19/11/2007. - Quyết định chủ trương đầu tư số 2849/QĐ-UBND ngày 02/6/2016.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Do Trung tâm chợ đầu mối Bắc Thăng Long trực tiếp quản lý và khai thác. - Đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư dự án.	Tiếp tục thực hiện DA
90	6	Trung tâm Thương mại Dịch vụ Sóc Sơn, huyện Đông Anh	6,169.00		TSDN	- Quyết định số 2084/QĐ-UBND ngày 10/5/2010-GCN QSDĐ số BI 486956 ngày 28/6/2012 - Hợp đồng thuê đất số 281/HĐTĐ ngày 08/10/2010; thời hạn từ 10/5/2010 đến 29/6/2059 - Phụ lục Hợp đồng số 02/PLHĐTĐ ngày 03/01/2012 (ổn đinh giá 5 năm từ 10/5/2010 - đến 9/5/2015)	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Đang triển khai dự án đầu tư xây dựng. - Dự án có đường ống xăng dầu của kho 190, Cục xăng dầu – Tổng cục hậu cần (thi công trước khi dự án được chấp thuận) và đường ống thoát nước của dự án cho dân cư thôn Phù Mã và khu đấu giá huyện Phù Linh, huyện Sóc Sơn (thi công sau khi Tổng công ty trúng thầu) đi qua khu đất. Tổng công ty đang liên hệ với các cơ quan có thẩm	Tiếp tục thực hiện DA

								quyền để xác định chính xác vị trí, diện tích để xin tách phần diện tích này ra khỏi dự án.	
91	7	Khu công nghiệp Thực phẩm Hapro, huyện Gia Lâm	326,645.00	181,501	TSDN	- Quyết định số 1757/QĐ-UB ngày 20/3/2002 - Quyết định số 75/2007/QĐ-UBND ngày 4/7/2007.		Đang triển khai dự án đầu tư xây dựng; Hiện nay có công trình Nhà máy Mỳ và công trình xử lý nước thải. Các công trình còn lại do các đối tác thuê đất tự đầu tư xây dựng.	Tiếp tục thực hiện DA
92	8	Khu nhà ở và khu phụ trợ - Cụm CNTP Hapro, huyện Gia Lâm	352,405.00		TSDN	- Quyết định số 78/2005/QĐ-UBND ngày 2/6/2005 - Quyết định số 4400/QĐ-UBND ngày 08/9/2010 - Hợp đồng số 368/HĐTĐ ngày 30/6/2014 ; thời hạn từ 08/9/2010 đến 07/9/2060. - Phụ lục Hợp đồng số 276/HĐTĐ/PL1-STNMT-PC ngày 17/5/2016 (ổn định đơn giá 5 năm từ 10/11/2015 đến 9/11/2020)	Đã trả tiền sử dụng đất một lần	Đang triển khai thực hiện dự án	Tiếp tục thực hiện DA
93	9	Dự án Điểm đỗ xe Hải Bối, huyện Đông Anh	14,037.00			- Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 06/3/2015 vv chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án điểm đỗ xe Hải Bối trên diện tích khu đất 14.037m2	Chưa kê khai nộp tiền thuê đất, thuế đất do đất chưa GPMB và chưa được bàn giao đất.	Đang thực hiện chuẩn bị đầu tư	Tiếp tục thực hiện DA
94	10	Số 160 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân	860.70	430.50	TSDN	- Giấy sử dụng đất số 1755UB/KTCB ngày 28/10/1971; - Giấy sử dụng đất số 450 UB/KTCB ngày 07/7/1970; - Tờ kê khai hiện trạng quản lý, sử dụng đất ngày 12/5/2008' công văn số 04.04/TB-DT ngày 30/01/2004 của Công ty địa chính HN.		- Dãy nhà 1 tầng mái tôn mặt phố; phía trong có sân trống. - Kinh doanh Ống nước, đồ điện kim khí (Đang tranh chấp)	Dự án mới xây dựng Trung tâm Thương mại Hapro

95	11	Số 38-40 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm	571.51	2,237.11 (trong đó TCT tự xây dựng là 1,440.2m2)	Nhà thuê	Đã thanh lý hợp đồng thuê nhà đất với Cty TNHH MTV Quản lý và phát triển nhà Hà Nội để làm thủ tục mua tài sản trên đất và nhận chuyển nhượng QSDĐ	Đã nộp tiền mua tài sản trên đất và nộp tiền thuê đất một lần. Đang chờ ý kiến chỉ đạo của UBND Thành phố	Khối nhà 02 tầng : kinh doanh ăn uống và văn phòng Khối nhà 6 tầng: đang để trống Đang chờ quyết định của Thành phố để xin mua tài sản trên đất nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.	Dự án mới xây dựng Trung tâm Thương mại Hapro
III		**Địa điểm đang chờ góp vốn thành lập Công ty cổ phần Khách sạn Tràng Thi**							
96	1	Số 11B Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm	161.30	161.30	TSDN	- Hợp đồng thuê đất số 477-245.98/ĐC-HĐTĐ ngày 21/12/1998, thời hạn 2006; - QĐ 6200/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đạc năm 2015; - Công văn số 755/UBND-KT ngày 05/02/2016 của UBND TP vv góp vốn thành lập CTCP Khách sạn Tràng Thi của TCT; - QĐ số 109/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của UBND TP v/v cho TCT thuê 161,3 m2 đất tại số 11B Tràng Thi	Trả tiền thuê đất hàng năm	Đang hoàn thiện thủ tục pháp lý để bàn giao cho Công ty cổ phần Khách sạn Tràng Thi theo Quyết định của Thành phố.	
IV		**Các địa điểm mạng lưới tại các tỉnh ngoài thành phố Hà Nội (18 địa điểm)**							
IV.1		**Tỉnh Hưng Yên**							

97	1	Dị Sử - tỉnh Hưng Yên	34,538.00	3,263.00	TSDN	- Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 15/7/2014; - GCN quyền sở hữu nhà và đất số BT 769973 ngày 23/7/2014; - Hợp đồng thuê đất số 48/HĐ-TĐ ngày 23/7/2014 (ổn định giá 5 năm từ 11/01/2012 đến 10/1/2017); thời hạn từ 11/01/2002 đến 11/01/2052; - Giấy Chứng nhận đầu tư số 05101000624	Trả tiền thuê đất hàng năm	- 01 dãy nhà văn phòng 2 tầng mái bằng; 01 nhà kho hàng khung thép tiền chế. - Văn phòng chi nhánh và Kinh doanh cho thuê kho bãi	Văn phòng làm việc và Kho của Chi nhánh TCT tại Hưng Yên
IV.2		**Tỉnh Quảng Nam**							
98	2	Lô Villa 2D Khu biệt thự sân gôn Montgimerie Links Việt Nam, phường Điện Ngọc, thị Xã Điện Bàn (thửa đất số 78, tờ bản đồ số 01)	355.30	241.47	TSDN	- GCN quyền sử dụng đất số CB246708 ngày 18/9/2015; Thời hạn: Lâu dài;	- Nguồn gốc: nhận chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất được nhà nước cho thuê đất trả tiền 1 lần - Đất thuộc dự án kinh doanh nhà ở cho thuê và bán nên người mua nhà	Biệt thự 2 tầng, đất ở tại đô thị. Diện tích xây dựng: 110,8m2; cấp công trình: cấp III	Kinh doanh CT

99	3	Lô Villa 4D Khu biệt thự sân gôn Montgimerie Links Việt Nam, phường Điện Ngọc, thị Xã Điện Bàn (thửa đất số 77, tờ bản đồ số 01)	355.10	241.47	TSDN	- GCN quyền sử dụng đất số CB246707 ngày 18/9/2015; Thời hạn: Lâu dài;	gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc dự án này được sư dụng đất ổn định lâu dài.	Biệt thự 2 tầng, đất ở tại đô thị. Diện tích xây dựng: 110,8m2; cấp công trình: cấp III	Kinh doanh CT
100	4	Lô Villa 6D Khu biệt thự sân gôn Montgimerie Links Việt Nam, phường Điện Ngọc, thị Xã Điện Bàn (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 01)	355.40	241.47	TSDN	- GCN quyền sử dụng đất số CB246709 ngày 18/9/2015; Thời hạn: Lâu dài;		Biệt thự 2 tầng, đất ở tại đô thị. Diện tích xây dựng: 110,8m2; cấp công trình: cấp III	Kinh doanh CT
101	5	Lô Villa 10D Khu biệt thự sân gôn Montgimerie Links VN, phường Điện Ngọc, thị Xã Điện Bàn (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 01)	355.00	241.47	TSDN	- GCN quyền sử dụng đất số CB246705 ngày 18/9/2015; Thời hạn: Lâu dài;		Biệt thự 2 tầng, đất ở tại đô thị. Diện tích xây dựng: 110,8m2; cấp công trình: cấp III	Kinh doanh CT

IV.3		**Tỉnh Đồng Tháp**							
102	6	Xã Tân Dương, huyện Lai Vung (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 21) (lô 1)	7,158.50	4,577.4	TSDN	- GCN quyền sử dụng đất số BF 372321; Thời hạn: 850m2: sử dụng lâu dài; 1.581,3m2 đến 14/6/2060; 1.517m2: đến 27/6/2061; 3.210,2m2 đến 23/9/2063.	-Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSD đất như giao đất có thu tiền SD đất DT 850m2. - Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất DT 6.308,5m2	VP chi nhánh TCT tại Đồng Tháp. Nhà máy và kho gạo	Kho hàng
103	7	Xã Tân Dương, huyện Lai Vung (thửa đất số 86, tờ bản đồ số 21) (lô 2)	2,502.00		TSDN	- GCN quyền sử dụng đất số CA 140669; Thời hạn 20/4/2065	Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần	Nhà máy và kho gạo	Nhà máy và kho gạo của Chi nhánh TCT tại Đồng Tháp
104	8	Khóm Tân Thuận, phường An Hòa, thành phố Sa Đéc (thửa số 235, tờ bản đồ số 30)	85.00		TSDN	- GCN quyền sử dụng đất số BS 372226 ngày 23/6/2014; Thời hạn lâu dài, nhà nước giao đất có thu tiền SDĐ. Đất cơ sở SXKD	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất		Kho hàng

105	9	Phường 1, thành phố Sa Đéc (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 49)	90.00	226.80	TSDN	- GCN quyền sử dụng đất số CĐ 038784 ngày 12/5/2016; Thời hạn lâu dài, nhà nước giao đất có thu tiền SDĐ. Đất cơ sở SX PNN	Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.	Nhà cấp 3 (DTXD: 72m2), VP chi nhánh TCT tại Đồng Tháp.	
IV.4		**Tỉnh Bình Dương**							
106	10	Xã An Phú, huyện Thuận An (thửa đất số 487, tờ bản đồ số Dc14-3 (lô 1)	292.10	200.00	TSDN	- GCN quyền sử dụng đất số BA 163130 ngày 1/4/2013; thời hạn 11/11/2060. Mục đích sử dụng: Đất cơ sở SXKD. Trong 292,1m2 có 33,9m2 nằm trong Hành lang an toàn đường bộ; - Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 11/11/2010 của UBND tỉnh Bình Dương vv chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp với hình thức cho thuê đất trả tiền hàng năm; - Hợp đồng thuê đất số 3333/HĐ.TĐ ngày 08/12/2010, thời hạn thuê đất đến 11/11/2060.	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	CN của TCT tại TP.HCM cho Công ty Điều Việt Hà thuê làm kho hàng	Nhà máy và kho hàng
107	11	Xã An Phú, huyện Thuận An (thửa đất số 486, tờ bản đồ số Dc14-1 (lô 2)	2,395.80	1,895.80	TSDN	- GCN quyền sử dụng đất số BA 163128 thời hạn 11/11/2060; Mục đích sử dụng: Đất cơ sở SXKD;- Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 11/11/2010 của UBND tỉnh Bình Dương vv chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp với hình thức cho thuê đất trả tiền hàng năm; - Hợp đồng thuê đất số 3333/HĐ.TĐ ngày 08/12/2010, thời hạn thuê đất đến 11/11/2060.	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm		Nhà máy và kho hàng

108	12	Xã An Phú, huyện Thuận An (lô 3)	3,988.21	1,968.00	TSDN	- GCN quyền sử dụng đất số BA 133712 thời hạn tháng 03/2028 - Mục đích sử dụng: Đất cơ sở SXKD; - Hợp đồng thuê đất số 668/HĐ.TĐ ngày 25/3/2010, thời hạn thuê đất đến 3/2028.	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm; Nhận chuyển nhượng tài sản trên đất gắn liền với đất thuê từ Công ty TNHH Thăng Long.		Nhà máy và kho hàng
IV.5		**Tỉnh Gia Lai**							
109	13	Thôn Plei Dư, xã Ia Hrú, huyện Chư Pưh (thửa 266a, tờ bản đồ số 66)	496.00		TSDN	Giấy CNQSD đất: BH197805; thời hạn: đất ở (200m2) lâu dài; đất nông nghiệp đến năm 2051 Tờ trình số 54/TTr-BCĐ.THCN ngày 8/5/2015; Chứng thư thẩm định giá	Nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất		Kho hàng
110	14	Thôn Plei Dư, xã Ia Hrú, huyện Chư Pưh (thửa 270; 312a, tờ bản đồ số 66)	484.00		TSDN	Giấy CNQSD đất: BH197806; đất ở; thời hạn: lâu dài. Tờ trình số 54/TTr-BCĐ.THCN ngày 8/5/2015; Chứng thư thẩm định giá	Nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất		Văn phòng tại tỉnh Gia Lai của Chi nhánh TCT tại thành phố Hồ Chí Minh
111	15	Làng Ring 2, xã HBông, huyện Chư Sê (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 32)	10,563.00		TSDN	Giấy CNQSD đất: BU632751; Thời hạn: đất ở (400m2) lâu dài, đất trồng cáy (10.163m2) lâu năm 4/2051. Tờ trình số 44/TTr-BCĐ.THCN ngày 16/6/2014; Chứng thư thẩm định giá	Nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất		Kho hàng tại tỉnh Gia Lai của Chi nhánh TCT tại thành phố Hồ Chí Minh

112	16	Làng Ring 2, xã HBông, huyện Chư Sê (thửa đất số 12+20, tờ bản đồ số 32)	3,980.00		TSDN	Giấy CNQSD đất: BU632753; Thời hạn: 11/2032, đất trồng cây hàng năm khácTờ trình số 44/TTr-BCĐ.THCN ngày 16/6/2014; Chứng thư thẩm định giá	Nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất.		Kho hàng tại tỉnh Gia Lai của Chi nhánh TCT tại thành phố Hồ Chí Minh
113	17	Làng Ring 2, xã HBông, huyện Chư Sê (thửa đất số 5+11, tờ bản đồ số 32)	1,591.00		TSDN	Giấy CNQSD đất: BU632752; Thời hạn: 11/2032, đất trồng cây hàng năm khác. Tờ trình số 44/TTr-BCĐ.THCN ngày 16/6/2014; Chứng thư thẩm định giá	Nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất		Kho hàng tại tỉnh Gia Lai của Chi nhánh TCT tại thành phố Hồ Chí Minh
IV.6		**Thành phố Hồ Chí Minh**							

114	18	77-79 Phó Đức Chính, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1	140.88	960.24	TSDN	- Giấp phép công nhận quyền sở hữu nhà số 2906/GP-CS ngày 23/12/1993; - Giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà số 2907/GP-CS ngày 23/12/1993; - Quyết định số 833/QĐ-UB ngày 27/2/1998 vv bàn giao nhà 77-79 Phó Đức Chính của Cty XNK Nam HN cho Cty SX-XNK tổng hợp HN; - Quyết định số 07/QĐ-UB ngày 02/01/1999 của UBND Thành phố vv Sáp nhập Chi nhánh Cty SX XNK tổng hợp Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh vào Xí nghiệp phụ tùng xe đạp xe máy Lê Ngọc Hân và chuyển đổi thành Công ty SX XNK Nam Hà Nội; - Quyết định số 125/2004/QĐ-UB ngày 11/8/2004 của UBND Thành phố vv thành lập Tổng công ty Thương mại Hà Nội thí điểm hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.	Quyền sở hữu nhà và nộp tiền thuế đất PNN hàng năm cho UBND quận 1 theo thông báo	- Tòa nhà 5 tầng với tổng diện tích sàn xây dựng 923.16m2; - Tầng 2,4 và tầng 5 làm Văn phòng làm việc của Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh; Tầng 1 và tầng 3 cho Công ty CP SX hàng gia dụng Haprosimex Sài Gòn theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 01/2016/HĐTĐĐ/HAPRO ngày 30/5/2016.	Văn phòng làm việc của Chi nhánh TCT Thương mại Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh và khia thác cho thuê diện tích văn phòng
V		**Các địa điểm nằm trong quy hoạch, bàn giao về Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội; Công ty cổ phần được ký Hợp đồng thuê nhà, đất hàng năm và tiếp tục quản lý, sử dụng**							
115	1	Ki ốt TT Nguyễn Công Trứ, quận Hai Bà Trưng	20.00	20.00	Nhà thuê	Tờ khai hiện trạng sử dụng nhà, đất năm 2006	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn. - Kinh doanh đồ điện gia dụng	Cửa hàng chuyên doanh điện gia dụng

116	2	Số 166A Nguyễn Thái Học, quận Ba Đình	64.70	64.00	TSDN	Hợp đồng mua bán nhà ngày 27/8/1990 tại Phòng công chứng Nhà nước số 1 thành phố Hà Nội giữa Công ty Bách hóa Hà Nội và Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ngà; Bản đạc năm 2016; Bản vẽ chỉ giới đường đỏ năm 2016; thông tin quy hoạch là đất công cộng, hỗn hợp (văn phòng, thương mại, dịch vụ…)		- Nhà 1 tầng 1 tum. - Kinh doanh tranh đá quý	Cửa hàng chuyên doanh tranh đá quý
117	3	Số 65 Trần Nhân Tông, quận Hai Bà Trưng	15.10	15.10	TSDN	HĐ số 191-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 21/9/2000 hết hạn 2006; QĐ 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng, cải tạo thêm 1 tum. - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
118	4	Trung tâm Ngã Tư Sở (bên phải), quận Đống Đa	235.40	422.30	TSDN	HĐ số 198-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 12/8/1999 hết hạn 2006; QĐ 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là phần Dt của nhà 2 tầng đã xuống cấp trầm trọng. - Tầng 1 kinh doanh quần áo, đồng hồ và 1 gian kinh doanh hoa giả; Tầng 2 làm kho	Cửa hàng chuyên doanh
119	5	Trung tâm Ngã Tư Sở (bên trái), quận Đống Đa	210.00	462.50	TSDN	HĐ số 295-245-98/ĐC-HĐTĐ ngày 2/10/1998 hết hạn 2006; QĐ 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là phần DT của nhà 2 tầng đã xuống cấp trầm trọng. - Tầng 1: kinh doanh chăn, ga gối; quần áo; dịch vụ ăn uống; - Tầng 2 xuống cấp nguy hiểm, không sử dụng	Cửa hàng chuyên doanh

120	6	Số 373 Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì	157.50	314.74	TSDN	HĐ số 98-245.99/ĐC-HĐTĐ ngày 12/3/1999 hết hạn 2006; QĐ 6200/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; Bản vẽ chỉ giới đường đỏ cấp ngày 16/6/2003; thông tin quy hoạch thuộc phạm vi mở rộng đường Ngọc Hồi.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 2 tầng, cải tạo thêm tầng 3 bằng khung sắt. - Kinh doanh Hapromart; dịch vụ vui chơi giải trí. * Công văn số 1414/VQH-TT3 ngày 30/6/2016 của Viện Quy hoạch xây dựng HN thì khu đất 373 đường Ngọc Hồi có phần lớn diện tích nằm trong phạm vi dự kiến mở đường, phần diện tích còn lại quá nhỏ. Theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 của UBND TP dự kiến phần đất này sẽ bị thu hồi sử dụng cho mục đích công cộng	Cửa hàng Hapromart

PHẦN IV: DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN SXKD SAU CPH

Dự thảo Phương án SXKD sau CPH đã được Sở Kế hoạch và đầu tư thẩm định, Liên nghành họp thông qua – đính kèm theo phương án CPH.

(Dự thảo Phương án SXKD kèm theo)

PHẦN V: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN

Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản pháp luật hiện hành. Dự thảo Điều lệ công ty cổ phần (đã được Liên nghành họp thông qua) được đính kèm theo phương án.

(Dự thảo Điều lệ kèm theo)

PHẦN VI: PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG SAU CPH

Phương án lao động của công ty cổ phần đã được Sở Lao động TBXH Thành phố hà Nội thẩm định, Liên nghành họp thông qua - đính kèm theo phương án.

(Phương án lao động kèm theo)

PHẦN VII: TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

Sau khi phương án cổ phần hóa của Tổng công ty Thương mại Hà Nội được phê duyệt, Tổng công ty sẽ triển khai thực hiện phương án cho đến khi hoàn tất các thủ tục chuyển đổi công ty nhà nước sang công ty cổ phần theo các quy định hiện hành

PHẦN VIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Thực hiện cổ phần hóa Công ty mẹ-Tổng công ty Tổng công ty Thương mại Hà Nội là phù hợp với chủ trương của Nhà nước, kế hoạch của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hà Nội và cần thiết để huy động vốn của các nhà đầu tư nhằm nâng cao năng lực tài chính, mở rộng quy mô hoạt động của doanh nghiệp, phát triển đầu tư, đổi mới công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Phương án cổ phần hoá Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội được xây dựng theo hướng dẫn của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần; Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần; Nghị định 116/2015/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 11/11/2015 sửa đổi Nghị định 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần thay thế Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 20/12/2011 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn pháp luật hiện hành.

Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội đã được sự thống nhất của toàn thể Ban lãnh đạo, cán bộ công nhân viên Công ty mẹ-Tổng công ty với quyết tâm thực hiện theo phương án đã được xây dựng.

2. Kiến nghị:

Vì sự ổn định và phát triển của Tổng công ty Thương mại Hà Nội, Tổng công ty kính trình Ủy ban Nhân Dân Thành phố Hà Nội xem xét, thông qua và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội để Tổng công ty triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo đúng quy định của Nhà nước.

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2017

TCT THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- UBND Thành phố Hà Nội;
- Ban chỉ đạo CPH Công ty Mẹ TCT;
- HĐTV TCT;
- Kiểm soát viên TCT;
- Ban ĐMPTDN TCT;
- Ban Điều hành TCT;
- Lưu TT Ban ĐMTCT, VT.

(để b/cáo)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

Vũ Thanh Sơn

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2016

BIÊN BẢN
Họp thẩm định Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng Công ty cổ phần Thương mại Hà Nội

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Thực hiện Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội;

Hôm nay ngày 30/11/2016, Sở Nội vụ chủ trì mời các sở ngành liên quan và Tổng công ty Thương mại Hà Nội dự họp để thẩm định dự thảo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Thương mại Hà Nội.

Thành phần mời dự họp, gồm có đại diện:

1. Văn phòng UBND Thành phố

- Đ/c Nguyễn Thu Lâm, Trưởng phòng Nội chính
- Đ/c Mai Văn Dự, Phó trưởng phòng Kinh tế

2. Sở Nội vụ Thành phố

- Đ/c Nguyễn Ngọc Việt, Phó Giám đốc Sở - chủ trì hội nghị
- Đ/c Phạm Đức Tài, Trưởng phòng Tổ chức biên chế
- Đ/c Phùng Văn Lâm, Phó Trưởng phòng Tổ chức biên chế
- Đ/c Phạm Hoàng Việt, Chuyên viên

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Đ/c Trần Diệu Hương, CV Phòng Công nghiệp -Thương mại- Dịch vụ

4. Sở Tài chính (Chi cục Tài chính doanh nghiệp)

- Đ/c Vũ Bằng Lâm, Phó Chi cục trưởng Chi cục Tài chính doanh nghiệp
- Đ/c Nguyễn Hồng Điệp, Phó trưởng phòng Thương mại Du lịch

5. Sở Lao động Thương binh và Xã hội

- Đ/c Dương Tuyết Mùi, CV Phòng Chính sách lao động việc làm

6. Tổng công ty Thương mại Hà Nội

- Đ/c Vũ Thanh Sơn, Thành viên HĐTV, Tổng Giám đốc Tổng công ty
- Đ/c Trần Thị Hồng Hoa, Phó Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp Tổng công ty, Kiểm soát viên chuyên trách Tổng công ty
- Đ/c Lương Thị Khánh, Trưởng phòng Tổ chức Tổng công ty
- Đ/c Đỗ Tuệ Tâm, Kế toán trưởng Tổng công ty

Sau khi nghe Tổng Công ty Thương mại Hà Nội báo cáo những nội dung liên quan đến việc xây dựng Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Thương mại Hà Nội; toàn bộ nội dung dự thảo của Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Thương mại Hà Nội;

Các đồng chí đại diện các sở ngành đã tham gia ý kiến về các nội dung trong dự thảo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Thương mại Hà Nội;

Sở Nội vụ thống nhất và làm rõ những nội dung của Điều lệ trên cơ sở ý kiến tham gia góp ý của các sở, ngành;

Tổng công ty Thương mại Hà Nội đã tiếp thu và chỉnh sửa lại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Thương mại Hà Nội; hoàn thiện Điều lệ; tổng hợp báo cáo Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp Thành phố; thống nhất để trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Thương mại Hà Nội xem xét, phê duyệt./.

ĐẠI DIỆN CÁC SỞ NGÀNH THẨM ĐỊNH ĐIỀU LỆ

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ

SỞ NỘI VỤ THÀNH PHỐ

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Việt

SỞ TÀI CHÍNH

CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

Vũ Bằng Lâm

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH & XH

SỞ KẾ HOẠCH & ĐẦU TƯ

Trần Diệu Thường

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Sơn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

- Căn cứ Luật Kế toán được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2013;

- Căn cứ Luật Chứng khoán có hiệu lực ngày 01/01/2007; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán có hiệu lực ngày 01/7/20111 và các văn bản hướng dẫn thi hành

- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần; Nghị định số 189/2013NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần; Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

- Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

- Căn cứ Công văn số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 - 2015;

- Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;

- Căn cứ Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của UBND Thành phố về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội; Quyết định số 3426/QĐ-STC-BCĐ ngày 14/6/2016 của Ban chỉ đạo CPH doanh

nghiệp về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội;

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thành lập Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP đã nhất trí thông qua nội dung của bản Điều lệ và cùng cam kết thực hiện nghiêm chỉnh những quy định trong bản Điều lệ này.

CHƯƠNG I
ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 1 . GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1. Trừ trường hợp Pháp luật và Điều lệ này có quy định khác, những từ ngữ sau đây được hiểu như sau :

a. Tổng Công ty: là Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP;

b. Vốn điều lệ: Là Vốn góp của các cổ đông đóng góp trong một thời hạn nhất định và được quy định tại Điều 8 Điều lệ này;

c. Điều lệ hoặc Điều lệ Tổng Công ty: Là Điều lệ Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP;

d. Luật Doanh nghiệp: là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015;

đ. Pháp luật: là tất cả các văn bản Pháp luật của Nhà nước được quy định tại Luật ban hành các văn bản pháp luật *(bao gồm cả văn bản pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế);*

e. Cổ đông: là các cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất 01 cổ phần đã phát hành của Tổng công ty và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty;

f. Người quản lý của Tổng công ty: là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty, Ban kiểm soát Tổng công ty;

g. Các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty: là các Chi nhánh, Công ty, Trung tâm, Cửa hàng, Xí nghiệp, Chuỗi cửa hàng tiện ích trực thuộc Tổng Công ty hạch toán phụ thuộc.

h. Các Công ty thành viên: là các Công ty có vốn góp của Tổng công ty, các Công ty tự nguyện tham gia liên kết

i. Những người có liên quan: là bất kỳ các cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp;

k. Đại hội đồng cổ đông: là toàn bộ các cổ đông có quyền biểu quyết của Tổng công ty (viết tắt là "ĐHĐCĐ");

l. Hội đồng quản trị: là Hội đồng quản trị của Tổng công ty (viết tắt là "HĐQT");

m. Ban kiểm soát: là Ban kiểm soát của Tổng công ty (viết tắt là "BKS");

n. Cổ phần phổ thông: là cổ phần thông thường do Tổng công ty phát hành;

2. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này;

3. Trừ trường hợp điều khoản cụ thể của Điều lệ có quy định khác, các từ và thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

ĐIỀU 2 . TÊN GỌI, TRỤ SỞ VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Tên gọi:

- Tên gọi đầy đủ của Tổng Công ty: **TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CTCP**

- Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

- Tên giao dịch quốc tế: **HANOI TRADE JOINT STOCK CORPORATION**

- Tên viết tắt : HAPRO

- Logo:

Hapro
Mang hồn đất Việt

2. Trụ sở:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 38 - 40 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

- Trụ sở giao dịch: Số 11B phố Cát Linh, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, TP Hà Nội.

- Điện thoại : (04) 3826 7984

- Fax : (04) 3826 7983

- Website : www.haprogroup.vn

3. Các Chi nhánh, Văn phòng Đại diện:

+ Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP - Trung tâm Xuất nhập khẩu phía Bắc;

+ Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP – Trung tâm chế biến hàng xuất khẩu;

+ Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP tại TP Hồ Chí Minh;

+ Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP tại tỉnh Đồng Tháp;

+ Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP tại tỉnh Hưng Yên;

4. Phạm vi hoạt động:

Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP hoạt động kinh doanh sản xuất trên

phạm vi lãnh thổ nước Việt Nam. Tổng Công ty có thể mở Chi nhánh, Văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ Quốc tế.

ĐIỀU 3 . HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN.

1. Hình thức tổ chức:

Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thương mại Hà Nội là Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc UBND Thành phố Hà Nội. Tổng công ty có vốn điều lệ thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng công ty, được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó. Tổng công ty hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Tư cách pháp nhân:

Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại Kho bạc nhà nước, các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hiện hành của Nhà nước.

3. Người đại diện theo pháp luật:

Tổng công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc công ty *(chức danh cụ thể của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty quyết định)*

ĐIỀU 4. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Mục tiêu:

Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP được thành lập nhằm mục tiêu:

a) Không ngừng nâng cao lợi ích của Nhà nước, của Tổng công ty, các cổ đông và người lao động.

b) Tăng tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

c) Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của Thành phố và cả nước.

2. Ngành nghề kinh doanh:

Stt	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Bán buôn thực phẩm;	4632
2	Bán buôn đồ uống;	4633
3	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

	Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dựng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);	
4	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lào	4634
5	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;	4652
6	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)	4649
7	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;	4651
8	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
9	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;	4719
10	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;	4741
11	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;	4751
12	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;	4752
13	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;	4763
14	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;	4641
15	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy và bìa	1702
16	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;	4721
17	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;	4722
18	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;	4723
19	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724

20	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;	4759
21	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;	4761
22	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773
	Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quí và đá bán quí, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ cụng mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh hàng miễn thuế - Bán lẻ hoa, cây cảnh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt (trừ dịch vụ kính thuốc) - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng	
23	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
24	Sản xuất rượu vang;	1102
25	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;	1104
26	Sản xuất các loại bánh từ bột;	1071
27	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;	1075
28	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);	5621
29	Dịch vụ phục vụ đồ uống;	5630
30	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;	4771
31	Chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
32	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
33	Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự;	1074
34	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610

35	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa	5210
36	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;	8230
37	Sản xuất bao bì bằng gỗ;	1623
38	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản;	1080
39	Sản xuất giày dép;	1520
40	Sản xuất đường;	1072
41	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
	Chi tiết: - Khách sạn; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;	
42	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa;	5022
43	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;	5222
44	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Trừ dịch vụ thiết kế công trình);	7410
45	Hoạt động công ty nắm giữ tài sản	6420
46	Dịch vụ đóng gói;	8292
47	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
48	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo;	1073
49	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;	4933
50	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;	5221
51	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
52	Nghiên cứu thị trường và thăm do dư luận	7320
53	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
54	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820

55	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
56	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
57	Bán buôn gạo	4631
58	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón; - Bán buôn hóa chất khác (trừ các loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
59	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác tận thu khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);	0899
60	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4663
61	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
62	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
63	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh; Chi tiết: Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn	4753
64	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội)	4764
65	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	4772
66	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết:	4774

	Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng Bán lẻ hàng hóa khác đã qua sử dụng (không bao gồm di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia)	
	(Đối với các nghành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	

Ngoài ra Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và phù hợp với đăng ký kinh doanh của Tổng công ty.

Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty quyết định việc bổ sung các ngành nghề kinh doanh và đăng ký mã ngành theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 5. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

1. Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP chính thức hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 68 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện theo Luật doanh nghiệp và các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước.

ĐIỀU 6. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

1. Tổng công ty tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng và tôn trọng pháp luật.

2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Tổng công ty là Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.

4. Ban Kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động của Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.

5. Tổng Giám đốc Tổng công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và là người trực tiếp điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

ĐIỀU 7. TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG TỔNG CÔNG TY.

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Tổng công ty có nghĩa vụ tôn trọng, không gây cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội tại Công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

CHƯƠNG II
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 8. VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn Điều lệ của Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP được góp bằng tiền Việt Nam hoặc tài sản hiện vật khác theo quy định của Pháp luật hiện hành và được hạch toán theo đơn vị tiền tệ thống nhất là Việt Nam đồng (VNĐ).

2. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Tổng công ty là: 2.200.000.000.000 đồng (số tiền bằng chữ :Hai ngàn hai trăm tỷ đồng), được chia thành 220.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần, trong đó:

+ Cổ phần bán cho người lao động : 1.074.000 cổ phần tương đương 10.740.000.000 đồng, chiếm 0,49 % vốn điều lệ.

+ Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược: 143.000.000 cổ phần tương đương 1.430.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 65% vốn điều lệ.

+ Cổ phần bán đấu giá công khai: 75.926.000 cổ phần tương đương 759.260.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 34,51 % vốn điều lệ.

3. Sử dụng vốn Điều lệ: Vốn điều lệ chỉ được sử dụng vào mục đích kinh doanh, không được sử dụng vốn Điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán cho cổ đông.

4. Điều chỉnh vốn điều lệ: Vốn điều lệ có thể được điều chỉnh *(tăng hoặc giảm)* theo nhu cầu sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Tổng công ty.

Việc điều chỉnh vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với pháp luật.

ĐIỀU 9. TĂNG, GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ

1. Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty quyết định tăng vốn Điều lệ của Tổng công ty nếu thấy cần thiết thông qua việc chào bán thêm cổ phần để huy động vốn góp của các cổ đông mới; hoặc phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Tổng công ty; hoặc chuyển lợi nhuận tích lũy của Tổng công ty thành những cổ phần phổ thông để chia cổ tức bằng cổ phần cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi cổ đông để tăng vốn.

2. Việc giảm vốn điều lệ Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở pháp luật quy định nhưng vẫn đảm bảo Tổng công ty hoạt động bình thường.

ĐIỀU 10. NGƯỜI ĐẠI DIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG LÀ PHÁP NHÂN

1. Người đại diện quản lý phần vốn của cổ đông là pháp nhân tại Tổng công ty phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông pháp nhân đó, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và được ghi rõ số lượng cổ phần và tỷ lệ phần vốn tham gia quản lý.

2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:

a) Tổ chức là cổ đông Tổng công ty có sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền **01** (một) người đại diện;

b) Tổ chức là cổ đông Tổng công ty có sở hữu từ 10% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa **03** (ba) người đại diện;

c) Tổ chức là cổ đông Tổng công ty có sở hữu từ đủ 35% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể ủy quyền tối đa **04** (bốn) người đại diện;

Trường hợp cổ đông Tổng công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Tổng công ty không xác định số cổ phần sẽ được tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

d) Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Tổng công ty và chỉ có hiệu lực đối với Tổng công ty kể từ ngày Tổng công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông.

- Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền.

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền.

- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền.

- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

3. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp.

4. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là pháp nhân:

a) Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mọi hạn chế của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

b) Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của , cổ đông ủy quyền.

c) Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên

thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

ĐIỀU 11. CÁC LOẠI CỔ PHẦN

1. Tất cả các loại cổ phần được phát hành lần đầu của Tổng công ty đều là cổ phần phổ thông: cổ phần bán ưu đãi cho người lao động và cổ phần bán đấu giá cho nhà đầu tư chiến lược và các nhà đầu tư khác.

2. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

ĐIỀU 12. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;

d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 119 và Khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh nghiệp.

e) Cổ đông là nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 5 năm, kể từ ngày Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

f) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

h) Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Tổng công ty;

i) Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty;

j) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% *(mười phần trăm)* tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 *(sáu)* tháng có các quyền sau đây:

a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;

c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp.

d) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 *(sáu)* tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân (Thẻ căn cước công dân), Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác mà gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty hoặc của các cổ đông khác thì phải chịu trách nhiệm bồi hoàn vật chất một cách thỏa đáng theo quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc Tổng công ty.

c) Các yêu cầu khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

4. Quy định về việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay trước khi tiến hành khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người

theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,cụ thể như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 01ứng cử viên tham gia HĐQT và 01 ứng viên tham gia Ban kiểm soát;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 02 ứng cử viên tham gia HĐQT và 02 ứng viên tham gia Ban kiểm soát;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 03 ứng cử viên tham gia HĐQT và 03 ứng viên tham gia Ban kiểm soát;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 04 ứng cử viên tham gia HĐQT và 04 ứng viên tham gia Ban kiểm soát;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% trở lên tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 05 ứng cử viên tham gia HĐQT và 05 ứng viên tham gia Ban kiểm soát;

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

ĐIỀU 13. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

1. Thanh toán đủ tiền mua cổ phần đã cam kết mua theo quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty và cổ đông đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

4. Chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo vệ tài sản, lợi ích và bí mật về hoạt động của Tổng công ty.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

7. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- Vi phạm pháp luật;

- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.

ĐIỀU 14. CỔ PHIẾU:

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP phát hành có dấu của Tổng công ty và chữ ký đại diện theo pháp luật của Tổng công ty. Cổ phiếu có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, mã số Doang nhiệp, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty.

b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần.

c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu.

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số Doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức.

e) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;

f) Chữ ký mẫu của người đại diện theo Pháp luật và dấu của Tổng công ty.

g) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty và ngày phát hành cổ phiếu.

h) Các nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117 và 118 của Luật doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Tổng công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu sẽ không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông phải báo ngay cho Tổng công ty và có quyền đề nghị Tổng công ty cấp lại cổ phiếu đó. Cổ đông phải nộp lệ phí cấp lại cổ phần theo quy định của Tổng công ty.

Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

a) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ nộp Công ty để tiêu hủy theo quy định.

b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

ĐIỀU 15. SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

1. Sổ "Đăng ký cổ đông" được lập ngay sau khi Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Sổ "Đăng ký cổ đông" được lưu giữ tại trụ sở giao dịch của Tổng công ty dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở giao dịch của Tổng công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh

toán chứng khoán. Cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ Đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Tổng công ty.

3. Sổ Đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, trụ sở chính của Tổng công ty.

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần chào bán của từng loại.

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức.

đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Tổng công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Tổng công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của Cổ đông.

ĐIỀU 16. CHÀO BÁN VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Việc chào bán cổ phần của Tổng công ty được thực hiện theo điều 122, 123 và 124 của Luật Doanh nghiệp.

2. Thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần của Tổng công ty được thực hiện theo điều 125 của Luật Doanh nghiệp.

3. Việc chuyển nhượng cổ phần của Tổng công ty được thực hiện theo điều 126 của Luật Doanh nghiệp.

4. Việc chuyển nhượng cổ phần Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác.

ĐIỀU 17. THỪA KẾ CỔ PHẦN

1. Trường hợp cổ đông qua đời, số cổ phần sở hữu của cổ đông đã mất được định đoạt theo quy định của pháp luật thừa kế. Tổng công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo Pháp luật.

2. Trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức khác thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách giải thể thì tổ chức hoặc pháp nhân mới kế thừa quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho Hội đồng quản trị của Tổng công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi đó và có văn bản cử người đại diện.

3. Người kế thừa hợp pháp phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý khác có quyền để lại di sản kế thừa là cổ phần, nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phần không được mặc nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị,

Ban kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.

4. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ được xử lý theo quy định của Pháp luật.

5. Khi được quyền sở hữu hoặc kế thừa hợp pháp, cổ đông mới được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế thừa sau khi đã được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông.

ĐIỀU 18. PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

1. Tổng công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Tổng công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong **03** *(ba)* năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3.Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

5. Trường hợp Tổng công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan. Tổng công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn **10** (mười) ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

6. Tổng công ty có quyền phát hành chứng khoán các loại để huy động vốn theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 19. MUA CỔ PHẦN, TRÁI PHIẾU

Cổ phần, trái phiếu của Tổng công ty được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác phù hợp với quy định của Pháp luật và phải được thanh toán đủ một lần *(theo giá thị trường từng thời điểm)*.

ĐIỀU 20. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình . Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng công ty trong thời hạn 10 *(mười)* ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội cổ đông thông qua Quyết định về các vấn đề quy định tại

khoản này.

2. Tổng công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty trong thời hạn **90** *(chín mươi)* ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá, thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Tổng công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

ĐIỀU 21. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔNG CÔNG TY

Tổng công ty có quyền mua lại không quá 30% *(ba mươi phần trăm)* tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ số cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này.

3. Tổng công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Tổng công ty. Quyết định mua lại cổ phần của Tổng công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn **30** *(ba mươi)* ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở của Tổng công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Tổng công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi lời chào bán cổ phần của mình bằng phương thức đảm bảo đến được Tổng công ty trong thời hạn **30** *(ba mươi)* ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức, số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc của người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Tổng công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

4. Việc mua lại cổ phần của Tổng công ty chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ của Tổng công ty.

ĐIỀU 22. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI

1. Tổng công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại các Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp nếu sau khi thanh

toán hết số cổ phần được mua lại, Tổng công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 của Luật Doanh nghiệp. Tổng công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tổng công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Tổng Công ty.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Tổng công ty giảm hơn **10%***(mười phần trăm)* thì Tổng công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn **15** *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

ĐIỀU 23. TRẢ CỔ TỨC

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã được thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Tổng công ty. Tổng công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Tổng công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ Tổng công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Tổng công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Tổng công ty hoặc bằng tài sản khác. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được chi trả bằng đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền đến địa chỉ nhận cổ tức do cổ đông đăng kí với Tổng công ty.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn **06** *(sáu)* tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức phải trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất **30***(ba mươi)* ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất **15***(mười lăm)* ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

a) Tên Tổng công ty và địa chỉ trụ sở chính.

b) Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, (Thẻ căn cước công dân), Hộ chiếu hoặc chứng thực hợp pháp của cổ đông là cá nhân;

c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức.

d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận.

e) Thời điểm và phương thức trả cổ tức.

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

5. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Tổng công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Tổng công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 122, 123 và 124 của Luật doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong vòng **10** *(mười)* ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

ĐIỀU 24. THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC CỔ TỨC

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 131 của Luật Doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp thì các cổ đông phải hoàn trả cho Tổng công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Tổng công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG III
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

ĐIỀU 25. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY

Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty gồm có:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Thành viên Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát
4. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc.
5. Kế toán trưởng.
6. Các phòng ban quản lý;

7. Các Chi nhánh, đơn vị trực thuộc.

ĐIỀU 26. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty.

b) Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm;

c) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị Tổng công ty về tình hình kinh doanh của Tổng công ty, báo cáo đánh giá thực trạng công tác quản lý, điều hành Tổng công ty;

d) Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về công tác quản lý, điều hành Tổng công ty của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tổng công ty;

e) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.

f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát. Quyết định tổng mức thù lao hàng năm cho các chức danh đó và ngân sách hoạt động hàng năm của HĐQT, Ban Kiểm soát.

g) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn **35%** (*ba mươi lăm*) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.

h) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;

i) Quyết định mua lại trên **10%** (*mười phần trăm*) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

j) Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và Cổ đông Tổng công ty.

k) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty theo quy định của pháp luật

l) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

ĐIỀU 27. THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt nam.Trường hợp cuộc họp Đại hội cổ đông được tổ chức ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn **04** *(bốn)* tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá **06** *(sáu)* tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;

b) Báo cáo tài chính hàng năm;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban kiểm soát;

d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

đ) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.

b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật.

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này.

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

đ) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn **30** *(ba mươi)* ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 3 điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Tổng công ty do việc trì hoãn triệu tập Đại hội đồng cổ đông gây ra.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn **30** *(ba mươi)* ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty do việc trì hoãn triệu tập Ban kiểm soát gây ra.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này đã có yêu cầu có quyền đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông,

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp.

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.

đ) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp.

f) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

8. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các Khoản 4; 5; 6 của Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

ĐIỀU 28. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn **05** (năm) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

ĐIỀU 29. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có

quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được lập bằng văn bản và được gửi đến Tông công ty chậm nhất 03*(ba)* ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây :

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

ĐIỀU 30. MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất **10***(mười)* ngày làm việc trước ngày khai mạc.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo được gửi bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương khi xét thấy cần thiết theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

b) Phiếu biểu quyết;

c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

4. Trường hợp Tổng công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Tổng công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

ĐIỀU 31. QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Tổng công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3**.** Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

ĐIỀU 32. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất **51%** *(Năm mươi mốt phần trăm)* tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn **30** (ba mươi ngày), kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất **33%** *(Ba mươi ba phần trăm)* tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn **20** (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai.Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU 33. THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, các cổ đông phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được xác định theo các quy định sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

Việc bầu thư ký và Ban kiểm phiếu được biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết theo nguyên tắc nhất trí quá bán của tất cả các cổ đông dự họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

7. Diễn biến Đại hội phải được ghi chép vào sổ biên bản có chữ ký của Chủ tọa, thư ký và Trưởng Ban kiểm phiếu.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự họp, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá **03***(ba)* ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

10. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

ĐIỀU 34. HÌNH THỨC VÀ ĐIỀU KIỆN THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty.

b) Định hướng phát triển Tổng công ty.

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn **35%** *(ba mươi lăm phần trăm)* tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.

f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.

g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất **65%***(sáu mươi lăm phần trăm)* tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, cụ thể:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% *(ba mươi lăm phần trăm)* tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e)Tổ chức lại giải thể Công ty.

4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất **51%***(Năm mươi mốt phần trăm)* tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất **51%***(Năm mươi mốt phần trăm)*tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

7. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn **15***(mười lăm)*ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

ĐIỀU 35. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất **10** (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu gửi kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy chứng minh nhân dân số, thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty;

4. Cổ đông có thể gửi Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời đến Tổng Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các quyết định đã được thông qua;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn **15** *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Tổng công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

7. Các phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

8. Các quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 36. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Tổng công ty. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài *(nếu thành phần cuộc họp có người nước ngoài)* và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, ngày cấp và nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Chương trình và nội dung cuộc họp.

d) Họ, tên Chủ toạ và thư ký.

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục và danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.

f) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

g) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.

h) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sợ khác nhau về nội dugn biên bản bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn **15** (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp; việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty;

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở giao dịch của Tổng công ty.

4. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội cổ đông:

- Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

- Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

- Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 37 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

ĐIỀU 37. YÊU CẦU HUỶ BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong thời hạn **90** *(chín mươi)* ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy dịnh tại Khoản 2, Điều 12 của Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

ĐIỀU 38. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định và thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp của Tổng công ty trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Điều lệ này;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm g Điều 26 và Điều 51 của Điều lệ này;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; chấp thuận để Tổng Giám đốc Tổng công ty ký quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh Phó Tổng giám đốc, Trưởng các phòng, ban đơn vị trực thuộc Tổng công ty; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Tổng công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, Văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

n) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Tổng công ty;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ

đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

ĐIỀU 39. NHIỆM KỲ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Số lượng, thành viên Hội đồng quản trị :

a) Số lượng, thành viên Hội đồng quản trị gồm **05** người: Trong đó có **01** *(một)* Chủ tịch và **04** *(bốn)* ủy viên.

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và của thành viên Hội đồng quản trị là **05** *(năm)* năm;

c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ được bầu lại không hạn chế.

2. Trường hợp tất cả các thành viên của Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 40. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của khoản 2 điều 18 Luật doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức doanh nghiệp. Thành viên HĐQT Tổng công ty có thể đồng thời làm thành viên HĐQT của Công ty khác.

3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết luật pháp.

4. Không đang trong thời gian bị thi hành kỷ luật, điều tra, truy tố, xét xử.

5. Các điều kiện khác theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 41. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán không có quy định khác.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị hoặc tổ chức chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ toạ cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;

f) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật.

3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

4. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch HĐQT tuyển dụng thư ký để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty. Thư ký Chủ tịch HĐQT Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp ;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng Công ty;

d) Hỗ trợ Tổng Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của cổ đông ;

e) Hỗ trợ Tổng Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính ;

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 42. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch phải được tiến hành trong thời hạn **07***(bảy)* ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Các bước tiến hành họp được thực hiện theo quy định hiện hành. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên tiến hành bầu lại trong số họ và chọn **01** *(một)* người có số phiếu cao nhất để triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Theo đề nghị của Ban Kiểm soát;

b) Theo đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất **05** *(năm)* người quản lý của Tổng Công ty.

c) Theo đề nghị của ít nhất **02** (hai) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất **03***(ba)* ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi qua bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ đã đăng ký với Tổng Công ty của từng thành viên Hội đồng quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ **3/4***(ba phần tư)* tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn **07***(bảy)* ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có từ **1/2** *(một phần hai)* số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 10 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua Hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất **01** (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác tham dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

ĐIỀU 43: BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được ghi biên bản và có thể ghi âm và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp ;

b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c) Thời gian, địa điểm họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, những thành viên không tán thành và không có ý kiến;

h) Các vấn đề đã được thông qua;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản hoặc tất cả các thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở của Tổng công ty.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài *(nếu thành phần cuộc họp có người nước ngoài)* và có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

ĐIỀU 44: QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trực thuộc, các Công ty thành viên trong Tổng công

ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Tổng công ty quy định.

ĐIỀU 45: MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 40 của Điều lệ này.

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 *(sáu)* tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức;

d) Chết, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc kết án tù giam…;

e) Tổng công ty bị giải thể, phá sản.

f) Cổ đông là tổ chức kết thúc hoạt động hoặc cổ đông đó thay đổi người đại diện theo ủy quyền đang là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá **1/3** *(một phần ba)* so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn **60***(sáu mươi)* ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá **1/3** *(một phần ba).*

b) Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

4. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không còn được cổ đông là tổ chức ủy quyền làm người đại diện quản lý vốn cho cổ đông tổ chức đó nữa thì đương nhiên bị miễn nhiệm các chức danh mà trước đó cổ đông là tổ chức đã đề cử và trúng cử vào Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 46: TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

Tổng giám đốc phải thường trú ở Việt Nam. Trường hợp vắng mặt trên **30***(ba mươi)* ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và/hoặc trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là **05** *(năm)* năm; Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện Tổng giám đốc:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật ;

b) Có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên, có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.

b) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

c) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

d) Quyết định thành lập các phòng chuyên môn nghiệp vụ, ban quản lý dự án đầu tư sau khi được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị;

e) Kiến nghị số lượng và Người quản lý doanh nghiệp mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt nhất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của Hợp đồng lao động của Người quản lý doanh nghiệp;

f) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương, thưởng đối với các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ những Người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

g) Quyết định tiền lương, phụ cấp (*nếu có*) và quyền lợi khác đối với người lao động trong Tổng công ty kể cả chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.

h) Tuyển dụng người lao động.

i) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

j) Nhân danh Tổng công ty ký kết các giao dịch, hợp đồng theo quyền hạn được quy định tại Điều lệ này

k) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Tổng Công ty, các quyết định của Hội đồng quản trị và Pháp luật.

5. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, hợp đồng lao động ký với

Tổng công ty (nếu có) và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

6. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

7. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có ít nhất **2/3** *(hai phần ba)* thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

ĐIỀU 47: THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh phù hợp với Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty.

2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị *(không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế)* được nhận thù lao và tiền thưởng cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Pháp luật và Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty;

c) Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng giám đốc và các chi phí khác phục vụ cho công tác quản lý Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương và các chi phí khác của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty, phải báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

ĐIỀU 48: CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN

Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của Tổng công ty thực hiện theo quy định:

1. Tổng công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Tổng công ty theo quy định tại khoản 17, Điều 4 của Luật doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với Tổng công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Tổng công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng hoặc phần vốn góp trên **10%***(mười phần trăm)* vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn **07***(bảy)* ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Tổng công ty trong thời hạn **07** (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc công khai, xem xét trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải được thực hiện như sau:

a) Tổng công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội Đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở của Tổng công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh/đơn vị trực thuộc của Tổng công ty (nếu có chi nhánh/đơn vị trực thuộc);

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;

d) Tổng công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm (c) khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Tổng công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này.Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty .

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

ĐIỀU 49: TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có các trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về các doanh nghiệp mà mình và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Tổng công ty.

2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

ĐIỀU 50: QUYỀN KHỞI KIỆN ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất **01%** (một phần trăm) số cổ phần phổ thông liên tục trong thời gian **06** (sáu) tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Tổng công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Tổng công ty theo quy định tại điều 49 của Điều lệ Tổng công ty;

b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

e) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tổng công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

f) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Tổng công ty sẽ tính vào chi phí của Tổng công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác đơn yêu cầu khởi kiện.

ĐIỀU 51: HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên **10%** *(mười phần trăm)* tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của họ ;

c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 của Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn **35%** *(ba mươi lăm phần trăm)* tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất**.** Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với các hợp đồng giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn **15** (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Khoản 2 Điều này. Trong trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện **65%***(sáu mươi lăm phần trăm)* tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều này, gây thiệt hại cho Tổng công ty. Người ký kết hợp đồng, người đại diện theopháp luật của Tổng công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

ĐIỀU 52: CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Ban kiểm soát có **03** *(ba)* thành viên.

a) Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là **05** *(năm)* năm;

b) Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

c) Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín. Người trúng cử vào Ban kiểm soát phải thu được số phiếu quá bán tính theo tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp *(trường hợp những người cuối cùng có số phiếu ngang nhau thì tổ chức*

bầu lại đối với những người có số phiếu ngang nhau đó để chọn người có số phiếu cao hơn)

2. Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng ban Kiểm soát do Điều lệ Tổng công ty quy định. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

3. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp nhận nhiệm vụ.

ĐIỀU 53: TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN KIỂM SOÁT VIÊN.

Kiểm soát viên có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

c) Không được giữ các chức vụ quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty.

e) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.

ĐIỀU 54: QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh ; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3.Thẩm định tính đầy dủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và **06** (sáu) tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Tổng công ty, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn **15** *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức, quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 49 Điều lệ Tổng công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 55: QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các Nghị quyết và Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng Công ty trong giờ làm việc;

5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý,

điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

ĐIỀU 56: TIỀN LƯƠNG HOẶC THÙ LAO VÀ QUYỀN LỢI KHÁC BAN KIỂM SOÁT.

Tiền lương hoặc thù lao và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Được trả tiền lương hoặc thù lao và các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát;

2. Được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý phù hợp với Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty khi họ thực thi nhiệm vụ. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty.

ĐIỀU 57: TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM SOÁT.

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty; không được lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được phải hoàn trả cho Tổng công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực thi quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

ĐIỀU 58: MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này;

b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Ban kiểm soát quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát không còn được cổ đông là tổ chức ủy quyền làm người đại diện quản lý vốn cho cổ đông tổ chức đó nữa thì đương nhiên bị miễn nhiệm các chức danh mà trước đó cổ đông là tổ chức đã đề cử và trúng cử vào Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG IV
LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

ĐIỀU 59: LAO ĐỘNG VÀ TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG

Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động thực hiện theo Bộ Luật lao động; Thỏa ước lao động tập thể và nội dung hợp đồng lao động đã ký giữa Tổng giám đốc *(hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền)* với người lao động không trái với quy định pháp luật hiện hành.

Tổng giám đốc có quyền tuyển dụng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động, theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty và phù hợp với quy định hiện hành của Bộ Luật lao động, quy định của Tổng công ty không trái với quy định pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 60: TIỀN LƯƠNG VÀ QUYỀN LỢI KHÁC CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tiền lương và các khoản phụ cấp lương, tiền thưởng đối với người lao động được trả theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, phù hợp với quy định hiện hành của Bộ Luật lao động, pháp luật có liên quan và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

ĐIỀU 61: QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Người lao động trong Tổng công ty được hưởng quyền lợi theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể hợp pháp của Tổng công ty.

Người lao động được thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có nghĩa vụ chấp hành Điều lệ, nội quy lao động hợp pháp của Tổng công ty đã đăng ký tại cơ quan lao động địa phương theo quy định của pháp luật lao động và các quy chế của Tổng công ty phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động. Đối với những người vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, Tổng giám đốc Tổng công ty có quyền xử lý vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất theo nội quy lao động của Tổng công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V
TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

ĐIỀU 62: NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 hàng năm, riêng năm đầu tiên hoạt động bắt đầu từ ngày hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Trong thời hạn **90** (chín mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Tổng công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đến Cơ quan thuế và Cơ quan đăng ký kinh doanh. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hằng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông.

ĐIỀU 63: QUYẾT TOÁN VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

Hằng năm, sau khi kết thúc năm tài chính, chậm nhất là 04 *(bốn)* tháng đầu của năm tài chính tiếp theo. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường kỳ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết toán tài chính cả năm và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính cho năm tiếp theo.

ĐIỀU 64: THỂ LỆ KẾ TOÁN

Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là chế độ Kế toán Việt Nam hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp nhận.

ĐIỀU 65: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

1. Tổng số lợi nhuận sau khi trừ thuế, bù lỗ (nếu có) và các khoản phải nộp khác là lợi nhuận ròng của Tổng công ty.

2. Việc trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận hàng năm của Tổng công ty theo quy định.

ĐIỀU 66: PHÂN CHIA LỢI TỨC CỔ PHẦN (CỔ TỨC)

1. Trên cơ sở mức đề xuất của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông quyết định mức cổ tức chi trả từ lợi nhuận còn lại của Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng tài chính của Tổng công ty.

ĐIỀU 67: XỬ LÝ KINH DOANH KHI THUA LỖ

Trường hợp Tổng công ty kinh doanh thua lỗ, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định trích từ quỹ dự phòng tài chính để bù đắp hoặc chuyển các khoản lỗ sang năm tài chính tiếp theo và theo quy định hiện hành của pháp luật.

CHƯƠNG VI
GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN

ĐIỀU 68: GIẢI THỂ

1. Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP chỉ giải thể trong các trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Tổng công ty mà không có quyết định gia hạn ;

b)Theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông

c) Tổng công ty không đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của luật doanh nghiệp trong thời hạn **06** (sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

d) Bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Tổng công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc các cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và quy định tại điểm (d) Khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khản nợ của doanh nghiệp.

3. Trình tự, thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU 69: THANH LÝ TÀI SẢN KHI CÔNG TY GIẢI THỂ

1. Khi Tổng công ty bị giải thể, việc quy định trách nhiệm thanh lý và cơ quan giám sát thanh lý được tiến hành theo pháp luật hiện hành.

2. Xử lý tài sản khi Tổng công ty giải thể:

Sau khi thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý, tài sản công ty được trang trải theo thứ tự ưu tiên sau:

- Hoàn trả các khoản tiền lương, bảo hiểm xã hội mà Tổng công ty còn nợ người lao động.
- Trang trải các khoản nợ ngân sách Nhà nước theo chế độ hiện hành.

- Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ Tổng công ty có thế chấp.
- Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ Tổng công ty không thế chấp.
- Phần còn lại chia các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông.

ĐIỀU 70: PHÁ SẢN

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

CHƯƠNG VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC

ĐIỀU 71: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Tổng công ty cổ phần Thương mại Hà Nội chính thức hoạt động sau khi hoàn tất các thủ tục sau đây:

1. Xác nhận danh sách các cổ đông đã mua hết số cổ phần phát hành và nộp đủ số vốn tương ứng.

2. Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất đã phê duyệt bản Điều lệ này.

3. Đã bầu được Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và bổ nhiệm Tổng giám đốc một cách hợp pháp, hợp lệ.

4. Việc quản lý Tổng công ty đã được giao cho Hội đồng quản trị.

5. Đã hoàn tất mọi thủ tục và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

ĐIỀU 72: CON DẤU

1. Tổng công ty có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện: Tên doanh nghiệp; Mã số doanh nghiệp.

2. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý con dấu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

ĐIỀU 73: TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

Những nội dung không được ghi trong bản Điều lệ này sẽ được thực hiện theo Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

ĐIỀU 74. TRÌNH BÁO CÁO HÀNG NĂM

1.Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo về tài liệu sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý và điều hành Tổng công ty.

2. Báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

3**.** Các báo cáo và tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất **30** (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

4. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty và chi nhánh chậm nhất **10** *(mười)* ngày trước ngày khai mạc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất **01** (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian hợp lý.

ĐIỀU 75: CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN

1. Tổng công ty phải gửi báo cáo tài chính và các báo cáo đánh giá giám sát hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

2. Tổng công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử (nếu có) của mình các thông tin sau đây:

a) Điều lệ Tổng công ty;

b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Tổng công ty;

c) Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Tổng công ty phải thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty có trụ sở chính chậm nhất **03** (ba) ngày sau khi có hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.

4. Công ty cổ phần đại chúng thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán..

ĐIỀU 76: NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

1. Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi tham gia giải quyết các tranh chấp, tham gia tố tụng.

2. Các thành viên trong Tổng công ty có các hành vi vi phạm Điều lệ Tổng công ty đều bị xử lý. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, người có hành vi vi phạm các quy định của bản Điều lệ này sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc chuyển đến tòa án các cấp xét xử theo luật định.

3. Mọi cổ đông có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Tổng công ty gây ra. Nếu HĐQT bỏ qua, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

ĐIỀU 77: HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

1. Bản Điều lệ này gồm 7 *(bảy)* chương, 77*(bảy mươi bảy)* điều được lập thành 16 *(mười sáu)* bản có giá trị như nhau và được phiên họp Đại hội đồng cổ đông thành lập Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP thông qua ngày …. tháng …. năm 2017 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

- 01 bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- 03 bản lưu trong hồ sơ tại Tổng công ty;
- 12 bản gửi các cơ quan có thẩm quyền;

2. Điều lệ này chỉ có giá trị kể từ ngày ký và được người đại diện trước pháp luật ký vào từng trang của bản điều lệ.

3. Các nội dung không được quy định trong Điều lệ này hoặc khi Pháp luật có sự thay đổi dẫn đến các quy định của Pháp luật và Điều lệ này mâu thuẫn nhau, sẽ thực hiện việc áp dụng theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Hà Nội, ngày tháng năm 2017
Chữ ký của người đại diện trước pháp luật

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI SAU KHI CHUYỂN SANG HOẠT ĐỘNG THEO MÔ HÌNH CÔNG TY CỔ PHẦN

Căn cứ Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 17/7/2012 của UBND Thành phố về việc phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Đổi mới và phát triển doanh nghiệp Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2193/QĐ- UBND ngày 18/3/2013 của UBND Thành phố về việc ban hành các quy trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội;

Căn cứ đề nghị của Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại công văn số 1781/TCT-BĐMPTDN ngày 23/11/2016 về việc thẩm định phương án sản xuất kinh doanh;

Ngày 07 tháng 12 năm 2016, Tổ thẩm định của Thành phố đã tiến hành thẩm định phương án sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Thương mại Hà Nội sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

I. THÀNH PHẦN TỔ THẨM ĐỊNH GỒM:

1. Đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Đ/c Trần Ngọc Nam - Phó Giám đốc
- Đ/c Lương Hoài Nam - Trưởng phòng Công nghiệp- Thương mại- DV
- Đ/c Trần Diệu Hương - Chuyên viên phòng CN-TM-DV

2. Đại diện Văn phòng UBND Thành phố:

- Đ/c Mai Văn Dự - Phó trưởng phòng Kinh tế

3. Đại diện Sở Nội vụ:

- Đ/c Phùng Văn Lâm- Phó Trưởng phòng Tổ chức biên chế
- Đ/c Phạm Hoàng Việt - Chuyên viên phòng Tổ chức biên chế

4. Đại diện Sở Tài Nguyên và Môi trường:

- Đ/c Dương Văn Tịnh - Chuyên viên Chi cục Quản lý đất đai

5. Đại diện Sở Tài chính (Chi cục Tài chính doanh nghiệp):

- Đ/c Nguyễn Hồng Diệp - Phó Trưởng phòng Tài chính DN 3
- Đ/c Nguyễn Bảo Ngọc - Chuyên viên phòng Tài chính DN 3

6. Đại diện Sở Lao động TB&XH:

- Đ/c Nguyễn Bá Lực - Trưởng phòng Lao động TLBHXH
- Đ/c Dương Tuyết Mùi - Chuyên viên phòng Lao động TLBHXH

7. Đại diện Sở Công Thương:

- Đ/c Nguyễn Ngọc Hưng - Phó Trưởng phòng Công nghiệp

8. Đại diện Tổng Công ty Thương Mại Hà Nội:

- Đ/c Vũ Thanh Sơn - Tổng Giám đốc
- Đ/c Trần Thị Hồng Hoa - Kiểm soát viên phụ trách.

II. NỘI DUNG:

1. Đại diện Tổng công ty Thương mại Hà Nội trình bày dự thảo phương án sản xuất kinh doanh.

2. Ý kiến của Tổ thẩm định:

- Đề nghị Tổng công ty tiếp tục quan tâm đến các chỉ tiêu doanh thu, nộp ngân sách, thu nhập của người lao động, cổ tức, phương án sử dụng đất đai... sau chuyển đổi.

- Đề nghị Tổng công ty xin ý kiến của Ban Đổi mới phát triển doanh nghiệp Thành phố và UBND Thành phố báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tên của Tổng công ty sau khi chuyển đổi.

- Tổng công ty Thương mại Hà Nội có trách nhiệm hoàn chỉnh các số liệu trong phương án sản xuất kinh doanh theo kết quả thẩm định của các tổ thẩm định: về xác định giá trị doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp; Phương án lao động của doanh nghiệp.

- Phương án sản xuất kinh doanh của Tổng công ty sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần sẽ do Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

ĐẠI DIỆN
VP UBND THÀNH PHỐ

ĐẠI DIỆN
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Nam

ĐẠI DIỆN
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

ĐẠI DIỆN
SỞ NỘI VỤ

ĐẠI DIỆN
SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

ĐẠI DIỆN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ĐẠI DIỆN
SỞ CÔNG THƯƠNG

ĐẠI DIỆN
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Sơn

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

Hapro

Mang hồn đất Việt

PHƯƠNG ÁN

SẢN XUẤT KINH DOANH SAU KHI CHUYỂN SANG HOẠT ĐỘNG THEO MÔ HÌNH CÔNG TY CỔ PHẦN

Hà Nội, tháng 12 năm 2016

PHẦN I
TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

I./GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP:

1./Thông tin chung:

- Tên gọi đầy đủ Tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI.**
- Tên giao dịch quốc tế: HANOI TRADE CORPORATION
- Tên viết tắt : Hapro
- Địa chỉ trụ sở chính Công ty: **Số 38-40 phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**
- Địa chỉ giao dịch: **11B phố Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội**
- Điện thoại : **(04) 38267984** Fax: **(04) 39288407**
- Email : **hapro@haprogroup.vn**
- Website : **www.haprogroup.vn**
- Logo:

Hapro
Mang hồn đất Việt

2./Quá trình hình thành Doanh nghiệp:

Tổng công ty Thương mại Hà Nội là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 129/2004/QĐ-TTg ngày 14/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án thành lập Tổng công ty và Quyết định số 125/2004/QĐ-UB ngày 11/8/2004 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Tổng công ty Thương mại Hà Nội hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con trên cơ sở sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước của Thành phố hoạt động trong lĩnh vực thương mại, trong đó Công ty Sản xuất dịch vụ và Xuất nhập khẩu Nam Hà Nội trực thuộc Sở Thương mại Hà Nội *(nay là Sở Công thương Hà Nội)* được giao nhiệm vụ đảm nhận chức năng là Công ty Mẹ - Tổng công ty. Tổng công ty chính thức đi vào hoạt động từ tháng 11/2004.

Thực hiện Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/3/2010 của Chính phủ về việc chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, tháng 3/2010, Tổng công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 3466/QĐ-UBND ngày 13/7/2010 của UBND thành phố Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 09 tháng 10 năm 2014.

3./Ngành nghề kinh doanh:

Stt	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Bán buôn thực phẩm;	4632
2	Bán buôn đồ uống;	4633
3	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
	Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dựng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);	
4	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lào	4634
5	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;	4652
6	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)	4649
7	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;	4651
8	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
9	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;	4719
10	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;	4741
11	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;	4751
12	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;	4752
13	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;	4763
14	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;	4641
15	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy và bìa	1702
16	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;	4721
17	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;	4722
18	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;	4723
19	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lào trong các cửa hàng	4724

	chuyên doanh	
20	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;	4759
21	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;	4761
22	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773
	Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quí và đá bán quí, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ cụng mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh hàng miễn thuế - Bán lẻ hoa, cây cảnh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt (trừ dịch vụ kính thuốc) - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng	
23	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
24	Sản xuất rượu vang;	1102
25	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;	1104
26	Sản xuất các loại bánh từ bột;	1071
27	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;	1075
28	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);	5621
29	Dịch vụ phục vụ đồ uống;	5630
30	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;	4771
31	Chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
32	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
33	Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự;	1074
34	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
35	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa	5210
36	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;	8230
37	Sản xuất bao bì bằng gỗ;	1623
38	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản;	1080

39	Sản xuất giày dép;	1520
40	Sản xuất đường;	1072
41	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;	5510
42	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa;	5022
43	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;	5222
44	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Trừ dịch vụ thiết kế công trình);	7410
45	Hoạt động công ty nắm giữ tài sản	6420
46	Dịch vụ đóng gói;	8292
47	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
48	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo;	1073
49	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;	4933
50	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;	5221
51	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
52	Nghiên cứu thị trường và thăm do dư luận	7320
53	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
54	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
55	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
56	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
57	Bán buôn gạo	4631
58	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón; - Bán buôn hóa chất khác (trừ các loại sử dụng trong nông nghiệp);	4669

	- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	
59	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác tận thu khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);	0899
60	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4663
61	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
62	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
63	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh; Chi tiết: Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn	4753
64	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội)	4764
65	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	4772
66	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng Bán lẻ hàng hóa khác đã qua sử dụng (không bao gồm di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia)	4774
	(Đối với các nghành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	

4. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

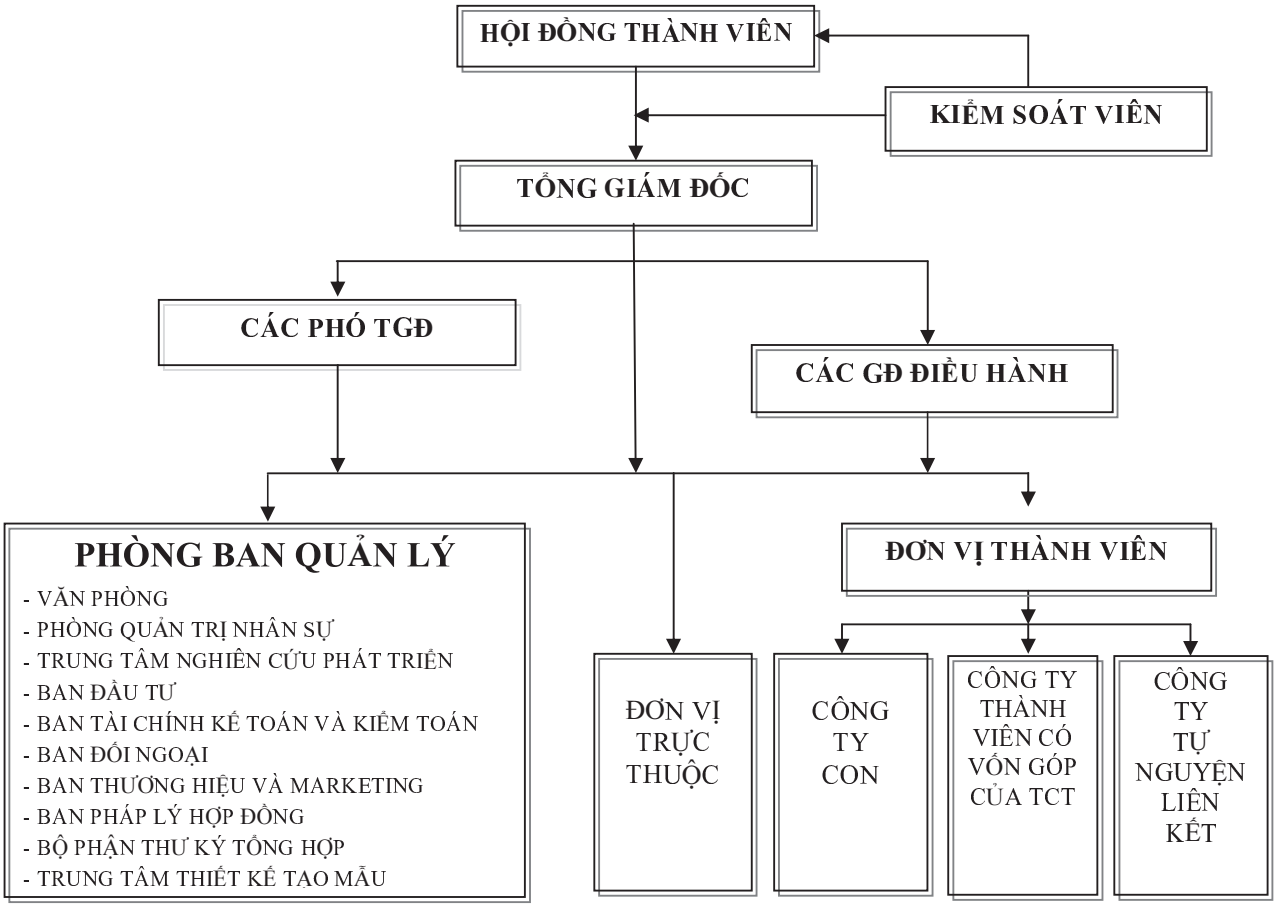
Vốn điều lệ đăng ký tại giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0100101273 *(thay đổi lần thứ 29 ngày 09 tháng 10 năm 2014)* là **2.300.000.000.000 đồng** ***(Bằng chữ: hai nghìn ba trăm tỷ đồng)***

Vốn Điều lệ thực tế theo báo cáo tài chính tại thời điểm 30/6/2016 là: **1.781.184.208.070 đồng** ***(Bằng chữ: một nghìn bảy trăm tám mươi mốt tỉ, một trăm tám mươi tư triệu, hai trăm linh tám nghìn không trăm bảy mươi đồng)***

II/Mô hình tổ chức bộ máy và tình hình sử dụng lao động của Tổng công ty Thương mại Hà Nội:

1. Mô hình tổ chức bộ máy

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI



Tổ chức bộ máy

Theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng công ty hiện nay bao gồm: Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Điều hành, các phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc.

❖ **Hội đồng thành viên**

Hội đồng thành viên của Tổng công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng thành viên và các thành viên Hội đồng thành viên do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hà Nội bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Hội đồng thành viên là cơ quan đại diện trực tiếp chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty và là đại diện chủ sở hữu đối với các công ty do Tổng công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ và phần vốn góp do Tổng công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Hội đồng thành viên nhân danh chủ sở hữu Tổng công ty tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ

sở hữu Tổng công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

❖ **Kiểm soát viên**

Kiểm soát viên tại Tổng công ty do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hà Nội bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Kiểm soát viên có nhiệm vụ: Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc tổ chức thực hiện các quyền của chủ sở hữu và trong việc quản lý điều hành công việc kinh doanh của Tổng công ty; Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo công tác khác trước khi trình chủ sở hữu hoặc cơ quan Nhà nước có liên quan; trình chủ sở hữu báo cáo thẩm định và một số nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

❖ **Ban Điều hành**

Ban Điều hành của Tổng công Thương mại Hà Nội bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và các Giám đốc Điều hành.

Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hà Nội bổ nhiệm, miễn nhiệm. Các Giám đốc Điều hành do Hội đồng thành viên Tổng công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm;

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Tổng công ty theo mục tiêu, kế hoạch phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên; Chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Điều hành giúp Tổng Giám đốc điều hành Tổng công ty theo phân công và uỷ quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công hoặc ủy quyền.

❖ **Các phòng chức năng**

- ***Trung tâm Nghiên cứu phát triển:***

Nghiên cứu, tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn (bao gồm chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh, phát triển hệ thống kinh doanh nội địa và phát triển doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty) các kế hoạch trung hạn và ngắn hạn để thực hiện chiến lược đó;

Xây dựng, triển khai, theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thống kê kế hoạch, đánh giá phân tích kết quả thực hiện được, báo cáo tổng hợp liên quan, đề xuất các giải pháp khả thi nhằm đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch;

Nghiên cứu, đề xuất áp dụng và theo dõi việc thực hiện các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO, HACCP,…) cho Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc;

chịu trách nhiệm duy trì thường xuyên các hoạt động giám sát, đánh giá, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng trong Tổng công ty;

- ***Ban Tài chính kế toán và kiểm toán***:

+ Phòng Kế toán và kiểm toán nội bộ

- Xây dựng và trình lãnh đạo Tổng công ty ban hành các văn bản, Quy chế tài chính hướng dẫn, cụ thể hoá các chế độ hạch toán kế toán áp dụng tại Công ty Mẹ và toàn Tổng công ty.
- Thực hiện công tác hạch toán kế toán Khối văn phòng Công ty Mẹ - Tổng công ty đúng chính sách chế độ.
- Hướng dẫn, giám sát các đơn vị trực thuộc Công ty Mẹ - Tổng công ty, Công ty thành viên 100% vốn Nhà nước thuộc Tổng công ty trong việc thực hiện công tác quản lý tài chính và hạch toán theo chế độ.
- Thực hiện báo cáo hợp cộng của Công ty Mẹ - Tổng công ty và hợp nhất của Tổng công ty.
- Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ đối với đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Mẹ - Tổng công ty và các công ty thành viên 100% vốn Nhà nước thuộc Tổng công ty.
- Thẩm định quyết toán dự án hoàn thành.

+ Phòng Kinh doanh tài chính

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty những vấn đề liên quan đến tài chính và đầu tư tài chính; quản lý, sử dụng và phát triển vốn.
- Xây dựng chiến lược vốn và các kế hoạch huy động, đầu tư và sử dụng vốn nhằm đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu vốn cho sự phát triển của Tổng công ty.
- Quản lý, theo dõi việc sử dụng vốn trong các doanh nghiệp Tổng công ty đã đầu tư hoặc góp vốn.
- Thực hiện nhiệm vụ của công tác đổi mới và phát triển doanh nghiệp.

+ Phòng Thu hồi công nợ

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty các chính sách, giải pháp xử lý, thu hồi công nợ, các biện pháp hạn chế phát sinh công nợ, đặc biệt là nợ xấu.
- Trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thu hồi công nợ

- ***Phòng Quản trị nhân sự:***

Xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng công ty gồm các Phòng, Ban, bộ phận, đơn vị trực thuộc Tổng công ty. Xây dựng chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho các Phòng, Ban, bộ phận đơn vị trực thuộc Tổng công ty. Xây dựng đề án thành lập, sáp nhập, giải thể các Phòng, Ban, bộ phận, đơn vị trực thuộc Tổng công ty;

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho Công ty mẹ và các Công ty thành viên trong từng giai đoạn phát triển;

Xây dựng định biên lao động cho từng Phòng, Ban, bộ phận trực thuộc Tổng công ty. Xây dựng bản mô tả công việc cho từng vị trí nhân sự trong bộ máy các Phòng, Ban quản lý của Tổng công ty;

Xây dựng các quy trình tuyển dụng lao động, đánh giá nhân lực, kế hoạch đào tạo và đào tạo lại nhằm phát triển nguồn nhân lực một cách tốt nhất.

Xây dựng cơ chế tiền lương, các chính sách đãi ngộ, các chế độ khác làm cơ sở cho việc phát triển nguồn nhân lực của Công ty mẹ và toàn Tổng công ty;

- ***Ban Đối ngoại***

Nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển các mối quan hệ đối ngoại phục vụ yêu cầu phát triển của Tổng công ty và chiến lược quản trị các mối quan hệ đối ngoại đó;

Xây dựng, tổ chức và triển khai thực hiện các chương trình kế hoạch xúc tiến thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cho từng thời kỳ, từng khối, từng đơn vị;

Thiết lập, duy trì, phát triển và khai thác có hiệu quả các mối quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; xây dựng và đề xuất các chính sách mới đối với các mối quan hệ đối ngoại;

- ***Ban Thương hiệu - Marketing:***

Tham mưu cho Lãnh đạo Tổng công ty chiến lược phát triển thương hiệu, xây dựng kế hoạch trung và dài hạn cho công tác quảng bá hình ảnh của Tổng công ty ở thị trường trong nước và ngoài nước theo các chuẩn mực và trên cơ sở các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và những quốc gia khác mà thương hiệu của Tổng công ty đăng ký bảo hộ;

Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình truyền thông phục vụ mục tiêu phát triển thương hiệu, phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;

- ***Ban Pháp lý hợp đồng:***

Nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp luật của Việt Nam liên quan tới mọi lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty để tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong việc định hướng phát triển và quản lý điều hành các hoạt động của Tổng công ty;

Thường trực tiếp nhận và xử lý các tranh chấp, khiếu nại về hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự, các tranh chấp liên quan tới Tổng công ty tại tòa án; Phối hợp với các Phòng, Ban xây dựng các quy chế, quy định, các văn bản pháp lý của Tổng công ty trên cơ sở các văn bản pháp luật hiện hành và phù hợp với đặc điểm hoạt động của Tổng công ty;

- ***Bộ phận Thư ký tổng hợp:***

Là đầu mối tiếp nhận thông tin của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban lãnh đạo Tổng công ty;

Chuẩn bị kế hoạch, chương trình làm việc và sắp xếp lịch làm việc của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Tổng công ty;

Thực hiện nhiệm vụ thư ký của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty đối với các đồng chí lãnh đạo, các Phòng, Ban quản lý Tổng công ty, các Công ty thành viên và đơn vị trực thuộc Tổng công ty. Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty giải quyết một số công việc theo ủy quyền;

- ***Văn phòng:***

+ Phòng Đảng - Đoàn thể: Trên cơ sở tổ chức lại và đổi tên Phòng Đoàn thể

Triển khai các mặt công tác của Đảng ủy Tổng công ty (bao gồm các công tác của Văn phòng Đảng ủy, Ban Tổ chức Đảng ủy Tổng công ty và Ban Tuyên giáo Đảng ủy TCT);

Công tác Đoàn thể: Công đoàn Công ty mẹ, Đoàn thanh niên Tổng công ty.

+ Phòng Tổng hợp:

Công tác thi đua khen thưởng (triển khai định kỳ theo quy định của Nhà nước và Thành phố); công tác Bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ; Tổ chức các ngày Lễ, Tết, kỷ niệm cho CBNV của Tổng công ty; Họp mặt hưu trí hàng năm, ngày thương binh liệt sỹ, thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, chia tay cán bộ về hưu,…;

Chuẩn bị thủ tục, hồ sơ (Hộ chiếu, Visa…) cho các đoàn công tác của Tổng công ty đi công tác nước ngoài;

Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, tổng hợp.

+ Phòng Hành chính phục vụ:

Thực hiện các nhiệm vụ lễ tân, bảo vệ cơ quan, lái xe và quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật của trụ sở Tổng công ty;

Thực hiện công tác an ninh Quốc phòng, dân quan tự vệ, phòng cháy chữa cháy,… của Tổng công ty và khu vực văn phòng Tổng công ty.

- ***Ban Đầu tư:***

+ Phòng quản lý và phát triển mạng lưới:

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác phân tích tài chính, đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư; Đề xuất và triển khai phương án khai thác, kinh doanh các dự án của Công ty mẹ - Tổng công ty và một số công trình chủ chốt, các dự án khác do Tổng công ty giao;
- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác quản lý, khai thác sử dụng mạng lưới, địa điểm của Tổng công ty nhằm nâng cao hiệu quả, đáp ứng định hướng, chiến lược phát triển thị trường của Tổng công ty;
- Tổ chức thực hiện công tác quản lý, khai thác và phát triển hệ thống mạng lưới địa điểm của Tổng công ty trên cơ sở tuân thủ các tiêu chí: đúng mục đích sử dụng, phù hợp quy hoạch, khai thác và sử dụng có hiệu quả nhất;
- Hoàn thiện thủ tục pháp lý và quản lý các hồ sơ pháp lý về nhà đất của Công ty mẹ - Tổng công ty, giải quyết các tồn tại về quản lý sử dụng mạng

lưới: Tranh chấp, khiếu kiện, sử dụng sai mục đích,… và hỗ trợ các Công ty thành viên khi có yêu cầu;

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác đầu tư, kinh doanh và quản lý bất động sản của Công ty mẹ - Tổng công ty được Tổng công ty giao; Nghiên cứu thị trường, đề xuất phương án khai thác và tìm kiếm cơ hội kinh doanh bất động sản;

+ Phòng Quản lý dự án:

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn thực hiện dự án của Công ty mẹ - Tổng công ty và của các Công ty thành viên Tổng công ty;
- Quản lý và triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty mẹ - Tổng công ty trong giai đoạn thực hiện dự án, đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản do các cơ quan quản lý Nhà nước ban hành;
- Tư vấn, hỗ trợ các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty, các Công ty thành viên Tổng công ty trong công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn thực hiện dự án

+ Phòng Chuẩn bị đầu tư

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác đề xuất ý tưởng hình thành các dự án; khảo sát, tìm kiếm địa điểm và triển khai công tác chuẩn bị đầu tư cho các dự án phát triển hạ tầng thương mại của Công ty mẹ - Tổng công ty và của các Công ty thành viên Tổng công ty ;
- Quản lý và triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty mẹ - Tổng công ty trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản do các cơ quan quản lý Nhà nước ban hành;
- Tư vấn, hỗ trợ các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty, các Công ty thành viên Tổng công ty trong công tác chuẩn bị đầu tư theo đúng trình tự thủ tục về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản do các cơ quan quản lý Nhà nước ban hành;

- ***Trung tâm Thiết kế tạo mẫu:***

Nghiên cứu, khảo sát thị trường và thị hiếu của khách hàng trong và ngoài nước đối với những yêu cầu về mã sản phẩm của các mặt hàng thủ công mỹ nghệ;

Trực tiếp tham gia vào các công việc cần đến nghề thiết kế của Tổng công ty theo khả năng.

Là đầu mối của Tổng công ty triển khai thực hiện các công việc liên quan đến thiết kế và sản xuất các ấn phẩm: Brochure, poster, banner, bandron, standee,… theo quy chuẩn chung và bộ nhận diện thương hiệu của Tổng công ty.

❖ **Đơn vị hạch toán trực thuộc**

❖ ***Chi nhánh Tổng công tyThương mại Hà Nội tại TP Hồ Chí Minh:***

Trực tiếp tổ chức các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và dịch vụ xuất nhập khẩu tổng hợp các mặt hàng nông, lâm, hải sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, khoáng sản, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, hàng hóa, máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ kiện đa ngành phục vụ sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu tại khu vực phí nam theo ủy quyền của Tổng công ty.

Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty;

❖ ***Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Trung tâm Xuất nhập khẩu phía Bắc:***

Trực tiếp tổ chức các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và dịch vụ xuất nhập khẩu tổng hợp các mặt hàng nông, lâm, hải sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, khoáng sản, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, hàng hóa, máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ kiện đa ngành phục vụ sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu tại khu vực phí Bắc theo ủy quyền của Tổng công ty.

Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty;

❖ ***Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Trung tâm chế biến hàng xuất khẩu:***

Khai thác cơ sở vật chất hiện có, liên kết với các tổ chức sản xuất các loại hàng hóa phục vụ cho hoạt động của Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Trung tâm xuất nhập khẩu phía Bắc;

Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, tài chính và lao động của Chi nhánh chế biến hàng xuất khẩu; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước, Tổng công ty;

❖ ***Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại tỉnh Đồng Tháp:***

Nghiên cứu và tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty về định hướng thu mua, sản xuất, chế biến và dự trữ hàng hóa để tạo nguồn hàng ổn định phục vụ công tác xuất khẩu và tiêu thụ nội địa của Tổng công ty;

Tổ chức khai thác, thu mua, sản xuất, chế biến và cung ứng hàng hóa đặc trưng của vùng, miền, địa phương phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa;

Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, tài chính và lao động của Kho hàng; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước, Tổng công ty;

❖ ***Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại tỉnh Hưng Yên:***

Nghiên cứu và tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong việc hoạch định chiến lược, chính sách liên quan tới phát triển kinh doanh kho hàng và dịch vụ giao nhận vận tải (Logistic);

Tổ chức kinh doanh dịch vụ kho hàng;

Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty;

❖ ***Trung tâm kinh doanh chợ Thượng Đình:***

Xây dựng phương án sử dụng điểm kinh doanh và bố trí sắp xếp các ngành nghề kinh doanh tại chợ; Các quy định việc sử dụng, thuê, thời hạn và các biện pháp quản lý điểm kinh doanh tại chợ; các phương án phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự trong phạm vi quản lý; kế hoạch duy trì, bảo dưỡng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật chợ;

Tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của chợ, tổ chức thực hiện nội quy chợ và xử lý các vi phạm nội quy chợ;

Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, tài chính và lao động của chợ; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và Tổng công ty;

❖ ***Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối Bắc Thăng Long:***

Nghiên cứu và tham mưu cho Lãnh đạo Tổng công ty phương thức kinh doanh có hiệu quả chợ đầu mối, các giải pháp tổ chức kinh doanh và quản lý chợ;

Xây dựng phương án sử dụng điểm kinh doanh và bố trí sắp xếp các ngành nghề kinh doanh tại Chợ; các quy định đối với người thuê địa điểm kinh doanh tại chợ; các biện pháp quản lý điểm kinh doanh; các phương án phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự trong phạm vi quản lý, kế hoạch duy trì bảo dưỡng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật Chợ;

Tổ chức quản lý, điều hành mọi hoạt động của Chợ, tổ chức thực hiện nội quy Chợ và xử lý các vị phạm nội quy chợ;

Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty;

❖ ***Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối phía Nam:***

Nghiên cứu và tham mưu cho Lãnh đạo Tổng công ty phương thức kinh doanh có hiệu quả chợ đầu mối, các giải pháp tổ chức kinh doanh và quản lý chợ;

Xây dựng phương án sử dụng điểm kinh doanh và bố trí sắp xếp các ngành nghề kinh doanh tại Chợ; các quy định đối với người thuê địa điểm kinh doanh tại chợ; các biện pháp quản lý điểm kinh doanh; các phương án phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự trong phạm vi quản lý, kế hoạch duy trì bảo dưỡng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật Chợ;

Tổ chức quản lý, điều hành mọi hoạt động của Chợ, tổ chức thực hiện nội quy Chợ và xử lý các vị phạm nội quy chợ;

Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty;

❖ ***Công ty Siêu thị Hà Nội:***

Công ty Siêu thị Hà Nội là đơn vị sản xuất kinh doanh hạch toán phụ thuộc, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng;

Công ty được tổ chức các hoạt động kinh doanh Thương mại và dịch vụ Siêu thị, xây dựng hệ thống mạng lưới Siêu thị theo quy hoạch và chiến lược phát triển của Tổng công ty Thương mại Hà Nội nhằm thực hiện tốt chỉ tiêu kế hoạch được giao, đảm bảo hiệu quả;

Căn cứ định hướng và chiến lược phát triển của Tổng công ty Thương mại Hà Nội, Công ty xây dựng phương án về công tác tổ chức cán bộ, tài chính kế toán, phương án sản xuất kinh doanh trình Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội phê duyệt;

Công ty Siêu thị Hà Nội chịu sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội. Thực hiện đầy đủ các quy định của Pháp luật và cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan.

❖ ***Trung tâm Kinh doanh hàng Miễn Thuế:***

Chuyên kinh doanh nhập khẩu và mua hàng sản xuất trong nước để bán miễn thuế phục vụ các đối tượng được hưởng các ưu đãi về thuế: Khách xuất cảnh, khách nhập cảnh, chuyên gia ODA, chuyên gia Việt kiều làm việc tại Việt Nam theo lời mời của Nhà nước Việt Nam được quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế theo văn bản của Bộ Thương mại;

Chuyên kinh doanh hàng nhập khẩu và mua hàng sản xuất trong nước để bán miễn thuế phục vụ các đối tượng ngoại giao được quy định tại Nghị định 73/CP ngày 30/7/1994 của Chính phủ và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế;

Kinh doanh hàng mậu dịch phục vụ mọi đối tượng theo văn bản của Tổng cục Hải quan.

Xây dựng kế hoạch kinh doanh và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Tổng công ty giao. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước về hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

- ***Ban Quản lý Khu công nghiệp thực phẩm Hapro:***

Quản lý quy hoạch, quản lý đầu tư tại Cụm công nghiệp theo các tài liệu được Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội phê duyệt cho các doanh nghiệp;

Giải quyết các vấn đề phát sinh trong việc thực hiện các hợp đồng thuê đất có hạ tầng đối với các doanh nghiệp đầu tư, hoạt động tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro;

Quản lý hồ sơ tài liệu có liên quan đến Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro;

2. Số lượng lao động của Tổng công ty

Tại thời điểm UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty Mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội vào ngày 28/4/2017, tổng số lao động của Tổng công ty Thương mại Hà Nội là 630 người, trong đó:

STT	Chỉ tiêu	Số lao động	Tỷ lệ (%)
	Tổng số lao động	630	
I	**Phân loại theo giới tính:**		

1	*Nam*	267	42,4%
2	*Nữ*	363	57,6%
II	**Phân loại theo HĐLĐ**		
1	Lao động do Nhà nước bổ nhiệm	5	0,8%
2	Lao động không xác định thời hạn	559	80,7%
3	Lao động xác định thời hạn	63	10%
4	Lao động theo mùa vụ	3	0,5%
III	**Phân loại theo trình độ**		
1	Trên Đại học	22	3,5%
2	Trình độ Đại học	316	50,1%
3	Trình độ Cao đẳng, trung cấp	105	16,7%
4	Trình độ nghề, phổ thông	187	29,7%

***3.* Các Công ty thành viên và Công ty có vốn góp của Công ty mẹ - Tổng công ty:**

Tại thời điểm cổ phần hóa, Tổng công ty có 10 công ty con (có vốn góp của Công ty mẹ-Tổng công ty trên 50% vốn Điều lệ), 16 Công ty thành viên liên kết (có vốn góp của Công ty mẹ - Tổng công ty dưới 50% vốn điều lệ) và có đầu tư góp vốn tại 15 công ty khác.

STT	Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn điều lệ	Giá trị đầu tư
I	**Đầu tư góp vốn tại công ty con**			
1	Công ty CP Thủy tạ	51.25	30,000,000,000	15,373,500,000
2	Công ty CP Đầu tư TM&DV Chợ Bưởi	62.00	32,000,000,000	19,840,000,000
3	Công ty CP Gốm Chu Đậu	51.00	20,000,000,000	10,200,000,000
4	Công ty CP Thực phẩm Hà Nội	51.57	145,000,000,000	74,772,000,000
5	Công ty CP TMDV Tràng Thi	53.33	135,000,000,000	72,002,000,000
6	Công ty cổ phần Rượu Hapro	54.58	32,978,600,000	18,000,000,000
7	Công ty CP XNK TCMN và DL Thương nhân Hapro	52.50	10,000,000,000	5,250,000,000
8	Công ty CP Phát triển siêu thị Hà Nội	83.42	61,591,000,000	51,381,000,000
9	Công ty CPĐTTM Hapro Đà Nẵng	78.6	20,000,000,000	15,715,000,000
10	Công ty CP Sự kiện và Ẩm thực Hapro	51.00	10,000,000,000	5,100,000,000

II	**Đầu tư vào Công ty thành viên**			
1	Công ty CP Vang Thăng Long	40.00	27,000,000,000	10,799,550,000
2	Công ty CP PTTM Hà Nội	31.19	24,800,000,000	7,736,000,000
3	Công ty CPPTTM và DL Hà Nội	40.00	6,000,000,000	2,400,000,000
4	Công ty CP SXKD Gia súc Gia Cầm	42.33	47,250,000,000	20,000,005,440
5	Công ty CP ĐTPT Hạ tầng TM Hà Nội	33.42	40,000,000,000	12,225,242,550
6	Công ty cổ phần Phân phối Hapro	25.50	10,000,000,000	2,550,000,000
7	Công ty cổ phần Thông tin Hapro	26.77	10,000,000,000	2,677,396,334
8	Công ty CPTM - Đầu tư Long Biên	30.94	10,900,000,000	3,373,000,000
9	Công ty CP SX chế biến XNK Điều Hapro Bình Phước	20.00	50,000,000,000	10,000,000,000
10	Công ty CP TMDV Thời Trang Hà Nội	49.028	100,000,000,000	49,028,000,000
11	Công ty CP DV-XNK Nông sản Hà Nội	42.375	40,000,000,000	16,950,000,000
12	Công ty CP LHXNK và Đầu tư Hà Nội	20.15	200,000,000,000	40,297,000,000
13	Công ty CP KDXNK An Phú Hưng	40.00	10,000,000,000	4,000,000,000
14	Công ty cổ phần Nội thất Sinh thái Hapro	20.00	2,000,000,000	400,000,000
15	Công ty cổ phần Ong Mật Hà Nội	20.00	5,000,000,000	1,000,000,000
16	Công ty CP siêu thị VHSC (Việt Nam)	35.00	18,365,228,300	7,085,949,500
III	**Đầu tư góp vốn tại 02 Công ty TNHH và 01 Liên doanh**			
1	Công ty TNHH cao ốc Á Châu	40.00	12,636,225,000	4,729,950,000
2	Công ty TNHH ĐTTM Tràng Tiền	10.00	15,000,000,000	1,500,000,000
3	Liên doanh TTTM Chợ Ngã Tư Sở			5,550,000,000
IV	**Đầu tư góp vốn tại các Công ty khác**			
1	Công ty CPTM Miền núi Phú Thọ		5,664,620,000	3,974,926,000
2	Công ty CP Đầu tư và Thương mại VNN		57,266,980,000	5,250,000,000
3	Công ty cổ phần sữa Hà Nội (Hanoi milk)		200,000,000,000	2,570,000,000
4	Công ty cổ phần tập đoàn Vinacontrol		104,999,550,000	2,000,000,000
5	Công ty CP ĐT Bất động sản Toàn Cầu		300,000,000,000	12,533,920,000
6	Công ty cổ phần Thương mại Lãng Yên		40,000,000,000	5,025,000,000
7	Công ty CP XNK DV và Đầu tư VN (Vicosimex)		15,000,000,000	50,000,000
8	Công ty CP Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương	4.00	50,000,000,000	2,000,000,000
9	Công ty CP SXTMDV Tân Mỹ	6.00	20,000,000,000	1,200,000,000

10	Công ty cổ phần Khách sạn Tràng Thi	30	10,000,000,000	3,000,000,000
11	Công ty CP ĐT và PT hệ thống phân phối VN	0.17	600,000,000,000	1,000,000,000
12	Công ty CP ĐTXDTM COINTRA	10.00	10,000,000,000	1,000,000,000
	Tổng cộng			**529,539,439,824**

III./Tình hình tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2016:

Vốn kinh doanh theo báo cáo tài chính của Tổng công ty tại thời điểm 30/6/2016 như sau:

1. Vốn kinh doanh phân theo cơ cấu vốn

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Giá trị sổ sách kế toán tại thời điểm 30/6/2016
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	**2,076,324,756,700**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	289,754,095,869
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	396,800,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1,287,144,413,618
IV. Hàng tồn kho	61,108,549,616
V. Tài sản ngắn hạn khác	41,517,697,597
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**1,512,954,033,523**
I. Các khoản phải thu dài hạn	20,761,437,949
II. Tài sản cố định	373,520,751,338
III. Bất động sản đầu tư	62,612,034,182
IV. Tài sản dở dang dài hạn	479,857,219,837
V. Đầu tư tài chính dài hạn	529,539,439,824
VI. Tài sản dài hạn khác	46,663,150,393
Tổng cộng	**3,589,278,790,223**

2. Vốn kinh doanh phân theo nguồn vốn

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Giá trị sổ sách kế toán tại thời điểm 30/6/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	**1,808,101,873,338**
I. Nợ ngắn hạn	1,512,481,031,422
II. Nợ dài hạn	295,620,841,916
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**1,781,176,916,885**
I. Vốn chủ sở hữu	**1,781,176,916,885**
1.Vốn góp của chủ sở hữu	1,729,409,371,175
2.Quỹ đầu tư phát triển	28,170,153,593
3. Nguồn vốn đầu tư XDCB	23,597,392,117
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**3,589,278,790,223**

III/ Mạng lưới địa điểm doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng:

Thực hiện Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 của UBND Thành phố Hà Nội Quyết định về việc "Phê duyệt phương án sắp xếp lại xử lý cơ sở nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước của Tổng công ty Thương mại Hà Nội theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ";

Căn cứ Quyết định số 6199, 6200, 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước của Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội; Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Tràng Thi; Công ty TNHH MTV Dịch vụ XNK Nông sản Hà Nội thuộc Tổng công ty Thương mại Hà Nội theo Quyết định 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 31/03/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước của Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Hà Nội thuộc Tổng công ty Thương mại Hà Nội theo Quyết định 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ; Các Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa các Công ty thành viên:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ và Giấy phép ĐKKD, Tổng công ty đã tiếp tục quản lý, sử dụng **183 cơ sở nhà đất** bao gồm:

- Các địa điểm tại thành phố Hà Nội Tổng công ty được giao quản lý, sử dụng: ***111 địa điểm;***

- Các địa điểm tạm giao sử dụng do nằm trong quy hoạch: ***06 địa điểm;***

- Các địa điểm mạng lưới tại các tỉnh, thành phố: ***18 địa điểm;***

- Các địa điểm TCT được quản lý nhưng chưa nhận được bàn giao từ Công ty TNHH 1TV Dịch vụ XNK Nông sản Hà Nội do vướng mắc chiếm dụng trái phép: ***03 địa điểm;***

- Các địa điểm thuộc danh sách thu hồi xử lý theo Quyết định 09/2007/TTg: ***45 địa điểm,*** trong đó:

+ Các địa điểm TCT đang quản lý, sử dụng: ***06 địa điểm;***

+ Các địa điểm TCT tiếp nhận từ các Công ty thành viên, tạm quản lý chờ bàn giao về Thành phố: ***39 địa điểm;***

(Chi tiết như tại phụ lục 01 kèm theo)

IV/ Kết quả sản xuất kinh doanh trước thời điểm cổ phần hóa:

1./Những thuận lợi - khó khăn:

1.1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm, chỉ đạo về mọi mặt của Thành ủy, UBND Thành phố Hà Nội, sự ủng hộ, tạo điều kiện giúp đỡ của các Sở, Ban, Ngành Thành phố trong việc định hướng hoạt động, tạo những thuận lợi về cơ chế chính sách, nhân lực, vốn, mạng lưới kinh doanh; Được thừa hưởng lợi thế về vị thế Tổng công ty là một đơn vị kinh tế lớn

của Thủ đô, Thủ đô Hà Nội đang phát triển tạo thuận lợi cho các hoạt động kinh tế nói chung và của Tổng công ty Thương mại Hà Nội nói riêng.

- Hoạt động của Tổng công ty theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty con đã khẳng định tính ưu việt và sức sống của mô hình, trong đó Công ty Mẹ - TCT đã thể hiện được vai trò chỉ đạo, định hướng, dẫn dắt hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty và các Công ty thành viên trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa lợi ích của Tổng công ty và của từng Công ty, đơn vị, tạo lợi thế quy mô của Tổng công ty.

- Hội nhập kinh tế Quốc tế sẽ tạo ra cơ hội mới cho các doanh nghiệp tham gia phát triển mở rộng thị trường quốc tế, đặc biệt trong lĩnh vực xuất nhập khẩu có cơ hội tham gia xuất khẩu các sản phẩm có lợi thế so sánh.

- Thị trường XNK của Tổng công ty ngày càng ổn định vững chắc, đặc biệt là mặt hàng nông sản chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu mặt hàng XK của Tổng công ty, đây là mặt hàng chịu ít tác động của cuộc khủng hoảng tài chính. Một số mặt hàng xuất khẩu của TCT đã có vị trí trong danh sách mặt hàng có kim ngạch lớn của cả nước.

- Chỉ thị của Bộ chính trị về cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" tạo ra cơ hội thực hiện các giải pháp cải tiến trong kinh doanh đồng thời nâng cao vị thế thương hiệu Hapro của Tổng công ty và các thương hiệu nhánh, thương hiệu của một số Công ty thành viên như Hafasco; Thủy Tạ; Hapromart, Haprofood, Hapro Bốn Mùa; Vang Thăng Long, Thực Phẩm Hà Nội, Mỳ Hapro,…Vị thế, thương hiệu, hình ảnh Tổng công ty và của một số Công ty thành viên đã được khẳng định và tạo niềm tin đối với người tiêu dùng Thủ đô nói riêng và cả nước nói chung.

1.2 Khó khăn:

- Mặc dù khu vực Quốc tế, xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển tiếp tục gia tăng, nhưng luôn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định như: tranh chấp về biên giới, lãnh thổ, biển đảo; những bất ổn về kinh tế, chính trị, xã hội ở một số nước...ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh tế, thương mại và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Các doanh nghiệp thành viên của TCT có quy mô nhỏ nên phần lớn vốn cho SXKD phải đi vay, chi phí lãi suất ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả SXKD của đơn vị.

- Điều kiện cơ sở vật chất, nguồn vốn chưa đủ mạnh; thiếu hạ tầng thương mại tập trung theo quy mô, hệ thống mạng lưới kinh doanh nhỏ lẻ, manh mún, phức tạp do lịch sử để lại.

- Các thị trường xuất khẩu truyền thống và chủ lực của TCT như EU, Mỹ, Đông Âu, Đông Nam Á, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc,…chịu ảnh hưởng nặng nề của suy thoái kinh tế; Hàng hoá của Việt Nam phải cạnh tranh quyết liệt hơn với hàng hoá cùng chủng loại của các nước Châu Á; Tác động của cuộc khoảng tài chính kéo theo rủi ro rất lớn về thanh toán tiền hàng XK...; Qui mô nhỏ lẻ, cơ sở vật chất kỹ thuật chưa hiện đại của các đơn vị sản xuất, chế biến hàng nông sản, thủ công mỹ nghệ XK dẫn đến việc dễ xảy ra tình trạng thiếu nguồn hàng, khó có khả năng đáp ứng đơn hàng lớn.

- Tình trạng sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng gian lận thương mại có chiều hướng gia tăng và diễn ra ngày càng tinh vi đã gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị sản xuất có uy tín, có trách nhiệm với người tiêu dùng; đồng thời những hành vi gian lận đó còn trực tiếp ảnh hưởng

đến quyền lợi của người tiêu dùng, làm mất lòng tin của người tiêu dùng đối với các sản phẩm, doanh nghiệp sản xuất trong nước.

- Thị trường nội địa diễn ra sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Sự tham gia hoạt động của các Tập đoàn bán lẻ nước ngoài tại thị trường Việt Nam ngày càng tạo ra sức ép, cạnh tranh cao đối với các doanh nghiệp trong nước, trong đó có Tổng công ty Thương mại Hà Nội.

2./Tình hình sản xuất kinh doanh trước Cổ phần hóa:

Giai đoạn 2012 - 2016, tổng doanh thu của Công ty Mẹ - Tổng công ty đạt 12.192 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 20%/năm. Nộp ngân sách nhà nước đạt khoảng 200 tỷ đồng. Tổng công ty luôn đảm bảo việc làm ổn định, thường xuyên cho khoảng 800 CBCNV với điều kiện lao động ngày càng được cải thiện, đời sống thu nhập ngày càng được nâng cao, đảm bảo năm sau cao hơn năm trước, cụ thể:

ĐVT: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	2014	2015	2016
I	***Tổng doanh thu***	Tr.đ	2.399.162	2.934.799	3.583.323	3.353.617	3.412.236
	Chỉ tiêu tăng trưởng năm sau/năm trước	*%*	-	*122*	*122*	*94*	*102*
1	Doanh thu bán hàng hóa	Tr.đ	2.175.543	2.663.466	2.959.237	2.963.776	3.034.117
	Tỷ trọng/Tổng DT	*%*	*91*	*91*	*83*	*88*	*89*
2	Doanh thu dịch vụ	Tr.đ	130.065	176.739	453.601	250.614	99.677
	Tỷ trọng/Tổng DT	*%*	*5.4*	*6.0*	*12.7*	*7.5*	*2.9*
3	Doanh thu KD BĐS	Tr.đ	2.783	1.756	1.916	1.759	6.461
4	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đ	90.771	92.838	168.569	137.468	271.981
II	***Lợi nhuận trước thuế***	Tr.đ	6.828	7.403	38.347	11.515	52.160
	Trong đó LN thương mại	*Tr.đ*	*6.220*	*6.434*	*37.335*	*10.682*	*49.936*
	LN BĐS	Tr.đ	608	969	1.012	833	2.224

III	***Lợi nhuận sau thuế***	Tr.đ	6.676	7.161	38.125	9.530	40.991
IV	***Nộp ngân sách (không bao gồm thuế nhà + đất)***	Tr.đ	50.434	38.137	33.322	48.507	43.256
V	***Lao động bq***	Người	1480	1169	844	833	761
VI	***Thu nhập bq***	Trđ/ng /tháng	6,1	6,25	6,47	7,0	7,2
VII	***Nợ phải thu***	Tr.đ	582.670	716.940	961.775	1.174.811	965.867
IX	***Nợ phải trả***	Tr.đ	1.764.108	2.232.193	1.881.454	1.434.249	1.383.236

Kết quả sản xuất kinh doanh trên chưa bao gồm các chỉ tiêu kinh tế của các Công ty con, Công ty thành viên liên kết và Công ty thành viên liên kết tự nguyện. Nếu tổng hợp lợi thế quy mô tại các Công ty thành viên thì một số chỉ tiêu kinh tế chính của toàn Tổng công ty cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	2014	2015	2016
I	***Số lượng Công ty thành viên***		41	37	34	31	26
II	***Tổng doanh thu***	Tr.đ	8.847.386	8.055.749	5.408.568	5.840.723	5.923.326
III	***Kim ngạch XNK***	Triệu USD	282,191	271,328	152,437	161,407	164,594
	- Xuất khẩu		213,681	224,256	141,477	152,881	158,978
	- Nhập khẩu		68,510	47,072	10,960	8,526	5,616
IV	***Lợi nhuận trước thuế***	Tr.đ	56.124	62.986	47.298	50.069	75.982
V	***Nộp ngân sách (không bao gồm thuế nhà + đất)***	Tr.đ	149.293	122.256	104.579	77.740	84.584

3./ Đánh giá thực trạng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

Giai đoạn 2012-2016, trong tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, được sự chỉ đạo, được sự quan tâm, chỉ đạo về mọi mặt của Thành ủy, UBND Thành phố Hà Nội, sự ủng hộ, tạo điều kiện giúp đỡ của các Sở, Ban, Ngành Thành phố Tổng công ty cùng sự nỗ lực của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV, Tổng công ty vẫn phấn đấu duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và đạt được một số kết quả:

3.1 Về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Công ty Mẹ trong mô hình Công ty Mẹ - Công ty con:

Tổng công ty Thương mại Hà Nội là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty con, là tổ hợp các doanh nghiệp thành viên cùng hệ thống mạng lưới kinh doanh, nhà cung cấp, khách hàng, thị trường… có mối quan hệ hữu cơ trong mô hình tổng hợp cả về kinh doanh xuất nhập khẩu và thương mại nội địa. Vai trò và mối quan hệ của Công ty Mẹ với các Công ty con, Công ty thành viên, Công ty liên kết cụ thể như sau:

- Công ty Mẹ tổ chức giám sát, đánh giá hoạt động của các công ty con, công ty liên kết mà Công ty Mẹ có vốn góp thông qua người đại diện phần vốn. Người đại diện phần vốn đại diện Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, sử dụng quyền cổ phần chi phối để định hướng công ty con thực hiện mục tiêu do TCT giao đồng thời theo dõi, giám sát tình hình hoạt động của Công ty con và báo cáo, phản ánh kịp thời tới lãnh đạo TCT;

- Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ giữa Công ty Mẹ và công ty con trong quản lý, điều hành: đảm bảo định hướng kinh doanh chung; kết nối các Công ty con, công ty liên kết về nguồn hàng, thị trường, đảm bảo khai thác tốt nhất lợi thế của đơn vị; hạn chế đầu tư, kinh doanh trùng lặp hoặc cạnh tranh nội bộ dẫn đến phân tán, lãng phí nguồn lực, giảm hiệu quả kinh doanh của tổ hợp Công ty Mẹ - Công ty con;

- Về quan hệ kinh tế, quan hệ thị trường hoạt động, giá trị thương hiệu: Công ty Mẹ với sự tham gia của các Công ty con, công ty liên kết thường xuyên tổ chức quảng bá, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường trong nước và nước ngoài; Thị trường nội bộ được Công ty Mẹ điều tiết, hình thành theo nguyên tắc các đơn vị phối hợp kinh doanh theo cơ chế thị trường, hợp tác hỗ trợ lẫn nhau, trở thành khách hàng, thị trường của nhau, xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh;

Thương hiệu của Tổng công ty đã thực sự trở thành thương hiệu bao trùm gồm thương hiệu Công ty Mẹ, thương hiệu các Công ty thành viên và được đăng ký bảo hộ tại 17 quốc gia trên thế giới. Nhận diện thương hiệu chung Hapro của Tổng công ty đã được các công ty thành viên hết sức ủng hộ, người tiêu dùng, đối tác quan tâm. Thương hiệu của Tổng công ty được Tổng công ty quản lý qua Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu của Tổng công ty.

- Về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động SXKD: thực hiện chế độ kế toán hợp nhất với các Công ty thành viên có 100% Vốn Nhà nước và các Công ty thành viên mà Công ty Mẹ chiếm tỉ lệ vốn chi phối 51% trở lên, áp dụng chế độ kế toán hợp cộng đối với các công ty thành viên còn lại.

- Công ty Mẹ xây dựng quy hoạch, chiến lược phát triển SXKD của Tổng công ty theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, đồng thời thực hiện chức năng hỗ trợ các công ty con, công ty liên kết và tự nguyện liên kết thực hiện chức năng định hướng, cung cấp thông tin. Các báo cáo hoạt động SXKD của các Công ty con, Công ty

thành viên được gửi về Công ty Mẹ định kỳ theo quy định để đảm bảo Công ty Mẹ luôn nắm được tình hình, kết quả hoạt động của từng công ty, kịp thời có các hỗ trợ cần thiết.

* Đánh giá chung: trong thời gian vừa qua trong đó Công ty Mẹ - TCT đã phát huy vai trò vừa là đơn vị kinh doanh trực tiếp vừa là đơn vị chi phối hoạt động của toàn TCT và các Công ty thành viên thông qua sở hữu vốn, qua thương hiệu bao trùm và bằng định hướng chung.

Công ty Mẹ là đơn vị chỉ đạo định hướng và điều tiết hoạt động các công ty thành viên và hình thành chuỗi mạng lưới địa điểm theo định hướng phát triển chung của Tổng công ty, hình thành nên 1 thương hiệu lớn, hoạt động đa ngành trong lĩnh vực thương mại, đảm bảo sự tập trung, quy tụ nhưng vẫn có tính chuyên môn hóa cao. Thông qua sự định điều tiết của Công ty Mẹ, Các Công ty, đơn vị thành viên đều được định hướng phát triển, định hướng hoạt động kinh doanh rõ nét, xác định rõ ngành nghề kinh doanh chủ lực để phát triển thành các thương hiệu nhánh, độc lập nhưng vẫn đảm bảo sự quy tụ, hình thành 1 tổng thể thống nhất, qua đó thể hiện được lợi thế, vị thế quy mô, thương hiệu của 1 doanh nghiệp lớn.

3.2 Giữ vững thị trường xuất khẩu và phát triển tốt thương mại nội địa:

* Công tác Xuất nhập khẩu:

Tổng công ty đã xây dựng được các ngành hàng có năng lực sản xuất lớn, có sức cạnh tranh cao và kim ngạch xuất khẩu lớn, giữ vững vị trí là một trong những đơn vị dẫn đầu cả nước về xuất khẩu một số mặt hàng thủ công mỹ nghệ, nông sản, thực phẩm, dược liệu,…,trong đó: năm 2014 và 2015, mặt hàng Hạt tiêu đứng trong Top 5 và mặt hàng Hạt Điều đứng trong Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu lớn nhất Việt Nam. Thị trường xuất khẩu được mở rộng và giữ vững với trên 70 quốc gia và khu vực trên thế giới. Nhiều năm liền, Tổng công ty được UBND Thành phố và Bộ Công thương tặng cờ và bằng khen về thành tích xuất khẩu, doanh nghiệp xuất khẩu uy tín.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn vừa qua để tạo nguồn hàng vững chắc, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, ngoài việc thiết lập và phát triển mối liên kết, hợp tác với các cơ sở sản xuất, gia công, chế biến các mặt hàng xuất khẩu; TCT đã tập trung nguồn lực, thực hiện đầu tư và hình thành các cơ sở sản xuất để khẳng định vị thế và ổn định các nguồn hàng xuất khẩu, trong đó ưu tiên tập trung chính vào 03 mặt hàng có thế mạnh của TCT là: TCMN, Hạt điều, Gạo, cụ thể như: tập trung thực hiện phương án đầu tư cơ sở sản xuất và Showroom hàng TCMN, đầu tư Tổng kho gạo và cơ sở xay xát gạo tại tỉnh Đồng Tháp, nhà máy chế biến Điều tại tỉnh Bình Dương, Bình Phước,...; đồng thời Tổng công ty cũng đã tập trung nguồn lực và tổ chức nhiều đoàn khảo sát thị trường để tìm kiếm cơ hội đầu tư, phát triển mở rộng và thâm nhập sâu sang một số khu vực, thị trường ngách có nhiều tiềm năng như: Angola, Mozambique, Nam Phi, Cuba,...;

- Tạo nguồn hàng phục vụ xuất nhập khẩu: thiết lập và phát triển mối liên kết, hợp tác với các cơ sở sản xuất, gia công, chế biến hàng nông sản, thủ công mỹ nghệ, thực phẩm và đồ uống, thời trang và may mặc,…đáp ứng các đơn hàng của khách hàng và đối tác nước ngoài; Căn cứ diễn biến nhu cầu thị trường nội địa từng giai đoạn, quyết định

chính sách và mặt hàng nhập khẩu linh hoạt.

* Công tác phát triển thị trường nội địa:

- Không ngừng mở rộng sự hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến và cung ứng các mặt hàng nông sản, tiêu dùng để khai thác, phát triển nguồn hàng kinh doanh và phân phối, góp phần nâng cao chất lượng cung cấp các sản phẩm dịch vụ, tăng tính cạnh tranh và đảm bảo phù hợp với tình hình, xu hướng phát triển mới; đầu tư áp dụng các ứng dụng công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng các sản phẩm sản xuất và từ đó đã xây dựng, phát triển được các thương hiệu truyền thống của TCT như: Rượu Vodka Hapro; Rượu Vang Thăng Long; Kem, nước Phalê, Bánh Trung Thu Thủy Tạ; các sản phẩm Thủ công mỹ nghệ và Quần áo thời trang như Gốm Chu Đậu, Hafasco,… và các sản phẩm dịch vụ như Hapro Travel, Cosmos Plaza, Hapro Bốn Mùa. Đã dần chiếm lĩnh được lòng tin của người tiêu dùng, một số sản phẩm, dịch vụ được đánh giá có chất lượng cao và thu hút được nhiều khách hàng quan tâm, tiêu dùng.

- Đầu tư phát triển mở rộng hệ thống Trung tâm thương mại; Chuỗi siêu thị, cửa mang thương hiệu Hapromart; Unimart/Seika; Các Trung tâm kinh doanh Chợ/Chợ đầu mối; Hệ thống các cửa hàng chuyên doanh kim khí, điện máy, thời trang, dịch vụ nhà hàng, ăn uống, du lịch,…

- Phát triển mối liên kết với các doanh nghiệp sản xuất và chế biến, cung ứng hàng nông sản, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng thủ công mỹ nghệ tiêu thụ trên thị trường nội địa và xuất khẩu.

- Tích cực triển khai "Chương trình liên kết nội bộ": các Công ty thành viên TCT sử dụng hàng hoá, dịch vụ và hợp tác khai thác, sử dụng địa điểm của nhau tạo sự gắn kết chặt chẽ, tương trợ nhau, phát huy lợi thế so sánh mang lại hiệu quả ngày càng cao.

- Triển khai thực hiện Chương trình kích cầu đầu tư và tiêu dùng, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; góp phần đẩy mạnh tiêu thụ hàng hoá nội địa đồng thời quảng bá rộng rãi thương hiệu Tổng công ty tới người tiêu dùng, Tổng công ty đã xây dựng và triển khai Chương trình bán hàng nông thôn, bước đầu thu được một số kết quả khả quan.

- Tổ chức tốt công tác dự trữ hàng hóa, đảm bảo đủ hàng hóa với chất lượng tốt, mặt hàng phong phú, giá bán hợp lý, góp phần bình ổn thị trường,…phục vụ tốt nhu cầu thiết yếu của người dân Thủ đô các dịp Lễ, Tết Nguyên đán, hoàn thành nhiệm vụ chính trị do Thành phố giao, đồng thời tận dụng cơ hội kinh doanh để tăng doanh thu.

- Triển khai nghiêm túc và có hiệu quả các chương trình dự trữ hàng hoá đảm bảo cứu trợ, bình ổn cuộc sống của người dân tại các khu vực bị thiên tai trên địa bàn Thành phố Hà Nội trong các mùa mưa bão, ngập lụt.

3.2 Công tác đầu tư

- Trong giai đoạn vừa qua, công tác đầu tư đã được Tổng công ty quan tâm, tích cực triển khai, có nhiều chuyển biến rõ nét và kết quả đã hoàn thành, đưa vào khai thác, sử dụng một số dự án lớn như: Trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê của TCT tại 11B Cát Linh; Dự án Siêu thị Rượu và Thực phẩm nhập khẩu tại 11C Cát Linh..

- Bên cạnh đó, do tình hình kinh tế có nhiều khó khăn, thị trường bất động sản suy giảm và để tập trung nguồn lực đầu tư nên Tổng công ty đã có các giải pháp điều chỉnh tiến độ và phương án triển khai cho phù hợp.

Hiện nay Tổng công ty đang tích cực đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư một số dự án, sớm đưa vào khai thác, sử dụng như dự án Số 5 Lê Duẩn, Ba Đình, Hà Nội; Dự án Khu công nghiệp Thực phẩm Hapro; dự án Khu nhà ở và Khu phụ trợ Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro tại xã Lệ Chi, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Đồng thời tiếp tục thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư một số dự án: dự án Trung tâm kinh doanh Chợ Đầu mối phía Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội; Dự án Trung tâm kinh doanh Chợ Đầu mối Bắc Thăng Long, xã Hải Bối, huyện Đông Anh; Dự án TTTM Dịch vụ Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn; Dự án "Tổ hợp thương mại dịch vụ, tổng kho dự trữ, phân phối hàng hóa Hapro" tại xã Dương Xá và thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội

Đối với một số dự án còn đang vướng mắc, phải tạm dừng chưa triển khai được: như dự án TTTM Thượng Đình; Dự án Trung tâm thương mại và Dịch vụ Trương Định tại địa điểm 106 phố Nguyễn An Ninh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội: Tổng công ty đã báo cáo cáo và đang tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng để giải quyết, sử lý, sớm triển khai lại dự án.

3.3 Công tác quản lý mạng lưới:

Năm 2012, để nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng mạng lưới trong toàn Tổng công ty Tổng công ty đã thành lập Ban chỉ đạo nâng cao hiệu quả sử dụng mạng lưới và tiến hành hành làm việc với Ban lãnh đạo, cán bộ chủ chốt và trưởng các địa điểm kinh doanh để quán triệt, hướng dẫn, chỉ phương pháp thực hiện kế hoạch triển khai phương án nâng cao hiệu quả sử dụng mạng lưới tại từng đơn vị theo nguyên tắc đảm bảo sử dụng mạng lưới đúng công năng, mục đích của đơn vị và của Tổng công ty; đảm bảo các vấn đề xã hội có liên quan *(việc làm, chế độ chính sách của người lao động tại địa điểm...);* đảm bảo tuân thủ các vấn đề pháp luật và tôn trọng thương hiệu, hình ảnh phát triển của Tổng công ty.

Thực hiện hướng dẫn của Tổng công ty các Công ty, Đơn vị trên cơ sở tình hình thực tế của đơn vị đã tiếp tục triển khai xây dựng phương án thực hiện tái cơ cấu, nâng cấp cải tạo hệ thống các cửa hàng, địa điểm kinh doanh để nâng cao hiệu quả khai thác của từng địa điểm. Đối với những địa điểm kinh doanh không hiệu quả *(lỗ kéo dài),* đã tìm nhiều giải pháp khắc phục nhưng không nâng cao được hiệu quả khai thác mạng lưới, căn cứ ý kiến báo cáo, đề xuất của các Công ty, đơn vị, Tổng công ty đã nghiên cứu và có Phương án chuyển đổi công năng, hoán đổi địa điểm giữa các đơn vị để mang lại hiệu quả cao hơn nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với ngành nghề SXKD và công năng, mục đích chung của đơn vị cũng như của Tổng công ty.

+ Đối với các địa điểm là văn phòng làm việc, kho hàng: Các đơn vị đã tổ chức quy hoạch, sắp xếp lại để tận dụng các diện tích để bố trí vào các mục đích kinh doanh khác.

+ Đối với các địa điểm đang thực hiện đầu tư: Xây dựng phương án đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án để sớm đưa dự án đi vào khai thác sử dụng.

+ Đối với các địa điểm đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư: Rà soát lại tiến độ triển khai dự án để xác định thời gian tận thu trong khi chờ thực hiện dự án để xây dựng phương án khai thác tận thu hiệu quả nhất.

** Đánh giá chung:*

Công tác rà soát, nâng cao hiệu quả sử dụng và tái cơ cấu phương thức hoạt động tại các địa điểm, mạng lưới kinh doanh đã được các Đơn vị tiếp tục triển khai và tích thực hiện theo Phương án đã được Tổng công ty phê duyệt. Qua đó hiệu quả quản lý mạng lưới được nâng cao, khắc phục được những tồn tại lịch sử để lại từ nhiều năm; TCT đã tích cực triển khai rà soát hiện trạng sử dụng, khả năng tăng các nguồn thu, có giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng địa điểm, mạng lưới; điều chuyển, hợp khối một số địa điểm kinh doanh để quy hoạch và tăng quy mô kinh doanh; chuyển dịch loại hình kinh doanh và hình thức kinh doanh một số địa điểm,... đạt được những kết quả tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng mạng lưới, tăng lợi nhuận cho hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Tuy nhiên, trong điều kiện nền kinh tế còn tiếp tục khó khăn, sức mua suy giảm, đối tác kinh doanh khó khăn trong việc kinh doanh, do đó kết quả nâng cao hiệu quả mạng lưới tại một số địa điểm vẫn chưa đạt được như sự kiến.

3.4 Công tác nhân sự:

- Với định hướng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Tổng công ty đã xây dựng và ban hành hệ thống các Quy trình, Quy chế áp dụng trong công tác quản lý và điều hành hoạt động từ cấp Tổng công ty đến các Đơn vị trực thuộc và Công ty thành viên. Trong đó, đặc biệt quan tâm và tập trung vào công tác tổ chức bộ máy nhân sự, trong giai đoạn vừa qua, TCT đã chuyển biến mạnh mẽ, hoàn thành chương trình tái cơ cấu đối với các Phòng, ban quản lý TCT; xây dựng mô hình hoạt động và cơ chế chi trả thu nhập, hệ thống bản mô tả công việc cho các vị trí CBNV; đồng thời thực hiện rà soát bộ máy tổ chức, điều chỉnh, bổ sung chức năng nhiệm vụ tại các Đơn vị, Công ty thành viên để triển khai, áp dụng và đã mang lại hiệu quả khá rõ nét.

- Thực hiện công tác tái cơ cấu tổ chức bộ máy, tinh giảm biên chế và sắp xếp lại lao động theo hướng tinh gọn bộ máy gián tiếp, tăng cường nhân sự SXKD trực tiếp cho phù hợp với mô hình tổ chức mới; đồng thời để cụ thể hóa chủ trương, định hướng về việc tái cơ cấu tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy doanh thu nội địa và kim ngạch xuất khẩu của Tổng công ty trong điều kiện mới và tình hình kinh tế có nhiều khó khăn.

3.5 Công tác xây dựng hình ảnh, thương hiệu, văn hoá doanh nghiệp:

- Đã có những bước phát triển rõ nét, thay đổi về chất.

- Xây dựng, quảng bá và định vị được hình ảnh, thương hiệu bao trùm của Tổng công ty Thương mại Hà Nội (Hapro); đăng ký bảo hộ nhãn hiệu trong nước và tại 22 quốc gia theo Nghị định Thư Madrid và Mỹ; Xây dựng và định vị thương hiệu nhánh Hapromart;

- Xây dựng, chỉnh trang và nâng cấp các điểm kinh doanh theo nhận diện mới, phát huy thế mạnh, uy tín của các thương hiệu Công ty thành viên, đơn vị trực thuộc:

Hafasco, Tràng Thi, Thủy Tạ, Hapro Bốn Mùa.

- Duy trì, củng cố niềm tin của người tiêu dùng, nhà nhập khẩu với các Thương hiệu: Thực phẩm Hà Nội, Thủy Tạ, Vang Thăng Long, Unimex Hà Nội, Servico.

- Khôi phục và tạo dựng lại thương hiệu Gốm cổ truyền Chu Đậu.

- Nâng cấp, xây dựng, phát triển 15 Thương hiệu, tạo tiền đề cho Chương trình xây dựng 15 Thương hiệu mạnh cấp quốc gia của Tổng công ty Thương mại Hà Nội.

- Xây dựng và triển khai Chương trình Tổng công ty điện tử E-Hapro; hoàn thiện và nâng cấp trang Web, tin học hoá việc truyền tải các chủ trương, chính sách, các trao đổi, chỉ đạo, báo cáo, phổ biến thông tin,…ứng dụng phần mềm quản lý hiện đại cho chuỗi bán lẻ Hapromart, Haprofood.

- Hình thành hệ thống chuẩn mực, tiêu chí văn hoá TCT: xây dựng văn hoá giao tiếp ứng xử, lễ tân, lễ nghi trong nội bộ TCT và với khách hàng, bạn hàng, các cấp chính quyền, cộng đồng xã hội; xây dựng văn hoá quản lý qua việc tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm với xã hội, bảo vệ môi trường, áp dụng ISO, quản lý và bảo toàn các nguồn lực.

V/ Kết quả thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty

Căn cứ Kế hoạch số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ v/v sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc UBND Thành phố Hà Nội, ngày 06/9/2013 đã ban hành Quyết định số số 5418/QĐ-UBND phê duyệt Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty Thương mại Hà Nội giai đoạn 2013 - 2015, hướng tới mục tiêu 2020;

Trong giai đoạn vừa qua, Tổng công ty đã tích cực triển khai công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, đồng thời tiến hành thực hiện việc cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng công ty quản lý theo chủ trương, kế hoạch, lộ trình đã được Chính phủ, UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt

- *Về tiến độ cổ phần hóa các Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước:*

Tổng công ty đã thực hiện xong CPH 6 Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước trực thuộc Công ty mẹ-TCT. Các Công ty đã tổ chức đại Hội đồng cổ đông lần đầu và đã được Sở KHĐT Hà nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

- *Về tình hình triển khai và kết quả thực hiện công tác thoái vốn*

Hầu hết các công ty đã thực hiện xong quy trình thoái vốn nhà nước theo đúng lộ trình kế hoạch, đã thu tiền bán đấu giá cổ phần từ đơn vị tư vấn bán đấu giá và hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng cổ phần sang cho các nhà đầu tư mới gồm:

+ Công ty CP Phương Nam

+ Công ty CP TMĐT Long Biên

+ Công ty CP Lixeha

+ Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Hà Nội (Servico)

+ Công ty ĐT XD & Thủy tinh Hà Nội

+ Công ty CP Ăn uống dịch vụ du lịch Ba Đình

+ Công ty CP XNK Nam Hà Nội (Simex)

+ Công ty CP Sứ Bát Tràng

+ Công ty CP Vật liệu xây dựng Hà Nội

+ Công ty TNHH Thuỷ tinh Pha lê Bohemia Hà Nội

+ Công ty CP Gốm Chu Đậu

- Riêng Công ty CP Phát triển Thương mại Hà Nội chưa tiến hành thoái vốn do chưa hoàn thành thủ tục bàn giao Công ty nhà nước sang Công ty Cổ phần do có vướng mắc về xử lý tài chính liên quan đến dự án 27 lạc Trung. Ngày 30/6/2016, UBND Thành phố đã có Quyết định phê duyệt giá trị thực tế vốn nhà nước tại thời điểm chuyển Công ty nhà nước sang Công ty CP. Hiện nay Tổng công ty đang chỉ đạo cán bộ đại diện vốn và các phòng chức năng kết hợp với Công ty tập hợp hồ sơ, hoàn thiện các thủ tục để tiến hành bàn giao Công ty nhà nước sang Công ty CP.

Đánh giá chung, việc sắp xếp, đổi mới, chuyển đổi cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước thuộc Tổng công ty trong thời gian qua đã mang lại những lợi ích tích cực, cụ thể:

- Đối với các đơn vị cổ phần hóa từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, nhìn chung sau khi chuyển đổi, các Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh đều ổn định và có mức tăng trưởng đáng kể. Đời sống CBCNV ngày càng được nâng cao hơn. Mức tăng vốn chủ sở hữu của các đơn vị trong Tổng công ty cũng tăng trưởng khá.

- Các đơn vị sau khi chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, đều nâng cao được khả năng quản trị doanh nghiệp và hoạt động minh bạch hơn qua đó phần nào tạo động lực để phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, huy động được vốn của xã hội.

- Về hiệu quả sản xuất kinh doanh:

+ Các doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng công ty sau khi cổ phần hóa chuyển sang mô hình Công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, đa số các đơn vị hoạt động đều có hiệu quả, các chỉ tiêu về tài chính, chỉ tiêu kinh tế như tổng tài sản, vốn chủ sở hữu, doanh thu, lợi nhuận,...của các đơn vị đều tăng so với thời gian trước khi chuyển đổi cổ phần hóa.

+ Năng lực sản xuất kinh doanh của các đơn vị được tăng lên bằng việc bổ sung nguồn vốn lưu động thu được từ số tiền chào bán cổ phần, qua đó các đơn vị đã có điều kiện để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh và tiếp cận công nghệ quản lý mới, hiện đại hơn.

+ Các đơn vị đã chủ động hơn trong sản xuất kinh doanh, năng lực cạnh tranh với các doanh nghiệp khác cùng ngành cũng được nâng cao một bước so với trước khi chưa thực hiện cổ phần hóa.

- Đối với người lao động:

+ Với việc cổ phần hoá các doanh nghiệp Nhà nước, đa số người lao động trong doanh nghiệp bằng các nguồn vốn tự có, quỹ phúc lợi của doanh nghiệp được phân bổ và nguồn vốn riêng của cá nhân đều tham gia mua cổ phần tại đơn vị mình khi cổ phần hoá, qua đó người lao động có cơ hội được tham gia trực tiếp và gián tiếp vào việc xây dựng, lập phương hướng kế hoạch, chiến lược kinh doanh của đơn vị; vai trò của người lao động được nâng cao, trở thành người chủ thực sự của doanh nghiệp xét theo cổ phần mà họ sở hữu.

+ Bản thân người lao động đã nhận thức, nâng cao tính chủ động, ý thức kỷ luật, tinh thần tự giác, tiết kiệm trong lao động sản xuất và có trách nhiệm hơn trong quá trình triển khai, thực hiện nhiệm vụ được giao, góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, mang lại lợi ích thiết thực cho bản thân mình, cho Công ty, Nhà nước và xã hội.

+ Các doanh nghiệp trong Tổng công ty sau khi cổ phần hoá đều bảo đảm được việc làm ổn định cho người lao động, thu nhập được tăng lên, đời sống CBCNV ngày càng được nâng cao, nhiều doanh nghiệp đã thu hút được lao động có trình độ chuyên môn cao.

Nhìn chung các đơn vị trong Tổng công ty sau khi hoàn thành việc sắp xếp, chuyển đổi và cổ phần hóa đều xác định rõ định hướng phát triển, ngành nghề kinh doanh chủ lực; hoạt động sản xuất kinh doanh từng bước ổn định, bài bản chuyên môn hóa hơn, hiệu quả hơn và có mức tăng trưởng đáng kể qua từng năm. Việc làm và thu nhập của người lao động ngày càng được nâng cao, tư tưởng CBCNV ổn định và tin tưởng vào cách quản lý, điều hành của bộ máy lãnh đạo đơn vị theo mô hình kinh doanh mới; các hoạt động phong trào, đoàn thể đều được các đơn vị triển khai thực hiện tốt, tạo được niềm tin đối người lao động.

PHẦN II
PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA

I. Cơ sở pháp lý, hình thức chuyển đổi mô hình doanh nghiệp:

1. Cơ sở pháp lý :

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

- Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Nghị định số 189/2013NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày

18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Căn cứ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần và Thông tư số 115/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

- Căn cứ Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;

- Căn cứ Công văn số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 - 2015;

- Căn cứ Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 18/3/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội;

- Thực hiện Công văn số 5318/UBND-KT ngày 13/9/2016 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hà Nội Vv Sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy Ban nhân dân thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020.

- Căn cứ Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của UBND Thành phố về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội; Quyết định số 3426/QĐ-STC-BCĐ ngày 14/6/2016 của Ban chỉ đạo CPH doanh nghiệp về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội;

2. Mục tiêu và yêu cầu của việc chuyển đổi doanh nghiệp sang công ty Cổ phần:

2.1 Mục tiêu cổ phần hóa

- Cổ phần hóa Tổng công ty Thương mại Hà Nội nhằm đổi mới hình thức sở hữu để hình thành công ty đa sở hữu, tạo điều kiện đổi mới trong quản lý doanh nghiệp, làm cho doanh nghiệp tự chủ hơn, năng động hơn và trách nhiệm hơn, phù hợp với cơ chế thị trường và tiến trình hội nhập thương mại quốc tế.

- Nhằm huy động và thu hút vốn đầu tư của các cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội. Qua đó, tạo nguồn lực để phát triển Tổng công ty, đổi mới công nghệ và phương thức quản lý, nâng cao sức cạnh tranh cho doanh nghiệp.

- Tạo điều kiện cho người lao động và các cổ đông góp vốn tham gia giám sát, quản lý Tổng công ty, gắn bó và góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước tại Tổng công ty, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

- Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường, gắn hoạt động sản xuất kinh doanh và sự phát triển của Tổng công ty với thị trường vốn và chứng khoán.

2.2 Yêu cầu cổ phần hóa

- Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường và quy định của pháp luật.

- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và người lao động.

- Đảm bảo sự phát triển ổn định của Tổng công ty.

3. Hình thức cổ phần hóa:

Căn cứ tình hình thực tế về giá trị doanh nghiệp và giá trị vốn nhà nước tại doanh nghiệp, để tạo ra sự thay đổi triệt để về cơ chế quản lý và điều hành, tạo sự bứt phá cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Thương mại trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, Tổng công ty Thương mại Hà Nội đề xuất lựa chọn hình thức cổ phần hóa theo quy định tại Khoản 3, Điều 4 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần là: ***"Bán toàn bộ vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp".***

II. Đặc điểm của Tổng công ty Thương mại Hà Nội sau cổ phần:

1. Tên gọi của công ty sau Cổ phần:

- Tên gọi đầy đủ của Tổng Công ty: **TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CTCP**

- Tên giao dịch quốc tế: **HANOI TRADE JOINT STOCK CORPORATION**

- Tên viết tắt : **HAPRO**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 38 - 40 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

- Trụ sở giao dịch: Số 11B phố Cát Linh, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, TP Hà Nội.

- Điện thoại : **(04) 38267984** Fax: **(04) 39288407**

- Email : **hapro@haprogroup.vn**

- Website : **www.haprogroup.vn**

- Logo:

Hapro
Mang hồn đất Việt

2. Ngành nghề kinh doanh:

Stt	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Bán buôn thực phẩm;	4632
2	Bán buôn đồ uống;	4633
3	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)	4649
4	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
5	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;	4719
6	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;	4641
7	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;	4721
8	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;	4722
9	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;	4723
10	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;	4759
11	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;	4761
12	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;	4751
13	Bán buôn gạo	4631
14	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);	5621
15	Dịch vụ phục vụ đồ uống;	5630
16	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;	4771
17	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
18	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa	5210
19	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;	8230
20	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
21	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
	Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện,	

	động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dựng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);	
22	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
	Chi tiết: - Khách sạn; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;	
23	Nghiên cứu thị trường và thăm do dư luận	7320
24	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
25	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
26	Chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
27	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
28	Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự;	1074
29	Sản xuất bao bì bằng gỗ;	1623
30	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản;	1080
31	Sản xuất giày dép;	1520
32	Sản xuất đường;	1072
33	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa;	5022
34	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;	5222
35	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Trừ dịch vụ thiết kế công trình);	7410
36	Hoạt động công ty nắm giữ tài sản	6420
37	Dịch vụ đóng gói;	8292
38	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
39	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo;	1073
40	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;	4933
41	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;	5221
42	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
43	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa dược phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299

	Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	
44	Sản xuất rượu vang;	1102
45	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;	1104
46	Sản xuất các loại bánh từ bột;	1071
47	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;	1075
48	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773
	Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quí và đá bán quí, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ cụng mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh hàng miễn thuế - Bán lẻ hoa, cây cảnh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt (trừ dịch vụ kính thuốc) - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng	
49	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
	Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dựng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);	
50	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lào	4634
51	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;	4652
52	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;	4651
53	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;	4741
54	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;	4752
55	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;	4763
56	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy và bìa	1702
57	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724

	Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	
58	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
59	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón; - Bán buôn hóa chất khác (trừ các loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
60	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác tận thu khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);	0899
61	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4663
62	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
63	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
64	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón; - Bán buôn hóa chất khác (trừ các loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
65	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh; Chi tiết: Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn	4753
66	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội)	4764

Ngoài ra Tổng công ty Thương mại Hà Nội - CTCP có thể tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và phù hợp với đăng ký kinh doanh của Tổng công ty.

3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của Tổng công ty Cổ phần:

3.1. Cơ sở xây dựng vốn điều lệ:

Căn cứ Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2016, giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty như sau:

- **Giá trị thực tế doanh nghiệp: 4.043.213.461.455 đồng** *(Bốn nghìn không trăm bốn mươi ba tỷ, hai trăm mười ba triệu, bốn trăm sáu mươi mốt nghìn, bốn trăm năm mươi năm đồng).*
- **Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: 2.155.699.724.707 đồng** *(Hai nghìn một trăm năm mươi lăm tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi tư nghìn, bảy trăm linh bảy đồng).*

3.2 Vốn điều lệ:

Căn cứ nhu cầu vốn của của Tổng công ty bao gồm nhu cầu vốn lưu động và nhu cầu vốn đầu tư sau cổ phần hóa nhằm triển khai chiến lược phát triển của Tổng công ty đến năm 2020, dự kiến vốn điều lệ của Tổng công ty Cổ phần như sau

- Vốn điều lệ: 2.200.000.000.000 đồng *(Hai nghìn hai trăm tỷ đồng).*
- Số lượng cổ phần: 220.000.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

3.3 Cơ cấu vốn điều lệ:

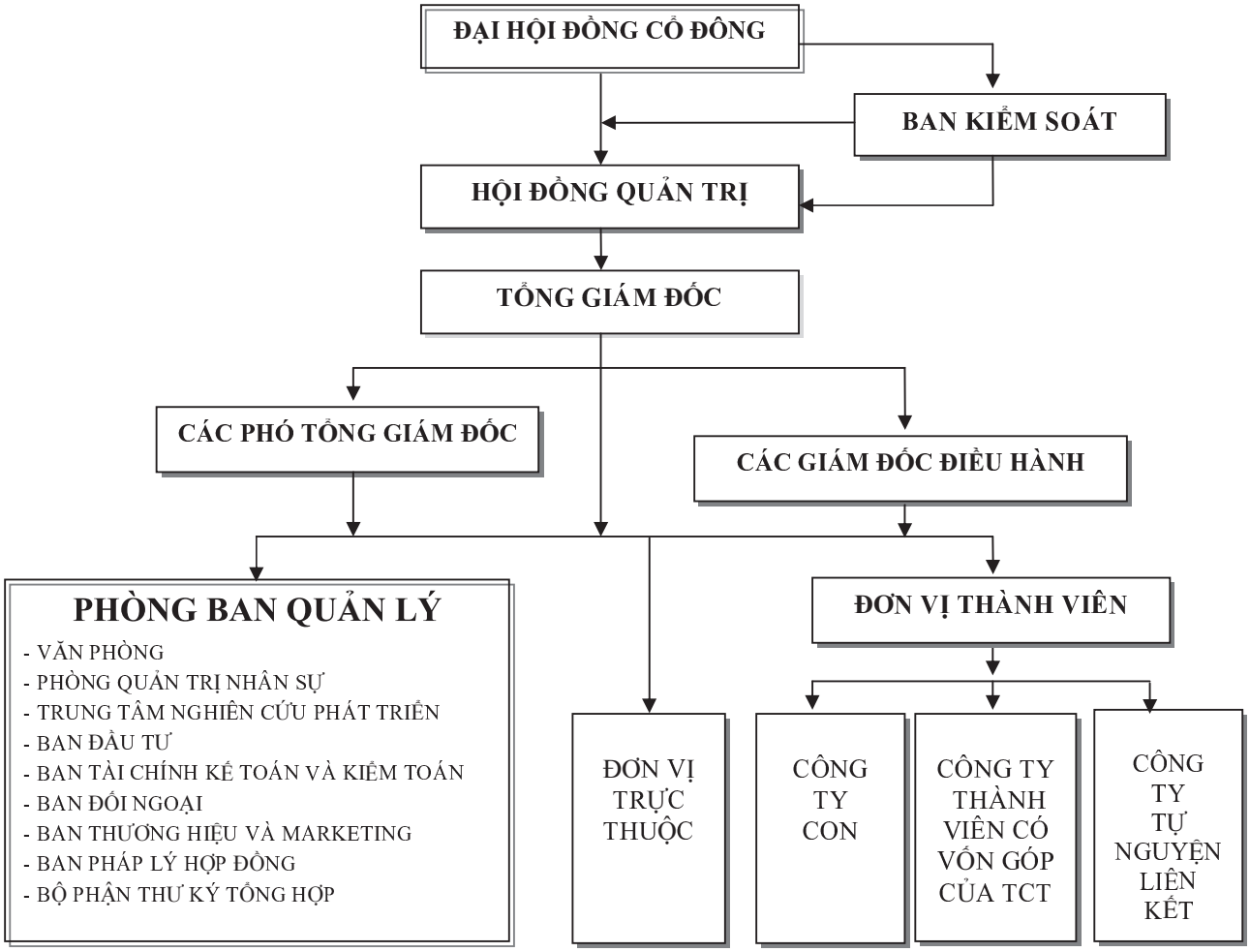
STT	Cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (VNĐ)
1	**Cổ đông là CBCNV**	**0,49**	**1.074.000**	**10.740.000.000**
1.1	Cổ phần bán giá ưu đãi bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược		791.200	7.912.000.000
1.2	Cổ phần đăng ký mua thêm theo số năm cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp		282.800	2.828.000.000
2	**Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược**	**65**	**143.000.000**	**1.430.000.000.000**
3	**Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư trong nước**	**34,51**	**75.926.000**	**759.260.000.000**
	Tổng cộng	**100**	**220.000.000**	**2.200.000.000.000**

III. Phương án tổ chức bộ máy điều hành và sắp xếp lao động sau cổ phần hóa

1. Phương án quản lý điều hành sau cổ phần hóa

Sau khi chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần, mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần dự kiến như sau:

1.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy:



Sau khi thực hiện cổ phần hóa, Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP sẽ có cơ cấu tổ chức hoạt động theo mô hình Tổng công ty cổ phần gồm có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành, các phòng chức năng, các đơn vị phụ thuộc và các doanh nghiệp thành viên (bao gồm các công ty con, công ty liên kết).

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty.

❖ **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị của Tổng công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

❖ **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty từ 3 - 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

❖ **Ban Điều hành**

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp Tổng Giám đốc điều hành Tổng công ty có các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc điều hành.

Số lượng thành viên Ban Điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

❖ **Các phòng chức năng**

- ***Trung tâm Nghiên cứu phát triển:***

+ Nghiên cứu, tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn (bao gồm chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh, phát triển hệ thống kinh doanh nội địa và phát triển doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty) các kế hoạch trung hạn và ngắn hạn để thực hiện chiến lược đó;

+ Xây dựng, triển khai, theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thống kê kế hoạch, đánh giá phân tích kết quả thực hiện được, báo cáo tổng hợp liên quan, đề xuất các giải pháp khả thi nhằm đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch;

+ Nghiên cứu, đề xuất áp dụng và theo dõi việc thực hiện các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO, HACCP,…) cho Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc; chịu trách nhiệm duy trì thường xuyên các hoạt động giám sát, đánh giá, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng trong Tổng công ty;

- ***Ban Tài chính kế toán và kiểm toán***:

+ Phòng Kế toán và kiểm toán nội bộ

- Xây dựng và trình lãnh đạo Tổng công ty ban hành các văn bản, Quy chế tài chính hướng dẫn, cụ thể hoá các chế độ hạch toán kế toán áp dụng tại Công ty Mẹ và toàn Tổng công ty.
- Thực hiện công tác hạch toán kế toán Khối văn phòng Công ty Mẹ - Tổng công ty đúng chính sách chế độ.
- Hướng dẫn, giám sát các đơn vị trực thuộc Công ty Mẹ - Tổng công ty, Công ty thành viên trong việc thực hiện công tác quản lý tài chính và hạch toán theo chế độ.
- Thực hiện báo cáo hợp cộng của Công ty Mẹ - Tổng công ty và hợp nhất của Tổng công ty.

- Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ đối với đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Mẹ - Tổng công ty.
- Thẩm định quyết toán dự án hoàn thành.

+ Phòng Kinh doanh tài chính

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty những vấn đề liên quan đến tài chính và đầu tư tài chính; quản lý, sử dụng và phát triển vốn.
- Xây dựng chiến lược vốn và các kế hoạch huy động, đầu tư và sử dụng vốn nhằm đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu vốn cho sự phát triển của Tổng công ty.
- Quản lý, theo dõi việc sử dụng vốn trong các doanh nghiệp Tổng công ty đã đầu tư hoặc góp vốn.
- Thực hiện nhiệm vụ của công tác đổi mới và phát triển doanh nghiệp.

- ***Phòng Quản trị nhân sự:***

+ Xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng công ty gồm các Phòng, Ban, bộ phận, đơn vị trực thuộc Tổng công ty. Xây dựng chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho các Phòng, Ban, bộ phận đơn vị trực thuộc Tổng công ty. Xây dựng đề án thành lập, sáp nhập, giải thể các Phòng, Ban, bộ phận, đơn vị trực thuộc Tổng công ty;

+ Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho Công ty mẹ và các Công ty thành viên trong từng giai đoạn phát triển;

+ Xây dựng định biên lao động cho từng Phòng, Ban, bộ phận trực thuộc Tổng công ty. Xây dựng bản mô tả công việc cho từng vị trí nhân sự trong bộ máy các Phòng, Ban quản lý của Tổng công ty;

+ Xây dựng các quy trình tuyển dụng lao động, đánh giá nhân lực, kế hoạch đào tạo và đào tạo lại nhằm phát triển nguồn nhân lực một cách tốt nhất.

+ Xây dựng cơ chế tiền lương, các chính sách đãi ngộ, các chế độ khác làm cơ sở cho việc phát triển nguồn nhân lực của Công ty mẹ và toàn Tổng công ty;

- ***Ban Đối ngoại***

Nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển các mối quan hệ đối ngoại phục vụ yêu cầu phát triển của Tổng công ty và chiến lược quản trị các mối quan hệ đối ngoại đó;

+ Xây dựng, tổ chức và triển khai thực hiện các chương trình kế hoạch xúc tiến thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cho từng thời kỳ, từng khối, từng đơn vị;

+ Thiết lập, duy trì, phát triển và khai thác có hiệu quả các mối quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; xây dựng và đề xuất các chính sách mới đối với các mối quan hệ đối ngoại;

- ***Ban Thương hiệu - Marketing:***

+ Tham mưu cho Lãnh đạo Tổng công ty chiến lược phát triển thương hiệu, xây dựng kế hoạch trung và dài hạn cho công tác quảng bá hình ảnh của Tổng công ty ở thị trường trong nước và ngoài nước theo các chuẩn mực và trên cơ sở các quy định hiện

hành của pháp luật Việt Nam và những quốc gia khác mà thương hiệu của Tổng công ty đăng ký bảo hộ;

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình truyền thông phục vụ mục tiêu phát triển thương hiệu, phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;

- ***Ban Pháp lý hợp đồng:***

+ Nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp luật của Việt Nam liên quan tới mọi lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty để tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong việc định hướng phát triển và quản lý điều hành các hoạt động của Tổng công ty;

+ Thường trực tiếp nhận và xử lý các tranh chấp, khiếu nại về hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự, các tranh chấp liên quan tới Tổng công ty tại tòa án; Phối hợp với các Phòng, Ban xây dựng các quy chế, quy định, các văn bản pháp lý của Tổng công ty trên cơ sở các văn bản pháp luật hiện hành và phù hợp với đặc điểm hoạt động của Tổng công ty;

- ***Bộ phận Thư ký tổng hợp:***

+ Là đầu mối tiếp nhận thông tin của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban lãnh đạo Tổng công ty;

+ Chuẩn bị kế hoạch, chương trình làm việc và sắp xếp lịch làm việc của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Tổng công ty;

+ Thực hiện nhiệm vụ thư ký của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

+ Theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty đối với các đồng chí lãnh đạo, các Phòng, Ban quản lý Tổng công ty, các Công ty thành viên và đơn vị trực thuộc Tổng công ty. Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty giải quyết một số công việc theo ủy quyền;

- ***Văn phòng:***

+ *Phòng Đảng - Đoàn thể:* Trên cơ sở tổ chức lại và đổi tên Phòng Đoàn thể

- Triển khai các mặt công tác của Đảng ủy Tổng công ty (bao gồm các công tác của Văn phòng Đảng ủy, Ban Tổ chức Đảng ủy Tổng công ty và Ban Tuyên giáo Đảng ủy TCT);
- Công tác Đoàn thể: Công đoàn Công ty mẹ, Đoàn thanh niên Tổng công ty.

+ *Phòng Tổng hợp:*

- Công tác thi đua khen thưởng (triển khai định kỳ theo quy định của Nhà nước và Thành phố); công tác Bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ; Tổ chức các ngày Lễ, Tết, kỷ niệm cho CBNV của Tổng công ty; Họp mặt hưu trí hàng năm, ngày thương binh liệt sỹ, thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, chia tay cán bộ về hưu,…;
- Chuẩn bị thủ tục, hồ sơ (Hộ chiếu, Visa…) cho các đoàn công tác của Tổng công ty đi công tác nước ngoài;
- Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, tổng hợp.

+ *Phòng Hành chính phục vụ:*

- Thực hiện các nhiệm vụ lễ tân, bảo vệ cơ quan, lái xe và quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật của trụ sở Tổng công ty;
- Thực hiện công tác an ninh Quốc phòng, dân quan tự vệ, phòng cháy chữa cháy,… của Tổng công ty và khu vực văn phòng Tổng công ty.

- ***Ban Đầu tư:***

+ Phòng quản lý và phát triển mạng lưới:

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác phân tích tài chính, đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư; Đề xuất và triển khai phương án khai thác, kinh doanh các dự án của Công ty mẹ - Tổng công ty và một số công trình chủ chốt, các dự án khác do Tổng công ty giao;
- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác quản lý, khai thác sử dụng mạng lưới, địa điểm của Tổng công ty nhằm nâng cao hiệu quả, đáp ứng định hướng, chiến lược phát triển thị trường của Tổng công ty;
- Tổ chức thực hiện công tác quản lý, khai thác và phát triển hệ thống mạng lưới địa điểm của Tổng công ty trên cơ sở tuân thủ các tiêu chí: đúng mục đích sử dụng, phù hợp quy hoạch, khai thác và sử dụng có hiệu quả nhất;
- Hoàn thiện thủ tục pháp lý và quản lý các hồ sơ pháp lý về nhà đất của Công ty mẹ - Tổng công ty, giải quyết các tồn tại về quản lý sử dụng mạng lưới: Tranh chấp, khiếu kiện, sử dụng sai mục đích,… và hỗ trợ các Công ty thành viên khi có yêu cầu;
- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác đầu tư, kinh doanh và quản lý bất động sản của Công ty mẹ - Tổng công ty được Tổng công ty giao; Nghiên cứu thị trường, đề xuất phương án khai thác và tìm kiếm cơ hội kinh doanh bất động sản;

+ Phòng Quản lý dự án:

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn thực hiện dự án của Công ty mẹ - Tổng công ty và của các Công ty thành viên Tổng công ty;
- Quản lý và triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty mẹ - Tổng công ty trong giai đoạn thực hiện dự án, đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản do các cơ quan quản lý Nhà nước ban hành;
- Tư vấn, hỗ trợ các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty, các Công ty thành viên Tổng công ty trong công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn thực hiện dự án

+ Phòng Chuẩn bị đầu tư

- Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong công tác đề xuất ý tưởng hình thành các dự án; khảo sát, tìm kiếm địa điểm và triển khai công tác chuẩn

bị đầu tư cho các dự án phát triển hạ tầng thương mại của Công ty mẹ - Tổng công ty và của các Công ty thành viên Tổng công ty ;

- Quản lý và triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty mẹ - Tổng công ty trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản do các cơ quan quản lý Nhà nước ban hành;
- Tư vấn, hỗ trợ các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty, các Công ty thành viên Tổng công ty trong công tác chuẩn bị đầu tư theo đúng trình tự thủ tục về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản do các cơ quan quản lý Nhà nước ban hành;

❖ **Đơn vị hạch toán trực thuộc**

- ***Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại TP Hồ Chí Minh:***

+ Trực tiếp tổ chức các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và dịch vụ xuất nhập khẩu tổng hợp các mặt hàng nông, lâm, hải sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, khoáng sản, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, hàng hóa, máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ kiện đa ngành phục vụ sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu tại khu vực phí nam theo ủy quyền của Tổng công ty.

+ Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty;

- ***Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Trung tâm xuất nhập khẩu phía Bắc:***

+ Trực tiếp tổ chức các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và dịch vụ xuất nhập khẩu tổng hợp các mặt hàng nông, lâm, hải sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, khoáng sản, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, hàng hóa, máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ kiện đa ngành phục vụ sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu tại khu vực phí Bắc theo ủy quyền của Tổng công ty.

+ Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty;

- ***Chi nhánh Tổng công tyThương mại Hà Nội – Trung tâm chế biến hàng xuất khẩu:***

+ Khai thác cơ sở vật chất hiện có, liên kết với các tổ chức sản xuất các loại hàng hóa phục vụ cho hoạt động của Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Trung tâm xuất nhập khẩu phía Bắc;

+ Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, tài chính và lao động của Chi nhánh chế biến hàng xuất khẩu; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước, Tổng công ty;

- ***Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại tỉnh Đồng Tháp:***

+ Nghiên cứu và tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty về định hướng thu mua, sản xuất, chế biến và dự trữ hàng hóa để tạo nguồn hàng ổn định phục vụ công tác xuất khẩu và tiêu thụ nội địa của Tổng công ty;

+ Tổ chức khai thác, thu mua, sản xuất, chế biến và cung ứng hàng hóa đặc trưng của vùng, miền, địa phương phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa;

+ Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, tài chính và lao động của Kho hàng; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước, Tổng công ty;

- ***Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại tỉnh Hưng Yên:***

+ Nghiên cứu và tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty trong việc hoạch định chiến lược, chính sách liên quan tới phát triển kinh doanh kho hàng và dịch vụ giao nhận vận tải (Logistic);

+ Tổ chức kinh doanh dịch vụ kho hàng;

+ Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty;

- ***Trung tâm kinh doanh chợ Thượng Đình:***

+ Xây dựng phương án sử dụng điểm kinh doanh và bố trí sắp xếp các ngành nghề kinh doanh tại chợ; Các quy định việc sử dụng, thuê, thời hạn và các biện pháp quản lý điểm kinh doanh tại chợ; các phương án phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự trong phạm vi quản lý; kế hoạch duy trì, bảo dưỡng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật chợ;

+ Tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của chợ, tổ chức thực hiện nội quy chợ và xử lý các vi phạm nội quy chợ;

+ Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, tài chính và lao động của chợ; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và Tổng công ty;

- ***Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối Bắc Thăng Long:***

+ Nghiên cứu và tham mưu cho Lãnh đạo Tổng công ty phương thức kinh doanh có hiệu quả chợ đầu mối, các giải pháp tổ chức kinh doanh và quản lý chợ;

+ Xây dựng phương án sử dụng điểm kinh doanh và bố trí sắp xếp các ngành nghề kinh doanh tại Chợ; các quy định đối với người thuê địa điểm kinh doanh tại chợ; các biện pháp quản lý điểm kinh doanh; các phương án phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự trong phạm vi quản lý, kế hoạch duy trì bảo dưỡng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật Chợ;

+ Tổ chức quản lý, điều hành mọi hoạt động của Chợ, tổ chức thực hiện nội quy Chợ và xử lý các vị phạm nội quy chợ;

+ Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty;

- ***Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối phía Nam:***

+ Nghiên cứu và tham mưu cho Lãnh đạo Tổng công ty phương thức kinh doanh có hiệu quả chợ đầu mối, các giải pháp tổ chức kinh doanh và quản lý chợ;

+ Xây dựng phương án sử dụng điểm kinh doanh và bố trí sắp xếp các ngành nghề kinh doanh tại Chợ; các quy định đối với người thuê địa điểm kinh doanh tại chợ; các

biện pháp quản lý điểm kinh doanh; các phương án phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự trong phạm vi quản lý, kế hoạch duy trì bảo dưỡng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật Chợ;

+ Tổ chức quản lý, điều hành mọi hoạt động của Chợ, tổ chức thực hiện nội quy Chợ và xử lý các vị phạm nội quy chợ;

+ Quản lý tốt tài sản, tài chính, lao động; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty;

- ***Công ty Siêu thị Hà Nội:***

+ Công ty Siêu thị Hà Nội là đơn vị sản xuất kinh doanh hạch toán phụ thuộc, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng;

+ Công ty được tổ chức các hoạt động kinh doanh Thương mại và dịch vụ Siêu thị, xây dựng hệ thống mạng lưới Siêu thị theo quy hoạch và chiến lược phát triển của Tổng công ty Thương mại Hà Nội nhằm thực hiện tốt chỉ tiêu kế hoạch được giao, đảm bảo hiệu quả;

+ Căn cứ định hướng và chiến lược phát triển của Tổng công ty Thương mại Hà Nội, Công ty xây dựng phương án về công tác tổ chức cán bộ, tài chính kế toán, phương án sản xuất kinh doanh trình Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội phê duyệt;

+ Công ty Siêu thị Hà Nội chịu sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội. Thực hiện đầy đủ các quy định của Pháp luật và cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan.

- ***Trung tâm Kinh doanh hàng Miễn Thuế:***

+ Chuyên kinh doanh nhập khẩu và mua hàng sản xuất trong nước để bán miễn thuế phục vụ các đối tượng được hưởng các ưu đãi về thuế: Khách xuất cảnh, khách nhập cảnh, chuyên gia ODA, chuyên gia Việt kiều làm việc tại Việt Nam theo lời mời của Nhà nước Việt Nam được quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế theo văn bản của Bộ Thương mại;

+ Chuyên kinh doanh hàng nhập khẩu và mua hàng sản xuất trong nước để bán miễn thuế phục vụ các đối tượng ngoại giao được quy định tại Nghị định 73/CP ngày 30/7/1994 của Chính phủ và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế;

+ Kinh doanh hàng mậu dịch phục vụ mọi đối tượng theo văn bản của Tổng cục Hải quan.

+ Xây dựng kế hoạch kinh doanh và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Tổng công ty giao. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước về hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

- ***Ban Quản lý Khu công nghiệp thực phẩm Hapro:***

+ Quản lý quy hoạch, quản lý đầu tư tại Cụm công nghiệp theo các tài liệu được Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội phê duyệt cho các doanh nghiệp;

+ Giải quyết các vấn đề phát sinh trong việc thực hiện các hợp đồng thuê đất có hạ tầng đối với các doanh nghiệp đầu tư, hoạt động tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro;

+ Quản lý hồ sơ tài liệu có liên quan đến Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro

❖ **Các doanh nghiệp thành viên:** Sau cổ phần hóa, Tổng công ty tiếp tục giữ nguyên vốn góp tại 10 công ty con (có vốn góp của Công ty mẹ-Tổng công ty trên 50% vốn Điều lệ), 16 Công ty thành viên liên kết (có vốn góp của Công ty mẹ - Tổng công ty dưới 50% vốn điều lệ) và có đầu tư góp vốn tại 15 công ty khác.

1.2 Xử lý lao động sau khi cổ phần hóa:

Toàn bộ số lao động của Tổng công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 28/4/2017 là 562 người sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần. Phương án lao động cụ thể của Tổng công ty như sau:

TT	Nội dung	Tổng số
I	**Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa**	**630**
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	05
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	625
	a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	*559*
	b) Làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	*63*
	c) Làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng	*03*
II	**Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa**	**80**
1	Số lao động dôi dư sắp xếp theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 22/5/2015	79
2	Số viên chức tinh giảm biên chế theo Nghị định 108/2004/NĐ-CP ngày 20/01/2014	1
III	**Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần**	**550**
1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn	532
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội	10
3	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động	08
IV	**Số lao động có mặt tại thời điểm công bố GTDN thuộc đối tượng được mua cổ phần ưu đãi**	**586**
V	**Số lao động không thuộc đối tượng mua cổ phần ưu đãi và không đủ mua cổ phần ưu đãi**	**44**

1.3 Kế hoạch xử lý lao động dôi dư

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, Tổng công ty có **79** lao động dôi dư và 01 đối tượng viên chức tinh giảm biên chế, không hưởng chế độ lao động dôi dư. Tổng số tiền trợ cấp cho 79 đối tượng lao động dôi dư là **3.370.213.894** đồng. Phương án lao động dôi dư của Công ty mẹ-Tổng công ty được xác định dựa trên phương án cơ sở nhà, đất và phương án kinh doanh sau cổ phần hóa. Trong đó có 61 cơ sở nhà, đất Thành phố đã có quyết định thu hồi. Tại thời điểm hiện tại, Công ty mẹ-Tổng công ty đang thực hiện bàn giao các cơ sở nhà, đất cho Trung tâm quỹ đất thuộc sở Tài nguyên môi trường Thành phố Hà Nội theo quy định, vì vậy ảnh hưởng đến công việc của người lao động tại các địa điểm kinh doanh chuyển giao. Để ổn định tư tưởng người lao động trong danh sách lao động dôi dư và tạo điều kiện thuận lợi cho Tổng công ty trong thực hiện chính sách với Người lao động, Tổng công ty đề nghị được sử dụng nguồn tiền tại Tổng công ty để chi trả cho các đối tượng lao động dôi dư là **3.370.213.894** đồng . Số tiền này sẽ được trả lại nguồn cho Tổng công ty khi thực hiện quyết toán tiền thu về từ bán đấu giá cổ phần lần đầu theo quy định.

III/ Phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa:

1. Những thuận lợi và khó khăn khi chuyển sang công ty cổ phần:

1.1.Thuận lợi:

- Có môi trường và hành lang pháp lý thuận lợi của Nhà nước và UBND Thành phố Hà Nội.

- Có điều kiện được thừa hưởng lợi thế về vị thế của Đơn vị kinh tế lớn, đầu ngành của Thủ đô Hà Nội.

- Sau cổ phần hóa Công ty có điều kiện để thu hút nhà đầu tư chuyên nghiệp có tiềm năng tham gia vào lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

- Linh hoạt và tự chủ hơn trong tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh.

- Sự thay đổi về hình thức hoạt động của Công ty từ một Công ty nhà nước sang Công ty cổ phần sẽ tạo động lực phát triển cho Công ty khi những người lao động là chủ sở hữu từ đó phát huy tính làm chủ của người lao động.

- Công ty có đội ngũ lãnh đạo có năng lực và có kinh nghiệm trong công tác quản lý điều hành lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Sau khi đã rà soát lực lượng lao động và tổ chức, số lao động được chuyển sang Công ty cổ phần là lao động có tay nghề và trình độ nghiệp vụ cao, được rèn luyện thử thách qua thực tiễn, phát huy được tính năng động sáng tạo, cần cù chịu khó và có tinh thần trách nhiệm cao.

- Nội bộ Công ty đoàn kết và có sự nhất trí cao là nền tảng rất vững chắc để Công ty có thể ổn định và phát triển.

1.2.Khó khăn:

- Do áp lực chi trả cổ tức cho các cổ đông phải đảm bảo mức lợi nhuận cao, cổ đông thường so sánh với lãi từ gửi tiền tiết kiệm nên đây sẽ là thách thức đối với Ban lãnh đạo Công ty cổ phần trong việc tăng doanh thu, giảm chi phí nhằm tăng lợi nhuận.

- Hội nhập và mở cửa các lĩnh vực nhất là dịch vụ sẽ làm gay gắt thêm tính cạnh tranh trong việc triển khai SXKD của Công ty.

- Phải năng động hơn, bài bản, chuyên sâu hơn trong cơ chế quản lý và hoạt động kinh doanh để thích ứng nhanh nhất và hiệu quả nhất với các biến động của thị trường nhằm mục đích tự thân vận động để tồn tại và phát triển không ngừng.

2. Định hướng phát triển của Tổng công ty sau cổ phần hóa

Xây dựng Tổng công ty cổ phần là một Tổng công ty Thương mại Xuất nhập khẩu và thương mại nội địa có năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững. Cụ thể là:

- Tập trung phát triển đẩy mạnh và nâng cao kim ngạch xuất khẩu trong toàn Tổng công ty; phấn đấu đến năm 2020, tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu chiếm 80% tổng doanh thu của Tổng công ty. Đưa thương hiệu xuất khẩu Hapro trở thành thương hiệu quốc tế hàng đầu tại khu vực, bao trùm mọi hoạt động của Tổng công ty.

- Xây dựng thành công 05 mặt hàng xuất khẩu nằm trong 05 doanh nghiệp xuất khẩu hàng đầu của cả nước gồm: Gạo; Hạt tiêu; Hạt điều; Cà phê; Thủ công mỹ nghệ.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả của hệ thống thương mại nội địa theo phương châm: Nâng cao năng lực cạnh tranh bằng chất lượng dịch vụ và sự khác biệt, ưu tiên tối đa cho hàng hóa dịch vụ mang thương hiệu Hapro và Việt Nam vào hệ thống kinh doanh.

- Đẩy mạnh phát triển các cơ sở vệ tinh, tăng cường khả năng phát triển nguồn hàng trong và ngoài nước, tạo kênh hàng hóa đa chiều gắn với thương hiệu Hapro phục vụ tối đa cho nhu cầu xuất khẩu và thị trường trong nước, đặc biệt là: Hoa quả tươi, gạo, nông lâm sản, thủ công mỹ nghệ, công nghệ phẩm, thủy hải sản chế biến, công nghiệp tiêu dùng,…

- Đạt tới mô hình TCT có tính gọn nhẹ tối đa, linh hoạt, hiện đại và chuyên môn hóa cao; cả về công nghệ quản lý, điều kiện phương tiện làm việc và chính sách phát triển nguồn nhân lực.

3. Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty cổ phần:

** Ngành, nghề kinh doanh chính của Tổng công ty:* tập trung hoạt động trong 03 lĩnh vực kinh doanh chính, gồm:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu;

- Kinh doanh thương mại nội địa;

- Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng thương mại.

** Một số ngành, nghề có liên quan và hỗ trợ cho các ngành nghề kinh doanh*

chính của Tổng công ty như:

Sản xuất, chế biến các mặt hàng thực phẩm tươi sống, thực phẩm chế biến,….phục vụ cho hoạt động kinh doanh thương mại nội địa, kinh doanh xuất nhập khẩu của Tổng công ty,….và một số ngành nghề phụ trợ khác do UBND Thành phố quyết định phê duyệt.

4. Mục tiêu cụ thể sau cổ phần hóa:

- Huy động mọi nguồn lực, tiếp tục đầu tư và mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.

- Tập trung phát triển 03 ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh xuất nhập khẩu, thương mại nội địa và đầu tư phát triển hạ tầng thương mại

- Phấn đấu đạt hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo cổ tức cho cổ đông phấn đấu lớn hơn hoặc bằng lãi suất tiền gửi ngân hàng.

- Tạo công ăn việc làm và bảo đảm thu nhập cho người lao động.

- Xây dựng thương hiệu có uy tín để chiếm thị phần trên thị trường, đưa thương hiệu Tổng công ty cổ phần trở thành một trong những thương hiệu mạnh hàng đầu phân trong cả nước và khu vực.

Dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Mẹ - TCT 03 năm sau cổ phần hóa:

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	TH năm 2016	KH Năm 2017	So sánh 2017 /2016 (%)	KH Năm 2018	So sánh 2018 /2017 (%)	KH Năm 2019	So sánh 2019 /2018 (%)
1	Kim ngạch XK (tr.USD)	122,18	125,57	102,78	133,18	106,06	152,23	114,30
2	Tổng doanh thu (=a+b+c)	3.412.236	3.560.000	104,33	4.000.000	12,36	4.800.000	120,00
a	DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.116.685	3.250.143	104,28	3.657.943	112,55	4.406.635	120,47
	DT xuất khẩu	2.687.935	2.762.621	102,78	2.930.013	106,06	3.349.042	114,30
	DT nội địa	428.750	487.521	113.71	727.931	149,31	1.057.592	145,29
b	Doanh thu hoạt động tài chính	271.981	285.580	105,00	314.138	110,00	361.259	115,00
c	Thu nhập khác	23.570	24.277	103,00	27.919	115,00	32.106	115,00
3	Giá vốn hàng bán	2.937.233	3.060.000	104,18	3.320.000	108,50	3.948.000	118,92
4	Lợi nhuận gộp	179.452	190.143	105,96	337.943	177,73	458.635	135,71
	Lợi nhuận gộp từ KD xuất	101.531	106.480	104,87	185.869	174,56	247.663	133,25

	khẩu							
	Lợi nhuận gộp từ KD nội địa	77.921	83.663	107,37	152.074	181,77	210.972	138,73
5	Tổng chi phí	422.842	440.000	104,06	612.000	139,09	772.000	126,14
6	Lợi nhuận trước thuế	52.161	60.000	115,03	68.000	113,33	80.000	117,65
	Lợi nhuận từ KD xuất khẩu	17.250	19.800	114,78	22.100	111,62	25.600	115,84
	Lợi nhuận từ KD nội địa	34.911	40.200	115,15	45.900	114,18	54.400	118,52
7	Lợi nhuận sau thuế	40.991	48.000	117,10	63.200	131,67	77.200	122,15
8	Các khoản nộp ngân sách	78.247	84.800	108,37	95.000	112,03	112.000	117,89
9	Tỷ suất LN sau thuế / vốn điều lệ	1,78	2,09	117,10	2,87	137,65	3,51	122,15
10	Tổng số LĐ bình quân	761	562	73,85	608	108,19	649	106,74
11	Thu nhập BQ tháng của người lao động	7,2	8,5	118,06	9,5	111,76	11,0	115,79
12	Tỷ lệ cổ tức				2%		3%	

Trong đó:

- Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu từ hoạt động đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác và thu từ lãi tiền gửi ngân hàng

- Doanh thu khác: là các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh như thu từ các khoản tiền thưởng mua hàng, bán hàng của các đối tác, thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ, CCDC...

Dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty 03 năm sau cổ phần hóa *(bao gồm cả các Công ty con, Công ty thành viên liên kết, Công ty liên kết tự nguyện):*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	*2017/2016*	Năm 2018	*2018/2017*	Năm 2019	*2019/2018*
1	**Kết quả SX-KD**	*Tỷ đồng*							
	- Tổng Doanh thu	-	6,556	6,949	*106%*	7,992	*115%*	9,430	*118%*
	- Lợi nhuận TT	-	75	83	*110%*	118	*143%*	170	*144%*
2	**Kim ngạch XNK**	*Triệu USD*	160	184		213		235	
	- Xuất khẩu	-	155	178	*115%*	205	*115%*	225	*110%*
	- Nhập khẩu	-	5	6	*110%*	8	*145%*	10	*125%*
3	**Nộp Ngân sách NN**	*Tỷ đồng*	150	166	*110%*	182	*110%*	200	*110%*

5. Nhiệm vụ chủ yếu của Tổng công ty sau cổ phần hóa:

5.1. Tiếp tục tập trung đẩy mạnh kinh doanh xuất nhập khẩu:

- Tiếp tục nghiên cứu, phát triển mở rộng thêm các thị trường lớn, có tiềm năng, thâm nhập sâu vào thị trường Châu Phi; phấn đấu đến năm 2020, Tổng công ty tiếp tục có thêm nhiều thị trường mới về xuất khẩu, mở rộng tới 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên Thế giới. Đưa Tổng công ty trở thành một trong những doanh nghiệp dẫn đầu cả nước về kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng như: nông sản, thủ công mỹ nghệ,...

- Nghiên cứu phát triển thêm các mặt hàng xuất khẩu mới; Mở rộng kinh doanh nhập khẩu hàng hóa nhằm tạo nguồn hàng phong phú, đa dạng, chất lượng nhằm phục vụ hoạt động bán buôn, bán lẻ của TCT.

- Tiếp tục đào tạo lại và đào tạo mới đội ngũ cán bộ có chuyên môn nghiệp vụ cao, tinh thông, giỏi nghề, năng động, sáng tạo, đủ kiến thức, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xuất nhập khẩu trong môi trường cạnh tranh, hội nhập quốc tế.

- Thiết lập Văn phòng đại diện hoặc Văn phòng liên kết tại một số khu vực thị trường chính trên Thế giới, đặc biệt là thị trường Châu Phi,….

5.2. Duy trì và nâng cao hiệu quả kinh doanh tại thị trường nội địa:

- Duy trì và kinh doanh có hiệu quả các Trung tâm Thương mại, hệ thống Siêu thị, Cửa hàng tiện ích mang thương hiệu Hapromart và thương hiệu Unimart/Seikamart; hệ thống các của hàng chuyên doanh: Thời trang, Kim khí điện máy,…và hệ thống các nhà hàng, cửa hàng dịch vụ ăn uống tại các quận, huyện, thị xã của Thành phố Hà Nội và một số tỉnh thành phía Bắc.

- Đẩy mạnh công tác nhượng quyền thương mại các thương hiệu mạnh chuyên doanh của TCT tại các tỉnh thành trên toàn quốc.

- Kết nối với các nhà cung cấp và trở thành đại lý phân phối cho nhiều nhà sản xuất có uy tín trên Thế giới; Đẩy mạnh phát triển các cơ sở vệ tinh, tăng cường khả năng phát triển nguồn hàng trong và ngoài nước, tạo kênh hàng hóa đa chiều phục vụ tối đa cho nhu cầu XK và thị trường trong nước, đặc biệt là: Hoa quả tươi, gạo, nông lâm sản, công nghệ phẩm, thủy hải sản chế biến, hàng công nghiệp tiêu dùng.

- Thực hiện chuyên môn hoá hoạt động kinh doanh của các Công ty thành viên; Củng cố, phát triển các cơ sở sản xuất của các đơn vị thành viên nhằm tạo nguồn hàng ổn định, có chất lượng để phục vụ xuất khẩu, đồng thời cung cấp cho hệ thống phân phối nội địa của TCT; Hình thành mạng lưới vệ tinh sản xuất, gia công hàng hoá mang thương hiệu Hapro, tập trung vào các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Tổng công ty.

5.3. Nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống hạ tầng thương mại:

- Tiếp tục quy hoạch lại toàn bộ mạng lưới kinh doanh phù hợp với công năng sử dụng và chiến lược phát triển của Tổng công ty; Tăng cường rà soát, sắp xếp lại mạng lưới, đẩy mạnh khai thác nâng cao hiệu quả sử dụng mạng lưới theo quy hoạch.

- Nghiên cứu, quy hoạch, tìm kiếm địa điểm và đề xuất Thành phố cũng như các tỉnh, thành phía Bắc tạo điều kiện về quỹ đất cho Tổng công ty để tổ chức và phát triển hệ thống hạ tầng thương mại, cơ sở sản xuất vệ tinh.

5.4 Về công tác đầu tư:

Tiếp tục tích cực đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư, sớm đưa vào khai thác, sử dụng các dự án: Số 5 Lê Duẩn, Ba Đình, Hà Nội; Dự án Khu công nghiệp Thực phẩm Hapro; dự án Khu nhà ở và Khu phụ trợ Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro tại xã Lệ Chi, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Đồng thời tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư một số dự án: dự án Trung tâm kinh doanh Chợ Đầu mối phía Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội; Dự án Trung tâm kinh doanh Chợ Đầu mối Bắc Thăng Long, xã Hải Bối, huyện Đông Anh; Dự án TTTM Dịch vụ Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn; Dự án "Tổ hợp thương mại dịch vụ, tổng kho dự trữ, phân phối hàng hóa Hapro" tại xã Dương Xá và thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội

Tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng để giải quyết, sứ lý, sớm triển khai lại dự án đối với một số dự án hiện còn đang vướng mắc, phải tạm dừng chưa triển khai: như dự án TTTM Thượng Đình; Dự án Trung tâm thương mại và Dịch vụ Trương Định tại địa điểm 106 phố Nguyễn An Ninh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

5.5 Phát triển thương hiệu, xây dựng văn hóa doanh nghiệp:

- Xây dựng văn hóa Tổng công ty có bản sắc riêng biệt, tạo được sức hút đối với khách hàng và đối tác.

- Phát huy giá trị thương hiệu Hapro là thương hiệu bao trùm trong quy hoạch tổng thể các thương hiệu nhánh của Tổng công ty; Đưa thương hiệu xuất khẩu Hapro trở thành thương hiệu quốc tế hàng đầu tại khu vực.

- Nâng cao tính chuyên nghiệp trong chuẩn hóa và nhận diện thương hiệu của Tổng công ty và của các Công ty thành viên, đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

5.5 Đổi mới và phát triển doanh nghiệp:

Tiếp tục đổi mới, hoàn thành công tác cơ cấu, thoái vốn nhà nước tại các đơn vị có ngành nghề kinh doanh không phù hợp với định hướng phát triển của Tổng công ty cổ phần; cơ cấu lại bộ máy tổ chức quản lý của Công ty Mẹ và các Công ty thành viên Tổng công ty nhằm xây dựng mô hình TCT có tính gọn nhẹ, linh hoạt, hiện đại; đa ngành và chuyên môn hóa cao; cả về công nghệ quản lý, điều kiện phương tiện làm việc và chính sách phát triển nguồn nhân lực.

6./Các nhóm giải pháp thực hiện mục tiêu phát triển Tổng công ty cổ phần:

6.1. Nhóm giải pháp về tổ chức điều hành và quản lý nguồn lực:

6.1.1. Nhóm giải pháp tổ chức điều hành và xây dựng hệ thống:

- *Cơ cấu lại bộ máy các Phòng Ban quản lý, đơn vị kinh doanh:* nhằm áp dụng tốt định hướng phân cấp, phân quyền, mỗi người chỉ có một thủ trưởng trực tiếp, đề cao tính trách nhiệm người đứng đầu; xây dựng môi trường pháp lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Tinh giảm đội ngũ cán bộ gián tiếp, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảm bảo trình độ đáp ứng yêu cầu phát triển, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;

+ Tiếp tục tái cơ cấu tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty thành viên, các Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty đảm bảo phù hợp với yêu cầu mới nhằm thúc đẩy tăng doanh thu nội địa và kim ngạch xuất khẩu của Tổng công ty;

- *Nâng cao tính chuẩn mực trong hoạt động SXKD:* Chuẩn mực về pháp lý trong kinh doanh; Chuẩn mực về văn hoá doanh nghiệp; Chuẩn mực về chất lượng hàng hoá dịch vụ,....

- *Thực hiện chuyên môn hoá hoạt động của các Công ty thành viên:* nhằm phát huy lợi thế cạnh tranh trong từng ngành hàng và địa bàn kinh doanh, tận dụng nguồn lực và sự hỗ trợ, bổ sung lẫn nhau giữa các Công ty.

- *Tiếp tục mở rộng hệ thống các Công ty Con, Công ty thành viên liên kết, Công ty liên kết tự nguyện:* để tăng cường lợi thế quy mô, đẩy mạnh khả năng hỗ trợ lẫn nhau về công nghệ quản lý, thị trường, hàng hóa,…, cùng nhau phát triển, đảm bảo hiệu quả chung của toàn Tổng công ty và từng đơn vị;

6.1.2. Nhóm giải pháp quản lý và phát triển nguồn lực:

- *Định kỳ đào tạo, đào tạo lại:* Chú trọng công tác đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực hành, xử lý công việc cho cán bộ công nhân viên, đặc biệt tập trung vào một số lĩnh vực quan trọng như nghệ thuật bán hàng, quản trị hệ thống bán lẻ hiện đại, quản trị tài chính, quản trị thương hiệu; Tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ Lãnh đạo các Công ty về công tác Quản trị doanh nghiệp trong tình hình mới.

- *Đặc biệt coi trọng phát triển nguồn lực con người*, có chính sách đãi ngộ cán bộ có năng lực, trí tuệ và đạo đức đồng thời có chính sách thu hút nhân tài bên ngoài.

- *Đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:* Triệt để thực hành tiết kiệm trong từng khâu của quá trình SXKD, tiết giảm các chi phí thường xuyên, chi tiêu công hợp lý nhằm giảm chi phí sản xuất, chi phí phát sinh, từ đó hạ giá thành dịch vụ, sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh.

- *Xây dựng hệ thống quản lý rủi ro:* Thực hiện quản lý chặt chẽ các nguồn vốn, các khoản nợ phải thu và chủ động tìm kiếm các nguồn cung ứng nguyên vật liệu, hàng hoá dự phòng để kịp thời ứng phó với các biến động của nền kinh tế.

- *Áp dụng công nghệ tin học trong quản lý điều hành:* thực hiện khai thác triệt để tiện ích công nghệ tin học trong công tác chỉ đạo, trao đổi, báo cáo giữa Ban lãnh đạo Tổng công ty tới các Phòng ban quản lý, các Công ty thành viên, các đơn vị trực thuộc.

- *Liên kết mạnh mẽ*, lấy liên kết là một yếu tố quan trọng để tập trung sức mạnh, tập trung nguồn lực, tăng năng lực cạnh tranh, hình thành và mở rộng mạng lưới thị trường nội bộ.

- Tiếp tục nâng cao các hoạt động và sự gắn kết giữa các Công ty thành viên, đơn vị trực thuộc trong Tổng công ty, phát huy tinh thần trách nhiệm của CBCNV toàn Tổng công ty trong việc tiêu thụ các sản phẩm, hàng hoá, sử dụng các dịch vụ từ thị trường nội bộ Tổng công ty, góp phần nâng cao hiệu quả, nâng cao kim ngạch xuất khẩu và doanh

thu nội địa của Tổng công ty.

6.2. Nhóm giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu:

- Đa dạng hóa mặt hàng, phương thức kinh doanh xuất khẩu và thị trường xuất khẩu;

- Tập trung phát triển thị trường ngách, có tiềm năng bên cạnh các thị trường truyền thống đã có để mở rộng thêm cơ hội phát triển kim ngạch XNK.

- *Đẩy mạnh xúc tiến thương mại:* tận dụng tối đa các cơ chế hỗ trợ về xúc tiến thương mại của Chính Phủ, của Thành phố; Đẩy mạnh sử dụng các công cụ mới như thương mại điện tử để nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại.

+ Đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại, CNTT để thúc đẩy công tác giao dịch, đối ngoại.

+ Thành lập Văn phòng đại diện tại các khu vực cửa ngõ như Trung Đông; Angola, khu vực Đông Âu cũ…để xâm nhập vào các thị trường lớn trên thế giới*:* Hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng phục vụ, đầu tư có trọng tâm vào việc xây dựng chân hàng nhằm đảm bảo nguồn hàng ổn định, có chất lượng, phục vụ xuất khẩu, đặc biệt là với các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn như hàng nông sản, gạo, điều, tiêu, thủ công mỹ nghệ,…

- *Liên kết giữa các Công ty, đơn vị trong toàn TCT* trong việc thực hiện những hợp đồng lớn, tạo sức mạnh đàm phán về giá trong thu mua, đồng thời hỗ trợ, chia sẻ thông tin về thị trường, mặt hàng, kinh nghiệm xuất khẩu.

- *Tăng cường nghiên cứu thông tin*, thị trường, đẩy mạnh công tác xúc tiến bán nhằm tăng kim ngạch xuất khẩu của Tổng công ty. Tận dụng một cách có hiệu quả các chính sách hỗ trợ về tài chính của Chính Phủ, của Thành phố trong các tình huống cấp bách.

- *Tăng cường đổi mới cơ cấu tổ chức và phương* thức kinh doanh trong hoạt động xuất khẩu. Chú trọng đẩy mạnh công tác thiết kế, phát triển sản phẩm mới, sản phẩm độc quyền nhằm gia tăng giá trị sản phẩm, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh xuất khẩu của Tổng công ty.

- *Đẩy mạnh việc hình thành và phát triển* các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu trong Tổng công ty. Tiếp tục tăng cường xây dựng, củng cố các đối tác chiến lược để có các chân hàng vệ tinh uy tín, chất lượng, giá cả cạnh tranh, đảm bảo nguồn cung hàng xuất khẩu, phát triển thị trường bền vững, kết hợp hài hoà lợi ích trước mắt và lâu dài.

6.3. Nhóm giải pháp phát triển thị trường nội địa:

- *Giải pháp về sản phẩm và nguồn hàng:* Đa dạng hóa chủng loại, mẫu mã hàng hóa, đảm bảo chất lượng và vệ sinh ATTP, đảm bảo phục vụ và đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của các nhóm người tiêu dùng khác nhau, các khu vực thị trường khác nhau.

- *Giải pháp về giá cả:*

+ Đẩy mạnh liên kết chặt chẽ giữa các Công ty, đơn vị trong nội bộ TCT với các doanh nghiệp thương mại khác để thu mua hàng hóa với số lượng lớn, từ đó tạo ra ưu thế về quy mô trong đàm phán với nhà sản xuất, nhà cung cấp, giảm chi phí và giá thành cho sản phẩm trong toàn hệ thống.

+ Đầu tư, xây dựng hệ thống logistic, tổng kho dự trữ hàng hóa để đảm bảo dự trữ hàng hóa với số lượng lớn nhằm chủ động trong kinh doanh và đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thị trường;

- *Giải pháp về nâng cao hiệu quả sử dụng mạng lưới:*

+ Rà soát, quy hoạch lại mạng lưới kinh doanh, thực hiện nâng cao hiệu quả sử dụng địa điểm, mạng lưới của Tổng công ty tại tất cả các Công ty thành viên, Đơn vị trực thuộc Công ty Mẹ - Tổng công ty theo nguyên tắc bám sát giá thị trường, đảm bảo các điều kiện về: lợi nhuận, hiệu quả kinh tế; đảm bảo sử dụng mạng lưới đúng công năng, mục đích của đơn vị và của Tổng công ty; đảm bảo các vấn đề xã hội có liên quan (việc làm, chế độ chính sách của người lao động tại địa điểm…); đảm bảo tuân thủ các vấn đề pháp luật và tôn trọng thương hiệu, hình ảnh phát triển của Tổng công ty.

+ Tập trung đẩy mạnh triển khai rà soát, đánh giá và nâng cao hiệu quả sử dụng mạng lưới tại các địa điểm là Văn phòng làm việc, kho hàng, các địa điểm đang chờ lập dự án đầu tư, đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư, các địa điểm chưa khai thác hoặc khai thác chưa triệt để… để tận thu, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng mạng lưới.

- *Giải pháp về đổi mới phương thức sản xuất kinh doanh:* Xây dựng Phương án đổi mới phương thức sản xuất kinh doanh tại các bộ phận, cửa hàng, địa điểm kinh doanh… của Tổng công ty theo hướng tăng tính độc lập, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của từng đơn vị kinh doanh khuyến khích các mô hình bán hàng theo chuỗi với các tiêu chí cụ thể, đảm bảo tăng doanh thu, hiệu quả cho đơn vị và thu nhập cho người lao động để khai thác tối đa hiệu quả của các bộ phận kinh doanh, các đơn vị và địa điểm kinh doanh

- *Nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng sản phẩm:* Thường xuyên nghiên cứu, đề ra các biện pháp cải tổ nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng sản phẩm.

- *Giải pháp về bán hàng và xúc tiến thương mại:*

+ Đầu tư, cải tạo nâng cấp địa điểm kinh doanh, đảm bảo hàng hóa trưng bày đẹp, văn minh, phong cách phục vụ tận tình, chu đáo, chuyên nghiệp.

+ Tổ chức và tham gia các chương trình xúc tiến thương mại như Hội chợ, triển lãm, Lễ hội, đặc biệt tại các địa bàn mới hợp nhất về Hà Nội.

+ Thường xuyên tổ chức và liên kết với các nhà sản xuất, phân phối để tổ chức các chương trình khuyến mại, giới thiệu, quảng bá sản phẩm, đặc biệt các chương trình khuyến mãi, giảm giá lớn vào các dịp Lễ, Tết trên toàn hệ thống của TCT.

+ Đa dạng hóa các phương thức bán hàng như bán hàng tại chỗ; bán hàng lưu động; bán hàng thông qua phiếu mua hàng; bán hàng qua điện thoại, qua mạng.

+ Giới thiệu, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Website và các hình thức thông tin khác. Tuyên truyền làm thay đổi thói quen mua sắm của người dân, chuyển xu hướng tiêu dùng hàng ngoại để thực hiện tốt cuộc vân động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam".

+ Liên kết với các ngân hàng, tổ chức tín dụng để thực hiện bán hàng thông qua các hình thức tín dụng phù hợp cho tiêu dùng cá nhân như bán hàng trả góp, cho vay tiêu

dùng, thanh toán bằng thẻ tín dụng.

- *Đẩy mạnh áp dụng công nghệ bán hàng và quản lý bán lẻ, bán buôn* thông qua ứng dụng của phần mềm CNTT; Đầu tư mạnh dạn và có trọng tâm nghiên cứu việc ứng dụng hệ thống phần mềm quản lý kho tàng, quản lý bán buôn, bán lẻ.

- *Đẩy mạnh hợp tác kinh doanh với các doanh nghiệp khác*, các thành phần kinh tế khác theo các mô hình, tổ chức mà pháp luật cho phép.

+ Tận dụng triệt để các mối quan hệ với các đối tác, khách hàng tiềm năng, các mối quan hệ Đối ngoại của TCT để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của TCT. Tập trung thúc đẩy mối quan hệ hai chiều trong quan hệ hợp tác chiến lược.

+ Tập trung đẩy mạnh các hoạt động liên kết nội bộ trong Tổng công ty, ưu tiên sử dụng hàng hóa, dịch vụ nội bộ giữa các Công ty thành viên, đơn vị trực thuộc Công ty Mẹ - Tổng công ty để nâng cao hiệu quả hoạt động, thúc đẩy doanh thu bán hàng tại thị trường nội địa.

6.4. Nhóm giải pháp đẩy mạnh phát triển hệ thống hạ tầng thương mại:

- *Củng cố và nâng cấp hệ thống hiện tại:*

+ Tiếp tục củng cố, cải tạo sửa chữa, chỉnh trang lại hệ thống hạ tầng thương mại sẵn có của Tổng công ty. Đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư các dự án của Tổng công ty để sớm đưa vào khai thác, sử dụng.

+ Xây dựng và quảng bá thương hiệu, nâng cao tính chuyên nghiệp trong chuẩn hóa và nhận diện thương hiệu trong toàn hệ thống mạng lưới, địa điểm, trở thành hệ thống kinh doanh mang tính cộng đồng cao, kết hợp hài hoà giữa lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích cộng đồng.

- *Phát triển xây dựng mới, mở rộng hệ thống:*

+ Khảo sát và đề xuất Thành phố cũng như các tỉnh, thành phía Bắc tạo điều kiện về quỹ đất cho Tổng công ty thực hiện đầu tư phát triển hạ tầng theo quy hoạch dành cho phát triển thương mại.

+ Tập trung mở rộng, khai thác mạng lưới tại các Khu chung cư, khu tái định cư, khu đô thị mới, các trường học,…..trong nội ngoại thành Hà Nội (chú trọng phát triển mạnh hệ thống bán lẻ tại các huyện ngoại thành) và một số tỉnh thành phố phía Bắc.

IV. Phương án sử dụng hệ thống mạng lưới, địa điểm sau cổ phần hóa:

Căn cứ Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án sử dụng các cơ sở nhà, đất sau cổ phần hóa Công ty mẹ-Tổng công ty Thương mại Hà Nội, toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất của Tổng công ty được chuyển giao cho Công ty cổ phần quản lý, sử dụng và hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đất theo các quy định hiện hành. Bao gồm:

1. Các cơ sở nhà đất TCT tiếp tục quản lý, sử dụng sau cổ phần hóa Công ty mẹ TCT: 114 địa điểm, bao gồm:

a. Cơ sở nhà, đất tại thành phố Hà Nội: 96 địa điểm, bao gồm:

- Cơ sở nhà, đất thuê thuộc sở hữu của Nhà nước: 32 địa điểm

- Cơ sở nhà, đất: nhà là tài sản doanh nghiệp, đất thuê của Nhà nước: 64 địa điểm;

b. Cơ sở nhà, đất tại các tỉnh/thành phố khác: 18 địa điểm;

2. Cơ sở nhà đất nằm trong quy hoạch, không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa: 06 địa điểm

3. Cơ sở nhà, đất thu hồi: 63 địa điểm, trong đó:

3.1. Giao trung tâm phát triển quỹ đất Hà Nội – Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, tổ chức bán đấu giá theo quy định của pháp luật và thành phố là 61 địa điểm, bao gồm:

- Cơ sở nhà, đất thuê thuộc sở hữu của Nhà nước: 27 địa điểm

- Cơ sở nhà, đất: nhà là tài sản doanh nghiệp, đất thuê của Nhà nước: 34 địa điểm;

3.2. Giao UBND quận Hoàn Kiến quản lý và xử lý theo quy định: 01 địa điểm *(nhà là tài sản doanh nghiệp, đất thuê của Nhà nước);*

3.3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất xử lý theo quy định của pháp luật: 01 địa điểm;

Chi tiết như tại phụ lục 02 kèm theo

PHẦN III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I./Tổ chức thực hiện:

Sau khi có Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tổng công ty, Tổng công ty Thương mại Hà Nội sẽ tiếp tục thực hiện các bước công việc sau:

- Tổ chức mời các nhà đầu tư chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần và phê duyệt danh sách nhà đầu tư chiến lược đáp ứng được các tiêu chí lựa chọn: trong vòng 40 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hoá;

- Thông báo công bố thông tin chào bán cổ phần và thực hiện bán cổ phần ra công chúng trong vòng 90 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hoá;

- Tổ chức bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược: trong vòng 20 ngày kể từ ngày tổ chức bán đấu giá cổ phần ra công chúng;

- Tổ chức bán cổ phần cho người lao động: trong vòng 10 ngày kể từ ngày tổ chức bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược;

- Tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu, thông qua điều lệ, bầu HĐQT, Ban kiểm soát: trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc việc bán hết cổ phần.

- Thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh, xin cấp con dấu mới, tiến hành in sổ chứng nhận sở hữu cổ phần: trong vào 40 ngày kể từ ngày tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu;

- Thực hiện quyết toán hậu cổ phần hóa và bàn giao Công ty nhà nước sang Công ty cổ phần.

- Hoàn tất các thủ tục chuyển Công ty TNHH một thành viên Tổng công ty Thương mại Hà Nội sang Công ty cổ phần và tổ chức ra mắt công ty cổ phần và thực hiện bố cáo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

II./ Kết luận:

Để công tác cổ phần hóa Tổng công ty được thực hiện theo tiến độ của UBND Thành phố Hà Nội. Tổng công ty kính đề nghị Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp Thành phố, Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội thẩm định phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa cho doanh nghiệp.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- UBND TP Hà Nội;
- Ban đổi mới và phát triển DN TP;
- Sở KHĐT Hà Nội;
- Chủ tịch HĐTV TCT;
- Các TV HĐTV TCT;
- Ban ĐMPTDN TCT;
- Lưu TTNCPT, VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

Vũ Thanh Sơn

PHỤ LỤC 01

DANH SÁCH CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI ĐANG QUẢN LÝ SỬ DỤNG TẠI THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HÓA

STT		Địa chỉ cơ sở nhà đất	DT đất (m2)	DT xây dựng (m2)	Phân loại tài sản	Hiện trạng sử dụng
I		**Các địa điểm tại thành phố Hà Nội, TCT được giao quản lý sử dụng:**				
1	1	15+17 Đội Cấn	108.00	108.00	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh thời trang
2	2	G3 Vĩnh Phúc	310.00	310.00	Nhà thuê	Kinh doanh Hapromart và dịch vụ
3	3	162 Quán Thánh	39.10	39.10	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh thời trang
4	4	686 Đê La Thành	195.36	148,95	Nhà thuê	Kinh doanh đồ gỗ nội thất
5	5	B3A Nam Trung Yên	125.00	125.00	Nhà thuê	Kinh doanh Hapromart và dịch vụ
6	6	B26 Huỳnh Thúc Kháng	105.60	105.60	Nhà thuê	Kinh doanh dịch vụ giải khát
7	7	353 Phố Huế	87.02	309.86	Nhà thuê	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
8	8	96 Phố huế	124.80	124.80	Nhà thuê	Kinh doanh xe máy
9	9	98 Phố Huế	185.60	185.60	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh thời trang
10	10	Tầng 1, nhà D1 Lô NO.03A Đơn nguyên 3 Kim Chung, Đông Anh	230.00	230.00	Nhà thuê	Kinh doanh Hapromart
11	11	Tầng 1, nhà A4 Lô NO.02B Đơn nguyên 1 Kim Chung, Đông Anh	236.00	236.00	Nhà thuê	Kinh doanh Hapromart
12	12	94 Hàng Đào	40.18	40.18	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh thời trang
13	13	82 Hàng Đào	88.00	88.00	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh thời trang
14	14	66 Hàng Chiếu	158.60	151.30	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh bao bì và văn phòng
15	15	28 Hàng Bồ (tầng 2)	87.30	89.70	Nhà thuê	Kho hàng
16	16	102 Hàng Buồm	95.00	95.00	Nhà thuê	Kinh doanh ăn uống
17	17	83 Hàng Gai	52.23	52.23	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh thời trang
18	18	65 Cầu Gỗ	57.90	57.90	Nhà thuê	Kinh doanh dịch vụ ăn uống

19	19	41 Thợ Nhuộm	70.80	70.80	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh thời trang
20	20	46 Tràng Tiền	137.79	123.00	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh thời trang
21	21	111 Lê Duẩn	78.63	78.63	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh Gốm Chu Đậu
22	22	119 Lê Duẩn	56.00	56.00	Nhà thuê	Kinh doanh Hapromart
23	23	43 Hàng Gai	33.42	33.42	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh thời trang
24	24	19+21 Đinh Tiên Hoàng	280.88	977.6 (Dt xây dựng thêm 45m2)	Nhà thuê	Kinh doanh Hapromart, thời trang, tranh nghệ thuật, kết hợp kinh doanh dịch vụ
25	25	Số 1 Điện Biên Phủ + 2 Nguyễn Thái Học	495.13	563.93	Nhà thuê	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
26	26	13+15 Tràng Tiền (số 15 Tràng Tiền là nhà 2 tầng)	379.30	488,2 (diện tích xây dựng thêm: 72.7m2)	Nhà thuê	Kinh doanh tranh nghệ thuật (sử dụng tầng 1)
27	27	17 Tràng Tiền	76.06	76.06	Nhà thuê	Kinh doanh dịch vụ ăn uống (kinh doanh tầng 1 nhà 17 Tràng Tiền và tầng 2 của nhà 15 Tràng Tiền)
28	28	38+40 Lê Thái Tổ	571.51	2,237.11 (trong đó TCT tự xây dựng là 1,440.2m2)		Đang chờ quyết định của Thành phố về việc cho mua tài sản trên đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất Khối nhà 02 tầng kinh doanh ăn uống, văn phòng Khối nhà 06 tầng để trống
29	29	53C Hàng Bài	57.90	82.32	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh thời trang
30	30	5 Lê Duẩn	1,624.00		TSDN	Đang thực hiện dự án (Hợp tác với Công ty CP Tập đoàn vàng bạc đá quý Doji)
31	31	D2 Giảng Võ (khu 1: tầng 1 của Toà nhà)	654.00	654.00	TSDN	Kinh doanh cửa hàng thực phẩm, Dịch vụ ăn uống
		D2 Giảng Võ (khu 2: tầng 1 của Tòa nhà)	576.60	576.60	TSDN	
32	32	11-13 Thành Công (khu 1, nhà 2 tầng, đất sử dụng riêng)	555.70	982.00	TSDN	Kinh doanh Hapromart và dịch vụ thể dục thể thao

		11-13 Thành Công (khu 2, sử dụng DT tầng 2 - đất SD chung)	169.90	169.90	TSDN	
33	33	Tầng 1 C4 Giảng Võ	549.80	549.80	TSDN	Cửa hàng miễn thuế và dịch vụ ăn uống
34	34	A12 Khương Thượng (mặt phố Tôn Thất Tùng)	198.70	198.70	TSDN	Kinh doanh kính mắt và điện thoại
35	35	376 Khâm Thiên	326.80	326.80	TSDN	Kinh doanh xe đạp
36	36	11B Cát Linh	2,933.00	17,720.00	TSDN	Tòa nhà Hapro 15 tầng +1 tầng mái + 2 tầng hầm. Trụ sở Tổng công ty thương mại Hà Nội và văn phòng cho thuê
37	37	135 Lương Đình Của (khu 1: đất sử dụng riêng)	1,062.00	1,715.00	TSDN	Kinh doanh Hapromart; Văn phòng và dịch vụ ăn uống
		135 Lương Đình Của (khu 2: chỉ sử dụng DT tầng 2, đất sử dụng chung)	128.00	128.00	TSDN	Kinh doanh nhà hàng
38	38	Trung tâm Kinh doanh Chợ Đầu mối Bắc Thăng Long	72,745.00	4,918.00	TSDN	Đang duy trì mô hình kinh doanh Chợ đầu mối và bãi đỗ xe theo hiện trạng từ khi tiếp nhận. Đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư dự án
39	39	Khu Công nghiệp thực phẩm Hapro Lệ Chi	326,645.00	181,501	TSDN	Đã thực hiện dự án cho các doanh nghiệp thuê đất có hạ tầng KCN
40	40	Khu nhà ở & khu phụ trợ Cụm CNTP Hapro Lệ Chi	352,405.00		TSDN	Đang thực hiện dự án
41	41	362 Phố Huế	618.40	3,376.00	TSDN	Cho thuê Văn phòng
42	42	Ngõ 349 Minh Khai	617.50	357.90	TSDN	Công ty Bách hóa Hà Nội trước đấy đã bố trí Người lao động vào ở hết diện tích đất.
43	43	E7 Bách Khoa (khu 1)	23.90	23.90	TSDN	Kinh doanh đại lý thuốc lá.

		E7 Bách Khoa (khu 2)	84.70	84.70	TSDN	Cho thuê văn phòng
		E7 Bách Khoa (khu 3)	71.00	71.00	TSDN	Kinh doanh Hapromart
44	44	198 Lò Đúc	130.60	130.60	TSDN	Cửa hàng kinh doanh xe đạp điện
45	45	Trung tâm Kinh doanh Chợ Đầu mối Phía Nam	37,716.00	6,942.00	TSDN	Đang duy trì mô hình kinh doanh Chợ đầu mối và bãi đỗ xe theo hiện trạng từ khi tiếp nhận Đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư dự án
46	46	36 Hàng Ngang	233.30	221.50	TSDN	Cửa hàng kinh doanh thời trang
47	47	28 Hàng Bồ (tầng 1 và tầng 3)	82.20 (DT đất sử dụng riêng là 72.8m2, DT đất sử dụng chung là 9.4m2)	155.00	TSDN	Tầng 1 kinh doanh Hapromart, tầng 3 kho hàng Hapromart
48	48	7 Hàng Đường	66.20	66.20	TSDN	Cửa hàng kinh doanh thời trang
49	49	78 Hàng Gai	50.40	50.40	TSDN	Cửa hàng kinh doanh thời trang
50	50	21+23 Hàng Gai	104.90	104.90	TSDN	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
51	51	35 Hàng Bông	71.80	71.80	TSDN	Kinh doanh điện thoại
52	52	7-9 Đinh Tiên Hoàng	257.00	1,130.50	TSDN	Tòa nhà 5 tầng: TCT đang sử dụng tầng1, tầng 2; từ tầng3 đến tầng 5 hợp tác với TCT Máy và Phụ tùng Kinh doanh ăn uống, giải khát và dịch vụ du lịch
53	53	8 Bát Đàn	41.40	41.40	TSDN	Cửa hàng Kinh doanh phụ kiện ống nước
54	54	90 Lê Duẩn	59.30	59.30	TSDN	Đại lý bán vé máy bay
55	55	53D Hàng Bài	128.50	245.00	TSDN	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
56	56	106 Nguyễn An Ninh	459.70 (298.7m2 đất để xây		TSDN	Đang thực hiện dự án

			dựng dự án và 161m2 đất nằm trong quy hoạch)			
57	57	160 Nguyễn Trãi	860.70	430.50	TSDN	Kinh doanh ống nước, và đồ điện kim khí
58	58	C12 Thanh Xuân Bắc	1,780.40	1,780.40	TSDN	Kinh doanh Hapromart; Xe máy, điện thoại, thời trang
59	59	Trung tâm Kinh doanh Chợ Thượng Đình	3,108.50		TSDN	Đang thực hiện dự án
60	60	Trung tâm Thương mại dịch vụ tổng hợp Sóc Sơn	6,169.00		TSDN	Chờ thực hiện dự án
61	61	E6 Quỳnh Mai (khu 1)	183.60	183.60	TSDN	Kinh doanh Hapromart
		E6 Quỳnh Mai (khu 2)	185.40	185.40	TSDN	Kinh doanh ăn uống
		E6 Quỳnh Mai (khu 3)	95.45	95.45	TSDN	Cho thuê văn phòng
62	62	C14 Thanh Xuân Bắc (khu 1)	272.20	272.20	TSDN	Kinh doanh kính mắt, túi xách và két sắt
		C14 Thanh Xuân Bắc (khu 2)	80.20	80.20		Cửa hàng chuyên doanh túi xách và két sắt
63	63	C15 Thanh Xuân Bắc	338.30	338.30	TSDN	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
64	64	151 Giảng Võ	32.34	32.34	TSDN	Đang bị chiếm dụng trái phép. Đã khởi kiện lên TAND quận Đống Đa đòi địa điểm
65	65	254 Tôn Đức Thắng	161.50	300.00	TSDN	Văn phòng làm việc của Cty CP PTST và cho thuê
66	66	Ki ốt chợ Châu Long	56.60	56.60	TSDN	Kinh doanh thực phẩm, tạp hóa
67	67	85 Hàng Đào	67.20	67.20	TSDN	Kinh doanh thời trang
68	68	145 Ngõ Thái Thịnh I (UBND quận Đống Đa mượn 320m2 đất để làm chợ ướt, đến khi nào TCT thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới thì trả lại)	527.30	207.30	TSDN	Kho hàng

69	69	149 Ngõ Thái Thịnh I	423.60	423.60	TSDN	
70	70	Số 373 Ngọc Hồi	157.50	314.74	TSDN	Kinh doanh Hapromart, dịch vụ vui chơi giải trí
71	71	Cửa hàng số 6 Cầu Bươu	4,117.00	605.35	TSDN	Kinh doanh Hapromart;
72	72	11B Tràng Thi	161.30	161.30	TSDN	Đang hoàn thiện thủ tục để pháp lý để chuyển giao cho Công ty cổ phần Khách sạn Tràng Thi theo Quyết định của Thành phố
73	73	Xuân Nộn Đông Anh	19,077.00	9,516.00	TSDN	Văn phòng làm việc và kho
74	74	Kios Bờ Hồ	15.00	15.00	TSDN	Kinh doanh dịch vụ đồ uống
75	75	Dự án Điểm đỗ xe Hải Bối, Đông Anh	14,037.00		TSDN	Chuẩn bị đầu tư dự án
76	76	Dự án Dương Xá, Gia Lâm	235,000.00		TSDN	Đang làm quy hoạch 1/500
77	77	N4C, Trung Hòa, Nhân Chính	176.00	176.00	Nhà thuê	Kinh doanh dịch vụ thể dục thể thao
78	78	44 Bà Triệu	32.69	32.69	Nhà thuê	Đang bị chiếm dụng. Đã có Bản án của TAND quận Hoàn Kiếm trả nhà cho TCT. TAND Thành phố đang phúc thẩm.
79	79	30 Lò Đúc	40.30	40.30	Nhà thuê	Cửa hàng kinh doanh thời trang
80	80	A12 Khương Thượng (mặt phố Đông Tác)	165.50	165.50	TSDN	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
81	81	20 Hàm Long	44.30	44.30	TSDN	Đang cải tạo sửa chữa
82	82	8 Ngô Quyền	33.30	33.30	TSDN	Kinh doanh dịch vụ giải khát
83	83	H2 TT Kim Giang	60.48	60.48	TSDN	Đang bị chiếm dụng trái phép. TCT đã khởi kiện ra TAND quận Thanh Xuân
84	84	83 Nguyễn An Ninh	122.80	122.80	TSDN	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
85	85	2 Bạch Mai	35.70	35.70	TSDN	Kinh doanh thuốc
86	86	144 Thụy Khuê	27.40	27.40	TSDN	Kinh doanh dịch vụ ăn uống

87	87	14 Nguyễn Khuyến	35.50	35.50	TSDN	Cửa hàng đồ uống nhập khẩu
88	88	22 Đông Các	42.00	84.00	TSDN	VP làm việc và giới thiệu SP
89	89	107 Nguyễn Lương Bằng	73.00	135.60	TSDN	Đang bị chiếm dụng trái phép. TCT đã khởi kiện ra TAND quận Đống Đa
90	90	268 Tôn Đức Thắng	56.31	168.00	TSDN	Kinh doanh đồng hồ.
91	91	312 Tôn Đức Thắng	62.90	62.90	TSDN	Cửa hàng kinh doanh đồ da
92	92	5 Hàm Tử Quan	149.00	153.90	TSDN	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
93	93	128 Đại La	51.80	51.80	TSDN	Kinh doanh tạp hóa, băng đĩa, quảng cáo
94	94	68 Tạ Quang Bửu	32.10	32.10	TSDN	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
95	95	15 Phố Nhà Chung	70.13	52.89	Nhà thuê	TCT nhận bàn giao từ Công ty Thời trang. Công ty Thời trang đã bàn giao địa điểm cho Hộ gia đình ông Ngô Hồng Phương cải tạo, sửa chữa lại địa điểm.
96	96	2 Lý Thái Tổ	35.00	35.00	Nhà thuê	Đang bị chiếm dụng trái phép. Đã có đơn khởi kiện gửi TAND quận Hoàn Kiếm
97	97	55 Nguyễn Trãi	56.20	56.20	Nhà thuê	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
98	98	Số 160-162 Ngõ Thái Thinh I	208.50	208.50	TSDN	Văn phòng làm việc và Kho phân phối hàng hóa
99	99	32 Hàng Cá	37.50	37.50	TSDN	Cửa hàng kinh doanh khóa
100	100	68 Hàng Bông	33.30	33.30	TSDN	Kinh doanh Haprofood
101	101	Cửa hàng Cổ Loa	207.80	189.70	TSDN	Kinh doanh Haprofood và dịch vụ ăn uống
102	102	Chợ Kim - Xuân Nộn	97.80	97.80	TSDN	Kinh doanh Hapromart
103	103	4 Ngõ Tràng Tiền	38.20	76.00	TSDN	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
104	104	52 Hàng Đậu	41.40	41.40	TSDN	Cửa hàng kinh doanh thời trang

105	105	57 Hàng Bông	45.20	45.20	TSDN	Kinh doanh hoa quả nhập khẩu
106	106	6 Thuốc Bắc	33.70	33.70	TSDN	Kinh doanh dịch vụ giải khát
107	107	56 Hàng Đậu	52.50	52.50	TSDN	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
108	108	9 Chợ gạo	34.08	34.08	Nhà thuê	Kinh doanh dịch vụ ăn uống
109	109	Ngõ chợ Khâm Thiên	46.80	46.80	TSDN	Kinh doanh Haprofood, tạp hóa, kho
110	110	A9 Văn Chương	54.87	54.87	TSDN	Kinh doanh Haprofood
111	111	Ki ốt phường Kim Giang	97.80	97.80	TSDN	Kinh doanh Haprofood
II		**Tạm giao sử dụng do nằm trong quy hoạch (06 địa điểm)**				
112	1	Ki ốt TT Nguyễn Công Trứ	20.00	20.00	Nhà thuê	Kinh doanh đồ điện gia dụng
113	2	284 Minh Khai	89.90	89.90	Nhà thuê	Công ty Bách hóa Hà Nội bố trí Người lao động vào ở 12,74m2; TCT chỉ quản lý sử dụng 77,2m2 Kinh doanh Haprofood
114	3	166A Nguyễn Thái Học	64.70	64.00	TSDN	Cửa hàng kinh doanh tranh đá quý
115	4	65 Trần Nhân Tông	15.10	15.10	TSDN	Cửa hàng kinh doanh thời trang
116	5	TT Ngã Tư Sở (bên phải)	235.40	422.30	TSDN	Kinh doanh quần áo, đồng hồ, hoa giả, kho
117	6	TT Ngã Tư Sở (bên trái)	210.00	462.50	TSDN	Kinh doanh chăn, ga, gối, dịch vụ ăn uống
III		**Các địa điểm mạng lưới tại các tỉnh ngoài thành phố Hà Nội (18 địa điểm)**				
118	1	Lô Villa 2D Khu biệt thự sân gôn Montgimerie Links Việt Nam, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	355.30	241.47	TSDN	
119	2	Lô Villa 4D Khu biệt thự sân gôn Montgimerie Links Việt Nam, phường Điện Ngọc, thị xã	355.10	241.47	TSDN	

		Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam				
120	3	Lô Villa 6D Khu biệt thự sân gôn Montgimerie Links Việt Nam, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	355.40	241.47	TSDN	
121	4	Lô Villa 10D Khu biệt thự sân gôn Montgimerie Links Việt Nam, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	355.00	241.47	TSDN	
122	5	Xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 21 (lô 1)	7,158.50	4,577.40	TSDN	
123	6	Xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (thửa đất số 86, tờ bản đồ số 21 (lô 2)	2,502.00		TSDN	
124	7	Khóm Tân Thuận, phường An Hòa, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 30)	85.00		TSDN	
125	8	Phường 1, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 49)	90.00	226.80	TSDN	
126	9	Dị Sử - tỉnh Hưng Yên	34,538.00	3,263.00	TSDN	
127	10	Xã An Phú, huyện Thuận An (lô 1) - tỉnh Bình Dương	292.10	200.00	TSDN	
128	11	Xã An Phú, huyện Thuận An (lô 2) - tỉnh Bình Dương	2,395.80	1,895.80	TSDN	
129	12	Xã An Phú, huyện Thuận An (lô 3) - tỉnh Bình Dương	3,988.21	1,968.00	TSDN	

130	13	Thôn Plei Dư, xã Ia Hrú, huyện Chư Pưh (thửa 266a, tờ bản đồ số 66) - tỉnh Gia Lai	496.00		TSDN	
131	14	Thôn Plei Dư, xã Ia Hrú, huyện Chư Pưh (thửa 270; 312a, tờ bản đồ số 66) - tỉnh Gia Lai	484.00		TSDN	
132	15	Làng Ring 2, xã HBông, huyện Chư Sê (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 32) - tỉnh Gia Lai	10,563.00		TSDN	
133	16	Làng Ring 2, xã HBông, huyện Chư Sê (thửa đất số 12+20, tờ bản đồ số 32) - tỉnh Gia Lai	3,980.00		TSDN	
134	17	Làng Ring 2, xã HBông, huyện Chư Sê (thửa đất số 5+11, tờ bản đồ số 32) - tỉnh Gia lai	1,591.00		TSDN	
135	18	Số 77-79 Phó Đức Chính, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	140.88	960.24	TSDN	
IV		**Các địa điểm TCT được quản lý sử dụng nhưng chưa nhận được bàn giao từ Công ty TNHH MTV Dịch vụ XNK Nông sản Hà Nội do vướng mắc chiếm dụng trái phép**				
136	1	Số 20 Hàng vải	38.89	38.89	Nhà thuê	
137	2	Số 70 Thợ Nhuộm	27.75	27.75	TSDN	
138	3	Số 111-112 C1 Trung Tự	134.20	134.20	Nhà thuê	
V		**Các địa điểm thuộc danh sách thu hồi xử lý theo Quyết định 09/2007/QĐ-TTg**				
V.1		**Các địa điểm đang quản lý, sử dụng**				
139	1	Số 92 Thụy Khuê	59.90	59.90	Nhà thuê	
140	2	Số 24 Hàng Bồ	28.00	28.00	Nhà thuê	
141	3	Số 104 Hàng Gai	28.20	28.20	Nhà thuê	
142	4	Số 7 Hàng Khay	81.80	81.80	TSDN	
143	5	Số 80 Hàng Đào	10.80	10.80	TSDN	
144	6	71 Hàng Bồ	25.74	25.74	Nhà thuê	
V.2		**Các địa điểm TCT tiếp nhận từ các Công ty thành viên, tạm quản lý chờ bàn giao về Thành phố**				
V.2.1		**Các địa điểm TCT đã tiếp nhận**				
145	1	Số 102 Nguyễn Hữu	19.60	19.60	Nhà thuê	

		Huân				
146	2	Số 57 Nguyễn Trãi	58.40	58.40	Nhà thuê	
147	3	Số 84 Trần Nhật Duật	176.88	176.88	Nhà thuê	
148	4	Số 64 Đội Cấn	21.90	21.90	Nhà thuê	
149	5	Số 476 Bạch Mai	27.90	27.90	Nhà thuê	
150	6	Số 2 Ngõ 61 Lê Văn Hưu	29.90	29.90	Nhà thuê	
151	7	Số 23 Hàng Trống	32.30	32.30	Nhà thuê	
152	8	Số 20 Hàng Gai	48.23	48.23	Nhà thuê	
153	9	Số 1 Nguyễn Trường Tộ	22.60	22.60	Nhà thuê	
154	10	Số 217 Hàng Bông	39.40	39.40	TSDN	
155	11	Số 7 Thuốc Bắc	25.60	25.60	TSDN	
156	12	Cửa hàng Lĩnh Nam	108.44	108.44	TSDN	
157	13	Số 25 Hàng Thùng	27.20	27.20	TSDN	
158	14	Số 214 Hàng Bông	51.30	51.30	TSDN	
159	15	Số 199 Lò Đúc	22.00	22.00	TSDN	
160	16	Số 16 Hàm Tử Quan	52.00	52.00	TSDN	
161	17	Số 63 Hàng Giấy	28.70	28.70	TSDN	
162	18	Số 142 Hàng Bông	28.00	28.00	TSDN	
163	19	Số 4 Ngõ 173 Hoàng Hoa Thám	31.20	31.20	TSDN	
164	20	Số 76 Lò Đúc	26.30	26.30	TSDN	
165	21	Số 21 Hàng Trống	12.80	12.80	TSDN	
166	22	Số 33 Hàng Trống	47.90	47.90	TSDN	
167	23	Số 20 Hàng Đào	37.90	37.90	TSDN	
168	24	Số 2 Đội Cấn	9.30	9.30	TSDN	
169	25	Số 12 Phan Phù Tiên	29.50	29.50	TSDN	
170	26	Số 45 Mã Mây	19.80	19.80	TSDN	
V.2.2		**Các địa điểm chưa nhận được bàn giao từ các Công ty thành viên**				
		Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi				
171	1	Số 29 Hàng Đậu	22.17	22.17	Nhà thuê	
172	2	Số 38 Hàng Đậu	49.40	49.40	TSDN	
		Công ty cổ phần Dịch vụ XNK Nông sản Hà Nội				
173	1	Số 8B Hàng Thùng	34.76	34.76	Nhà thuê	
174	2	Số 107F Tôn Đức Thắng	19.50	19.50	Nhà thuê	
175	3	Số 85 Hàng Buồm	28.67	28.67	Nhà thuê	
176	4	Số 30 Phố Huế	25.00	25.00	Nhà thuê	
177	5	Số 18 Nguyễn Văn Tố	28.84	28.84	Nhà thuê	
178	6	Số 41 Hàng Bồ	55.54	55.54	Nhà thuê	
179	7	Số 132 Nguyễn Trãi	69.90	69.90	TSDN	
180	8	Số 25 Quán Thánh	60.00	240.00	TSDN	
181	9	Số 5B Nguyễn Thiện Thuật	20.00	60.00	TSDN	

182	10	Số 33 Ngõ Thổ Quan	27.75	27.75	TSDN	
183	11	Số 85 Trần Xuân Soạn	36.00	36.00	TSDN	

PHỤ LỤC 02

Kế hoạch sử dụng Nhà, đất sau cổ phần hóa

STT		Địa chỉ cơ sở nhà đất	DT đất (m2)	DT xây dựng (m2)	Phân loại tài sản	Thời hạn Thuê nhà/đất	Hình thức thuê nhà/đất	Trước CPH	Sau CPH
I		**Các địa điểm kinh doanh theo ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty**							
I.1		**Nhóm địa điểm kinh doanh HaproMart, HaproFood và Unimart/Seika (25 địa điểm)**							
1	1	Số 119 Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm	56.00	56.00	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 152/XNHK/HĐTNCD ngày 19/2/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 5 tầng (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh Hapromart	Kinh doanh HaproMart
2	2	Số 65 Cầu Gỗ, quận Hoàn Kiếm	57.90	57.90	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 154/XNHK/HĐTNCD ngày 21/2/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 4 tầng (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Kinh doanh HaproMart
3	3	Số 135 Lương Đình Của, quận Đống Đa	Đất sử dụng riêng 1.062m2; đất sử dụng chung (chỉ sử dụng tầng 2) là 128m2	1,843.00	TSDN	- Hợp đồng thuê đất số 283-245-98/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 18/9/1999; thời hạn 2006; - Hợp đồng thuê đất số 459-245.98/ĐC-HĐTĐ ngày 12/12/1998 thời hạn 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; HĐ 137-245.99/ĐC-HĐTĐ ngày 29/3/1999, thời hạn 2006 - Quyết định số 6199/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2015; - Bản vẽ chỉ giới đường đỏ năm 2016; thông tin quy hoạch có 1 phần diện tích phía Đông Bắc nằm trong phạm vi mở đường quy hoạch, phần diện tích đất còn lại được xác định chức năng là đất dân dụng hiện trạng.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 2 tầng. - Kinh doanh Hapromart, café văn phòng và dịch vụ ăn uống	Kinh doanh Hapromart; Dịch vụ ăn uống

4	4	G3 Vĩnh Phúc, quận Ba Đình	310.00	310.00	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà số 17/HĐTN/XD ngày 24/7/2014; thời hạn từ 01/10/2013 đến 30/9/2018	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng tầng 1 của nhà tập thể 5 tầng (nhà tái định cư). - Kinh doanh HaproMart và dịch vụ.	Kinh doanh HaproMart
5	5	Số 11-13 Thành Công, quận Ba Đình	555.70	982.00	TSDN	- Hợp đồng số 279-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 18/9/1999 hết hạn năm 2006; - Hợp đồng số 126-245/ĐC-HĐTĐ ngày 29/3/1999, hết hạn năm 2006 - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Bản vẽ chỉ giới đường đỏ năm 2016; - Thông tin quy hoạch là chức năng đất công cộng	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Khu 1, nhà 2 tầng, đất sử dụng riêng.- Kinh doanh Hapromart	Kinh doanh HaproMart
			169.90	169.90	TSDN	Quyết định số 6199/QĐ-UBND ngày 17/12/2010	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Khu 2, kinh doanh dịch vụ thể dục thể thao, đất sử dụng chung.	
6	6	E7 Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng (khu 1)	23.90	23.90	TSDN	- Hợp đồng số 278-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 18/9/1999 hết hạn 2006. - Bản đồ hiện trạng năm 2016 toàn bộ cả 3 khu đất E7 Bách Khoa.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- DT tầng 1 của tập thể 5 tầng. - Kinh doanh đại lý thuốc lá	Cửa hàng chuyên doanh khác
		E7 Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng (khu 2)	84.70	84.70	TSDN	- Hợp đồng số 97-2006/STNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 25/7/2006 hết hạn 15/10/2023; - Quyết định số 6199/QĐ-UBND ngày 17/12/2010	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Cho thuê văn phòng	
		E7 Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng (khu 3)	71.0	71.0	TSDN	- Hợp đồng số 212-245/NĐ-ĐC-HĐTĐ ngày 19/8/1999 hết hạn 2006; - Quyết định số 6200/QĐ-UBND ngày 17/12/2010	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Kinh doanh Hapromart	Kinh doanh HaproMart
7	7	E6 Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng	183.60	183.60	TSDN	- Hợp đồng số 76-245.99/ĐC-HĐTĐ ngày 24/2/1999 hết hạn 2006; - Quyết định số 6199/QĐ-UBND ngày 17/12/2010 - Bản đồ hiện trạng năm 2016	Trả tiền thuê đất hàng năm	Kinh doanh Hapromart	Kinh doanh HaproMart

		E6 Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng	185.40	185.40	TSDN	- Quyết định số 6200/QĐ-UBND ngày 17/12/2010	Trả tiền thuê đất hàng năm	Kinh doanh ăn uống	Dịch vụ ăn uống
		E6 Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng	95.45	95.45	TSDN	- Hợp đồng số 193-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 21/9/2000 hết hạn 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Cho thuê văn phòng	Cửa hàng chuyên doanh khác
8	8	Nhà N4C Khu đô thị Trung hòa - Nhân chính, quận Thanh Xuân	176.00	176.00	Nhà thuê	- Hợp đồng số 88/2013/HĐTN ngày 20/8/2013; thời hạn thuê từ 16/10/2012 đến 15/10/2015. - PLHĐ số 12/PLHĐ-QLPTN ngày 18/9/2014; **Đang làm thủ tục ký Hợp đồng mới.**	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của Chung cư 15 tầng. - Dịch vụ thể dục thể thao	Kinh doanh HaproMart
9	9	C12 Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân	1,780.40	1,780.40	TSDN	- Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Hợp đồng thuê đất số 213-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 29/9/2000, thời hạn đến 2006	Trả tiền thuê đất hàng năm	- DT tầng 1 của C11, C12, C13 Thanh Xuân. - Kinh doanh HaproMart, Xe máy , điện thoại và thời trang	Kinh doanh HaproMart
10	10	B3A Nam Trung Yên, quận Cầu Giấy	125.00	125.00	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 147/HĐTN/SXD ngày 31/12/2014; thời hạn 10/09/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của Chung cư 13 tầng. - Kinh doanh: HaproMart và dịch vụ	Kinh doanh HaproMart
11	11	Tầng 1 Nhà A4, Lô NO.02B, Đơn nguyên 1, Kim Chung, huyện Đông Anh	236.00	236.00	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 65/HĐTN-QL&PTNHN ngày 15/7/2015; thời hạn 14/7/2018	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của Chung cư nhà ở cho công nhân của KCN. - Kinh doanh: HaproMart	Kinh doanh HaproMart
12	12	Tầng 1 Nhà D1, Lô NO.03A, Đơn nguyên 3, Kim Chung, huyện Đông Anh	230.00	230.00	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 43/HĐTN-QL&PTNHN tháng 6/2014; thời hạn 18/6/2017	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của Chung cư nhà ở cho công nhân của KCN. - Kinh doanh: HaproMart	Kinh doanh HaproMart

13	13	Kios Chợ Châu Long, quận Ba Đình	56.60	56.60	TSDN	- Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Từ kios số 1 đến số 6 mặt phố Châu Long (tình trạng xuống cấp). - Kinh doanh tạp hóa	Kinh doanh HaproFood
14	14	Ki ốt Chợ Kim Giang, quận Thanh Xuân	97.8	97.8	TSDN	- Quyết định số 6199/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn. - Kinh doanh Haprofood	Kinh doanh HaproFood
15	15	Số 15 Nhà Chung , quận Hoàn Kiếm	70.13	52.89	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà đất số 127/XN3/HĐTN26/ XD ngày 19/5/2009, thời hạn: 1/1/2014; - Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 31/3/2011.	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	Đang cải tạo sửa chữa	Kinh doanh HaproFood
16	16	Số 68 Hàng Bông , quận Hoàn Kiếm	33.30	33.30	TSDN	- Quyết định số 5023/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND TP vv cho TCT Thương mại HN thuê 33.3m2 đất tại số 68 Hàng Bông, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng (sử dụng tầng1) làm cơ sở kinh doanh, thời hạn thuê đất 50 năm kể từng ày 15/10/1993. - Hợp đồng thuê đất sô 147/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 22/3/2016, thời hạn 50 năm kể từ ngày 15/10/1993; - Thông tin quy hoạch chủ yếu là đất ở, dịch vụ thương mại.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 3 tầng 1 tum (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh Haprofood	Kinh doanh HaproFood
17	17	Cổ Loa, huyện Đông Anh	207.80	189.70	TSDN	- Tờ khai hiện trạng sử dụng nhà, đất năm 2006; - Quyết định số 6200/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; Bản đạc năm 2016; - Bản đồ hiện trạng năm 2016.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn. kinh doanh Haprofood kết hợp dịch vụ ăn uống	Kinh doanh HaproFood
18	18	Chợ Kim, Xuân Nộn, huyện Đông Anh	141.90	91.22	TSDN	- Tờ khai hiện trạng sử dụng đất năm 2006; - Quyết định số 6200/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; Bản đạc năm 2016; - Bản đồ hiện trạng năm 2016.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn - Kinh doanh Hapromart	Kinh doanh HaproMart

19	19	Số 20 Hàm Long, quận Hoàn Kiếm	44.30	44.30	TSDN	- Tờ khai hiện trạng sử dụng nhà, đất năm 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Thông tin quy hoạch là nhóm đất ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng, tầng 2 cơi nới bằng nhà khung thép mái tôn. -Đang cải tạo sửa chữa	Kinh doanh HaproFood
20	20	Số 83 Nguyễn An Ninh, quận Hoàng Mai	122.80	122.80	TSDN	- Hợp đồng số 190-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 21/9/2000 hết hạn 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Bản vẽ chỉ giới đường đỏ năm 2016; - Thông tin quy hoạch là đất nhóm nhà ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái bằng - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Kinh doanh HaproMart
21	21	Số 6 Cầu Bươu, huyện Thanh Trì	4,117.00	605.35	TSDN	- Quyết định số 6701/QĐ-UBND ngày 06/12/2016; - Hợp đồng thuê đất số 168/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 19/3/2017. - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Bản vẽ chỉ giới đường đỏ năm 2016; - Thông tin quy hoạch là đất công đô thị (bao gồm các trung tâm văn hóa, thương mại, tài chính, dịch vụ, y tế, các công trình công cộng đặc biệt của Thành phố và Quốc gia…) và một phần dự kiến mở đường Phan Trọng Tuệ (phía Đông Bắc), đường Tả Thanh Oai (phía Tây Bắc).	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Dãy nhà 1 tầng mái tôn mặt phố. - Kinh doanh Hapromart	Kinh doanh HaproMart
22	22	Số 19-21 Đinh Tiên Hoàng, quận Hoàn Kiếm	280.88	- DT nhà thuê: 977.60 - DT tự tạo: 45	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà đất số 370/XNHK/HĐTNCD ngày 29/01/2015; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Tòa nhà 3 tầng + tầng lửng; DT tầng 4 tự cơi nới. - Kinh doanh Hapromart, thời trang, tranh nghệ thuật, và kinh doanh dịch vụ- TCT đã có CV xin mua TS trên đất và chuyển nhượng QSD đất với UBND Thành phố.	Kinh doanh HaproMart

23	23	Số 28 Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm	87.30	89.70	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà đất số 144/XNHK/HĐTNCD ngày 19/2/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT toàn bộ tầng 2 (tầng 1 và tầng 3 là TSDN). - Kho hàng	Kinh doanh Hapromart
24	24	Số 28 Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm	DT đất sử dụng riêng là 72.8m2 và DT đất sử dụng chung là 9.4m2	155.00	TSDN	- Hợp đồng số 219-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 29/9/2000 hết hạn 2006; - Bản đồ hiện trạng năm 2015; - Thông tin quy hoạch dự kiến là nhóm đất nhà ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là phần DT tầng 1 và tầng 3 của nhà 3 tầng. - Kinh doanh phụ kiện may mặc và làm kho	
25	25	D2 Giảng Võ, quận Ba Đình	1,230.60	1,230.60	TSDN	- Nhận theo QĐ 09/2007/QĐ-TTg từ các ĐVTV sau đó HTĐT xây dựng và nhận lại DT sàn theo thỏa thuận; Đang hoàn thiện tài liệu để hợp thức hồ sơ pháp lý nhà đất; - Bản đồ hiện trạng năm 2016.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là 1 phần diện tích tầng 1 của Tòa nhà 25 tầng. - Kinh doanh cửa hàng thực phẩm và dịch vụ ăn uống	Siêu thị thực phẩm Unimart Seika
I.2		**Nhóm Cửa hàng chuyên doanh (32 địa điểm)**							
I.2.1		**Nhóm Cửa hàng chuyên doanh thời trang (19 địa điểm)**							
26	1	Số 46 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm	137.79	123.00	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà đất số 151/XNHK/HĐTNCD ngày 20/2/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng trên của hộ sử dụng khác). - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
27	2	Số 41 Thợ Nhuộm, quận Hoàn Kiếm	70.80	70.80	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà đất số 150/XNHK/HĐTNCD ngày 21/2/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 4 tầng (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
28	3	Số 82 Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm	88.00	88.00	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà đất số 147/XNHK/HĐTNCD ngày 20/2/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng 2 của hộ dân bỏ trống). - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
29	4	Số 94 Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm	40.18	40.18	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà đất số 153/XNHK/HĐTNCD ngày 20/2/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 4 tầng 1 tum, có công trình phụ (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác. -Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang

30	5	Số 43 Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm	33.42	33.42	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà đất số 358/XNHK/HĐTNCD ngày 25/12/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mặt phố, mái tôn. - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
31	6	Số 66 Hàng Chiếu, quận Hoàn Kiếm	158.60	151.30	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà đất số 426/XNHK/HĐTNCD ngày 19/5/2016; thời hạn 28/4/2019.	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 3 tầng 1 tum (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh bao bì + văn phòng	Cửa hàng chuyên doanh Thời trang
32	7	Số 36 Hàng Ngang, quận Hoàn Kiếm	233.30	221.50	TSDN	- Hợp đồng số 220-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 29/9/2000 hết hạn 2006; - Bản đạc 2015; thông tin quy hoạch dự kiến là nhóm đất nhà ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng 2 của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh Thời trang
33	8	Số 7 Hàng Đường, quận Hoàn Kiếm	66.20	66.20	TSDN	- Quyết định số 6104/QĐ-UBND ngày 04/11/2016; - Hợp đồng thuê đất số 167/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 29/3/2017. - Bản đồ hiện trạng năm 2015; - Thông tin quy hoạch dự kiến là nhóm đất nhà ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 3 tầng. - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
34	9	Số 78 Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm	50.40	50.40	TSDN	- Quyết định số 5610/QĐ-UBND ngày 07/10/2016; - Hợp đồng thuê đất số 171/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 29/3/2017. - Bản đồ hiện trạng năm 2015; - Thông tin quy hoạch dự kiến là nhóm đất nhà ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 3 tầng. - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
35	10	Số 35 Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm	71.80	71.80	TSDN	- Hợp đồng số 204-245-98/ĐC-HĐTĐ ngày 7/8/1998 hết hạn 2006; - Bản đồ hiện trạng 2015; - Bản vẽ chỉ giới đường đỏ 2016; - Thông tin quy hoạch dự kiến là nhóm đất nhà ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 2 tầng (mới cải tạo lại). - Kinh doanh điện thoại	Cửa hàng chuyên doanh thời trang

36	11	A12 Khương Thượng (mặt phố Tôn Thất Tùng), quận Đống Đa	198.70	198.70	TSDN	- Hợp đồng thuê đất số 280-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 18/9/1999, thời hạn 2006; - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Bản vẽ chỉ giới đường đỏ 2016; - Thông tin quy hoạch có một phần diện tích (phía Tây Bắc) nằm trong phạm vi mở rộng đường Tôn Thất Tùng.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà tập thể 5 tầng. - 166,7m2: Kinh doanh kính mắt; 32m2: Kinh doanh điện thoại	Cửa hàng chuyên doanh Thời trang
37	12	Số 15-17 Đội Cấn, quận Ba Đình	108.00	108.00	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 246/XNBĐ/HĐTNCD ngày 12/08/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Nhà 2 tầng, TCT sử dụng diện tích tầng 1: 86.8m2; 1 phần diện tích tầng 2: 21.2m2; Diện tích còn lại của tầng 2 của chủ sử dụng khác. - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
38	13	Số 162 Quán Thánh, quận Ba Đình	39.10	39.10	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 248/XNBĐ/HĐTNCD ngày 12/8/2014; thời hạn 31/12/2016.	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 2 tầng 1 tum (từ tầng 2 trở của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
39	14	Số 98 Phố Huế, quận Hai Bà Trưng	185.60	185.60	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 189/XNHBT/ HĐTNCD ngày 24/7/2014; thời hạn 31/12/2016.	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 3 tầng (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
40	15	C14 Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân	352.40	352.40	TSDN	- Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- DT tầng 1 của nhà tập thể 5 tầng C14 (khu 1: 272.2m2) và 1 phần DT tầng 1 của C10 (khu 2: 80.2m2). - DT tầng 1 C14 kinh doanh kính mắt; DT tầng 1 C10 kinh doanh két sắt và túi sách	Cửa hàng chuyên doanh Thời trang

41	16	Số 85 Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm	67.20	67.20	TSDN	- Hợp đồng số 370-245-98/ĐC-HĐTĐ ngày 9/11/1998, thời hạn 2006; - Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 31/3/2011; - Bản đồ hiện trạng năm 2015; - Thông tin quy hoạch là nhóm đất ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là 1 phần DT tầng 1 mặt phố của nhà 3 tầng (phần DT phía trong tầng 1 và từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
42	17	Số 52 Hàng Đậu, quận Hoàn Kiếm	41.40	41.40	TSDN	- Quyết định số 5025/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 vv cho TCT Thương mại HN thuê 41,4m2 đất tại số 52, phố Hàng Đậu, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng (sử dụng tầng 1) làm cơ sở kinh doanh; - Hợp đồng thuê đất sô 146/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 22/3/2016, thời hạn 50 năm kể từ ngày 15/10/1993; - Thông tin quy hoạch có chức năng đất ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng 2 của chủ sử dụng khác. - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doang Thời trang
43	18	Số 30 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng	40.30	40.30	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà đất số 54/XN4/HDDTN26/XD ngày 12/5/2009, thời hạn 31/12/2013; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 3 tầng 1 tum (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh Thời trang
44	19	Số 312 Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa	62.90	62.90	TSDN	- Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010. - Bản đồ hiện trạng năm 2016.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn. - Kinh doanh đồ da	Cửa hàng chuyên doang Thời trang
I.2.1		**Nhóm Cửa hàng chuyên doanh khác (13 địa điểm)**							
45	1	Số 111 Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm	78.63	78.63	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 148/XNHK/HĐTNCD ngày 19/2/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng 2 của chủ sử dụng khác); DT đất sử dụng riêng: 27,17m2, đất sử dụng chung: 51,46m2); DT phía trong cải tạo thêm xép tầng 2 làm kho. - Kinh doanh Gốm Chu Đậu	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm

46	2	Số 13 - 15 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm	379.3 (DT đất sd riêng: 290.1m2; DT đất sd chung 89.2m2)	- DT nhà thuê: 488.20m2- DT tự tạo: 72.70m2	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 369/XNHK/HĐTNCD ngày 29/01/2015; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Số nhà 13 Tràng Tiền chỉ có DT tầng 1; số nhà 15 Tràng Tiền là nhà 2 tầng;. - Kinh doanh Tranh nghệ thuật; Đối tác sử dụng toàn bộ DT tầng 1 của nhà 13-15 Tràng Tiền và phần cải tạo thêm phía trong nhà 15 Tràng Tiền.	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm
47	3	Số 83 Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm	52.23	52.23	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 359/XNHK/HĐTNCD ngày 25/12/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mặt phố, mái bằng. - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm
48	4	Số 53C Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm	57.90	82.32	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 425/XNHK/HĐTNCD ngày 05/04/2016; thời hạn 01/01/2017	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT nhà tầng 1 + xép của nhà 2 tầng (tầng 2 của chủ sử dụng khác) - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm
49	5	Số 7-9 Đinh Tiên Hoàng, quận Hoàn Kiếm	257.00	1,130.50	TSDN	- Hợp đồng số 203-245-98/ĐC-HĐTĐ ngày 7/8/1998 hết hạn 2006; - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Thông tin quy hoạch là đất công cộng.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Xây dựng 5 tầng: TCT sử dụng tầng 1 và tầng 2; từ tầng 3 đến tầng 5 hợp tác và cho TCT Máy và Phụ tùng thuê sử dụng đến tháng 9/2017 hết hạn HĐ, TCT sẽ nhận lại tầng 3 đến tầng 5 để sử dụng. - Kinh doanh dịch vụ du lịch, dịch vụ ăn uống và giải khát	Kinh doanh hàng lưu niệm và giới thiệu sản phẩm do TCT sản xuất
50	6	Số 90 Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm	59.30	59.30	TSDN	- Quyết định số 6614/QĐ-UBND ngày 30/11/2016; - Hợp đồng thuê đất số 172/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 29/3/2017. - Bản đồ hiện trạng năm 2015; - Thông tin quy hoạch là đất nhóm nhà ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng 2 của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh đại lý vé máy bay	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm
51	7	Số 686 Đê La Thành, quận Ba Đình	195.36	148.95	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 247/XNBĐ/HĐTNCD ngày 12/8/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn. - Kinh doanh đồ gỗ	Cửa hàng chuyên doanh khác

52	8	Số 198 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng	130.60	130.60	TSDN	- Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 02/6/2011. - Bản đồ hiện trạng năm 2015	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn - Kinh doanh xe đạp điện	Cửa hàng chuyên doanh khác
53	9	Số 57 Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm	45.20	45.20	TSDN	- Quyết định số 5028/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND TP vv cho TCT Thương mại HN thuê 45.2m2 đất tại số 57 phố Hàng Bông, phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng (sử dụng tầng 1) làm cơ sở kinh doanh; - Hợp đồng thuê đất sô 148/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 22/3/2016, thời hạn 50 năm kể từ ngày 15/10/1993; - Thông tin quy hoạch có chức năng đất ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng. - Kinh doanh hoa quả nhập khẩu	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm
54	10	Số 32 Hàng Cá, quận Hoàn Kiếm	37.50	37.50	TSDN	- Hợp đồng số 479-245/98/ĐC-HĐTĐ ngày 21/12/1998 hết hạn 2006; - Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 17/01/2017	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là 1 phần DT tầng 1 của nhà 2 tầng 1 tum (phần DT phía trong tầng 1 và từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh khóa	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm
55	11	Số 2 Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng	35.70	35.70	TSDN	- Hợp đồng số 197-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 21/9/2000 hết hạn 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Thông tin quy hoạch là đất hỗn hợp (dịch vụ, thương mại, văn phòng, ở).	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn. - Kinh doanh thuốc	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm
56	12	Số 268 Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa	56.31	168.00	TSDN	Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010	Trả tiền thuê đất hàng năm	- - Kinh doanh đồng hồ; 1/2 diện tích tranh chấp đã thu hồi	Cửa hàng chuyên doanh Hàng lưu niệm;
57	13	Số 96 Phố Huế, quận Hai Bà Trưng	124.80	124.80	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 188/XNHBT/HĐTNCD ngày 24/7/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 4 tầng (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh xe máy	Cửa hàng chuyên doanh khác

I.3		**Nhóm kinh doanh Dịch vụ ăn uống (17 địa điểm)**							
58	1	Số 17 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm	76.06	76.06	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 145/XNHK/HĐTNCD ngày 20/2/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng 2 của hộ sử dụng khác); - Kinh doanh dịch vụ ăn uống - Đối tác sử dụng tầng 1 nhà 17Tràng Tiền + tầng 2 nhà 15 Tràng Tiền + Đối tác tự cơi nới thêm tầng 3 làm bếp 62.2m2 (mới đầu tư)	Dịch vụ ăn uống
59	2	Số 102 Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm	95.00	95.00	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 149/XNHK/HĐTNCD ngày 21/2/2014; thời hạn 31/12/2016	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 2 tầng (tầng 2 của chủ sử dụng khác. - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
60	3	Số 1 Điện Biên Phủ + 2 Nguyễn Thái Học, quận Hoàn Kiếm	495.13	563.93	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà số 831/87 HĐNC ngày 13/7/1987, thời hạn đến 1990 (địa điểm số 2 Nguyễn Thái Học; - Hợp đồng thuê nhà số 877/88 HĐNC ngày 14/12/1988, thời hạn thuê đến 1991 (địa điểm số 1 Điện Biên Phủ).	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Đã trừ phần DT tầng 2 có hộ dân sử dụng là 33.55m2; tầng 3 là 75.6m2. - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
61	4	Số 21-23 Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm	104.90	104.90	TSDN	- Hợp đồng số 205-245-98/ĐC-HĐTĐ ngày 7/8/1998 hết hạn 2006; - Bản đồ hiện trạng năm 2015; - Bản vẽ chỉ giới đường đỏ 2016; - Thông tin quy hoạch dự kiến là nhóm đất nhà ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 3 tầng. - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
62	5	Số 53D Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm	128.50	245.00	TSDN	- Hợp đồng số 217-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 29/9/2000 hết hạn 2006; - Bản đồ hiện trạng năm 2015; - Thông tin quy hoạch là đất nhóm nhà ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 2 tầng mặt phố. - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
63	6	Số B26 Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa	105.60	105.60	Nhà thuê	Hợp đồng thuê nhà đất số 107/XNĐĐ/HĐTNCD ngày 13/6/2014; thời hạn 01/01/2017	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Sử dụng DT tầng 1 của khu tập thể cũ 5 tầng. - Kinh doanh dịch vụ giải khát	Dịch vụ ăn uống

64	7	Số 353 Phố Huế, quận Hai Bà Trưng	87.02	309.86	Nhà thuê	- Hợp đồng thuê nhà đất số 76/XN4/HĐTN26/XD ngày 12/05/2009, thời hạn 01/01/2014	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Nhà 3 tầng mặt phố. - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
65	8	C15 Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân	338.30	338.30	TSDN	- Tờ khai hiện trạng sử dụng nhà, đất năm 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Hợp đồng thuê đất số 129-245-99/ĐC-HĐTĐ ngày 29/3/1999, thời hạn 2006; - Quyết định số 6199/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016	Trả tiền thuê đất hàng năm	Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
66	9	Số 4 Ngõ Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm	38.20	76.00	TSDN	- Quyết định số 5022/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND TP vv cho TCT Thương mại HN thuê 38.2m2 đất tại số 4 ngõ Tràng Tiền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm cơ sở kinh doanh, thời hạn thuê đất 50 năm kể từ ngày 15/10/1993. - Hợp đồng thuê đất số 207/HĐTĐ ngày 14/5/2015; thời hạn thuê từ 15/10/1993 đến 14/10/2043; - Thông tin quy hoạch là đất công trình công cộng.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 2 tầng 1 tum cơi nới. - Kinh doanh DV ăn uống	Dịch vụ ăn uống
67	10	Số 6 Thuốc Bắc, quận Hoàn Kiếm	33.70	33.70	TSDN	- Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 16/02/2016; - Hợp đồng thuê đất số 735/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 14/9/2016; - Bản đồ hiện trạng năm 2011; - Thông tin quy hoạch chủ yếu là đất ở, dịch vụ thương mại.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 3 tầng (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh dịch vụ giải khát	Dịch vụ ăn uống

68	11	Số 56 Hàng Đậu, quận Hoàn Kiếm	52.50	52.50	TSDN	- Hợp đồng thuê đất số 475-245.98/ĐC-HĐTĐ ngày 21/12/1998, thời hạn 2006; - Quyết định số 6200/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Thông tin quy hoạch có chức năng đất ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 3 tầng 1 tum (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
69	12	A12 Khương Thượng (mặt phố Đông Tác), quận Đống Đa	165.50	165.50	TSDN	- Hợp đồng số 243-24598/ĐC-HĐTĐ ngày 26/8/1998 hết hạn 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Bản vẽ chỉ giới đường đỏ 2016; - Thông tin quy hoạch là đất nhóm ở cải tạo, xây dựng mới (theo dự án)	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà tập thể 5 tầng. - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
70	13	Số 8 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm	33.30	33.30	TSDN	- Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Thông tin quy hoạch là có chức năng đất ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái bằng; - Kinh doanh dịch vụ giải khát	Dịch vụ ăn uống
71	14	Số 144 Thụy Khuê . quận Tây Hồ	27.40	27.40	TSDN	- Hợp đồng số 466-245.98/ĐC-HĐTĐ ngày 12/12/1998 hết hạn 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016.		- Nhà 1 tầng mái tôn. - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống
72	15	Số 5 Hàm Tử Quan, quận Hoàn Kiếm	149.00	153.90	TSDN	- Quyết định số 6109/QĐ-UBND ngày 04/11/2016; - Hợp đồng thuê đất số 170/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 29/3/2017. - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Thông tin quy hoạch là đất cay xanh dải cách ly.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng, tầng 2 cơi nới bằng nhà khung thép mái tôn. - Kinh doanh dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống

73	16	Số 8 Bát Đàn, quận Hoàn Kiếm	41.40	41.40	TSDN	- Quyết định số 6105/QĐ-UBND ngày 04/11/2016; - Hợp đồng thuê đất số 169/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 29/3/2017. - Bản đồ hiện trạng năm 2015; - Bản vẽ chỉ giới đường đỏ 2016; - Thông tin quy hoạch dự kiến là nhóm đất nhà ở.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là DT tầng 1 của nhà 2 tầng 1 tum (từ tầng 2 trở lên của chủ sử dụng khác). - Kinh doanh phụ kiện ống nước	Dịch vụ ăn uống
74	17	Số 14 Nguyễn Khuyến, quận Đống Đa	35.50	35.50	TSDN	- Hợp đồng số 456-245-98/ĐC-HĐTĐ ngày 12/12/1998 hết hạn 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016; - Bản vẽ chỉ giới đường đỏ năm 2016 (một phần diện tích nằm trong quy hoạch hành lang đường sắt đô thị)	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn. - Kinh doanh đồ uống nhập khẩu	Dịch vụ ăn uống
I.4		**Văn phòng làm việc và khai thác cho thuê diện tích (06 địa điểm)**							
75	1	Số 11B Cát Linh, quận Đống Đa	2,933.00	17,720.00	TSDN	- Quyết định số 4503/QĐ-UBND ngày 31/8/2009 - GCNQSD nhà và đất số BS 888742 ngày 10/6/2014, thời hạn 50 năm kể từ ngày 03/02/2009; Mục đích sử dụng: TTTM dịch vụ, Trụ sở TCT Thương mại HN; - Hợp đồng thuê đất số 262/HĐTĐ ngày 07/10/2009; thời hạn thuê từ 03/2/2009 đến 02/2/2059; - Phụ lục số 528/PLHĐTĐ ngày 06/11/2013 (5 năm từ 03/2/2009 đến 2/3/2014) - Phụ lục số 462/PLHĐTĐ ngày 08/8/2014 (ổn định 5 năm 03/2/2014 đến 02/2/2019)	Trả tiền thuê đất hàng năm	Trụ sở Tổng công ty Thương mại Hà Nội và VP cho thuê. Tòa nhà 15 tầng + 1 mái + 2 tầng hầm.	Văn phòng làm việc và CT
76	2	Tầng 1, C4 Giảng Võ, quận Ba Đình	549.80	549.80	TSDN	- Quyết định 321/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 vv thu hồi 549,8 đất tại nhà C4, Giảng Võ, quận Ba Đình do Cty TM&DV tổng hợp HN (nay là	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là 1 phần DT tầng 1 của Tòa nhà 5 tầng. - Kinh doanh hàng miễn thuế, dịch vụ ăn uống	Văn phòng làm việc của Trung tâm Kinh doanh Hàng miễn thuế và Dịch vụ ăn uống

						Cty CP ĐTTM và DV tổng hợp HN) quản lý, sử dụng; cho TCT TM Hà Nội để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng (DT tầng 1 của nhà 5 tầng) làm cơ sở kinh doanh; - Bản đồ hiện trạng năm 2015; - Bản vẽ chỉ giới đường đỏ 2015; - Thông tin quy hoạch có chức năng là đất ở. - Hợp đồng thuê đất số 739/HĐTĐ/TNMT-PC ngày 14/9/2016; thuê đất hàng năm.			
77	3	Số 254 Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa	161.50	300.00	TSDN	- Hợp đồng thuê đất số 305-245/ĐC-HĐTĐ ngày 22/9/1999, thời hạn 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đồ hiện trạng năm 2016	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 2 tầng. - Tầng 2 là Văn phòng làm việc của Cty CP PTST và cho thuê văn phòng	Văn phòng làm việc
78	4	Số 22 Đông Các, quận Đống Đa	42.00	84.00	TSDN	- Tờ khai hiện trạng sử dụng nhà đất năm 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010. - Bản đồ hiện trạng năm 2016	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 2 tầng, cơi nới thêm tầng 3 bằng tôn. - VP làm việc và giới thiệu SP.	Văn phòng làm việc
79	5	Số 376 Khâm Thiên, quận Đống Đa	326.80	326.80	TSDN	- Hợp đồng thuê đất số 282-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 18/9/1999, thời hạn 2006; - Bản đồ hiện trạng năm 2016	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái bằng có xép lửng. - Kinh doanh xe đạp *Vướng mắc đơn đòi nhà của bà Đỗ Thị Nghễ. Tuy nhiên TCT khẳng định quyền sở hữu tài sản trên đất và quyền sử dụng đất tại địa điểm 376 Khâm Thiên.	Văn phòng làm việc, Showroom giới thiệu sản phẩm

80	6	Số 362 Phố Huế, quận Hai Bà Trưng	618.40	3,376.00	TSDN	- Giấy chứng nhận QSD đất số AB 082504 ngày 06/5/2005, thời hạn sử dụng đất 30 năm đến ngày 01/01/2034; Mục đích sử dụng đất: để xây dựng TTTM và Dịch vụ; - Hợp đồng thuê đất số 60-2004/TNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 02/7/2004, thời hạn 01/01/2034.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là Tòa nhà 7 tầng nổi và 01 tầng hầm; TCT ký Hợp đồng cho thuê tòa nhà số 5207/THP/HĐ ngày 05/02/2007 cho Ngân hàng TMCP các DN ngoài Quốc doanh VN (nay là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng thuê với thời hạn 27 năm; TCT đang quản lý, sử dung 96m2 tại tầng 2 của Tòa nhà. Công ty Siêu thị HN kinh doanh cửa hàng tiện ích và dịch vụ ăn uống tại diện tích này.	Văn phòng làm việc và CT
I.5		**Kho hàng (04 địa điểm)**							
81	1	Số 160-162 Ngõ Thái Thịnh I, quận Đống Đa	208.50	208.50	TSDN	- Quyết định số 6200/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Hợp đồng số 459-245.98/ĐC-HĐTD ngày 12/12/1998 hết hạn 2006; - Quyết định số 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đạc năm 2016; Bản vẽ chỉ giới đường đỏ năm 2016; - Thông tin quy hoạch là đất công đô thị (bao gồm các trung tâm văn hóa, thương mại, tài chính, dịch vụ, y tế, các công trình công cộng đặc biệt của Thành phố và Quốc gia.	Trả tiền thuê đất hàng năm	Văn phòng làm việc, kho phân phối hàng hóa	Kho hàng
82	2	Số 149 Ngõ Thái Thịnh I, quận Đống Đa	423.60	423.60	TSDN	- Hợp đồng thuê đất số 281/245-98/ĐC-HĐTĐ, thời hạn 2006. - Bản đồ hiện trạng năm 2016.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn. - Kho hàng	Kinh doanh HaproMart và kho hàng
83	3	Số 145 Ngõ Thái Thịnh, quận Đống Đa	527.30	207.30	TSDN	- Quyết định số 6199/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Hợp đồng thuê đất số 135/245-98/ĐC-HĐTĐ, thời hạn 2006; - Bản vẽ mặt bằng bàn giao có chữ ký của UBND phường Thịnh Quang về diện tích chợ tạm. - Bản đồ hiện trạng năm 2016.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn. - 320m2 bàn giao cho UBND phường Thịnh Quang làm chợ tạm; - 207.3m2 làm kho hàng	

84	4	Xuân Nộn, huyện Đông Anh	19,077.00	9,516.00	TSDN	- Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 02/01/2014 của UBND TP vv cho TCT Thương mại HN thuê 19.077m2 đất tại xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh để thực hiện DA đầu tư Khu liên hiệp xí nghiệp Chế biến rau củ quả an toàn Haprothời hạn50 năm kể từ ngày 28/12/2012; - Hợp đồng thuê đất số 446/HĐTĐ ngày 06/8/2014 (thời hạn từ 28/12/2012 - 27/12/2062)	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà xưởng, kho hàng do Trung tâm chế biến Hàng Xuất khẩu trực tiếp quản lý và khai thác kho hàng: bao gồm 8 dãy nhà kho (9,194m2); 01 dãy nhà văn phòng làm việc (312m2) và 01 nhà bảo vệ (10m2)	Kho hàng
II		**Các địa điểm tiếp tục thực hiện Dự án đầu tư xây dựng (11 địa điểm)**							
85	1	Số 5 Lê Duẩn, quận Ba Đình	1,624.00		TSDN	- Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 30/3/2010 vv thu hồi 1.624m2 đất tại số 5 phố Lê Duẩn, phường Điện Biên, quận Ba Đình; cho TCT Thương mại HN thuê để thực hiện DA đầu tư xây dựng Trung tâm TM và DV tổng hợp, thời gian thuê đất 50 năm, kể từ ngày 01/4/2008 (ngày UBND TP cấp GCN đầu tư) - GCNQSDĐ số BD 985419 ngày 08/6/2011; - Hợp đồng thuê đất số 124/HĐTĐ ngày 17/5/2010; thời hạn từ 01/4/2008 đến 31/3/2058- - Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000146 cấp lần đầu ngày 1/4/2008, cấp lại lần thứ 2 ngày 19/6/2014	Trả tiền thuê đất hàng năm	Đang thực hiện dự án (Hợp tác với Công ty CP Tập đoàn Vàng bạc Đá quý Doji)	Tiếp tục thực hiện DA
86	2	Trung tâm kinh doanh chợ Thượng Đình, quận Thanh Xuân	3,108.50		TSDN	Quyết định số 2898/QĐ-UBND ngày 12/6/2009 Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước của Tổng công ty Thương mại Hà Nội theo Quyết định 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ	Trả tiền thuê đất hàng năm	Đang triển khai dự án đầu tư. Hợp tác với Công ty CP Tập đoàn đầu tư xây dựng nhà đất. Tuy nhiên Chủ tịch Công ty CP Tập đoàn đầu tư xây dựng nhà đất hiện đang bị bắt vì những sai phạm trong ĐTXD Dự án tại Hà Nội nên dự án đang tạm dừng chờ kết quả điều tra của cơ quan điều tra.	Tiếp tục thực hiện DA

87	3	Số 106 Nguyễn An Ninh, quận Hoàng Mai	459.70		TSDN	- Quyết định số 946/QĐ-UB ngày 22/2/2005 - Hợp đồng thuê đất số 43 - 2005/TNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 22/4/2005; thời hạn từ 15/10/1993 đến 15/10/2025	Trả tiền thuê đất hàng năm	Đang triển khai dự án đầu tư. Trong 459.70m2 có 298.7m2 đất để xây dựng dự án và 161m2 đất nằm trong quy hoạch mở đường không được xây dựng.	Tiếp tục thực hiện DA
88	4	Trung tâm kinh doanh Chợ đầu mối phía Nam, quận Hoàng Mai	37,716.00	6,942.00	TSDN	- Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 11/10/2007 của UBND TP vv chuyển giao Chợ đầu mối phía Nam thuộc Ban Quản lý chợ quận Hoàng Mai về TCT Thương mại Hà Nội quản lý. - Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 08/01/2008 của UBND Thành phố vv chuyểngia o điểm đỗ xe công cộng Hải Bối (huyện Đôgn Anh) và Đề Lừ (quận Hoàng Mai) về Tổng công ty Thương mại Hà Nội quản lý. - Giấy CNĐT số 01121000370 ngày 21/12/2009 - Bản đồ hiện trạng có xác nhận của STN&MT ngày 29/7/2014 (Khu Bãi đỗ xe Kim Ngưu I: 16.778m2; khu Chợ: 20.938m2)	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Do Trung tâm chợ đầu mối Phía Nam quản lý và khai thác. - Đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư dự án.	Tiếp tục thực hiện DA
89	5	Trung tâm kinh doanh Chợ đầu mối Bắc Thăng Long - Thôn Cổ Điển - Xã Hải Bối – huyện Đông Anh	72,745.00	4,918.00	TSDN	- Quyết định số 4626/QĐ-UBND ngày 19/11/2007. - Quyết định chủ trương đầu tư số 2849/QĐ-UBND ngày 02/6/2016.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Do Trung tâm chợ đầu mối Bắc Thăng Long trực tiếp quản lý và khai thác. - Đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư dự án.	Tiếp tục thực hiện DA
90	6	Trung tâm Thương mại Dịch vụ Sóc Sơn, huyện Đông Anh	6,169.00		TSDN	- Quyết định số 2084/QĐ-UBND ngày 10/5/2010-GCN QSDĐ số BI 486956 ngày 28/6/2012 - Hợp đồng thuê đất số 281/HĐTĐ ngày 08/10/2010; thời hạn từ 10/5/2010 đến 29/6/2059 - Phụ lục Hợp đồng số 02/PLHĐTĐ	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Đang triển khai dự án đầu tư xây dựng. - Dự án có đường ống xăng dầu của kho 190, Cục xăng dầu – Tổng cục hậu cần (thi công trước khi dự án được chấp thuận) và đường ống thoát nước của dự án cho dân cư thôn Phù Mã và khu đấu giá huyện Phù Linh, huyện	Tiếp tục thực hiện DA

						ngày 03/01/2012 (ổn đinh giá 5 năm từ 10/5/2010 - đến 9/5/2015)		Sóc Sơn (thi công sau khi Tổng công ty trúng thầu) đi qua khu đất. Tổng công ty đang liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để xác định chính xác vị trí, diện tích để xin tách phần diện tích này ra khỏi dự án.	
91	7	Khu công nghiệp Thực phẩm Hapro, huyện Gia Lâm	326,645.00	181,501	TSDN	- Quyết định số 1757/QĐ-UB ngày 20/3/2002 - Quyết định số 75/2007/QĐ-UBND ngày 4/7/2007.		Đang triển khai dự án đầu tư xây dựng; Hiện nay có công trình Nhà máy Mỳ và công trình xử lý nước thải. Các công trình còn lại do các đối tác thuê đất tự đầu tư xây dựng.	Tiếp tục thực hiện DA
92	8	Khu nhà ở và khu phụ trợ - Cụm CNTP Hapro, huyện Gia Lâm	352,405.00		TSDN	- Quyết định số 78/2005/QĐ-UBND ngày 2/6/2005 - Quyết định số 4400/QĐ-UBND ngày 08/9/2010 - Hợp đồng số 368/HĐTĐ ngày 30/6/2014 ; thời hạn từ 08/9/2010 đến 07/9/2060. - Phụ lục Hợp đồng số 276/HĐTĐ/PL1-STNMT-PC ngày 17/5/2016 (ổn định đơn giá 5 năm từ 10/11/2015 đến 9/11/2020)	Đã trả tiền sử dụng đất một lần	Đang triển khai thực hiện dự án	Tiếp tục thực hiện DA
93	9	Dự án Điểm đỗ xe Hải Bối, huyện Đông Anh	14,037.00			- Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 06/3/2015 vv chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án điểm đỗ xe Hải Bối trên diện tích khu đất 14.037m2	Chưa kê khai nộp tiền thuê đất, thuế đất do đất chưa GPMB và chưa được bàn giao đất.	Đang thực hiện chuẩn bị đầu tư	Tiếp tục thực hiện DA
94	10	Số 160 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân	860.70	430.50	TSDN	- Giấy sử dụng đất số 1755UB/KTCB ngày 28/10/1971; - Giấy sử dụng đất số 450 UB/KTCB ngày 07/7/1970; - Tờ kê khai hiện trạng quản lý, sử dụng đất ngày 12/5/2008' công văn số 04.04/TB-DT ngày 30/01/2004 của Công ty địa chính HN.		- Dãy nhà 1 tầng mái tôn mặt phố; phía trong có sân trống. - Kinh doanh Ống nước, đồ điện kim khí (Đang tranh chấp)	Dự án mới xây dựng Trung tâm Thương mại Hapro

95	11	Số 38-40 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm	571.51	2,237.11 (trong đó TCT tự xây dựng là 1,440.2m2)	Nhà thuê	Đã thanh lý hợp đồng thuê nhà đất với Cty TNHH MTV Quản lý và phát triển nhà Hà Nội để làm thủ tục mua tài sản trên đất và nhận chuyển nhượng QSDĐ	Đã nộp tiền mua tài sản trên đất và nộp tiền thuê đất một lần. Đang chờ ý kiến chỉ đạo của UBND Thành phố	Khối nhà 02 tầng : kinh doanh ăn uống và văn phòng Khối nhà 6 tầng: đang để trống Đang chờ quyết định của Thành phố để xin mua tài sản trên đất nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.	Dự án mới xây dựng Trung tâm Thương mại Hapro
III		**Địa điểm đang chờ góp vốn thành lập Công ty cổ phần Khách sạn Tràng Thi**							
96	1	Số 11B Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm	161.30	161.30	TSDN	- Hợp đồng thuê đất số 477-245.98/ĐC-HĐTĐ ngày 21/12/1998, thời hạn 2006; - QĐ 6200/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; - Bản đạc năm 2015; - Công văn số 755/UBND-KT ngày 05/02/2016 của UBND TP vv góp vốn thành lập CTCP Khách sạn Tràng Thi của TCT; - QĐ số 109/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của UBND TP v/v cho TCT thuê 161,3 m2 đất tại số 11B Tràng Thi	Trả tiền thuê đất hàng năm	Đang hoàn thiện thủ tục pháp lý để bàn giao cho Công ty cổ phần Khách sạn Tràng Thi theo Quyết định của Thành phố.	
IV		**Các địa điểm mạng lưới tại các tỉnh ngoài thành phố Hà Nội (18 địa điểm)**							
IV.1		**Tỉnh Hưng Yên**							
97	1	Dị Sử - tỉnh Hưng Yên	34,538.00	3,263.00	TSDN	- Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 15/7/2014; - GCN quyền sở hữu nhà và đất số BT 769973 ngày 23/7/2014; - Hợp đồng thuê đất số 48/HĐ-TĐ ngày 23/7/2014 (ổn định giá 5 năm từ 11/01/2012 đến 10/1/2017); thời hạn từ 11/01/2002 đến 11/01/2052; - Giấy Chứng nhận đầu tư số 05101000624	Trả tiền thuê đất hàng năm	- 01 dãy nhà văn phòng 2 tầng mái bằng; 01 nhà kho hàng khung thép tiền chế. - Văn phòng chi nhánh và Kinh doanh cho thuê kho bãi	Văn phòng làm việc và Kho của Chi nhánh TCT tại Hưng Yên

IV.2		**Tỉnh Quảng Nam**							
98	2	Lô Villa 2D Khu biệt thự sân gôn Montgimerie Links Việt Nam, phường Điện Ngọc, thị Xã Điện Bàn (thửa đất số 78, tờ bản đồ số 01)	355.30	241.47	TSDN	- GCN quyền sử dụng đất số CB246708 ngày 18/9/2015; Thời hạn: Lâu dài;	- Nguồn gốc: nhận chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất được nhà nước cho thuê đất trả tiền 1 lần - Đất thuộc dự án kinh doanh nhà ở cho thuê và bán nên người mua nhà gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc dự án này được sư dụng đất ổn định lâu dài.	Biệt thự 2 tầng, đất ở tại đô thị. Diện tích xây dựng: 110,8m2; cấp công trình: cấp III	Kinh doanh CT
99	3	Lô Villa 4D Khu biệt thự sân gôn Montgimerie Links Việt Nam, phường Điện Ngọc, thị Xã Điện Bàn (thửa đất số 77, tờ bản đồ số 01)	355.10	241.47	TSDN	- GCN quyền sử dụng đất số CB246707 ngày 18/9/2015; Thời hạn: Lâu dài;		Biệt thự 2 tầng, đất ở tại đô thị. Diện tích xây dựng: 110,8m2; cấp công trình: cấp III	Kinh doanh CT
100	4	Lô Villa 6D Khu biệt thự sân gôn Montgimerie Links Việt Nam, phường Điện Ngọc, thị Xã Điện Bàn (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 01)	355.40	241.47	TSDN	- GCN quyền sử dụng đất số CB246709 ngày 18/9/2015; Thời hạn: Lâu dài;		Biệt thự 2 tầng, đất ở tại đô thị. Diện tích xây dựng: 110,8m2; cấp công trình: cấp III	Kinh doanh CT
101	5	Lô Villa 10D Khu	355.00	241.47	TSDN	- GCN quyền sử dụng đất số CB246705 ngày 18/9/2015; Thời		Biệt thự 2 tầng, đất ở tại đô thị. Diện tích xây dựng: 110,8m2; cấp công	Kinh doanh CT

		biệt thự sân gôn Montgimerie Links VN, phường Điện Ngọc, thị Xã Điện Bàn (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 01)				hạn: Lâu dài;		trình: cấp III	
IV.3		**Tỉnh Đồng Tháp**							
102	6	Xã Tân Dương, huyện Lai Vung (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 21) (lô 1)	7,158.50	4,577.4	TSDN	- GCN quyền sử dụng đất số BF 372321; Thời hạn: 850m2: sử dụng lâu dài; 1.581,3m2 đến 14/6/2060; 1.517m2: đến 27/6/2061; 3.210,2m2 đến 23/9/2063.	-Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSD đất như giao đất có thu tiền SD đất DT 850m2. - Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất DT 6.308,5m2	VP chi nhánh TCT tại Đồng Tháp. Nhà máy và kho gạo	Kho hàng
103	7	Xã Tân Dương, huyện Lai Vung (thửa đất số 86, tờ bản đồ số 21) (lô 2)	2,502.00		TSDN	- GCN quyền sử dụng đất số CA 140669; Thời hạn 20/4/2065	Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần	Nhà máy và kho gạo	Nhà máy và kho gạo của Chi nhánh TCT tại Đồng Tháp

104	8	Khóm Tân Thuận, phường An Hòa, thành phố Sa Đéc (thửa số 235, tờ bản đồ số 30)	85.00		TSDN	- GCN quyền sử dụng đất số BS 372226 ngày 23/6/2014; Thời hạn lâu dài, nhà nước giao đất có thu tiền SDĐ. Đất cơ sở SXKD	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất		Kho hàng
105	9	Phường 1, thành phố Sa Đéc (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 49)	90.00	226.80	TSDN	- GCN quyền sử dụng đất số CĐ 038784 ngày 12/5/2016; Thời hạn lâu dài, nhà nước giao đất có thu tiền SDĐ. Đất cơ sở SX PNN	Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.	Nhà cấp 3 (DTXD: 72m2), VP chi nhánh TCT tại Đồng Tháp.	
IV.4		**Tỉnh Bình Dương**							
106	10	Xã An Phú, huyện Thuận An (thửa đất số 487, tờ bản đồ số Dc14-3 (lô 1)	292.10	200.00	TSDN	- GCN quyền sử dụng đất số BA 163130 ngày 1/4/2013; thời hạn 11/11/2060. Mục đích sử dụng: Đất cơ sở SXKD. Trong 292,1m2 có 33,9m2 nằm trong Hành lang an toàn đường bộ; - Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 11/11/2010 của UBND tỉnh Bình Dương vv chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp với hình thức cho thuê đất trả tiền hàng năm; - Hợp đồng thuê đất số 3333/HĐ.TĐ ngày 08/12/2010, thời hạn thuê đất đến 11/11/2060.	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	CN của TCT tại TP.HCM cho Công ty Điều Việt Hà thuê làm kho hàng	Nhà máy và kho hàng

107	11	Xã An Phú, huyện Thuận An (thửa đất số 486, tờ bản đồ số Dc14-1 (lô 2)	2,395.80	1,895.80	TSDN	- GCN quyền sử dụng đất số BA 163128 thời hạn 11/11/2060; Mục đích sử dụng: Đất cơ sở SXKD;- Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 11/11/2010 của UBND tỉnh Bình Dương vv chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp với hình thức cho thuê đất trả tiền hàng năm; - Hợp đồng thuê đất số 3333/HĐ.TĐ ngày 08/12/2010, thời hạn thuê đất đến 11/11/2060.	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm		Nhà máy và kho hàng
108	12	Xã An Phú, huyện Thuận An (lô 3)	3,988.21	1,968.00	TSDN	- GCN quyền sử dụng đất số BA 133712 thời hạn tháng 03/2028 - Mục đích sử dụng: Đất cơ sở SXKD; - Hợp đồng thuê đất số 668/HĐ.TĐ ngày 25/3/2010, thời hạn thuê đất đến 3/2028.	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm; Nhận chuyển nhượng tài sản trên đất gắn liền với đất thuê từ Công ty TNHH Thăng Long.		Nhà máy và kho hàng
IV.5		**Tỉnh Gia Lai**							
109	13	Thôn Plei Dư, xã Ia Hrú, huyện Chư Pưh (thửa 266a, tờ bản đồ số 66)	496.00		TSDN	Giấy CNQSD đất: BH197805; thời hạn: đất ở (200m2) lâu dài; đất nông nghiệp đến năm 2051 Tờ trình số 54/TTr-BCĐ.THCN ngày 8/5/2015; Chứng thư thẩm định giá	Nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất		Kho hàng
110	14	Thôn Plei Dư, xã Ia Hrú, huyện Chư Pưh (thửa 270; 312a, tờ bản đồ số 66)	484.00		TSDN	Giấy CNQSD đất: BH197806; đất ở; thời hạn: lâu dài. Tờ trình số 54/TTr-BCĐ.THCN ngày 8/5/2015; Chứng thư thẩm định giá	Nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất		Văn phòng tại tỉnh Gia Lai của Chi nhánh TCT tại thành phố Hồ Chí Minh

111	15	Làng Ring 2, xã HBông, huyện Chư Sê (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 32)	10,563.00		TSDN	Giấy CNQSD đất: BU632751; Thời hạn: đất ở (400m2) lâu dài, đất trồng cáy (10.163m2) lâu năm 4/2051. Tờ trình số 44/TTr-BCĐ.THCN ngày 16/6/2014; Chứng thư thẩm định giá	Nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất		Kho hàng tại tỉnh Gia Lai của Chi nhánh TCT tại thành phố Hồ Chí Minh
112	16	Làng Ring 2, xã HBông, huyện Chư Sê (thửa đất số 12+20, tờ bản đồ số 32)	3,980.00		TSDN	Giấy CNQSD đất: BU632753; Thời hạn: 11/2032, đất trồng cây hàng năm khácTờ trình số 44/TTr-BCĐ.THCN ngày 16/6/2014; Chứng thư thẩm định giá	Nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất.		Kho hàng tại tỉnh Gia Lai của Chi nhánh TCT tại thành phố Hồ Chí Minh
113	17	Làng Ring 2, xã HBông, huyện Chư Sê (thửa đất số 5+11, tờ bản đồ số 32)	1,591.00		TSDN	Giấy CNQSD đất: BU632752; Thời hạn: 11/2032, đất trồng cây hàng năm khác. Tờ trình số 44/TTr-BCĐ.THCN ngày 16/6/2014; Chứng thư thẩm định giá	Nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất		Kho hàng tại tỉnh Gia Lai của Chi nhánh TCT tại thành phố Hồ Chí Minh
IV.6		**Thành phố Hồ Chí Minh**							

114	18	77-79 Phó Đức Chính, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1	140.88	960.24	TSDN	- Giấp phép công nhận quyền sở hữu nhà số 2906/GP-CS ngày 23/12/1993; - Giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà số 2907/GP-CS ngày 23/12/1993; - Quyết định số 833/QĐ-UB ngày 27/2/1998 vv bàn giao nhà 77-79 Phó Đức Chính của Cty XNK Nam HN cho Cty SX-XNK tổng hợp HN; - Quyết định số 07/QĐ-UB ngày 02/01/1999 của UBND Thành phố vv Sáp nhập Chi nhánh Cty SX XNK tổng hợp Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh vào Xí nghiệp phụ tùng xe đạp xe máy Lê Ngọc Hân và chuyển đổi thành Công ty SX XNK Nam Hà Nội; - Quyết định số 125/2004/QĐ-UB ngày 11/8/2004 của UBND Thành phố vv thành lập Tổng công ty Thương mại Hà Nội thí điểm hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.	Quyền sở hữu nhà và nộp tiền thuế đất PNN hàng năm cho UBND quận 1 theo thông báo	- Tòa nhà 5 tầng với tổng diện tích sàn xây dựng 923.16m2; - Tầng 2,4 và tầng 5 làm Văn phòng làm việc của Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh; Tầng 1 và tầng 3 cho Công ty CP SX hàng gia dụng Haprosimex Sài Gòn theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 01/2016/HĐTĐĐ/HAPRO ngày 30/5/2016.	Văn phòng làm việc của Chi nhánh TCT Thương mại Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh và khia thác cho thuê diện tích văn phòng
V		**Các địa điểm nằm trong quy hoạch, bàn giao về Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội; Công ty cổ phần được ký Hợp đồng thuê nhà, đất hàng năm và tiếp tục quản lý, sử dụng**							
115	1	Ki ốt TT Nguyễn Công Trứ, quận Hai Bà Trưng	20.00	20.00	Nhà thuê	Tờ khai hiện trạng sử dụng nhà, đất năm 2006	Trả tiền thuê nhà, thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng mái tôn. - Kinh doanh đồ điện gia dụng	Cửa hàng chuyên doanh điện gia dụng
116	2	Số 166A Nguyễn Thái Học, quận Ba Đình	64.70	64.00	TSDN	Hợp đồng mua bán nhà ngày 27/8/1990 tại Phòng công chứng Nhà nước số 1 thành phố Hà Nội giữa Công ty Bách hóa Hà Nội và Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ngà; Bản đạc năm 2016; Bản vẽ chỉ giới đường đỏ năm 2016; thông tin quy hoạch là đất công cộng, hỗn hợp (văn phòng, thương mại, dịch vụ…)		- Nhà 1 tầng 1 tum. - Kinh doanh tranh đá quý	Cửa hàng chuyên doanh tranh đá quý

117	3	Số 65 Trần Nhân Tông, quận Hai Bà Trưng	15.10	15.10	TSDN	HĐ số 191-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 21/9/2000 hết hạn 2006; QĐ 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 1 tầng, cải tạo thêm 1 tum. - Kinh doanh thời trang	Cửa hàng chuyên doanh thời trang
118	4	Trung tâm Ngã Tư Sở (bên phải), quận Đống Đa	235.40	422.30	TSDN	HĐ số 198-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 12/8/1999 hết hạn 2006; QĐ 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là phần Dt của nhà 2 tầng đã xuống cấp trầm trọng. - Tầng 1 kinh doanh quần áo, đồng hồ và 1 gian kinh doanh hoa giả; Tầng 2 làm kho	Cửa hàng chuyên doanh
119	5	Trung tâm Ngã Tư Sở (bên trái), quận Đống Đa	210.00	462.50	TSDN	HĐ số 295-245-98/ĐC-HĐTĐ ngày 2/10/1998 hết hạn 2006; QĐ 6201/QĐ-UBND ngày 17/12/2010	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Là phần DT của nhà 2 tầng đã xuống cấp trầm trọng. - Tầng 1: kinh doanh chăn, ga gối; quần áo; dịch vụ ăn uống; - Tầng 2 xuống cấp nguy hiểm, không sử dụng	Cửa hàng chuyên doanh
120	6	Số 373 Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì	157.50	314.74	TSDN	HĐ số 98-245.99/ĐC-HĐTĐ ngày 12/3/1999 hết hạn 2006; QĐ 6200/QĐ-UBND ngày 17/12/2010; Bản vẽ chỉ giới đường đỏ cấp ngày 16/6/2003; thông tin quy hoạch thuộc phạm vi mở rộng đường Ngọc Hồi.	Trả tiền thuê đất hàng năm	- Nhà 2 tầng, cải tạo thêm tầng 3 bằng khung sắt. - Kinh doanh Hapromart; dịch vụ vui chơi giải trí. * Công văn số 1414/VQH-TT3 ngày 30/6/2016 của Viện Quy hoạch xây dựng HN thì khu đất 373 đường Ngọc Hồi có phần lớn diện tích nằm trong phạm vi dự kiến mở đường, phần diện tích còn lại quá nhỏ. Theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 của UBND TP dự kiến phần đất này sẽ bị thu hồi sử dụng cho mục đích công cộng	Cửa hàng Hapromart

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
VỀ VIỆC THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG VÀ PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG DÔI DƯ CỦA TCT THƯƠNG MẠI HÀ NỘI KHI CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY MẸ- TCT THƯƠNG MẠI HÀ NỘI.

- Thời gian: 14h00, ngày 12 tháng 06 năm 2017
- Địa điểm: tại Sở Lao động Thương binh và Xã hội .

I/ Thành phần:

1/ Sở Lao động Thương binh và xã hội Hà Nội

- Ông Nguyễn Quốc Khánh – PGĐ Sở
- Ông Nguyễn Bá Lực - Trưởng phòng Lao động Tiền lương BHXH
- Bà : Dương Tuyết Mùi – Chuyên viên phòng Lao động Tiền lương BHXH.

2/ Chi cục tài chính doanh nghiệp Hà Nội

-Ông Nguyễn Xuân Sáng- Chi cục trưởng chi cục tài chính DN
- Ông Hoàng Đình Tiến- Trưởng phòng Tài chính DN 3
-Bà: Nguyễn Hồng Diệp – Phó phòng Tài chính DN 3.

3/ Sở Nội Vụ Thành phố :

- Ông: Phùng Văn Lâm – Phó phòng Biên chế
- Ông Phạm Hoàng Việt- Chuyên viên

4/Liên đoàn Lao động Thành phố:

-Bà Nguyễn Thanh Thủy – Phó ban chính sách pháp luật

5/ Tổng công ty Thương mại Hà Nội:

- Ông Vũ Thanh Sơn – Tổng giám đốc TCT.
- Ông Nguyễn Quang Lâm - Chủ tịch công đoan TCT.
- Bà Trần Thị Hồng Hoa – KSV Tổng công ty.
- Bà Lương Thị Khánh – Trưởng phòng Quản trị nhân sự
- Bà Lăng Thị Thúy Hằng – Phó phòng QTNS

II/ Nội dung cuộc họp:

Các căn cứ pháp lý:

+ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển giao doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

+ Căn cứ nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/1/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

+ Căn cứ Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ về quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

+Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ LĐTBXH, về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với NLĐ theo NĐ 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phu về chuyển DN 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần.

+Căn cứ thông tư số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội Vụ- Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

+ Căn cứ Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ về quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

+ Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 6/6/2016 của Ủy ban nhân dân UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội;

+ Quyết định số 3426/QĐ-STC-BCĐ ngày 14/6/2016 của Sở tài chính Hà nội, việc thành lập tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội;

+ Căn cứ quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 28/04/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty Mẹ- Tổng công ty Thương Mại Hà Nội.

+ Căn cứ Phương án sắp xếp lao động khi thực hiện cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội và hồ sơ của NLĐ có tên trong danh sách tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp của Tổng công ty.

Trên cơ sở công văn số 353/TCT-QTNS ngày 23/5/2017 của Tổng công ty Thương Mại Hà Nội về việc xin điều chỉnh phương án lao động và đề nghị Liên ngành thẩm định lại phương án lao động.

Hội nghị thống nhất:

1/ Tổng số lao động có tên trong danh sách của Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại thời điểm dự kiến công bố giá trị doanh nghiệp (28/04/2017) là: 630 người

Trong đó:

a. Số lao động thuộc diện không ký HĐLĐ (do nhà nước bổ nhiệm) : 05 người.

b. Số lao động ký HĐLĐ không xác định thời hạn: 559 người

c. Số lao động ký HĐLĐ xác định thời hạn từ 1 năm đến 3 năm : 63 người

d. Số lao động ký HĐLĐ thời vụ, thử việc dưới 1 năm :03 người.

2/ Số LĐ có mặt tại thời điểm dự kiến công bố giá trị doanh nghiệp (28/04/2017) thuộc đối tượng được mua cổ phần ưu đãi và đủ điều kiện để mua cổ phần ưu đãi : 586 **người**.

-Tổng số năm công tác của 586 người lao động tính đến thời điểm dự kiến công bố giá trị doanh nghiệp (ngày 28/04/2017): 7.912 năm ***(Bằng chữ: bảy nghìn chín trăm mười hai năm)***

- Số LĐ không thuộc đối tượng mua cổ phần ưu đãi và không đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi: **44 người** (bao gồm: **24** cán bộ đại diện vốn của TCT tại các Công ty cổ phần có vốn góp của Tổng công ty không nằm trong danh sách trả lương của TCT; **20** lao động có thời gian làm việc dưới 01 năm).

3/ Số lao động thuộc đối tượng Công ty cổ phần cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp với thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày DN được cấp giấy đăng ký kinh doanh lần đầu) được mua thêm cổ phần ưu đãi là 174 người (có đơn cam kết làm việc lâu dài của 174 người lao động kèm theo phê duyệt của BCĐ cổ phần hoá công ty).

Mua thêm mức 200 cổ phần/01năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp là :174 người với năm mua thêm là 1.414 năm tương ứng với tổng số cổ phần ưu đãi mua thêm là 282.800 cổ phần.

4/Mua thêm mức 500 cổ phần/01năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp theo tiêu chí chuyên gia giỏi tại thời điểm kiểm tra : không có.

5/ Dự kiến số lao động cần sử dụng theo yêu cầu sản xuất kinh doanh là: 550 người (trong đó có 04 đồng chí viên chức quản lý và 546 người lao động).

6/ Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp: 0 người

8/ Số lao động chấm dứt HĐLĐ theo quy định của Pháp luật tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp: 0 người

9/ Dự kiến số lao động dôi dư khi sắp xếp lại theo nghị định 63/2015/NĐ-CP tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (28/4/2017) là: 79 người .

9.1/ Đối với số lao động tuyển dụng trước 21/4/1998: gồm 02 nhóm:

- **Nhóm 1**: gồm 23 lao động đủ điều kiện nghỉ hưu do dôi dư không bố trí được việc làm nghỉ hưu trước tuổi tương ứng với số kinh phí trợ cấp là: **1.351.197.766** đồng. (Mẫu số 6).

- **Nhóm 2**: gồm 16 lao động dôi dư không bố trí được việc làm nghỉ việc hưởng trợ cấp mất việc làm tương ứng với số kinh phí trợ cấp là : **1.249.803.663 đồng** (Mẫu số 8).

- Tổng cộng 02 khoản kinh phí của 02 nhóm nêu trên là **2.601.001.429 đồng.**

9.2/Đối với số lao động tuyển dụng từ 21/4/1998 trở về sau : gồm 01 nhóm

- **Nhóm 3**: gồm 40 lao động dôi dư không bố trí được việc làm nghỉ việc hưởng trợ cấp mất việc làm tương ứng với số kinh phí trợ cấp là **769.212.465 đồng**. (Mẫu số 9).

9.3/Tổng cộng kinh phí của 79 lao động dôi dư gồm 3 nhóm: (1+2+3) là **3.370.213.894 đồng.** *Bằng chữ: (Ba tỷ ba trăm bảy mươi triệu hai trăm mười ba nghìn tám trăm chín mươi bốn đồng).*

10/Dự kiến số viên chức tinh giản biên chế theo nghị định 108/NĐ-CP tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (28/4/2017) là: **01 người**

Tổng công ty Thương mại Hà Nội chịu trách nhiệm về việc xác định đối tượng mua cổ phần ưu đãi, đối tượng lao động dôi dư, đối tượng tinh giản biên chế và tính pháp lý trong các hồ sơ của người lao động do Tổng công ty cung cấp.

Liên ngành thống nhất giao Sở Lao động Thương binh và Xã hội (thay mặt liên ngành) báo cáo UBND Thành phố, Ban đổi mới phát triển doanh nghiệp thành phố về phương án lao động và phương án lao động dôi dư của Tổng công ty Thương mại Hà Nội khi cổ phần hóa công ty mẹ Tổng công ty.

Biên bản này thay thế cho biên bản thẩm định phương án lao động khi cổ phần hóa TCT Thương Mại ngày 8/5/2017 và Biên bản thẩm định phương án lao động dôi dư không bố trí được việc làm ngày 10/5/2017 của Liên ngành Lao động Thương binh & XH, Nội vụ, Tài chính, Liên đoàn Lao động Thành phố.

Hội nghị kết thúc lúc: 17h00 cùng ngày.

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI HÀ NỘI

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Khánh

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Sơn

SỞ NỘI VỤ

CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Nguyễn Hồng Diệp

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TP

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2017

PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG KHI CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH1 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần; Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần; Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp, đổi mới Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc UBND Thành phố giai đoạn 2012-2015;

Thực hiện Kế hoạch 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của UBND thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc UBND Thành phố Hà Nội năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 6/6/2016 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hà Nội Vv Thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc Phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội;

Căn cứ vào Phương án kinh doanh sau cổ phần hóa của Tổng công ty Thương mại Hà Nội;

Tổng công ty Thương mại Hà Nội xây dựng phương án sắp xếp, sử dụng lao động sau cổ phần hoá và giải quyết chế độ cho người lao động dôi dư, thôi việc tại thời điểm dự kiến công bố giá trị Doanh nghiệp khi cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY HIỆN TRẠNG:

1. Tên Doanh nghiệp trước khi chuyển đổi: Tổng công ty Thương mại Hà Nội.

- Tên giao dịch quốc tế: **HANOI TRADE CORPORATION**
- Tên Thương hiệu và viết tắt Tiếng Anh: HAPRO
- Logo:

Hapro
Mang hồn đất Việt

2. Trụ sở:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 38 - 40 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : (04) 3826 7984
- Fax : (04) 3826 7983
- Website : www.haprogroup.vn

3. Thành lập: Căn cứ Quyết định số 129/2004/QĐ-Ttg ngày 14/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Tổng công ty Thương mại Hà Nội thí điểm hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con; Căn cứ Quyết định số 125/2004/QĐ-UB ngày 11/8/2004 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Tổng công ty Thương mại Hà Nội và Quyết định số 3466/QĐ-UBND ngày 13/7/2010 của UBND Thành phố Hà Nội về việc chuyển đổi Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội thành Công ty TNHH một thành viên;

4. Ngành nghề kinh doanh:

Stt	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Bán buôn thực phẩm;	4632
2	Bán buôn đồ uống;	4633
3	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
4	Chi tiết:	

	- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dựng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);	
5	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lào	4634
6	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;	4652
7	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)	4649
8	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;	4651
9	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
10	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;	4719
11	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;	4741
12	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;	4751
13	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;	4752
14	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;	4763
15	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;	4641
16	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy và bìa	1702
17	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;	4721
18	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;	4722
19	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;	4723
20	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
21	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân	4759

	vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;	
22	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;	4761
23	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773
24	Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quí và đá bán quí, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh hàng miễn thuế - Bán lẻ hoa, cây cảnh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt (trừ dịch vụ kính thuốc) - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng	
25	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
26	Sản xuất rượu vang;	1102
27	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;	1104
28	Sản xuất các loại bánh từ bột;	1071
29	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;	1075
30	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);	5621
31	Dịch vụ phục vụ đồ uống;	5630
32	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;	4771
33	Chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
34	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
35	Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự;	1074
36	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
37	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa	5210
38	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;	8230
39	Sản xuất bao bì bằng gỗ;	1623
40	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản;	1080

41	Sản xuất giày dép;	1520
42	Sản xuất đường;	1072
43	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;	5510
44	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa;	5022
45	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;	5222
46	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Trừ dịch vụ thiết kế công trình);	7410
47	Hoạt động công ty nắm giữ tài sản	6420
48	Dịch vụ đóng gói;	8292
49	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
50	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo;	1073
51	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;	4933
52	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;	5221
53	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
54	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
55	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
56	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
57	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
58	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
59	Bán buôn gạo	4631

60	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón; - Bán buôn hóa chất khác (trừ các loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
61	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác tận thu khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);	0899
62	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4663
63	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
64	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
65	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh; Chi tiết: Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn	4753
66	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội)	4764
67	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	4772
68	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng Bán lẻ hàng hóa khác đã qua sử dụng (không bao gồm di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia)	4774
	(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	

II. CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA:

1. Đặc điểm chung:

Thực hiện Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần, đây là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sắp xếp lại lao động, chủ động trong sản xuất kinh doanh, huy động vốn... phát triển trong cơ chế thị trường.

Hình thức sắp xếp lại doanh nghiệp: Cổ phần hóa

2. **Về lao động:** (Tại thời điểm công bố giá trị DN ngày 28/4/2017)

2.1 **Tổng số CBCNV: 630 người**

Trong đó:

- **Hợp đồng lao động**:

- Số lao động không thuộc đối tượng ký HĐLĐ: 5 người
- Số lao động ký HĐLĐ không xác định thời hạn: 559 người
- Số lao động ký HĐLĐ có thời hạn từ 1 - 3 năm: 63 người
- Số lao động ký HĐLĐ dưới 1 năm, thử việc: 3 người

- **Trình độ người lao động:**

- Trên Đại học: 22 người
- Có trình độ Đại học: 316 người
- Có trình độ cao đẳng, trung cấp: 105 người
- Trình độ khác và nghề, phổ thông: 187 người

- **Kết cấu lao động theo độ tuổi:**

- Số lao động dưới 30 tuổi: 57 người
- Số lao động tuổi từ 31-45: 387 người
- Số lao động tuổi từ 46-60: 186 người

2.2 Tổ chức bộ máy quản lý và lao động:

a. Khối Văn phòng Tổng công ty: 82 người

- **Hội đồng thành viên, Ban Điều hành: 6 người**

+ Hội đồng thành viên : 2

+ Ban Tổng Giám đốc : 3 (trong đó có 2 người kiêm nhiệm)

+ Giám đốc điều hành : 3

- **Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Chủ tịch Công đoàn: 3 người**

+ Kiểm soát viên: 1

+ Kế toán trưởng: 1

+ Chủ tịch CĐ TCT: 1

- **Các phòng ban chức năng: 73 người**

+ Phòng Quản trị nhân sự: 5 người

+ Ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán: 11 người

+ Ban Pháp lý Hợp đồng: 2 người

+ Văn phòng: 29 người

+ Bộ phận Thư ký tổng hợp: 2 người

+ Ban Đối ngoại: 6 người

+ Ban Thương hiệu Marketing: 4 người

+ Trung tâm thiết kế tạo mẫu: 2 người

+ Trung tâm nghiên cứu phát triển: 2 người

+ Ban Đầu tư: 10 người

b. Các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - TCT: 524 người

+ Ban quản lý Khu CNTP Hapro: 2 người

+ Trung tâm kinh doanh hàng Miễn thuế: 48 người

+ Trung tâm kinh doanh Chợ đầu mối phía Nam: 80 người

+ Trung tâm kinh doanh Chợ đầu mối Bắc Thăng Long: 33 người

+ Chi nhánh TCT - TT Xuất nhập khẩu phía Bắc: 38 người

+ Nhà máy Mỳ Hapro: 04 người

+ Công ty Siêu thị Hà Nội: 245 người

+ Chi nhánh Trung tâm chế biến hàng xuất khẩu: 6 người

+ Trung tâm Kinh doanh Chợ Thượng Đình: 6 người

+ Chi nhánh TCT TMHN tại TP Hồ Chí Minh: 44 người

+ Chi nhánh TCT TMHN tại tỉnh Đồng Tháp: 18 người

+ Chi nhánh TCT TMHN tại tỉnh Hưng Yên (kiêm nhiệm): 1 người

c. Các CB đại diện vốn của TCT hiện đang thực hiện nhiệm vụ chuyên trách tại các Doanh nghiệp có vốn góp của TCT: 24 người

Trong đó:

+ Tại các Công ty cổ phần: 23 người

+ Tại các Công ty TNHH : 1 người

III. PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG KHI CỔ PHẦN HÓA:

Kể từ khi thành lập đến nay, Tổng công ty Thương mại Hà Nội đã trải qua nhiều giai đoạn sáp nhập, chuyển giao nguyên trạng và chuyển đổi mô hình tổ chức... số lao động không đủ năng lực, sức khỏe, không đáp ứng được công việc đã được Tổng công ty tinh giản rất nhiều. Do vậy, mô hình tổ chức và kế hoạch sắp xếp lao động sau cổ phần hóa sẽ căn cứ theo các nội dung của Phương án sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cổ phần và Phương án sử dụng địa điểm mạng lưới của Tổng công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác, giảm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng đội ngũ lao động theo hướng chuyên môn, chuyên nghiệp, chuyên sâu đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty cổ phần là cần thiết.

Căn cứ ngành nghề kinh doanh, các địa điểm mạng lưới của Tổng công ty, tổ chức bộ máy, kết cấu lao động và độ tuổi, Tổng công ty dự kiến xây dựng phương án lao động như sau:

1. Phương án sử dụng mạng lưới của Tổng công ty:

1.1. Thực trạng: Thực hiện Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 của UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước của Tổng công ty Thương mại Hà Nội theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 6199, 6200, 6201/QĐ- UBND của UBND TP Hà Nội về việc phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý cơ sở nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước của Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội; Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Tràng Thi; Công ty TNHH MTV Dịch vụ XNK Nông sản Hà Nội thuộc Tổng công ty Thương mại Hà Nội theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 31/3/2011 của UBND TP Hà Nội về việc phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý cơ sở nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước của Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Hà Nội thuộc Tổng công ty Thương mại Hà Nội theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ; Các Quyết định phê duyệt giá trị Doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa các Công ty thành viên.

1.2. Phương án sử dụng địa điểm mạng lưới sau cổ phần hóa của Công ty mẹ - TCT:

1.2.1. Trên cơ sở thực trạng các địa điểm, các cơ sở nhà đất Tổng công ty đề xuất tiếp tục quản lý, sử dụng sau cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty là **114 địa điểm**.

1.2.2. Cơ sở nhà đất Công ty mẹ - Tổng công ty không tiếp tục quản lý, sử dụng sau cổ phần hóa: **63 địa điểm,** gồm:

- Cơ sở nhà đất bàn giao về Trung tâm phát triển quỹ đất Hà Nội – Sở Tài nguyên Môi trường: **61 địa điểm**.

- Cơ sở nhà đất bàn giao về UBND quận Hoàn Kiếm xử lý theo quy định: **01 địa điểm.**

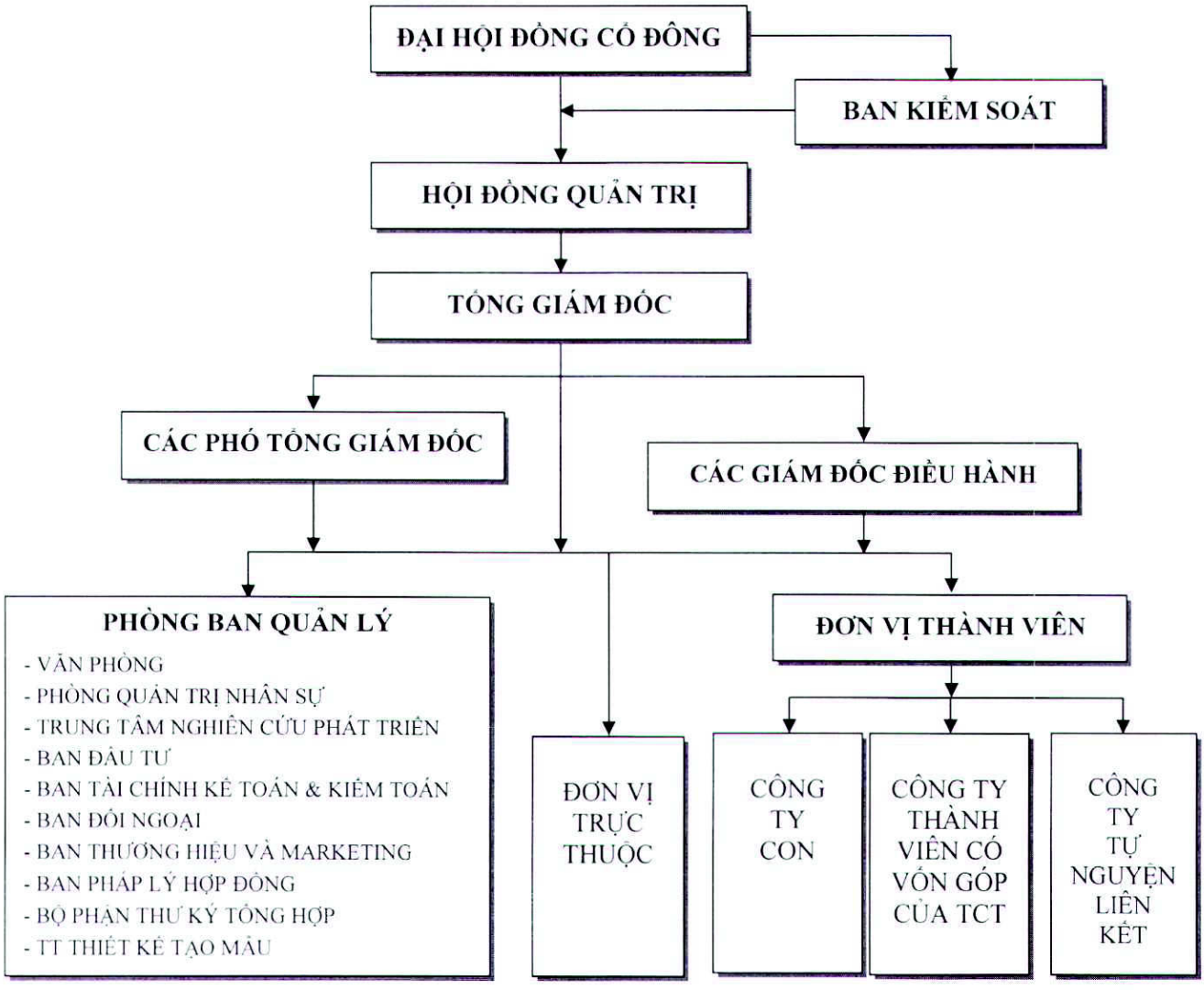
- Giao Sở Tài nguyên Môi trường nghiên cứu, đề xuất phương án xử lý: **01 địa điểm.**

1.2.3. Các cơ sở nhà đất nằm trong quy hoạch bàn giao về Công ty TNHH MTV quản lý và phát triển nhà Hà Nội, Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty mẹ - Tổng công ty ký Hợp đồng thuê nhà đất hàng năm để quản lý, sử dụng: **06 địa điểm**.

Với định hướng phát triển của Tổng công ty trong thời gian tới là hoạt động trong 02 lĩnh vực chính là kinh doanh xuất nhập khẩu và thương mại nội địa, để thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh, Tổng công ty rất cần thiết để giữ lại các địa điểm trên để triển khai các hoạt động kinh doanh.

2. Phương án tổ chức bộ máy điều hành và sắp xếp lao động sau cổ phần hóa:

2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy:



2.2. Cơ cấu lao động khi cổ phần hóa:

a, Lao động:

- Số lao động có mặt tại thời điểm công bố GTDN (28/4/2017): **630 người**
- Số Viên chức tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP tại thời điểm công bố GTDN (28/4/2017): **01 người.**
- Số người lao động đủ điều kiện nghỉ hưu, chấm dứt HĐLĐ do sắp xếp lại theo Nghị định số 63/2015/NĐ-CP tại thời điểm công bố GTDN (28/4/2017): **79 người**. Trong đó gồm:

  + 23 lao động đủ điều kiện nghỉ hưu do dôi dư không bố trí được việc làm.

  + 56 lao động nghỉ việc, chấm dứt HĐLĐ do không bố trí được việc làm.

  ** Thời điểm giải quyết chế độ: 30/6/2017.*

  ** Thời điểm nghỉ việc: 01/7/2017.*
- Tổng số Viên chức quản lý (VCQL) và người lao động sẽ chuyển sang làm việc tại TCT cổ phần: **550 người**. Trong đó:

  + Số VCQL chuyển sang làm việc tại TCT cổ phần: **04 người** *(gồm 01 Đ/c Tổng giám đốc, 02 Đ/c Phó tổng giám đốc, 01 Kế toán trưởng).*

  + Số người lao động sẽ chuyển sang TCT cổ phần: **546 người**.

2.3. Phân theo mô hình quản lý:

a) Ban lãnh đạo: gồm Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Chủ tịch Công đoàn: **8 người**

b) Các phòng ban quản lý: 10 phòng ban (67 người), trong đó:

+ Phòng Quản trị nhân sự:	05	người
+ Ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán:	11	người
+ Ban Pháp lý Hợp đồng:	02	người
+ Văn phòng:	25	người
+ Bộ phận Thư ký tổng hợp:	02	người
+ Ban Đối ngoại:	04	người
+ Ban Thương hiệu Marketing:	04	người
+ Trung tâm thiết kế tạo mẫu:	02	người
+ Trung tâm nghiên cứu phát triển:	02	người
+ Ban Đầu tư:	10	người

c) Các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - TCT: 11 đơn vị (451 người)

+ Ban QL KCNTP Hapro:	2	người
+ Trung tâm KD hàng miễn thuế:	40	người
+ Trung tâm KD chợ đầu mối phía Nam:	78	người

+ Trung tâm KD chợ đầu mối Bắc Thăng Long:	33	người
+ Chi nhánh TCT - TT Xuất nhập khẩu phía Bắc:	36	người
+ Công ty Siêu thị Hà Nội:	195	người
+ Chi nhánh TT chế biến hàng xuất khẩu:	6	người
+ Trung tâm KD chợ Thượng Đình:	5	người
+ Chi nhánh TCT TMHN tại TP Hồ Chí Minh:	38	người
+ Chi nhánh TCT TMHN tại tỉnh Đồng Tháp:	18	người
+ Chi nhánh TCT TMHN tại tỉnh Hưng Yên (KN):	1	người

d) Các cán bộ ĐDV của TCT: 24 cán bộ

Tổng cộng các đơn vị trực thuộc và cán bộ ĐDV của TCT: 475 người

Các đơn vị trực thuộc thực hiện cơ chế hạch toán phụ thuộc, có bộ máy và định biên nhân sự phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo từng giai đoạn.

2.4. Xử lý lao động khi cổ phần hóa (Có các biểu mẫu kèm theo):

a) Tổng số lao động có tên trong danh sách của Tổng công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (28/4/2017): **630 người.**

b) Số LĐ có mặt tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (28/04/2017) thuộc đối tượng được mua cổ phần ưu đãi và đủ điều kiện để mua cổ phần ưu đãi: 586 người.

- Tổng số năm công tác của **586 người** lao động tính đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (28/04/2017): **7.912 năm** (*Bằng chữ: Bảy nghìn, chín trăm mười hai năm*), tương ứng với **791.200 cổ phần ưu đãi**.

- Số LĐ không thuộc đối tượng mua cổ phần ưu đãi và không đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi: 44 người. Bao gồm: i/nhóm cán bộ đại diện vốn tại các Công ty khác (24 người); ii/nhóm lao động do thời gian làm việc dưới 01 năm (20 người).

c) Tổng số Viên chức quản lý (VCQL) và người lao động sẽ chuyển sang làm việc tại TCT cổ phần: **550 người**. Trong đó:

+ Số VCQL chuyển sang làm việc tại TCT cổ phần: **04 người** *(gồm 01 Đ/c Tổng giám đốc, 02 Đ/c Phó tổng giám đốc, 01 Kế toán trưởng).*

+ Số người lao động sẽ chuyển sang TCT cổ phần: **546 người**.

d) Số lao động chuyển sang làm việc tại Tổng công ty cổ phần đăng ký mua thêm cổ phần ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty (theo Khoản 2, Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP): **174 người**. Tổng số cổ phần ưu đãi mua thêm là **282.800** cổ phần.

e) Số lao động dự kiến tuyển mới làm việc tại Tổng công ty cổ phần: 20 người.

2.5. Các giải pháp thực hiện:

a. Về tổ chức bộ máy:

Kiện toàn lại bộ máy theo mô hình tổ chức gọn nhẹ, làm việc có hiệu quả, xây dựng và ban hành các Quy chế quản lý điều hành phù hợp với loại hình doanh nghiệp mới, phù hợp với cơ chế thị trường hiện nay.

b. Về lao động:

- Số lao động còn lại sau khi chuyển sang Công ty cổ phần sẽ được sắp xếp phù hợp với khả năng, trình độ chuyên môn của từng người, đảm bảo mọi người có việc làm ổn định.

- Đào tạo lại cho phù hợp với mô hình tổ chức, nâng cao trình độ của người lao động nhằm sử dụng tối đa lực lượng lao động hiện có, đáp ứng kịp thời nền kinh tế thị trường hiện nay.

IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2017

1. Kế hoạch sử dụng lao động:

Sau khi chuyển thành Tổng công ty cổ phần, để quyền lợi và trách nhiệm của người lao động gắn liền với lợi ích và sự phát triển của Doanh nghiệp, trong năm đầu tiên Tổng công ty triển khai thực hiện một số công việc sau:

- Thực hiện kiện toàn, sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động, đẩy mạnh công tác quản lý, điều hành thống nhất và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ từ Tổng công ty đến các đơn vị trực thuộc.

- Xây dựng và hoàn thiện các Quy chế quản lý nội bộ phục vụ cho công tác quản lý lao động.

- Bố trí sắp xếp nhân lực theo yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh, bảo đảm việc làm ổn định.

- Thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, làm tốt công tác thi đua khen thưởng.

- Tổ chức đào tạo tại chỗ, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ nhằm phát huy hơn nữa năng lực, kỹ năng làm việc của người lao động và sức mạnh của tập thể.

- Tăng cường kỷ luật lao động, xây dựng văn hóa doanh nghiệp đồng thời xây dựng cơ chế quản lý lao động linh hoạt hiệu quả.

2. Dự kiến tuyển dụng lao động sau cổ phần:

Việc tuyển dụng thêm lao động sau khi cổ phần sẽ căn cứ vào thực tế kế hoạch kinh doanh của Tổng công ty cổ phần.

3. Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực:

Để phù hợp với định hướng và chiến lược phát triển của Tổng công ty đòi hỏi phải có lực lượng lao động chất lượng cao và đội ngũ cán bộ quản lý năng động, sáng tạo, chuyên môn vững vàng để đáp ứng được nhiệm vụ, Tổng công ty đề ra một số giải pháp sau:

- Tiếp tục thực hiện việc đánh giá, bố trí sắp xếp nhân lực theo yêu cầu chất lượng, hiệu quả và bảo đảm việc làm lâu dài cho người lao động.

- Tập trung nâng cao trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo và chuyên môn cho cán bộ nghiệp vụ. Xây dựng chính sách cử đi đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng các khóa học ngắn hoặc dài hạn trong và ngoài nước, tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm thực tế.

- Xây dựng chính sách để thu hút nhân lực có trình độ cao, uy tín, có kinh nghiệm đồng thời có chế độ đãi ngộ đối với việc tuyển dụng lao động mới, trẻ, có năng lực, trình độ, có kinh nghiệm về quản lý và chuyên môn giỏi vào những vị trí và lĩnh vực then chốt của Tổng công ty.

- Xây dựng quy chế trả lương, thưởng dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, đảm bảo cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành nhằm động viên khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo, hăng say làm việc với chất lượng và hiệu quả cao.

- Ngoài điều kiện lao động, chế độ tiền lương, thưởng, Tổng công ty sẽ tiếp tục truyền thống chăm lo phúc lợi xã hội khác cho người lao động như tham quan, nghỉ mát, du lịch; Tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... để nâng cao đời sống tinh thần và tham gia các chương trình phúc lợi xã hội khác.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Về nguồn kinh phí giải quyết chế độ cho người lao động dôi dư không bố trí được việc làm khi cổ phần hóa Công ty mẹ - TCT, Tổng công ty Thương mại Hà Nội kính đề nghị:

- Ban Đổi mới phát triển Tổng công ty báo cáo UBND Thành phố tạo điều kiện cho Tổng công ty trong việc phê duyệt phương án sắp xếp lao động như Tổng công ty đã xây dựng và được sử dụng nguồn kinh phí để giải quyết chế độ lao động dôi dư, không bố trí được việc làm lấy từ tiền bán cổ phần lần đầu, trường hợp không đủ thì bổ sung từ quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp. Tổng số lao động dôi dư là 79 người, số kinh phí thực hiện giải quyết chính sách là **3.370.213.894 đồng**.

- Tạo điều kiện cho người lao động trong Tổng công ty được tiếp cận với các chương trình đào tạo của Thành phố để nâng cao năng lực quản lý, lãnh đạo khi được bổ nhiệm vào các vị trí trọng trách của Công ty cổ phần, được tiếp cận với

các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước nhằm mang lại nhiều cơ hội kinh doanh cho Doanh nghiệp.

Trên đây là báo cáo Phương án lao động của Tổng công ty Thương mại Hà Nội khi chuyển sang Tổng công ty cổ phần.

Tổng công ty Thương mại Hà Nội kính báo cáo.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận :
- UBND TP Hà Nội;
- Ban ĐMPTDN TP;
- Sở LĐTB&XH HN;
- Chủ tịch HĐTV TCT;
- Thành viên HĐTV TCT;
- Kiểm soát viên TCT;
- Lưu: VT, P.QTNS.

(để b/cáo)

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

Vũ Thanh Sơn